

CHƯƠNG TRÌNH VIẾT TIỂU SỬ CÁC ĐỒNG CHÍ LÃNH ĐẠO
CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC

NGUYỄN VĂN LINH

TIỂU SỬ



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

NGUYỄN VĂN LINH
TIỂU SỬ

CHƯƠNG TRÌNH VIẾT TIỂU SỬ CÁC ĐỒNG CHÍ LÃNH ĐẠO
CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC

NGUYỄN VĂN LINH

TIỂU SỬ

(Xuất bản lần thứ hai)

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HÀ NỘI - 2008

BAN CHỈ ĐẠO CHƯƠNG TRÌNH

PHAN DIỄN	Trưởng ban
NGUYỄN PHÚ TRỌNG	Ủy viên
TRẦN ĐÌNH HOAN	Ủy viên
NGUYỄN KHOA ĐIỀM	Ủy viên
LÊ HỮU NGHĨA	Ủy viên

BAN CHỦ NHIỆM CHƯƠNG TRÌNH

LÊ HỮU NGHĨA	Chủ nhiệm
NGUYỄN KHÁNH BẬT	Phó Chủ nhiệm
LÊ VĂN TÍCH	Ủy viên Thư ký

BAN BIÊN SOẠN

GS. SONG THÀNH (*Chủ biên*)
TS. NGUYỄN THỊ KIM DUNG
ThS. NGUYỄN THỊ GIANG
TS. TRẦN HẢI
ThS. LÝ VIỆT QUANG



Đồng chí Nguyễn Văn Linh (1915-1998)
Tổng Bí thư của Đảng
(12-1986 - 6-1991)

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Đồng chí Nguyễn Văn Linh là một nhà lãnh đạo kiên định, có uy tín lớn của Đảng, nhân dân và quân đội ta, người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, người đảng viên rất mực kiên cường, trung thành, tận tụy, suốt đời phấn đấu vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, vì chủ nghĩa xã hội và hạnh phúc nhân dân, một tấm gương cộng sản kiên trung, trọn đời vì dân vì nước.

Sinh ra trong một gia đình công chức nghèo yêu nước, sớm tham gia cách mạng từ lúc mới 14 tuổi, từng bị đế quốc bắt giam từ lúc còn vị thành niên, cuộc đời cách mạng của đồng chí Nguyễn Văn Linh gắn liền với biết bao biến cố lớn lao của dân tộc kể từ khi thành lập Đảng đến những năm cuối cùng của thế kỷ XX.

Từ một thanh niên học sinh yêu nước, dần thân vào con đường cách mạng đầy gian khổ, hy sinh, từng bước trưởng thành trong trường tranh đấu khắc nghiệt, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã được Đảng giao cho nhiều trọng trách. Ở bất cứ cương vị nào, đồng chí cũng đều tận tụy, hết lòng vì dân vì nước, thể hiện tài năng và bản lĩnh vững vàng trước mọi thử thách, khó khăn. Là Tổng Bí thư của Đảng thời kỳ đầu thực hiện công cuộc đổi mới, đồng chí đã cùng tập thể lãnh đạo nhạy bén, chủ động, sáng tạo, khôn khéo, vững vàng chèo lái con thuyền cách mạng Việt Nam vượt qua nhiều khó khăn, thử thách, vững bước tiến lên trên con

đường xây dựng chủ nghĩa xã hội vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Kiên định đường lối đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo, trong những năm qua, nhân dân ta đã giành được những thành tựu rất quan trọng trên nhiều phương diện của đời sống xã hội, đưa đất nước bước sang một thời kỳ phát triển mới. Thắng lợi to lớn đó là của toàn Đảng, toàn dân ta, trong đó có những đóng góp rất quan trọng của đồng chí Nguyễn Văn Linh, Tổng Bí thư đầu tiên của thời kỳ đổi mới.

Nằm trong chương trình biên soạn tiểu sử các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng và Nhà nước ta theo quyết định của Bộ Chính trị, cuốn sách *Nguyễn Văn Linh - Tiểu sử* do Viện Hồ Chí Minh biên soạn đã cố gắng tái hiện lại một cách có hệ thống cuộc đời và sự nghiệp của đồng chí Nguyễn Văn Linh, đặc biệt là từ lúc đồng chí tham gia hoạt động cách mạng cho đến lúc tạ thế. Xuất bản cuốn sách, chúng tôi hy vọng cung cấp cho bạn đọc một nguồn tư liệu quý giúp cho việc nghiên cứu, học tập về thân thế và sự nghiệp của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh cũng như những đóng góp to lớn của đồng chí đối với sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng và dân tộc ta.

Mặc dù các tác giả đã rất cố gắng, song cuốn sách khó tránh khỏi thiếu sót. Rất mong bạn đọc góp ý để lần xuất bản sau cuốn sách có chất lượng tốt hơn.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 6 năm 2006

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

LỜI NÓI ĐẦU

Đồng chí Nguyễn Văn Linh là Tổng Bí thư của Đảng ta thời kỳ đầu đổi mới, một nhà lãnh đạo xuất sắc, có công lao và uy tín lớn, một tấm gương cộng sản mẫu mực.

Cuộc đời hoạt động cách mạng của đồng chí Nguyễn Văn Linh gắn liền với lịch sử Đảng ta, từ ngày đầu thành lập cho đến những năm cuối thập niên 90 của thế kỷ XX. Từ một thanh niên học sinh yêu nước, giác ngộ cách mạng, đi theo Đảng, được Đảng giáo dục, rèn luyện, trưởng thành dần lên trong trường đại học của cách mạng, đồng chí đã trở thành một người cộng sản ưu tú, một nhà lãnh đạo xuất sắc, một người học trò mẫu mực của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Từ người tù vị thành niên, đã hai lần bị đi đày với hơn 10 năm trời giam cầm nơi ngục tù Côn Đảo, sau mỗi lần ra tù, đồng chí lại tiếp tục lao vào cuộc đấu tranh cách mạng đầy gian khổ, hy sinh và lần lượt được Đảng giao cho nhiều trọng trách, mà trọng trách cao nhất là Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VI.

Cuộc đời cách mạng của đồng chí thật oanh liệt và

phong phú, hoạt động của đồng chí trải rộng trên cả ba miền đất nước, mỗi cương vị đồng chí gánh vác đều gắn liền với một thời kỳ cam go, gian khổ mà hào hùng của Đảng ta, nhất là suốt hai cuộc kháng chiến thần thánh (1945 - 1975), đặc biệt là ở thời kỳ đổi mới từ sau Đại hội VI, trong bối cảnh quốc tế đầy biến động, đất nước đứng trước muôn vàn thử thách, đồng chí đã cùng với tập thể Bộ Chính trị và Ban Chấp hành Trung ương Đảng chèo lái con thuyền cách mạng Việt Nam vượt qua sóng gió hiểm nguy, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, mở ra bước ngoặt lịch sử đổi mới, đưa sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta vững vàng tiến lên, không ngừng giành được những thắng lợi mới, nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Nghiên cứu làm sáng tỏ cuộc đời - sự nghiệp, công lao - cống hiến của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh đối với cách mạng Việt Nam; tấm gương về tính đảng, về đạo đức trong sáng, liêm khiết, tư duy đổi mới, phong cách mẫu mực, lối sống giản dị, sâu sát quần chúng... của đồng chí là một việc làm cần kíp, có thể giúp vào việc làm sáng tỏ thêm nhiều vấn đề, nhiều bài học kinh nghiệm trong lịch sử đấu tranh kiên cường, bất khuất của Đảng ta qua các thời kỳ; đồng thời cũng là một đóng góp thiết thực vào việc giáo dục truyền thống cách mạng, giáo dục chính trị - tư tưởng, đạo đức - lối sống cho cán bộ, đảng viên và thanh niên hiện nay và mai sau.

Với một cuộc đời hơn 60 năm vào sinh ra tử vì Tổ quốc và lý tưởng cộng sản như cuộc đời cao đẹp của đồng chí Nguyễn Văn Linh, để dựng lên một cuốn tiểu sử đầy đủ về đồng chí, cần phải có thời gian. Cuốn sách này là kết quả bước đầu của một quá trình sưu tầm tư liệu, nghiên cứu về cuộc đời - sự nghiệp của đồng chí Nguyễn Văn Linh, là kết quả của sự tham khảo, kế thừa thành tựu của những người đi trước, cùng với sự giúp đỡ chí tình của nhiều vị lão thành cách mạng vốn là đồng chí, bạn chiến đấu và cộng sự của đồng chí Nguyễn Văn Linh, đặc biệt là của phu nhân đồng chí - bà Ngô Thị Huệ.

Tuy đã có nhiều cố gắng, song vì thời gian và điều kiện có hạn, cuốn sách không tránh khỏi còn những nhược điểm và thiếu sót. Hy vọng rằng với sự góp ý, giúp đỡ về tư liệu... của bạn đọc xa gần, đặc biệt là của các đồng chí cách mạng lão thành, những người đã có may mắn được sống và làm việc bên cạnh đồng chí Nguyễn Văn Linh, trong thời gian không xa, chúng ta sẽ có một cuốn tiểu sử đầy đủ hơn, phong phú hơn về đồng chí Tổng Bí thư kính mến.

Nhân dịp cuốn sách được hoàn thành và ra mắt bạn đọc, chúng tôi xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành và sâu sắc đối với các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước, các vị lão thành cách mạng, các đồng chí là chiến hữu, bạn bè, cộng sự gần gũi, đặc biệt là những người thân trong

gia đình đồng chí Nguyễn Văn Linh và Nhà xuất bản Chính trị quốc gia đã cung cấp tư liệu, đọc và góp cho chúng tôi nhiều ý kiến quý báu trong quá trình hoàn thiện bản thảo.

T/M CÁC TÁC GIẢ
Chủ biên
GS. SONG THÀNH

Chương I

TUỔI TRẺ NGUYỄN VĂN CÚC (1915 - 1930)

1. Quê hương, gia đình và thời thơ ấu

Đồng chí Nguyễn Văn Linh tên khai sinh là Nguyễn Đức Cúc, quen gọi là Nguyễn Văn Cúc, sinh ngày 1-7-1915¹, tại Hà Nội; quê gốc là xã Giai Phạm, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

Tỉnh Hưng Yên nằm bên tả ngạn sông Hồng thuộc đồng bằng Bắc Bộ, giáp giới với các tỉnh Hải Dương (phía đông), Hà Tây (phía tây), Hà Nội và Bắc Ninh (phía bắc) và Thái Bình (phía nam). Đường số 5 - con đường huyết mạch nối Thủ đô Hà Nội với thành phố cảng Hải Phòng có một đoạn 24km chạy qua phía bắc của Hưng Yên.

Tỉnh Hưng Yên được chính thức thành lập năm Minh Mạng thứ 12 (1831). Sau nhiều lần thay đổi địa

1. Theo bà Ngô Thị Huệ, đồng chí Nguyễn Văn Linh sinh năm 1914, vì đi học muộn nên khai giảm đi 1 tuổi.

giới hành chính, tới nay, tỉnh Hưng Yên có 10 đơn vị hành chính cấp huyện và tương đương, gồm thị xã Hưng Yên, các huyện Mỹ Hào, Yên Mỹ, Văn Lâm, Văn Giang, Khoái Châu, Ân Thi, Kim Động, Tiên Lữ và Phù Cừ, diện tích tự nhiên gần 900km² và dân số hơn 1,1 triệu người. Hưng Yên là một vùng quê trù phú, nổi tiếng với tương Bần, gạo tám thơm và nhãn lồng. Hưng Yên đã một thời là trung tâm buôn bán sầm uất ở bắc sông Hồng với câu ví: Thứ nhất kinh kỳ (Hà Nội), thứ nhì phố Hiến (thị xã Hưng Yên). Hưng Yên cũng nổi tiếng về truyền thống văn hiến, nơi sinh thành của nhiều anh hùng hào kiệt, đã đi vào lịch sử oai hùng chống ngoại xâm của dân tộc như Triệu Quang Phục, Phạm Ngũ Lão, Nguyễn Thiệp Thuật,... Hưng Yên là mảnh đất hội tụ của nền văn minh sông Hồng. Xã Giai Phạm, quê hương của đồng chí Nguyễn Văn Linh, là nơi giao lưu của ba vùng văn hóa: xứ Đông, xứ Bắc và Sơn Nam, có nhiều người đỗ đạt, là quê hương của nhiều danh nhân văn hóa đã được sử sách ghi danh như Nguyễn Trung Ngạn, Đoàn Thị Điểm, Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác. Hưng Yên còn là quê tổ của bà Hoàng Thị Loan - thân mẫu của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nhiều nhà văn, nhà hoạt động văn hóa nghệ thuật có tên tuổi như Nguyễn Công Hoan, Vũ Trọng Phụng, Tô Ngọc Vân, Nguyễn Đình Nghi, Dương Quảng Hàm,... đã sinh ra tại đây.

Trong sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc và

bảo vệ Tổ quốc, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, Hưng Yên cũng là quê hương của nhiều cán bộ cách mạng tiền bối, nhiều nhà chính trị có tên tuổi như Nguyễn Văn Linh, Tô Hiệu, Nguyễn Bình, Lê Văn Lương, Hoàng Minh Thảo,... cùng bao tấm gương chiến đấu hy sinh khác đã góp phần tô đẹp cho truyền thống quê hương, làm rạng danh Tổ quốc. Hưng Yên cũng là mảnh đất hoạt động, nơi dừng chân của nhiều nhà cách mạng nổi tiếng như Hoàng Quốc Việt, Trần Tử Bình, Lê Liêm,...

Đồng chí Nguyễn Văn Linh xuất thân trong một gia đình công chức, quê gốc Hưng Yên nhưng sinh ra ở Hà Nội. Chưa rõ gia đình lên lập nghiệp tại đây từ bao giờ, chỉ biết cha là Nguyễn Đức Lan dạy học ở Trường Yên Phụ Hà Nội; chú ruột Nguyễn Đức Thụ làm ở Sở Thương chính (hải quan) cùng bà nội có nhà ở phố Hàng Bột; chú họ Nguyễn Đức Hùng làm ở Sở dây thép (bưu điện) Hải Phòng. Lương bổng hai chú cũng tương đối cao, đời sống gia đình công chức khá ổn định.

Tại Hà Nội, ông Nguyễn Đức Lan thuê một căn nhà ở phố Hàng Thâm, gần Trường tiểu học Yên Phụ (nay là Trường Mạc Đĩnh Chi), sau này đến tuổi đi học, cậu bé Cúc cũng học ở trường này. Nơi đây, đêm đêm sau khi chấm bài cho học sinh xong, ông giáo Lan thường đưa cậu bé Cúc, lúc đó chừng 3, 4 tuổi, đi ăn cháo hoặc ăn chè tại các hàng quán trên đường đến chợ Châu Long.

Sau giải phóng (1975), có lần đồng chí Mười Cúc đã

dẫn vợ và các con đến phố Hàng Thâm cũ, gần chợ Châu Long, thăm lại ngôi nhà xưa gia đình anh đã sống, nhưng nhà cũ không còn nữa, một ngôi nhà mới nhiều tầng đã được dựng lên, chỉ còn hàng cây trước nhà ngày xưa đã thành cổ thụ. Bà giáo Lan là người tần tảo, với gánh hàng tẩm (tơ lụa, vải vóc, khăn mặt,...) từ phố gánh hàng ra ngoại thành kiếm thêm chút đỉnh phụ vào đồng lương ít ỏi của chồng. Ông bà giáo Lan có ba người con: hai gái, một trai là cậu bé Nguyễn Đức Cúc. Tên của cậu được đặt theo một loài hoa, giống như tên cha cậu cũng là tên một loài hoa¹.

Năm cậu bé Cúc lên bốn, một tổn thất vô cùng lớn đã xảy đến với gia đình: người cha thân yêu của cậu bị cảm mạo và qua đời đột ngột. Từ đó, gia cảnh trở nên gieo neo. "Gánh nặng nuôi nấng dạy dỗ anh và ba chị em của anh đè trĩu lên đôi vai gầy của mẹ. Rồi người chị anh bị bệnh không có tiền thuốc thang lại qua đời. Thêm một sự đau buồn khiến cho mất mẹ lúc nào

1. Cúc là một loại hoa khi tàn héo vẫn "diệp bất ly thân, hoa vô lạc địa" nghĩa là lá không lìa cành, hoa không rụng đất, được coi là biểu tượng của sự thủy chung. Năm 1975, sau giải phóng miền Nam, đồng chí Nguyễn Văn Linh trở lại Sài Gòn thăm các cơ sở cũ và bạn bè hoạt động ở thành phố. Mọi người đều cảm động trước ân tình, thủy chung đó. Đồng chí đã cảm tác một bài thơ, trong đó có hai câu:

*Cúc ơi, lá chẳng lìa cành,
Thương ai, có hiểu chính mình là ai?*

cũng dăm chiêu nghĩ ngợi kể sinh nhai. Nhiều khi nhà hết gạo mà trong nhà chẳng còn một vật gì đáng giá để cầm, để bán bà cứ phải vay mượn hàng xóm, và nợ cứ chất chồng...”¹.

Thương đứa cháu nghèo sớm mồ côi cha, bà nội và chú ruột của Nguyễn Đức Cúc - ông Nguyễn Đức Thụ, đón cậu Cúc về Hàng Bột, nuôi cho ăn học.

Thấm thía thân phận của mình, cậu bé Cúc đã sớm có chí học hành để không thua kém bạn bè.

Một lần, trên đường đi tới trường, có người báo tin mẹ anh đang ốm nặng, anh vội chạy về thăm mẹ (lúc này vẫn cùng em gái ở phố Hàng Thâm). Mẹ anh mắc bệnh lao phổi đã lâu, thân thể tàn tạ, gầy nhom, chỉ còn thấy cặp mắt vẫn dăm chiêu. Anh chỉ còn biết ôm lấy mẹ mà khóc. Bà lần tay dưới gối lấy ra một cọc tiền xu, nhét vào tay anh, vỗ về con đừng khóc nhưng nước mắt lại cứ trào ra trong hơi thở đứt quãng.

Vì ốm đau kéo dài, không đi làm được, không trả được tiền thuê nhà, mẹ anh phải dẫn em gái vào tá túc và chữa bệnh tại chùa Thái Bình, thuộc thôn Thái Bình, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, cách Cầu Đuống chừng 5km. Khi mẹ mất, anh không được gặp mặt, chỉ nghe nói bà được an táng trong đất chùa này, anh cũng yên tâm.

1. Ngô Thị Huệ: *Anh còn sống mãi*. In trong *Đồng chí Nguyễn Văn Linh và cách mạng Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 295.

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, anh có trở lại đây tìm thăm mộ mẹ thì bà con cho biết mộ mẹ anh và tháp chôn các vị sư trong chùa đã bị đất lở, cuốn trôi trong một lần vỡ đê từ nhiều năm trước.

Tuổi thơ Nguyễn Đức Cúc đã trôi qua trong những năm tháng đắng cay, nghiệt ngã như cuộc sống của bao gia đình nghèo khổ trong thân phận nước mất, dân nô lệ.

Năm 1925, chú Thụ của anh được đổi về Hải Phòng. Bà nội, Cúc và cô em gái cũng theo chú về thành phố cảng. Về Hải Phòng, cả nhà cùng ở phố Cát Dài. Bà nội anh mua hai căn nhà gác rộng rãi. Anh được chú Thụ cho vào học Trường Bonnan (nay là Trường trung học phổ thông Ngô Quyền, quận Lê Chân).

Từ những năm đầu thế kỷ XX, thực dân Pháp và chính quyền thuộc địa cho mở trường Pháp - Việt ở một số tỉnh lỵ. Trường Bonnan được mở ở Hải Phòng trong dịp này. Từ năm 1925 về trước, trường chỉ có các lớp bậc tiểu học. Năm học 1925 - 1926, trường mở thêm lớp đệ nhất (tức là lớp đầu cấp ở bậc Thành Chung). Trường đã thu hút khá đông học trò các tỉnh duyên hải như Kiến An, Hòn Gai, Móng Cái và các tỉnh Hải Dương, Thái Bình, Hưng Yên tới học.

Cũng như các trường tiểu học Pháp - Việt hồi đó, Trường Bonnan lúc đầu chỉ có các thầy giáo là người Việt, sau chính quyền thực dân đã đưa thêm những thầy giáo người Pháp vào dạy ở bậc trung học. Chương trình học gồm: toán, vạn vật, lịch sử, địa lý, văn học

Pháp, tiếng Pháp, v.v.. Ở các lớp dưới, học trò được thầy người Việt giảng bằng tiếng Việt, lên các lớp cuối cấp, các môn học được giảng bằng tiếng Pháp là chủ yếu. Với khối lượng kiến thức khá phong phú cùng với việc trực tiếp giảng dạy bằng tiếng Pháp, học trò tốt nghiệp tiểu học đã có thể tạm đủ vốn tiếng Pháp để ra làm công chức nhỏ trong bộ máy chính quyền thực dân.

Tuy kinh tế gia đình chẳng mấy sung túc, nhưng biết người cháu có tư chất thông minh, ham học, ông Nguyễn Đức Thụ đã gắng sức lo việc học hành cho cháu. Nguyễn Văn Cúc được chú gửi vào học Trường Bonnan, năm học 1925 - 1926.

Từ nhà đến trường, anh thường phải đi qua các xóm thợ nghèo nàn, lam lũ. Những cảnh đắng cay, cơ cực của đời sống người thợ, của bà con lao động lối xóm đã sớm in đậm trong tâm trí tuổi thơ của Nguyễn Văn Cúc. Càng biết suy nghĩ, Nguyễn Văn Cúc càng gắng sức học hành, quyết không chịu đựng mãi cảnh này.

Năm 14 tuổi, khi Nguyễn Văn Cúc đang học lớp Nhì thì bà nội của anh qua đời. Trong thời gian 10 năm, anh liên tiếp phải chịu tang cha, tang chị, tang mẹ rồi tang bà nội. Nỗi buồn chồng chất nỗi buồn, đôi mắt anh ngày càng trở nên thâm chiêu, suy nghĩ, cảm thấy trống vắng. Anh xin phép chú Thụ, lấy cớ để tiện đường đi học, được sang ở với người chú họ, con ông chú, là Nguyễn Đức Hùng để vơi đi nỗi đau buồn. Nhà chú Hùng ở gần xóm thợ Lạc Viên của công nhân Nhà máy tơ. Sống ở đây anh

thấy dễ chịu hơn. Chú Hùng rất thương anh, luôn luôn quan tâm đến việc học hành của anh. Chính tại môi trường này, anh sớm giác ngộ cách mạng. Đến tuổi này, Nguyễn Văn Cúc càng ham học, ham đọc. Với tư chất thông minh và đức cần cù hiếu học, anh tìm đọc tiểu thuyết của các tác giả có tư tưởng tiến bộ như *Những người khốn khổ* của V.Huygô, *Không gia đình* của H.Malô, v.v. và cùng một số bạn học đã tìm đọc cả những sách báo tiến bộ tiếng Pháp. Họ bắt đầu hỏi nhau và bàn luận khá sôi nổi về những vấn đề như thế nào là *bình đẳng*, *bác ái*; thế nào là *tự do dân chủ*. Đọc sách báo tiến bộ Pháp viết về đời sống công nhân và nhân dân lao động Pháp, về sự bóc lột áp bức của giới chủ tư bản Pháp, họ bắt đầu nêu câu hỏi và cùng bàn luận: tại sao những người lao động và thợ thuyền ở Pháp, ở Việt Nam đều khổ cực, đều bị giới chủ bóc lột, đều bị nhà giàu khinh rẻ? Phải làm gì và bằng cách nào để người nghèo thoát khỏi cảnh bất công, đói nghèo, khỏi bị đối xử bạo ngược?

Là thành phố cảng, kinh tế - xã hội ở Hải Phòng cũng phát triển và có nhiều thay đổi theo tốc độ gia tăng của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai mà thực dân Pháp đang tiến hành ở Đông Dương. Tại đây, hằng ngày những người dân lao động phải oằn mình chịu đựng sự bóc lột của giới chủ tư bản và chính sách cai trị khắc nghiệt của bọn thực dân. Tấm lưng trần lằn vết roi vọt của những người phu khuân vác ngoài bến cảng, sự lao động cực nhọc của những người thợ trong xưởng máy,

cùng ánh mắt khao khát tự do của họ đã sớm in sâu vào tư tưởng của lớp trẻ như Nguyễn Văn Cúc. Từ rất sớm các anh đã suy nghĩ về con đường đi tìm tự do, bình đẳng cho mình và đồng bào mình, trước hết là cho những người lao động cùng lối xóm.

Tháng 11-1924, đồng chí Nguyễn Ái Quốc từ Mátxcova tới Quảng Châu (Trung Quốc). Tại đây, Người đã gặp gỡ các thành viên tổ chức Tâm tâm xã và nửa năm sau đó, khoảng tháng 6-1925, Người đã thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên; mở các lớp huấn luyện đào tạo cán bộ, truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin về trong nước, chuẩn bị những tiền đề về chính trị, tư tưởng và tổ chức, tiến tới thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Với vị trí thuận lợi cho việc giao thương trong nước và quốc tế, thành phố cảng Hải Phòng là địa bàn sớm được lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và các học trò - đồng chí của Người chọn làm nơi xây dựng cơ sở cách mạng đầu tiên, giữ vị trí cầu nối với các địa bàn trọng yếu ở Bắc Bộ. Sau khi Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên được thành lập, theo chỉ thị của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, đồng chí Hồ Tùng Mậu đã về Hải Phòng lập Huệ Quân thư điểm làm trạm giao thông, qua đường thủy từ Hải Phòng sang Móng Cái, lên Đông Hưng rồi sang Quảng Châu. Huệ Quân thư điểm đã trở thành trạm liên lạc, đưa đón những thanh niên yêu nước sang Quảng Châu huấn luyện, rồi lại tổ chức đưa họ trở về hoạt động, xây dựng phong trào cách mạng trong nước.

Năm 1926, tuyến giao thông thứ hai bằng đường biển Hải Phòng - Hồng Kông - Thượng Hải, do đồng chí Nguyễn Lương Bằng phụ trách, cũng được thiết lập.

Trong những năm từ 1926 đến 1929, chủ nghĩa Mác - Lênin qua hoạt động của các hội viên Thanh niên dần dần thâm nhập vào các tổ chức yêu nước ở thành phố cảng Hải Phòng. Từ Hải Phòng, nhiều số báo *Thanh niên* và tác phẩm *Đường cách mệnh*, thông qua các cán bộ ưu tú như Nguyễn Đức Cảnh, Nguyễn Tường Loan, Nguyễn Lương Bằng, Đỗ Ngọc Du, Nguyễn Hối, v.v. đã được chuyển về các địa phương trong cả nước. Đầu năm 1927, Tỉnh bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên Hải Phòng, do đồng chí Nguyễn Tường Loan làm Bí thư, được thành lập, phong trào yêu nước và cách mạng ở thành phố và vùng phụ cận có bước phát triển mới. Các đồng chí Vũ Thiệu Tấn, Nguyễn Hối tuyên truyền vận động và xây dựng được nhiều cơ sở của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở các địa phương, trường học như: Vĩnh Khê, Đôn Nghĩa, Trường Bonnan, Trường Kỹ nghệ thực hành, Trường Trung Hành ở Hải An, v.v.. Các đồng chí Nguyễn Văn Túc (Nguyễn Công Hòa), Đỗ Huy Liêm (Phương Sĩ Hùng), Nguyễn Tường Loan đã xây dựng được tổ chức cơ sở trong Nhà máy xi măng, Nhà máy điện Cửa Cấm, xưởng Ca Rông, Nhà máy tơ, Nhà máy chai, v.v.. Dưới các hình thức tổ chức như Học sinh đoàn, Hội đồng hương, Hội tương tế, Hội ái hữu, Hội kiếm việc làm, v.v., phong trào yêu nước trong các

tầng lớp nhân dân Hải Phòng trở nên sôi nổi trong những năm 1926 - 1927, nhất là khi nổ ra phong trào học sinh, sinh viên bãi khóa để tang cụ Phan Chu Trinh và đòi ân xá cụ Phan Bội Châu. Đồng chí Nguyễn Văn Linh kể lại: "Lúc đó tôi mới độ 9 - 10 tuổi, nhưng do chịu ảnh hưởng của phong trào để tang cụ Phan Chu Trinh và bãi khóa phản đối việc thực dân Pháp bắt và đưa cụ Phan Bội Châu ra tòa xử chỉ vì tội yêu nước, nên số đông học sinh chúng tôi nhất quyết không chịu chăm chỉ học hành để lớn lên làm thầy thông, thầy ký, làm những tên nô lệ, tay sai của thực dân, phong kiến. Chúng tôi bàn với nhau để tìm cho ra một tương lai cao sáng, một cuộc sống cho xứng đáng với thanh niên Việt Nam, với con Lạc cháu Hồng"¹. Trong phong trào ấy, tổ chức Thanh niên trong Trường Bonnan càng tích cực hoạt động. Họ bí mật lưu hành các sách báo cách mạng như báo *Le Paria*, báo *Việt Nam hồn*. Một số thầy giáo được đồng chí Nguyễn Hối giác ngộ cũng đồng tình ủng hộ và Nguyễn Văn Cúc cũng hồ hởi tham gia phong trào với các bạn cùng trang lứa. Đồng chí nhớ lại: "Cùng học với tôi còn có nhiều anh em sau này cũng tham gia cách mạng. Riêng tôi lần đầu được giác ngộ cách mạng do nhiều cách. Nhưng những buổi đầu sâu sắc nhất có lẽ

1. Đặng Quý Nhất: *Hải Phòng, đường vào cách mạng*. In trong *Nguyễn Văn Linh - hành trình cùng lịch sử*, Nxb. Trẻ, thành phố Hồ Chí Minh, 1999, tr.43.

bắt đầu từ một thầy giáo dạy lớp tôi. Thầy thường chờ lúc vắng viên giám thị người Pháp, bảo chúng tôi đóng kín cửa lại, rồi đem những bài báo viết bằng tiếng Pháp của tác giả Nguyễn Ái Quốc đọc cho cả lớp cùng nghe. Chỉ đọc thôi, không bình luận gì hết. Nhưng đó lại chính là những hạt giống đầu tiên gieo vào nhận thức của tôi để sau này trở thành những mầm non của tư tưởng cách mạng"¹. Rồi tổ chức Học sinh đoàn, do Chi hội Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên Hải Phòng lãnh đạo được thành lập trong Trường Bonnan và một số trường học khác. Do chan hòa với bạn bè, được mọi người quý mến, Nguyễn Văn Cúc đã sớm được kết nạp vào Học sinh đoàn. Từ đó, anh bước dần vào con đường hoạt động yêu nước và cách mạng. Buổi đầu dần bước trên con đường cách mạng anh cũng cảm thấy bồng bột, lãng mạn như nhiều thanh niên trẻ tuổi khác. Đồng chí Nguyễn Văn Linh kể lại cái buổi đầu anh được kết nạp vào Học sinh đoàn ở Trường Bonnan: "Tôi còn nhớ mãi một chuyện rất đậm về anh Thế Lữ mở một lớp học thêm tại nhà anh. Mẹ của anh là cụ lang Thụ lúc đó chuyên trị bệnh cho trẻ em. Lớp học thêm tại nhà anh có 5 - 6 anh em trong đó có tôi. Hôm khai giảng, tôi thấy trên bàn cao có để hình cụ Phan Bội Châu và cụ Phan Chu Trinh... Các anh lôi trong chuồng ra một con gà trống đem chặt cổ. Hành động đó ngẫm như một lời răn,

1. Lê Điệp - Chí Thành: *Nơi ấy, tôi đã trưởng thành*. In trong *Nguyễn Văn Linh - hành trình cùng lịch sử, Sđd*, tr.33.

nếu ai trong số chúng tôi không giữ bí mật thì sẽ bị chặt cổ như con gà. Kể lại bây giờ việc làm như vậy nghe có vẻ tức cười, nhưng đối với chúng tôi lúc đó thiêng liêng lắm. Sau đó tôi được biết, đó là tổ chức Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí Hội"¹. Cũng từ đây ý thức về bốn phận của thanh niên đối với Tổ quốc, với nhân dân ngày càng sâu sắc trong anh.

Con đường đến với lý tưởng mới của thời đại, đối với lớp thanh niên như Nguyễn Văn Cúc và các bạn học của anh khi ấy không hề đơn giản mà phải trải qua tìm tòi, lựa chọn. Từ đầu năm 1928, ở Hải Phòng, Kiến An, Hải Dương và một số địa phương khác, Việt Nam Quốc dân Đảng đang tăng cường hoạt động và đã lập được tổ chức cơ sở của Quốc dân Đảng ở các địa phương này. Hoạt động tuyên truyền của Quốc dân Đảng song song với tổ chức Thanh niên đã dẫn đến cuộc lựa chọn về con đường giải phóng dân tộc theo ý thức hệ tư sản hay ý thức hệ vô sản, theo xu hướng quốc gia hay quốc tế. Đồng chí Hoàng Quốc Việt - một chiến sĩ cộng sản tiên bối đã nhiều năm hoạt động ở Hải Phòng, kể lại: "Ở Ca Rông có anh Trần Xuân Độ làm thợ tiện, tuyên truyền Quốc dân Đảng hăng lắm. Chúng tôi kiên quyết đấu tranh chống lại sự tuyên truyền của anh. Anh Nguyễn Đức Cảnh, anh Trịnh Đình Cửu cung cấp cho chúng tôi tài liệu để

1. Lê Điệp - Chí Thành: *Nơi ấy, tôi đã trưởng thành*. In trong *Nguyễn Văn Linh - hành trình cùng lịch sử*, *Sổ*, tr.35-36.

bác lại chủ nghĩa Tam dân, bác hắt các học thuyết đề huề giai cấp.

Tranh luận nhiều, anh Độ hay nói:

- Chúng ta như có người mẹ ốm trên giường bệnh. Con có hiếu phải đùm bọc lấy nhau mà cứu mẹ.

Luận điểm ấy của anh không phải không làm cho chúng tôi rung động. Song chúng tôi đã bắt đầu nhìn thấy rõ:

- Không anh ạ. Thời đại ngày nay phải làm cách mạng xã hội mới được.

Cuối cùng, anh Độ nói:

- Thôi chúng ta hiểu nhau rồi. Chúng tôi quốc gia vàng, còn các anh thanh niên đỏ"¹.

Trong bối cảnh ấy, tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Hải Phòng càng quan tâm đến việc bồi dưỡng, nâng cao nhận thức cho hội viên, nhiều lớp huấn luyện lý luận cách mạng đã được tổ chức. Nội dung các lớp huấn luyện gồm: lịch sử tiến hóa nhân loại, những kiến thức sơ giản về chủ nghĩa cộng sản, về chủ nghĩa tư bản, về tư cách người cách mạng, về phương pháp vận động và tổ chức quần chúng, v.v.. Nguyễn Văn Cúc và các bạn anh rất vinh dự được tham gia các lớp huấn luyện này, rồi trở thành hội viên của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, đi theo con đường của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, nguyên

1. Hoàng Quốc Việt: *Nhân dân ta rất anh hùng*. In trong *Nhân dân ta rất anh hùng*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1976, tr.134.

hiến dâng tuổi trẻ và sức lực của mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp.

2. Những hoạt động cách mạng đầu tiên

Trong những năm 1928 - 1929, Hải Phòng - Kiến An là một trong những địa bàn có phong trào cách mạng khá sôi nổi. Ngày 28-9-1928, Kỳ bộ Bắc Kỳ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đề ra chủ trương "vô sản hóa". Thực hiện chủ trương này, nhiều hội viên đã vào nhà máy, hầm mỏ, đồn điền cùng lao động và sinh hoạt với công nhân để tuyên truyền giác ngộ cách mạng, nêu cao ý thức giai cấp cho công nhân, qua đó các hội viên xuất thân không phải là công nhân có điều kiện tự rèn luyện lập trường vô sản. Tại Hải Phòng các đồng chí Nguyễn Đức Cảnh, Hạ Bá Cang (Hoàng Quốc Việt) vào xưởng Ca Rông, đồng chí Nguyễn Lương Bằng làm "phu" kéo xe tay, đồng chí Lương Khánh Thiện vào Nhà máy chai, đồng chí Phạm Đường vào Nhà máy điện Cửa Cấm, v.v.. Những chiến sĩ cách mạng đã lao động và sống cuộc đời người thợ, hòa nhập vào quần chúng thợ thuyền trong xưởng máy.

Thông qua "vô sản hóa", những chiến sĩ cách mạng ở Hải Phòng đã đạt hai mục đích rất quan trọng: *thứ nhất* là các hội viên Thanh niên qua "vô sản hóa" đã trưởng thành một bước quan trọng về nhận thức tư tưởng và về ý thức giai cấp; *thứ hai* là thông qua hoạt động trong phong trào công nhân, các hội viên đã bồi dưỡng tình thần yêu nước, ý thức giai cấp cho các tầng lớp quần

chúng lao khổ, tuyên truyền, phổ biến chủ nghĩa Mác - Lênin trong quần chúng lao động dưới các hình thức thiết thực, sinh động.

Nhờ hoạt động tích cực của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, từ cuối năm 1928 phong trào yêu nước và cách mạng của công nhân và nhân dân lao động Hải Phòng đã có những chuyển biến lớn. Sang đầu năm 1929, phong trào phát triển nhanh về số cuộc đấu tranh và tính chất chính trị của các cuộc đấu tranh cũng rõ ràng hơn, nhiều cuộc đấu tranh đã có tiếng vang trong toàn quốc. Trước tình hình ấy, Kỳ bộ Bắc Kỳ của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đã kịp thời tăng cường sự chỉ đạo để đưa phong trào cách mạng ở Hải Phòng tiến lên bước phát triển mới.

Tháng 3-1929, Hội nghị Kỳ bộ Bắc Kỳ của Thanh niên họp tại số nhà 5D Hàm Long - Hà Nội, quyết định thành lập chi bộ cộng sản đầu tiên để chuẩn bị cho việc thành lập Đảng Cộng sản và cử đại biểu đi dự Đại hội lần thứ nhất Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Hội nghị đã giao nhiệm vụ cho các đại biểu đi dự phải đấu tranh cho chủ trương thành lập Đảng Cộng sản được thông qua tại Đại hội.

Trên địa bàn thành phố Hải Phòng thời gian này, phong trào cách mạng phát triển khá mạnh, nhưng các chi bộ Thanh niên lại chưa kịp thời nêu được những khẩu hiệu thích hợp, chưa tập hợp được lực lượng quần chúng đông đảo để đưa phong trào phát triển cao hơn nữa. Vì

vậy, yêu cầu phải có tổ chức cộng sản đủ năng lực chỉ đạo, hướng dẫn phong trào, càng trở nên cấp bách.

Nắm bắt tình hình và yêu cầu trên đây, đồng chí Nguyễn Đức Cảnh - một trong những người tham gia thành lập Chi bộ cộng sản 5D Hàm Long, Hà Nội, đã cùng các đồng chí Hoàng Văn Đào (tức Ninh), Nguyễn Hữu Cẩn (tức Phi Vân) đứng ra thành lập chi bộ cộng sản đầu tiên ở Hải Phòng. Đó là kết quả của quá trình vận động, phát triển của phong trào công nhân và phong trào cách mạng ở thành phố, là kết quả hoạt động không mệt mỏi của các chiến sĩ cách mạng ở đây.

Sự ra đời của chi bộ cộng sản ở Hải Phòng khẳng định sự sáng suốt của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và các học trò - đồng chí của Người khi chọn Hải Phòng, cửa khẩu giao lưu trong nước và quốc tế, làm đầu cầu truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam, chuẩn bị tiến tới thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Như vậy, cùng với Chi bộ 5D Hàm Long (Hà Nội), Hải Phòng là một trong những địa phương có chi bộ cộng sản sớm nhất ở trong nước. Đây là một bước ngoặt của phong trào cách mạng ở thành phố cảng và vùng phụ cận. Từ chi bộ đầu tiên này, khi Đông Dương Cộng sản Đảng tuyên bố thành lập (6-1929), ở thành phố Hải Phòng và tỉnh Kiến An đã có 14 chi bộ cộng sản với hơn 100 đảng viên.

Đầu tháng 8-1929, Ban Chấp hành Trung ương lâm thời Đông Dương Cộng sản Đảng đã chỉ định các đồng chí Nguyễn Đức Cảnh, Nguyễn Hữu Cẩn và Hoàng Văn

Đoàn tham gia Ban Tỉnh uỷ lâm thời Hải Phòng, do đồng chí Nguyễn Đức Cảnh làm Bí thư.

Ngay sau khi thành lập, Tỉnh uỷ Hải Phòng đã chủ trương đẩy mạnh việc phát triển cơ sở đảng trong thành phố, thực hiện việc chuyển các chi bộ đảng độc lập thành các chi bộ Đông Dương Cộng sản Đảng, trực thuộc Tỉnh uỷ lâm thời. Các đồng chí còn cử người ra vùng mỏ Hòn Gai, Cẩm Phả... hoạt động, phối hợp xây dựng các tổ chức đảng ở đây.

Sang đầu năm 1930, sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập, tháng 4-1930, Tỉnh uỷ Hải Phòng quyết định chuyển tất cả số đảng viên và các chi bộ của Đông Dương Cộng sản Đảng thành đảng viên và các chi bộ của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Năm học 1929 - 1930, Nguyễn Văn Cúc lên lớp nhất và chuyển về học ở Trường Giăng Duypuy (Jean Dupuis), gần Bến Bính. Anh càng phấn khởi học hành, hăng say trong các buổi thảo luận với bạn bè cùng hoạt động.

Sự ra đời và lãnh đạo của Đảng bộ Hải Phòng đã thúc đẩy phong trào đấu tranh của các tầng lớp nhân dân bước sang thời kỳ phát triển mới. Hải Phòng trở thành một trong các trung tâm của phong trào cách mạng ở miền Bắc. Được sự chỉ đạo trực tiếp của Xứ uỷ Bắc Kỳ (khi đó đóng ở Hải Phòng), các chi bộ đảng và tổ chức quần chúng các khu phố, nhà máy và một số vùng nông thôn được củng cố. Đảng bộ Hải Phòng đã quyết

định phát động phong trào quần chúng đấu tranh nhân ngày Quốc tế lao động 1-5. Đây cũng là chủ trương chung của Đảng ta nhằm đẩy cao hơn nữa phong trào cách mạng trong toàn quốc.

Thực hiện chủ trương trên đây, từ tháng 4-1930, công nhân Nhà máy điện Cửa Cấm, Nhà máy thủy tinh, thợ xẻ đã đứng dậy đấu tranh. Hơn 1.000 công nhân đại diện cho các nhà máy, xí nghiệp thành phố đã họp mít tinh đấu tranh phản đối các án tử hình đối với tù chính trị. Trong dịp này, Tỉnh uỷ Hải Phòng đã phát hành tuyên ngôn giải thích ý nghĩa việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và đẩy mạnh tuyên truyền, kêu gọi đấu tranh kỷ niệm ngày Quốc tế lao động 1-5-1930. Đưa tin về những cuộc đấu tranh này, tờ *Le Courrier d'Hai Phong*, số 10685, ngày 24-4-1930, viết: "Nhằm mục đích tổ chức cuộc rối loạn 1-5, nhiều người đi xe đạp, rải truyền đơn trong những phố người Nam ở Hạ Lý, Tám Gian, phố Lò Sắt Sinh,... Trong đêm 21, rạng 22, lúc 1 giờ sáng, những người cộng sản đã ráo riết rải truyền đơn". Nguyễn Văn Cúc và các bạn cùng học ở Trường Giảng Đuypuy, Trường Bonnan đã tham gia rất tích cực vào các hoạt động này.

Bối rối trước các hoạt động của những người cộng sản và quần chúng yêu nước, chính quyền thực dân ở Hải Phòng đã ban hành lệnh giới nghiêm khấn cấp toàn thành phố từ ngày 30-4 đến ngày 2-5-1930. Nhưng chúng làm sao ngăn cản được hoạt động của những chiến sĩ cách mạng và quần chúng yêu nước.

Từ đêm 30-4, những tờ truyền đơn giấy màu, khổ 19x15, tuyên truyền về ý nghĩa ngày Quốc tế lao động cùng những khẩu hiệu đấu tranh đòi ngày làm việc 8 giờ; đòi giảm thuế; đòi trả công cao hơn; kêu gọi giúp đỡ nước Nga Xôviết đang bị các nước đế quốc bao vây, v.v. được rải ở các phố Cát Dài, Cát Cụt, Cầu Đất, Tám Gian, Phố Khách và nhiều khu vực trong Nhà máy xi măng, Nhà máy chai, Xưởng Ca Rông, Trường Bonnan, nhiều vùng ở tỉnh lỵ và nông thôn Kiến An. Trên đỉnh núi Phù Liễn (Kiến An) và trên dây điện cao thế vắt ngang sông Tam Bạc, trong khu vực Nhà máy xi măng... những lá cờ đỏ búa liềm cỡ lớn tung bay trong gió đến nửa buổi sáng 1-5 trước sự lộng lộn, điên cuồng của lũ cảnh binh.

Sáng sớm ngày 1-5-1930, Nguyễn Văn Cúc và hai thanh niên học sinh là các anh Nguyễn Văn Thiêm và Lê Viên được tổ chức giao nhiệm vụ rải truyền đơn dọc phố Cát Dài. Đồng chí kể lại: "Buổi sáng sớm hôm đó, vào giờ tập thể dục, chúng tôi đi đầu trần, chân đất, mặc quần cụt cùng với bó truyền đơn trong tay với nhiệm vụ là rải truyền đơn dọc theo phố Cát Dài (Hải Phòng). Chúng tôi không hay biết là ở ngã tư của phố thường có cảnh binh đứng đó. Bởi vậy khi rải tới ngã tư, cảnh binh phát hiện thấy và bắt cả ba chúng tôi"¹. Các anh bị cảnh binh đưa về giam ở Sở mật thám Hải Phòng.

1. Lê Điệp - Chí Thành: *Nơi ấy, tôi đã trưởng thành*. In trong *Nguyễn Văn Linh - hành trình cùng lịch sử*, *Sđd*, tr. 36.

Phong trào cách mạng ở Hải Phòng những ngày đầu tháng 5-1930 khá sôi nổi, những đảng viên cộng sản đã phát huy được vai trò lãnh đạo, tiên phong của mình. Tuy nhiên, phong trào chủ yếu là trong công nhân các nhà máy và một bộ phận học sinh, trí thức, chưa lan rộng ra các tầng lớp khác. Trong chỉ đạo phong trào, Tỉnh uỷ đã bộc lộ một số sơ hở dẫn tới việc một số cán bộ sau đó đã bị bắt, trong đó có các đồng chí lãnh đạo quan trọng như đồng chí Hạ Bá Cang (Hoàng Quốc Việt) và đồng chí Nguyễn Thị Thuận (Tư Già) bị bắt ngày 14-5-1930 tại cơ quan giao thông (số 6 phố Tuaran); có đồng chí về Hải Phòng chuẩn bị dự Hội nghị Trung ương cũng bị bắt như đồng chí Phạm Hữu Lầu...

Bất chấp sự khủng bố điên cuồng của kẻ thù, hưởng ứng lời kêu gọi của Đảng và của Tỉnh uỷ Hải Phòng, trong các ngày 5 đến 7-9-1930 hầu hết các lực lượng công nhân, nông dân, học sinh ở Hải Phòng đã đứng lên đấu tranh. Trong nội thành, hàng nghìn công nhân các nhà máy cùng các tầng lớp nhân dân đã biểu tình chống khủng bố, phản đối án tử hình đối với tù chính trị. Ở vùng ven nội, học sinh đã bãi khóa và tảo về các làng xóm vận động nông dân. Tại xã đảo Đình Vũ, hơn 300 nông dân và người làm muối đã biểu tình thị uy xung quanh đảo rồi xông vào phá nhà đoan, phản đối chế độ độc quyền muối và lấy muối chia cho dân nghèo. Cuộc đấu tranh trong các ngày 5 đến 7-9-1930 trở thành đỉnh cao của phong trào cách mạng ở Hải Phòng, hòa vào cao

trào cách mạng chung của cả nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng những năm 1930 - 1931. Trong dịp này, đồng chí Trần Phú được Quốc tế Cộng sản cử về tăng cường cho Ban lãnh đạo Đảng trong nước. Đồng chí đã khảo sát tình hình phong trào ở Hải Phòng, cùng các đồng chí Trần Văn Lan - Ủy viên Ban Trung ương lâm thời, Nguyễn Đức Cảnh - Bí thư Xứ ủy Bắc Kỳ và một số đồng chí khác thảo luận tình hình, góp nhiều ý kiến chỉ đạo phong trào cho Tỉnh ủy Hải Phòng và đề ra một số biện pháp đối phó với cuộc khủng bố của kẻ thù.

Đấu tranh của quần chúng yêu nước càng sôi nổi, mạnh mẽ, kẻ thù càng tăng cường khủng bố, bắt bớ, giam cầm. Đến cuối năm 1930, các nhà giam của Sở mật thám Hải Phòng chật ních tù nhân. Đồng chí Hoàng Quốc Việt nhớ lại: "Chúng tôi bị giam ở Sở mật thám Hải Phòng. Sang đầu tháng 5, nhiều anh em cũng bị bắt và giam cùng với chúng tôi... Mới đầu xà lim còn rộng, nhiều xà lim khác cũng bỏ không. Sau ngày 1-5 xà lim nào xà lim ấy chật ních... Đến giữa hè thì anh em bị bắt về Sở mật thám Hải Phòng lại càng đông. Trong xà lim nóng không chịu được"¹. Đồng chí còn cho biết: "Ở Sở mật thám, đến đêm khuya chúng mới lòi chúng tôi ra đánh, tra hỏi. Hễ động nghe tiếng chìa khóa đụng cửa đánh "cách" một cái là mấy chục anh em đều giật mình đến thót. Rồi đêm đêm đầu óc căng thẳng, người nào

1. Hoàng Quốc Việt: *Nhân dân ta rất anh hùng*, *Sđd*, tr.136.

người ấy nghiêng rặng mà nghe tiếng anh em mình vật vã trước ngọn roi của quân thù. Đến khi bị đánh như rồi, bị bọn mật thám kéo lê quãng trả vào xà lim, các đồng chí lại xúm lại xoa bóp cho nhau... Một đêm bị đánh đau quá, tôi ngã lăn ra ngất đi. Đến khi tỉnh dậy, tôi thấy chiếc roi của mật thám, do nó quá mạnh quá, văng ra, roi ở bên người tôi. Tôi đưa mắt nhìn chiếc roi bị xước; bên trong roi là dây đồng đỏ, bên ngoài bọc một lần da. Tôi mới hiểu vì sao mà roi nó đánh nặng như chì, bổ vào đầu tôi choáng óc, đầu không chảy máu mà sọ lấy tay ấn lõm được như quả bưởi khô, máu dồn xuống đỏ cả hai mắt, sưng mọng ra như mắt cá vàng"¹.

Bị giam ở Sở mật thám Hải Phòng, được chứng kiến những hành động tra tấn, khủng bố của kẻ thù, nhưng Nguyễn Văn Cúc không hề run sợ. Anh bị tòa án thực dân kết án 18 tháng tù và đưa về giam tại khám lớn Hải Phòng. Lúc này các đồng chí Hoàng Quốc Việt, Lê Thanh Nghị và nhiều cán bộ cách mạng hoạt động ở Quảng Ninh, Hải Phòng, Hải Dương, Hưng Yên bị địch bắt, có người chưa thành án cũng bị chúng đưa về giam giữ tại đây.

Mặc dù bị khủng bố, nhưng cuộc đấu tranh của các tầng lớp nhân dân yêu nước Hải Phòng vẫn không hề giảm bớt, đặc biệt là trong dịp kỷ niệm 13 năm Cách mạng Tháng Mười Nga và cuộc đấu tranh dưới sự chỉ đạo của Tỉnh uỷ theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị

1. Hoàng Quốc Việt: *Nhân dân ta rất anh hùng*, *Sđd*, tr.37.

Trung ương tháng 10-1930 của Đảng ta. Ngày 7-11-1930, cờ đỏ búa liềm lại tung bay trên nóc khám lớn Hải Phòng; truyền đơn lại được rải khắp các phố phường, xưởng máy. Ngày 16-11-1930, tù chính trị là đảng viên cộng sản trong khám lớn ở Hải Phòng nhất loạt tuyệt thực để phản đối sự đàn áp dã man những người tù cộng sản. Họ nắm tay nhau cùng hát vang Quốc tế ca.

Điên cuồng trước phong trào cách mạng của quần chúng yêu nước dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, để khủng bố, đe dọa những người cộng sản và quần chúng cách mạng, thực dân Pháp đã mở nhiều tòa đại hình ở Hà Nội, Sài Gòn, Nam Định, Vinh, v.v. để xét xử những người tù chính trị, bao gồm cả những đảng viên Quốc dân Đảng đã tham gia cuộc khởi nghĩa Yên Bái (2-1930).

Ngày 26-1-1931, thực dân Pháp đưa 191 tù chính trị, trong đó có 72 người tù cộng sản ra xử tại phiên tòa đặc biệt ở thị xã Kiến An, cách trung tâm Hải Phòng 10km, Nguyễn Văn Cúc cũng bị chúng đưa ra xử lại tại phiên tòa này. Phiên tòa được mở trong trại lính khố đỏ, do chính tên Thanh tra hành chính Bắc Kỳ Pulê Ôdiê (Poulet Osier) làm chánh án cùng với các ghế bồi thẩm của Công sứ Kiến An, của Biện lý tòa Hải Phòng, v.v.. Sự phi lý của phiên tòa này là ở chỗ toàn bộ hồ sơ bản án đều do bọn mật thám Hải Phòng làm sẵn. Bọn quan tòa chỉ còn việc tuyên đọc với những mức án rất nặng. Mặc dù chưa tới tuổi thành niên, Nguyễn Văn Cúc bị

chúng kết án phát lưu chung thân, cùng với mức án 18 tháng tù chúng xử anh ở Hải Phòng trước đó.

Trước tòa, được hỏi: "Có hối hận gì không?", đồng chí Hoàng Quốc Việt đứng dậy nói đồng dục: "Tôi không cần chối gì về hoạt động cách mạng của tôi, vì đó là bổn phận của tôi phải góp sức cứu vớt 20 triệu đồng bào và đánh đổ giai cấp tư bản đế quốc". Đồng chí Ngô Kim Tài khẳng định rất dứt khoát: "Tôi vào Đảng để đấu tranh cho hạnh phúc của mọi người". Còn đồng chí Phạm Thị Hợi không chút đắn đo khi nói rằng: "Tôi vào Đảng Cộng sản vì chủ nghĩa cộng sản là một chủ nghĩa đúng đắn". Cũng tại phiên tòa này, ngay sau khi nghe bọn quan tòa tuyên án, đồng chí Nguyễn Phú Cường đã rút trong ngực lá cờ đỏ búa liềm phát lên và hô lớn:

- Đả đảo Hội đồng đế hình!
- Đả đảo đế quốc dã man!
- Đảng Cộng sản Đông Dương muôn năm!

Bản lĩnh vững vàng và sự kiên cường của các chiến sĩ cộng sản lớp đàn anh đã làm cho Nguyễn Văn Cúc tăng thêm chí khí cách mạng. Anh không hề run sợ trước những lời tuyên án của bọn quan tòa thực dân.

Khí phách hiên ngang và tinh thần chiến đấu của các chiến sĩ cách mạng tại tòa án Kiến An ngày 26-1-1931 đã làm vang động dư luận trong và ngoài nước. Kẻ địch tung tin nói xấu những người cộng sản, bôi nhọ Liên Xô. Đáp lại những hành động của địch, ngay hôm sau, 27-1-1931, những người cộng sản Hải Phòng đã

treo cờ đỏ búa liềm trên cầu Hạ Lý và ngày 31-1-1931, toàn bộ công nhân hãng dầu Pháp - Á ở Hải Phòng đã nhất loạt bỏ việc, đấu tranh. Họ đưa yêu sách đòi những quyền lợi chính trị và ủng hộ cuộc đấu tranh của công nhân hãng dầu Nam Kỳ¹.

Đồng chí Nguyễn Ái Quốc khi đó đang hoạt động ở nước ngoài, nhưng Người theo dõi rất sát diễn biến tình hình cách mạng trong nước, trong đó có phong trào cách mạng ở Hải Phòng. Trong *Báo cáo gửi Quốc tế Cộng sản*, ngày 19-2-1931, ký tên V., Người tường thuật khá chi tiết những câu trả lời danh thếp của các chiến sĩ cộng sản tại phiên tòa đặc biệt ở Kiến An ngày 26-1-1931 và tỏ lòng ca ngợi tinh thần cách mạng kiên cường của các chiến sĩ. Dưới đầu đề *Khủng bố trắng ở Đông Dương*, phần nói về tình hình khủng bố của địch, có những chi tiết khiến người đọc phải chú ý. Ở năm địa phương là Thái Bình, Hà Nội, Thanh Hóa, Quảng Nam và Nghệ An, Người dẫn ra những số liệu các đảng viên cộng sản bị cầm tù và khẳng định: "Đó là những con số chúng tôi nắm chắc"². Còn ở "54 tỉnh khác", có "414 tù chính trị bị đem đi đày", trong đó có "44 tù chính trị bao gồm học sinh từ 15 - 16 tuổi, bị án tổng số bằng 219 năm

1. Xem Ban Chấp hành Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam Hải Phòng: *Lịch sử Đảng bộ Hải Phòng*, Nxb. Hải Phòng, 1991, t. I (1925-1955), tr.114-115.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 3, tr. 67.

khổ sai và 1 án khổ sai chung thân"¹. Nguyễn Ái Quốc đưa ra những chi tiết ấy chứng tỏ Người nắm rất vững tình hình trong nước. Đặc biệt chi tiết về những học sinh mới 15 - 16 tuổi cũng phải chịu án khổ sai chung thân mà Người nêu trong báo cáo rất có thể là án của Nguyễn Văn Cúc và các bạn của anh.

Mùa đông năm 1931, thực dân Pháp đưa Nguyễn Văn Cúc và nhiều chiến sĩ cách mạng khác đày ra Côn Đảo. Chuyến đi đày ấy có cả những chiến sĩ cộng sản bị bắt và bị giam cầm ở nhà tù Hỏa Lò, Hà Nội cùng đi. Đồng chí Nguyễn Văn Túc (Nguyễn Công Hòa) nhớ lại: "Lần ấy bọn mật thám Pháp đưa chúng tôi từ Hà Nội về Hải Phòng vào ban đêm để dân chúng không biết. Đoàn tù có cả trăm người, cả các đồng chí Ngô Gia Tự, Tô Chấn... Khi tàu đến Sáu Kho đã 11 giờ đêm, chúng đưa tù xuống hầm tàu, còng chân hai người một. Tôi và anh Cúc bị còng chung. Không khí đêm đông lạnh lẽo và yên tĩnh đến rợn người. Chỉ nghe thấy tiếng nước vỗ ì oạp dưới mạn tàu, tiếng còng khô lạnh và tiếng quát tháo của bọn lính áp tải"².

Mặc dù cố sức bưng bít, nhưng việc kẻ thù đưa những chiến sĩ cách mạng đày đi Côn Đảo làm sao bưng bít được quần chúng yêu nước. Hàng trăm đồng bào khi nghe tin

1. Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 3, tr. 66.

2. Nguyễn Công Hòa: *Chi khí tuổi 20*. In trong *Nguyễn Văn Linh - hành trình cùng lịch sử, Sđd*, tr. 50 - 51.

đã bắt chấp đêm khuya, giá lạnh cùng kéo ra bến Sáu Kho để động viên các chiến sĩ. Đồng bào hô vang khẩu hiệu đả đảo thực dân Pháp, đả đảo khủng bố!...

Nằm trong hầm tàu, giữa tiếng ồn ào trên bến và âm ỳ tiếng sóng biển, chợt Nguyễn Văn Cúc nghe thấy tiếng gọi của một em gái nhỏ, lẫn trong tiếng ồn ào của đám đông:

- Anh Cúc ơi! Em nhớ anh lắm! Anh giữ sức khỏe để về với em.

Cô bé cứ nhắc đi nhắc lại tiếng gọi đến hai ba lần. Tiếng gọi đã cố sức lắm, nhưng vẫn run run yếu ớt giữa đêm đông. Nguyễn Văn Cúc cắn môi đến bật máu. Anh thầm nghĩ: "Bố mẹ và chị đã mất rồi, chỉ còn hai anh em mà nay anh bị đi đày, em ở lại với ai?". Biết người bạn tù ngồi cạnh anh cũng nghe thấy tiếng gọi của em gái nhỏ chừng 11, 12 tuổi, anh nắm tay người bạn tù nói trong nghẹn ngào: "Em gái tôi đấy". Anh đâu ngờ, vài năm sau đó, khi anh còn đang bị tù đày ngoài Côn Đảo thì người em gái nhỏ đã qua đời vì thương nhớ anh, trong cảnh cô cút, sinh bệnh tật mà chết.

Chừng 12 giờ đêm, trong không gian lạnh lẽo, con tàu nặng nề rời bến Sáu Kho để lại phía sau bao cảm hờn, uất hận.

Ba ngày đêm lênh đênh trên biển, tàu ghé bến Ô Cáp (Vũng Tàu). Lại tiếng quát tháo và tiếng xích xiềng loảng xoảng. Nhiều chiến sĩ cách mạng Nam Kỳ bị đẩy lên tàu cùng chung chuyến lưu đày ra địa ngục trần gian Côn Đảo.

Chương II

RÈN LUYỆN VÀ TRƯỞNG THÀNH TRONG ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG (1931 - 1945)

1. Tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin trong trường học nhà tù

"Côn Đảo - cái địa ngục trần gian ấy đã trở thành trường học đào tạo cả về văn hoá và đặc biệt là về cách mạng cho chúng tôi". Đó là lời tâm sự của đồng chí Nguyễn Văn Linh trong thư gửi cán bộ, giáo viên và học sinh Trường trung học phổ thông Ngô Quyền (Hải Phòng), ngày 30-8-1990, nhân dịp kỷ niệm 70 năm thành lập trường. Đây cũng là điều mà đồng chí cảm nhận khi nhớ lại những năm tháng của hai lần đồng chí bị thực dân Pháp giam cầm tại địa ngục Côn Đảo (1931 - 1936 và 1941 - 1945).

Côn Đảo là một quần đảo gồm có 16 hòn đảo lớn nhỏ, tổng diện tích là 76km², nằm ở phía nam biển Đông Việt Nam, trong đó đảo Côn Lôn, hình dạng như một con gấu lớn quay lưng về đất liền, có diện tích lớn

nhất (51,5km²), bằng 2/3 diện tích cả quần đảo và cách thành phố Vũng Tàu 97 hải lý (khoảng 180km) về phía nam.

Từ cuối thế kỷ XVII đầu XVIII, thực dân Anh - Pháp bắt đầu dòm ngó phương Đông và cho các công ty Đông Ấn dòm ngó Côn Đảo. Năm 1702, chúng ngang nhiên đổ quân lên Côn Đảo xây pháo đài, dựng cột cờ,... Trước sự nổi dậy của nhân dân địa phương, ba năm sau chúng phải rời bỏ Côn Đảo.

Ngày 28-4-1861, Bôna (Bonard), thủy sư đô đốc Pháp, ngang nhiên cho hạm tàu Nogazaray xâm lược Côn Đảo. Ngày 1-2-1862, Bôna ký quyết định thành lập nhà tù Côn Đảo, biến vùng biển núi non hùng vĩ thành “địa ngục trần gian” để giam cầm và hãm hại những người yêu nước dám chống lại sự thống trị hà khắc của chế độ thuộc địa. Chỉ 5 năm sau khi xây dựng (năm 1867), thực dân Pháp đã đưa ra giam ở đây tới 500 tù nhân. Không ít người yêu nước bị chúng đưa ra đây ải tại đây từ lúc trẻ tuổi tới khi đầu bạc vẫn không được trở về. Tới đầu những năm 30 của thế kỷ XX, nhà tù Côn Đảo có ba đề lao chính (tù nhân vẫn quen gọi là banh theo tiếng Pháp). Banh 1 là nơi giam giữ tù khổ sai, banh 2 giam giữ tù chính trị, banh 3 giam những người bị bệnh cùi (phong) hoặc tàn phế. Tuy vậy, trên thực tế nhà tù Côn Đảo chủ yếu giam cầm tù chính trị, là nơi đầy ải, huỷ hoại tinh thần và thể xác những người yêu nước, những chiến sĩ cách mạng đấu tranh vì độc lập,

tự do của Tổ quốc. Từ năm 1930, số tù chính trị bị đày ra địa ngục trần gian này không ngừng tăng lên.

Năm 1930 có 1.992 tù nhân,

Năm 1931 có 2.146 tù nhân,

Năm 1932 có 2.276 tù nhân,

Năm 1933 có 2.483 tù nhân,

Năm 1934 có 2.818 tù nhân.

Nằm ngoài khơi xa, nước sâu, sóng lớn, để cách ly tù nhân với cuộc sống đời thường, thực dân Pháp đã chuyển hết số dân ít ỏi ngoài quần đảo về đất liền. Sống trên đảo chỉ có chúa đảo, cai ngục và tù nhân. Vì vậy, những thủ đoạn đối xử tàn bạo, giết hại người tù và sự đấu tranh, phản kháng của người tù dường như chìm vào biển cả. Xà lim, roi vọt và bệnh tật cùng các chế độ hà khắc của nhà tù thực dân từng ngày huỷ hoại cuộc sống người tù. Từ lâu, nơi đây đã lưu truyền những câu ca ai oán:

Côn Lôn đi dễ khó về

Sống nương núi Chúa, thác về Hàng Keo.

hoặc:

Cảnh nào bằng cảnh Côn Lôn

Sống nhờ gạo lứt, thác chôn bao bàng.

Cùng với số tù nhân tăng lên, số tù nhân chết ở đây cũng tăng lên theo hàng năm. Từ năm 1930 đến năm 1933 đã có tới 708 người tù bị chết, với những cái chết thương tâm, chẳng hòm, chẳng liệm, thân xác trần trụi vùi trong cát sỏi.

Tại nhà tù Côn Đảo, với số tù 3846, đồng chí Nguyễn Văn Cúc bị giam ở banh 1, cùng với những cán bộ ưu tú của Đảng bị đày ra tù trước như các đồng chí Tôn Đức Thắng, Phạm Văn Đồng, Bùi Công Trừng,... Nguyễn Hối - người đã tổ chức anh vào Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Trường Bonnan. Nguyễn Văn Cúc càng thêm vững tâm, sẵn sàng vượt qua thử thách.

Khoảng cuối năm 1931, đầu năm 1932 sau những chiến dịch "đại khủng bố" của kẻ thù, số tù nhân cộng sản bị đày ra Côn Đảo ngày một nhiều thêm. Những người con ưu tú của Đảng và dân tộc như Nguyễn Văn Cừ, Lê Duẩn, Phạm Hùng, Hà Huy Giáp, Lê Văn Lương, Nguyễn Duy Trinh... cũng bị kẻ thù đưa từ đất liền ra đày ải tại đây. Các đồng chí là những chiến sĩ của "Vụ án 121 người cộng sản" chấn động dư luận, trước đó bị giam giữ ở các nhà tù Sơn La, Hải Phòng, Hoả Lò (Hà Nội), Khám Lớn (Sài Gòn) mới được đưa ra đã nhanh chóng tìm cách liên lạc được với những đồng chí ra trước đang bị giam giữ ở banh 1 như Nguyễn Hối, Ngô Gia Tự, Tôn Đức Thắng, Bùi Công Trừng, Phạm Văn Đồng... Các đồng chí ta như được tiếp thêm sức mạnh trong cuộc chiến đấu mới mà mọi người đều xác định là sẽ lâu dài, gian khổ và vô cùng khốc liệt với các đòn tra tấn của kẻ thù.

Banh 1 và banh 2 là hai dãy phòng giam cách nhau một khoảng sân khá rộng, giữa sân là hàng rào dây thép gai; mỗi dãy gồm sáu phòng giam. Trước đó, thực

dân Pháp giam chung tù nhân cộng sản với tù nhân Quốc dân Đảng. Nhưng do bất đồng chính kiến nên hai bên thường nổ ra những cuộc tranh luận, xung đột. Một số tù Quốc dân Đảng được các chiến sĩ cộng sản cảm hoá, thay đổi lập trường và đi theo con đường cách mạng vô sản; một số cố bảo vệ luận thuyết của mình và có những người nhụt chí bởi chế độ lao tù hà khắc. Để tránh những va chạm dẫn đến trả thù những người Quốc dân Đảng đã ngã theo cộng sản, bọn chúa ngục đã chuyển những người tù Quốc dân Đảng giam riêng một dãy khác.

Đầu năm 1932, chi bộ đặc biệt của Đảng Cộng sản Đông Dương ra đời ở banh 1 để lãnh đạo cuộc đấu tranh chống khủng bố, giữ vững khí tiết và duy trì nền nếp học tập trong các phòng giam. Đồng chí Phạm Văn Đồng là người có kiến thức rộng, giỏi tiếng Pháp được anh em cử làm người giao dịch với lính gác ngục và bí mật tổ chức đường dây liên lạc với các đồng chí cộng sản Pháp qua những thuỷ thủ tiến bộ để nhận tin tức và sách báo. Anh em vẫn gọi vui đồng chí Phạm Văn Đồng là người "phụ trách đối ngoại" và đồng chí đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình.

Mặc cho chế độ nhà tù hà khắc, Nguyễn Văn Cúc và các chiến sĩ cộng sản trong nhà tù Côn Đảo thường xuyên tổ chức học văn hoá, ngoại ngữ và lý luận Mác - Lênin... Nhờ hoạt động khéo léo của đồng chí Phạm Văn Đồng mà mọi người đã có được khá nhiều tác phẩm kinh

diễn và báo chí bằng tiếng Pháp và gọi đây là những tài liệu "giáo khoa" quý báu. Các đồng chí đã từng học Trường đại học Phương Đông như Bùi Công Trừng, những người có trình độ cao, giỏi tiếng Pháp như Phạm Văn Đồng, Hà Huy Giáp, Nguyễn Văn Cừ... là thầy hướng dẫn những đồng chí khác. Thông qua những thuỷ thủ tiến bộ, các đồng chí cộng sản Pháp kịp thời cung cấp cho anh em tù chính trị trên đảo những thông tin về tình hình thế giới, về phong trào đấu tranh của Đảng Cộng sản và nhân dân Pháp đòi ân xá tù chính trị ở Đông Dương. Đồng chí Nguyễn Văn Linh nhớ lại: "Ở trong tù tôi còn tiếp tục học thêm tiếng Pháp. Trong số người dạy có anh Nguyễn Đức Chính. Hồi đó anh Phạm Văn Đồng được một số thuỷ thủ tiến bộ người Pháp cho nhiều sách báo tiếng Pháp nói về chủ nghĩa Mác - Lênin. Anh đem cất giấu rồi dịch ra tiếng Việt. Tôi cũng được anh Đồng cho tham gia dịch và còn được dự một khoá huấn luyện về chủ nghĩa Mác - Lênin. Tham gia dạy lý luận Mác - Lênin có nhiều đồng chí, trong đó có đồng chí Bùi Công Trừng... Do đó, tuy chưa có điều kiện đi học ở nước ngoài, nhưng tôi đã bắt đầu tiếp cận chủ nghĩa Mác - Lênin tại khoá học trong nhà tù"¹. Với tinh thần ham học hỏi, khi mới vào tù trình độ tiếng Pháp của đồng chí Nguyễn Văn Cúc còn chưa vững, nhờ sự

1. Lê Điệp - Chí Thành: *Nơi ấy, tôi đã trưởng thành*. In trong *Nguyễn Văn Linh - hành trình cùng lịch sử*, *Sđd*, tr.37.

giúp đỡ kèm cặp của các đồng chí Phạm Văn Đồng, Nguyễn Kim Cương, Hà Huy Giáp, Nguyễn Văn Cừ..., trong những ngày ở tù, dần dần đồng chí đã tự đọc và nghiên cứu được những tác phẩm kinh điển bằng tiếng Pháp như: *A.B.C về chủ nghĩa cộng sản*, *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, v.v.. Đồng chí còn có thể đọc được những cuốn tiểu thuyết lớn như *Mười ngày rung chuyển thế giới* và nhiều cuốn khác.

Phong trào học tập lan rộng khắp các phòng giam. Ngoài những lớp học chính trị - lý luận, các đồng chí ta còn tổ chức các lớp học văn hoá, học ngoại ngữ. Tinh thần học tập hăng say ấy đã có sức lôi cuốn cả những người tù Quốc dân Đảng và tù thường phạm tham gia. Đúng như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: "Biến cái rủi thành cái may, các đồng chí ta đã lợi dụng những ngày tháng ở tù để hội họp và học tập lý luận. Một lần nữa, việc đó lại chứng tỏ rằng chính sách khủng bố cực kỳ dã man của kẻ thù chẳng những không ngăn trở được bước tiến của cách mạng. Mà trái lại nó đã trở nên một thứ lửa thử vàng, nó rèn luyện cho người cách mạng càng thêm cứng rắn. Mà kết quả là cách mạng đã thắng, đế quốc đã thua"¹.

Là một trong những người trẻ nhất bị giam giữ cùng những chiến sĩ cộng sản đàn anh trong nhà tù Côn Đảo, đồng chí Nguyễn Văn Cúc luôn tỏ rõ tinh thần ham học

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 10, tr. 3-4.

và có ý chí vươn lên. Tham gia sinh hoạt văn nghệ với anh em, đồng chí đã thủ vai trong các vở kịch *Trường giả học làm sang*, *Napôlêông Bonapác* và được người xem tán thưởng. Nhiều người lính Pháp sau khi xem đã bày tỏ sự thán phục những hiểu biết về nền văn hoá Pháp của những tù chính trị. Đồng chí Nguyễn Kim Cương, một người cùng bị giam tại nhà tù Côn Đảo thời gian đó, kể lại: "Lúc đầu diễn trong khám không cho Tây tà biết... Nhưng khi ra sân chơi chung, tất cả 12 khám cỡ nghìn rưởi người, anh em yêu cầu diễn ngoài hàng hiên cho mọi người cùng xem với.

Bàn mãi mới nảy ra một kế: lúc đầu hãy diễn những vở kịch vui mà Tây cũng biết, tức của nhà hài kịch Molière, gác ngục xem cũng thấy hay mà không hiểu hết mới yêu cầu chúng tôi diễn cả bằng tiếng Pháp...

Thế là diễn vở đầu *Trường giả học làm sang*. Tôi sắm vai bà Giuốcđanh (Jourdain), chú Mười sắm vai Êlido (E'lise) - con gái Giuốcđanh; tôi chịu trách nhiệm luyện giọng cho anh em, đặc biệt luyện giọng cho chú Mười. Lúc này, chú Mười tiếng Pháp đã khá. Đối với chú Mười, nhà hoá trang Đình Nhu không phải quá vất vả như đối với người khác. Chú Mười người mảnh dẻ, cao cao, chân mày đã dày lại đen, lông nheo cũng dài không phải tính chắp dán lông nheo thêm. Mặt trái xoan, lại có cái miệng chúm chím như gái kiêu hãnh. Tiếng nói luyện cũng nhanh. Trong vai Êlido - con gái cưng của nhà trưởng giả, cũng như năm sau,

trong vai Oóctăngxơ (Hortense) con riêng của Nữ hoàng Giôdêphin (Joséphène), vợ của Napôlêông (Napoléon), chú Mười đóng rất đạt"¹.

Sang đến giữa những năm 30 thế kỷ XX, tình hình chính trị trên thế giới có những biến động lớn. Nguy cơ chủ nghĩa phát xít và chiến tranh thế giới đang đe dọa loài người. Quốc tế Cộng sản cũng đã có chủ trương thành lập Mặt trận nhân dân rộng rãi, chống nguy cơ phát xít, chống chiến tranh, bảo vệ hoà bình.

Nhờ liên lạc được với bên ngoài qua các thuỷ thủ tiến bộ người Pháp, những tin tức về tình hình thế giới vẫn đến đều đặn với các đồng chí ta đang bị giam cầm ngoài Côn Đảo, đồng thời những tin tức về cuộc đấu tranh của các chiến sĩ Côn Đảo chống chế độ hà khắc của địa ngục này cũng được truyền ra bên ngoài và sang tận nước Pháp. Cũng phải kể tới loạt bài *Ký sự Côn Lôn* của các đồng chí Nguyễn Văn Nguyễn, Trần Huy Liệu - những người vừa thoát khỏi ngục tù Côn Đảo - in trên các báo ở Sài Gòn, Hà Nội và được gửi sang Pháp, đã làm xôn xao dư luận nước Pháp.

Tháng 1-1936, Mặt trận bình dân Pháp được thành lập, ra lời kêu gọi Chính phủ Pháp đại xá chính trị phạm và công bố điều ấy trong cương lĩnh tranh cử của mình.

1. Nguyễn Kim Cương: *Học ở trong tù, học trong cuộc sống*. In trong *Nguyễn Văn Linh - hành trình cùng lịch sử*, Sđd, tr.65-66.

Ngay trong tháng 1-1936, Toàn quyền Đông Dương đã phải công bố việc thả sáu tù chính trị ở Côn Đảo, giảm một số khá lớn án tù chung thân xuống còn 15 hoặc 20 năm. Một mặt, chúng bày mưu tính kế tiếp tục trấn áp các cuộc đấu tranh của các đồng chí còn đang bị giam giữ, mặt khác chúng lại cử tên thực dân nổi tiếng độc ác Buvie ra làm chúa đảo một lần nữa và y lại giả trò tước đoạt những điều mà chúng đã buộc phải nhượng bộ trước đây.

Để đối phó lại, các đồng chí trong Ban phụ trách của ban 2 và chi bộ Đảng của ban 1 bí mật trao đổi nhận định và thống nhất ý kiến quyết định phát động một đợt đấu tranh mới. Đồng thời thông qua đường dây liên lạc bí mật với bên ngoài, thông báo tới các đồng chí Đảng Cộng sản Pháp. Vì vậy, sách báo, tài liệu, kể cả các văn kiện Đại hội VII Quốc tế Cộng sản vẫn được các đồng chí Pháp, qua các thuỷ thủ tiến bộ gửi tới các đồng chí ta ở trong tù. Không ít tài liệu đến Côn Đảo trước, sau đó mới được gửi về đất liền.

Do nắm vững diễn biến của tình hình chính trị bên ngoài, trong cuộc đấu tranh mới này, các đồng chí ta nêu yêu sách cao hơn, như đòi cải thiện chế độ lao tù, đòi thả hết tù chính trị. Cuộc đấu tranh được tổ chức và lãnh đạo chặt chẽ, có quy mô trên toàn đảo. Bị đàn áp, các đồng chí nhất loạt tuyệt thực phản đối trong 13 ngày liền. Tin tức cuộc đấu tranh dội về đất liền, báo chí ở Sài Gòn và Hà Nội lên tiếng ủng hộ và đưa tin chi tiết

về cuộc đấu tranh. Bọn chúa đảo buộc phải nhượng bộ, đáp ứng nhiều yêu sách của cuộc đấu tranh và cam kết chuyển yêu cầu thả tù chính trị lên Thống đốc Nam Kỳ và Toàn quyền Đông Dương.

Tháng 5-1936, Mặt trận bình dân Pháp thắng cử, Chính phủ bình dân ở Pháp được thành lập, do Lêông Blum - người của Đảng Xã hội làm Thủ tướng và M. Mutê, cũng là đảng viên Đảng Xã hội, làm Bộ trưởng Bộ Thuộc địa. Thực thi những điều đã ghi trong cương lĩnh tranh cử của mình, Chính phủ Mặt trận bình dân Pháp đã chỉ thị cho chính quyền thuộc địa Đông Dương thực hiện việc đại xá tù chính trị. Mặc dù chần chừ, không muốn, nhưng chính quyền thuộc địa vẫn phải thực hiện chỉ thị của chính phủ chính quốc. Trong mấy tháng cuối năm 1936, khoảng 500 tù chính trị, trong đó có hơn một nửa là các chiến sĩ cộng sản, đã được trả tự do và trở về đất liền. Đồng chí Nguyễn Văn Cúc cũng nằm trong số đó. Cùng với các đồng chí Lê Duẩn, Nguyễn Văn Cừ, Phạm Văn Đồng, Lương Khánh Thiện, Nguyễn Văn Túc, v.v., người chuyển trước, người chuyển sau, nhiều đồng chí ta đã lần lượt được trở về đất liền. Đồng chí Nguyễn Văn Cúc chia tay những người còn phải ở lại như bác Tôn Đức Thắng, các đồng chí Phạm Hùng, Lê Văn Lương với những lời nhắn gửi đầy tin tưởng. Trên đường trở về đất liền, tàu ghé Ô Cáp (Vũng Tàu) để các đồng chí Nam Bộ lên bờ, qua Đà Nẵng cho các đồng chí Trung Bộ lên, rồi chạy tiếp ra

Hải Phòng. Các đồng chí Nguyễn Văn Cừ, Lương Khánh Thiện, Hoàng Quốc Việt, Nguyễn Văn Cúc, v.v. đã lên Hải Phòng, sau đó trở về Hà Nội.

Như đàn chim sổ lồng, tung cánh, các đồng chí ta khẩn trương tìm bắt liên lạc với tổ chức, hăng hái bước vào cuộc chiến đấu mới.

2. Trở về Hải Phòng, tham gia khôi phục cơ quan Thành uỷ

Phong trào cách mạng Việt Nam một thời gian tạm lắng do chiến dịch đại khủng bố của kẻ thù sau cao trào 1930 - 1931 và Xôviết Nghệ - Tĩnh, nhờ sự giúp đỡ của Quốc tế Cộng sản, sự phấn đấu bền bỉ của các đảng viên trung kiên và quần chúng yêu nước, tổ chức đảng và phong trào cách mạng ở nhiều nơi dần dần được khôi phục. Một số cơ quan lãnh đạo Đảng cấp xứ uỷ, tỉnh uỷ đã được xây dựng lại, tiếp tục lãnh đạo phong trào cách mạng.

Đầu năm 1934, được sự giúp đỡ của Quốc tế Cộng sản, Ban Chỉ huy ở ngoài (Ban lãnh đạo hải ngoại) của Đảng Cộng sản Đông Dương được thành lập, do đồng chí Lê Hồng Phong đứng đầu. Một năm sau, tháng 3-1935, Đại hội toàn quốc lần thứ I của Đảng được tiến hành tại Ma Cao (Trung Quốc). Đại hội đã bầu ra Ban Chấp hành Trung ương mới, cử đoàn đại biểu của Đảng ta do đồng chí Tổng Bí thư Lê Hồng Phong dẫn đầu tham dự Đại hội VII Quốc tế Cộng sản (7-1935). Căn cứ

vào tình hình quốc tế và cách mạng trong nước, Đại hội xác định ba nhiệm vụ trước mắt mà toàn Đảng phải khẩn trương thực hiện là: *Củng cố và phát triển Đảng; tranh thủ quần chúng rộng rãi; chống chiến tranh đế quốc.*

Ngay sau Đại hội, Ban Trung ương của Đảng đã khẩn trương chỉ đạo khôi phục tổ chức đảng ở Bắc Kỳ và các trung tâm lớn như Hà Nội, Hải Phòng, Vinh - Nghệ An... Một số cán bộ, đảng viên sau khi kết thúc khóa học ở nước ngoài được Quốc tế Cộng sản cử về, bổ sung đội ngũ cán bộ lãnh đạo cho các tổ chức đảng và phong trào quần chúng.

Tháng 8-1935, đồng chí Nguyễn Văn Minh - một cán bộ vừa tốt nghiệp Đại học Phương Đông về tới Hà Nội. Đồng chí đã nhanh chóng bắt được liên lạc với các đồng chí ở Cửa hàng câu đối - trưởng Tùng Lâm (số 11 phố Hàng Giấy) - một cơ sở của Đảng còn lại ở Hà Nội. Vào các tháng cuối năm 1936, nhiều cán bộ, đảng viên vừa thoát khỏi các nhà tù đế quốc đã liên lạc với nhau và lần lượt về hoạt động tại Hà Nội và vùng phụ cận. Từ Côn Đảo về có các đồng chí Nguyễn Văn Cừ, Lương Khánh Thiện, Khuất Duy Tiến, Trần Huy Liệu...; ở nhà tù Sơn La trở về có các đồng chí Đặng Xuân Khu (Trường Chinh), Đinh Xuân Nhạ (Trần Quý Kiên), Bùi Vũ Trụ...; ở Lào bị trục xuất về có các đồng chí Trần Quốc Hoàn, Phan Trọng Tuệ. Các đồng chí Hoàng Quốc Việt, Nguyễn Công Hòa, Bùi Lâm... trở về Hải Phòng - Quảng

Ninh hoạt động, bắt tay vào khôi phục phong trào và tổ chức đảng ở đây.

Đầu tháng 9-1936, tại một cơ sở cách mạng thuộc huyện Gia Lâm (Hà Nội), đồng chí Nguyễn Văn Minh và một số đồng chí khác đã tổ chức một cuộc họp bí mật, lập ra Ủy ban sáng kiến - cơ quan lãnh đạo lâm thời của Xứ ủy Bắc Kỳ, có nhiệm vụ chỉ đạo việc khôi phục Thành ủy Hà Nội, Hải Phòng và tổ chức đảng ở một số địa phương khác. Cuối năm 1936, nhiều đồng chí vừa ra tù cũng bắt liên lạc được với Ủy ban sáng kiến để nhận công tác. Được bổ sung cán bộ, các tổ chức đảng ở Hà Nội, Nam Định, Thái Bình, Hải Phòng, Quảng Ninh, Cao Bằng và nhiều địa phương khác đã lần lượt được khôi phục và củng cố.

Tháng 3-1937, tại Hà Nội, Xứ ủy Bắc Kỳ chính thức được tái lập gồm các đồng chí Hoàng Văn Nọn (Tú Hưu), Nguyễn Văn Cừ, Nguyễn Văn Minh, Lương Khánh Thiện, Đặng Xuân Khu, Hạ Bá Cang (Hoàng Quốc Việt), Đinh Xuân Nhạ... do đồng chí Hoàng Văn Nọn làm Bí thư. Cùng với việc tái lập Xứ ủy Bắc Kỳ, tháng 3-1937, Thành ủy Hà Nội cũng được tái lập. Sau đó, Thành ủy Hải Phòng và nhiều tỉnh ủy trên miền Bắc cũng được khôi phục lại.

Trở lại Hà Nội, từ cuối năm 1936, thời gian đầu đồng chí Nguyễn Văn Cúc được phân công giúp việc các đồng chí lãnh đạo Ủy ban sáng kiến và sau đó là Xứ ủy Bắc Kỳ. Là một trong những cán bộ trẻ đã quen thuộc

địa bàn Hải Phòng, đầu năm 1937, đồng chí được Xứ uỷ cử trở lại Hải Phòng tham gia chỉ đạo khôi phục cơ quan thành uỷ.

Từ năm 1936, phong trào cách mạng ở thành phố Hải Phòng đã bước đầu phục hồi, chưa được củng cố vững chắc thì đã bị kẻ thù đàn áp gây nên những tổn thất không nhỏ. Tháng 1-1936, chi bộ làng Hàng Kênh và một số chi bộ vừa khôi phục bị địch phá. Tháng 2-1936, đồng chí Hoàng Đình Giong - Uỷ viên Trung ương Đảng bị bắt khi đang công tác ở Hải Phòng. Tháng 7-1936, Đảng bộ Hải Phòng mới tập hợp được hơn 30 đảng viên và khoảng 60 quần chúng trung kiên. Nhờ hoạt động tích cực của các đồng chí Bùi Lâm, Nguyễn Văn Phước, Vũ Quý và các đồng chí vừa ở nhà tù Sơn La và Côn Đảo trở về như Hạ Bá Cang, Nguyễn Văn Túc, Hoàng Văn Thành, Đinh Xuân Nhạ... nhiều cơ sở đảng mới dần dần được khôi phục lại.

Trở lại Hải Phòng, đồng chí Nguyễn Văn Cúc bắt liên lạc ngay với các đồng chí Nguyễn Văn Túc (Nguyễn Công Hoà), Lương Khánh Thiện, Bùi Lâm và một số đồng chí khác đang hoạt động ở đây. Sau khi tái lập Xứ uỷ Bắc Kỳ (3-1937), các đồng chí Xứ uỷ viên Hạ Bá Cang, Đinh Xuân Nhạ đã được Xứ uỷ cử xuống trực tiếp tăng cường cho công tác khôi phục tổ chức đảng ở Hải Phòng.

Tháng 4-1937, tại một gia đình cơ sở cách mạng ở Ngõ Đá, phố Cát Dài, cuộc họp thành lập lại Thành uỷ

Hải Phòng đã được tiến hành. Hội nghị gồm có các đồng chí Nguyễn Văn Túc, Nguyễn Văn Cúc, Đinh Xuân Nhạ, Nguyễn Văn Vượng, Hoàng Văn Trình, Tư Thành... Các đồng chí dự Hội nghị đã nhất trí cử đồng chí Nguyễn Văn Cúc làm Bí thư Thành uỷ. Nhưng đồng chí nhất mực chối từ và đề nghị Hội nghị cử đồng chí Nguyễn Văn Túc làm Bí thư Thành uỷ. Đồng chí kể lại: "Trong cuộc họp này có một chuyện làm tôi khó xử: các đồng chí đều nhất trí bầu tôi làm Bí thư Thành uỷ. Việc đó thật bất ngờ đối với tôi. Vì tôi tuy được Trung ương và Xứ uỷ phái về lập lại Thành uỷ, nhưng bản thân mình lại chưa phải là đảng viên. Cái khó cho tôi là nếu nói thật với các đồng chí rằng mình chưa phải đảng viên thì các đồng chí sẽ thất vọng, mà nhận chức vụ Bí thư Thành uỷ thì tôi không dám. Tôi đã xử trí tình huống này bằng cách nhất định không nhận làm Bí thư với lý do rằng mình không phải là thành phần công nhân. Tôi nói với các đồng chí, làm Bí thư Thành uỷ ở thành phố đông đảo thợ thuyền lao động này nhất thiết phải là thành phần công nhân. Kết quả cuộc họp đã phải cử một đồng chí khác làm Bí thư Thành uỷ đó là anh Nguyễn Văn Túc (Nguyễn Công Hòa). Tuy nhiên, trong thực tế thì mọi việc tôi vẫn phải làm gần như một Bí thư Thành uỷ nhất là việc liên lạc, đi họp ở trên Xứ uỷ, chỉ đạo các đấu mồi và phong trào đấu tranh. Anh Túc làm Bí thư nhưng hằng ngày vẫn phải đi làm thợ để có tiền lương nuôi anh và nuôi cả tôi... Tôi báo cáo với Trung ương về

chuyện này. Anh Trường Chinh đã quyết định công nhận trở lại cho tôi là vào Đảng năm 1936. Thì ra ở Côn Đảo về, các đồng chí ở Trung ương và Xứ uỷ cứ nghĩ tôi đã là đảng viên từ năm 1930 rồi"¹.

Trong những năm tháng hoạt động tại Hải Phòng, đồng chí Nguyễn Văn Cúc luôn nhận được sự thương yêu, đùm bọc, che chở của đồng bào, đồng chí đất cảng. Những ngày đầu, đồng chí ở nhà đồng chí Phạm Đường, phố An Dương, một bạn tù Côn Đảo cùng hoạt động từ hồi 1929 - 1930, sau chuyển đến nhà bà Đặng Thị Sáu, ở xóm Nam, xã Dư Hàng Kênh (nay thuộc huyện Hải An, Hải Phòng). Đây là cơ sở cũ do đồng chí Nguyễn Văn Túc xây dựng từ trước năm 1930, một địa điểm rất thuận lợi cho hoạt động bí mật. Nhân dân lao động ở đây đều nghèo khổ, căm thù đế quốc và rất trung thành với cách mạng qua các thời kỳ. Năm 1935, đồng chí Hoàng Đình Giông - Uỷ viên Trung ương Đảng do Đại hội lần thứ I cử ra, đã về đây chấp nối liên lạc phong trào cách mạng Hải Phòng với Trung ương. Khi đồng chí Cúc về Hải Phòng, đồng chí Túc đã nhường lại cơ sở này cho đồng chí Cúc và biến nó thành cơ quan bí mật của Thành uỷ từ năm 1936 đến năm 1939. Thường xuyên đi lại đây bàn bạc, hội họp, ngoài đồng chí Nguyễn Văn Túc còn có các đồng chí Bùi Lâm, Vũ Quý, Phạm Đường,

1. Lê Điệp - Chí Thành: *Nơi ấy, tôi đã trưởng thành*. In trong *Nguyễn Văn Linh - hành trình cùng lịch sử, Sđd*, tr.40.

Đinh Xuân Nhạ, Hoàng Văn Thành,... Đồng chí Nguyễn Công Hòa, nguyên Bí thư Thành uỷ Hải Phòng thời kỳ này, người được nhân dân Dư Hàng Kênh đùm bọc, che chở đã phát biểu: “Dư Hàng Kênh là khu đỏ, một chỗ đứng chân vững chắc của Đảng bộ Hải Phòng trong những năm tháng chúng tôi sống và hoạt động trong sự đùm bọc, yêu thương và tin tưởng của quần chúng”¹.

Để che mắt bọn mật thám, lúc mới trở lại Hải Phòng, đồng chí Cúc lấy tên cụ thân sinh - Nguyễn Đức Lan làm bí danh, trong vai một thầy giáo tiểu học, vừa dạy học, vừa bí mật hoạt động trong các nhà máy, cơ sở để chấp nối phong trào. Cũng có lúc đồng chí là công nhân làm việc ở Nhà máy xi măng. Đồng chí kể lại: "Tôi xin vào làm ở Nhà máy xi măng vì nghĩ rằng phải là công nhân thì việc vận động mới thuận lợi hơn. Hồi ấy có một công nhân làm ở nhà máy xi măng đã hơn 20 năm nhưng vẫn bị trả lương thấp nên anh xin nghỉ việc. Tôi viết đơn xin việc làm thay chỗ anh. Bọn nhận đơn là người Pháp thấy đơn viết bằng tiếng Pháp hỏi ai viết, tôi nói là tôi viết. Chúng bèn nhận tôi vào làm với công việc là mỗi sáng tới coi ai làm ai nghỉ thì ghi vào sổ, rồi họ cho đi học thêm về nghiệp vụ. Làm được mấy tháng, tôi đành nghỉ vì công việc của tổ chức rất bận rộn"².

1. Theo tài liệu của Ban Quản lý di tích cách mạng Hải Phòng.

2. Lê Điệp - Chí Thành: *Nơi ấy, tôi đã trưởng thành*. In trong *Nguyễn Văn Linh - hành trình cùng lịch sử*, *Sđd*, tr.38.

Mặc dù công tác rất bận rộn nhưng Nguyễn Văn Cúc và các đồng chí trong cơ quan vẫn tích cực trong các công việc giúp dân, tranh thủ làm công tác vận động cách mạng. Đồng chí Nguyễn Công Hòa cho biết: "Anh Cúc còn dạy học cho các cháu trong xóm, vận động tuyên truyền bà con hưởng ứng phong trào cách mạng... Bà con xóm Hàng Kênh cho chúng tôi ở nhờ, lại giúp cả cái ăn cái mặc. Chúng tôi cũng không muốn ỷ lại, phân công nhau chăn nuôi gà lợn để có thêm thu nhập. Cuối cùng anh Cúc đi lên Việt Trì mua được bốn con thỏ cái, một con thỏ đực về nuôi. Bà con trong xóm lại đóng chuồng giúp, rồi cắt cỏ, súp lơ, cải bắp đem đến cả rổ để cho thỏ ăn... Hồi ấy vùng này toàn trồng rau nên dễ kiếm rau thôi. Thỏ được chăm sóc tốt, đẻ cả mấy chục con, dân lại đem ra chợ bán hộ"¹.

Thành uỷ Hải Phòng được tái lập đã mở ra bước phát triển mới của phong trào cách mạng ở đây.

Theo tinh thần chỉ đạo của Nghị quyết Đại hội VII Quốc tế Cộng sản và nghị quyết của các hội nghị Trung ương tháng 7-1936, tháng 3-1937 và tháng 9-1937, đặc biệt là Nghị quyết Hội nghị Trung ương tháng 3-1938 của Đảng ta, cuộc đấu tranh đòi quyền dân sinh dân chủ, chống chủ nghĩa phát xít và bọn phản động thuộc địa diễn ra sôi nổi, rộng khắp mà tiêu biểu là cuộc vận

1. Nguyễn Công Hoà: *Chí khí tuổi 20*. In trong *Nguyễn Văn Linh - hành trình cùng lịch sử*, Sđd, tr.56.

động Đông Dương Đại hội, bắt đầu từ tháng 4-1936 ở Nam Kỳ rồi lan rộng ra khắp ba kỳ.

Dưới sự lãnh đạo của Thành uỷ Hải Phòng, phong trào đấu tranh cách mạng của quần chúng đã phát triển mạnh mẽ từ ngoại thành đến nội thành, như phong trào giúp nhân dân Trung Quốc kháng Nhật, phong trào đòi lập các hội ái hữu (các hội quần chúng như Hội tương tế, Hội hỷ, Hội hiếu, v.v.), phong trào đòi phòng thủ Đông Dương, chống chiến tranh đế quốc, phong trào chống mù chữ, phong trào tuyển cử vào Hội đồng thành phố, v.v.. Đây là những hình thức tập hợp quần chúng để vận động đấu tranh hợp pháp, đòi các quyền dân sinh, dân chủ.

Dưới sự chỉ đạo của đồng chí Cúc, các tổ chức đảng ở Hải Phòng đã hướng dẫn cho quần chúng lập ra được các hội ái hữu thủy thủ đường biển, tài xế ô tô, công nhân cơ khí, thợ may, thợ cạo, thợ mộc, thợ thủy tinh, Hội ái hữu tiểu thương chợ Sắt, v.v..

Cùng với những hoạt động trên, Đảng bộ Hải Phòng cũng đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền báo chí. Đại lý báo Đảng ở Hải Phòng đã làm tốt việc phát hành, vận động quần chúng mua và đọc các tờ báo của Đảng như *Notre Voix*, *Le Travail*, *Tiến lên*, *Tin tức*,... không chỉ ở Hải Phòng mà rộng ra cả ở vùng duyên hải Bắc Kỳ và vùng mỏ. Thông qua đó, đường dây liên lạc bí mật với các địa phương vùng duyên hải, với Quốc tế Cộng sản, với Đảng Cộng sản Liên Xô, Đảng Cộng sản Pháp luôn được giữ vững.

Cũng thông qua báo Đảng mà lần đầu tiên chủ nghĩa Mác - Lênin và quan điểm, đường lối của Đảng ta được tuyên truyền công khai, rộng rãi trong quần chúng. Năm 1938, ta đã tổ chức được một gian hàng bán sách báo tiến bộ ngay trong hội chợ của Hải Phòng. Chính báo chí của Đảng ta đã đóng vai trò người tổ chức, người tuyên truyền, dẫn tới các cuộc bãi công, bãi chợ, biểu dương lực lượng của công nhân, thợ thủ công đòi thi hành luật lao động, tăng lương, cải thiện điều kiện làm việc, chống sưu cao thuế nặng, cải tổ hương thôn,... Qua các phong trào đó, uy tín và ảnh hưởng của Đảng ngày càng mở rộng và nâng cao trong các tầng lớp nhân dân Hải Phòng.

Tháng 3-1938, đồng chí Nguyễn Văn Túc được Xứ uỷ Bắc Kỳ điều đi nhận công tác khác. Đồng chí Nguyễn Văn Cúc đảm nhận nhiệm vụ thay đồng chí Nguyễn Văn Túc chỉ đạo phong trào cách mạng Hải Phòng - Kiến An. Đây cũng là thời kỳ mà cuộc vận động đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ ở Hải Phòng và nhiều nơi trên toàn quốc bắt đầu gặp khó khăn. Tuy vậy, dưới sự chỉ đạo của đồng chí Nguyễn Văn Cúc và Thành uỷ Hải Phòng, các hội ái hữu vẫn phát triển, những hoạt động ủng hộ Trung Quốc kháng Nhật, hoạt động kỷ niệm ngày 1-5-1938 vẫn được triển khai. Một đoàn đại biểu của công nhân và các giới lao động Hải Phòng đã được cử lên Hà Nội tham gia cuộc hội thảo và mít tinh biểu dương lực lượng tại khu Đấu Xảo, do Đảng ta tổ chức;

các đại biểu Đoàn Thanh niên dân chủ Hải Phòng cũng đã tham dự Đại hội Đoàn Thanh niên dân chủ toàn quốc tại Hà Nội; các đại biểu tiểu thương Hải Phòng cũng lên Hà Nội tham gia Hội chợ, v.v..

Tháng 6-1937 Chính phủ Lêông Blum từ chức, Sôtăng, người của Đảng Cấp tiến lên làm Thủ tướng, tình hình chính trị nước Pháp ngày càng diễn biến xấu. Những người phái hữu của Đảng Cấp tiến đã thực thi những chính sách đối nội, đối ngoại phản dân chủ, ráo riết tiến công Đảng Cộng sản Pháp. Tháng 4-1938, Daladiê lên cầm quyền, ban hành nhiều đạo luật phản động. Tại Hải Phòng, nhiều hội ái hữu bị giải tán; báo chí tiến bộ bị tịch thu và cấm lưu hành. Việc tăng thuế của chính quyền thực dân nhằm sung vào quỹ chiến tranh làm cho đời sống của các tầng lớp nhân dân lao động gặp nhiều khó khăn. Trong điều kiện ấy, hoạt động của các hội ái hữu dần dần thu hẹp, các nhóm trung kiên và các tổ nghiệp đoàn dần dần đi vào hoạt động bí mật.

Tháng 1-1939, theo sự điều động của Trung ương, đồng chí Nguyễn Văn Cúc bàn giao việc chỉ đạo phong trào cách mạng Hải Phòng - Kiến An cho đồng chí Tô Hiệu và nhận nhiệm vụ vào tăng cường cho Thành uỷ Sài Gòn - Chợ Lớn.

Đồng chí Cúc rời Hải Phòng với bao lưu luyến, như sau này đồng chí đã phát biểu: “Tuy tôi quê quán ở Hưng Yên, sinh ra ở Hà Nội nhưng đối với tôi, tôi coi

mình như người của thành phố cảng Hải Phòng. Coi như sinh đẻ ở Hải Phòng một lần nữa. Và, tôi nhận Hải Phòng là quê hương, bởi vì tôi trưởng thành bắt đầu chính từ nơi thân thương ấy”¹. Vào Sài Gòn - Chợ Lớn, đồng chí thấy phong trào cách mạng cũng đang vấp phải sự khủng bố của kẻ thù, song nhìn chung không khí có phần đỡ căng thẳng hơn. Trong khi ở Bắc Kỳ, các hoạt động công khai dần dần đi vào bí mật thì ở Nam Kỳ các hoạt động đòi dân sinh, dân chủ, các hoạt động báo chí vẫn khá sôi nổi.

Ở Sài Gòn, báo *Dân chúng* - tờ báo lấy danh nghĩa là tiếng nói của lao động và dân chúng, nhưng thực chất là cơ quan ngôn luận công khai của Đảng ta do đồng chí Nguyễn Văn Cừ trực tiếp chỉ đạo, xuất bản từ tháng 7-1938 trong điều kiện không xin phép chính quyền, nhưng vẫn phát hành đều đặn. Từ 3.000 bản mỗi số ban đầu, đến đầu năm 1939 đã tăng dần tới 10.000 bản, có số tới 15.000 bản. Qua hai lần bị khám xét (7-3 và 19-4-1939), một số người làm báo bị bắt giữ, nhưng báo vẫn ra được 90 số, cho tới ngày 30-8-1939 mới đình bản hẳn. Cùng với báo *Dân chúng*, một số tờ báo như: *Lao động* - cơ quan ngôn luận của Thành uỷ Sài Gòn - Chợ Lớn, do Bí thư Thành uỷ Nguyễn Thị Minh Khai trực tiếp phụ trách vẫn ra tới số 30, ngày 14-7-1939 mới bị đóng cửa.

1. Lê Điệp - Chí Thành: *Nơi ấy, tôi đã trưởng thành*. In trong *Nguyễn Văn Linh - hành trình cùng lịch sử*, *Sđd*, tr. 41.

Các báo khác như *Sóng, Tiến tới, Mới, Thanh niên*, v.v. vẫn rải rác ra tới tháng 3 hoặc tháng 5-1939.

Đến Sài Gòn - Chợ Lớn, đồng chí Nguyễn Văn Cúc được cử phụ trách Phó Bí thư Thành uỷ nhằm tăng cường chỉ đạo cuộc đấu tranh chống các thủ đoạn lừa bịp giả hiệu của Đảng Lập hiến và bọn tởtkít. Đồng chí tìm về thành phố Mỹ Tho, ở tại tòa soạn *Đông phương tạp chí*, do đồng chí Thanh Sơn phụ trách, nơi đặt *Đông phương thư xã* - cơ quan phát hành sách báo công khai của Đảng tại đường Galliéni (nay là đường Trưng Nhị), để tham gia vào một số công việc chuẩn bị cho Hội nghị Trung ương lần thứ sáu bàn về chuyển hướng chiến lược cách mạng Việt Nam cho phù hợp với tình hình mới. Từ đây, đồng bào, đồng chí Nam Bộ quen gọi đồng chí Cúc là Anh Mười, một cái tên khiêm nhường, thứ mười cũng như là út ít, tự coi là đàn em của các anh Hai, anh Ba Nam Bộ. Cái tên trù mến anh Mười Cúc bắt đầu có từ đó.

Kể từ thời điểm những người phái hữu của Đảng Cấp tiến cầm quyền ở Pháp, chính quyền thuộc địa ở Đông Dương bắt đầu thẳng tay đàn áp phong trào yêu nước và cách mạng của nhân dân ta, những cuộc bắt bớ, lùng sục diễn ra bất kể ngày đêm.

Khi Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, chính quyền thuộc địa Đông Dương đã công bố lệnh tổng động viên, bắt nhân dân ta đi làm bia đỡ đạn cho bọn chúng.

Ngày 28-9-1939, Toàn quyền Đông Dương, tướng Catoru (Catroux) ban hành hàng loạt nghị định, sắc lệnh như cấm các hoạt động tuyên truyền cộng sản, cấm các ấn phẩm mang tư tưởng cộng sản, ra lệnh giải tán các hội ái hữu, các nghiệp đoàn và tuyên bố tịch thu tài sản của các tổ chức đó.

Ngày 5-10-1939, vua Bảo Đại bù nhìn cũng phụ họa bằng việc ra chỉ dụ cấm chỉ các cuộc hội họp, tuyên truyền ở Trung Kỳ.

Không khí khủng bố bao trùm trên cả nước, các tờ báo của Đảng bị đóng cửa, tài sản bị tịch thu, người làm báo bị bắt giam, cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân ta đứng trước những thử thách mới. Ngày 29-9-1939, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ta đã ra Thông báo về thời cuộc và khẳng định: "Hoàn cảnh Đông Dương sẽ tiến bước đến vấn đề dân tộc giải phóng". Trung ương Đảng cũng chỉ thị cho các bộ phận công tác, hoạt động công khai của Đảng nhanh chóng rút vào bí mật để bảo vệ lực lượng.

Theo chỉ thị của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ, các đồng chí Lê Duẩn, Phan Đăng Lưu từ Trung Kỳ đã cùng đồng chí Tổng Bí thư rút vào hoạt động tại Nam Kỳ.

Tại căn nhà số 312 đường Nguyễn Tấn Nghiệp - một cơ sở của Xứ uỷ Nam Kỳ, các đồng chí ta đã thường xuyên có những cuộc gặp gỡ, trao đổi tình hình và gấp rút chuẩn bị Hội nghị Trung ương lần thứ sáu. Các đồng

chí Võ Văn Tần, Tạ Uyên, Nguyễn Văn Cúc, Nguyễn Thị Minh Khai cũng được điều động lên Sài Gòn để cùng các đồng chí Trung ương và Tổng Bí thư chuẩn bị tham dự Hội nghị.

Công việc chuẩn bị cho Hội nghị Trung ương lần thứ sáu đòi hỏi phải tập trung cao độ trí tuệ và sức lực của các đồng chí ta, đồng thời cũng phải hết sức đề phòng sự theo dõi lùng sục của cảnh sát, mật thám. Sài Gòn - Chợ Lớn lúc này là nơi đặt cơ quan của Trung ương Đảng, là nơi tập trung những cán bộ lãnh đạo cao nhất của Đảng nên kẻ thù cũng sử dụng một lực lượng cảnh sát, mật thám đông đảo, với những tên chỉ huy sừng sỏ, với những thủ đoạn thâm độc, tinh vi, kể cả việc dụ dỗ, mua chuộc những phần tử hoang mang, dao động và thoái chí.

Để tránh khủng bố, tại Bắc Kỳ, sau khi báo *Tin tức* bị đóng cửa, các đồng chí Hoàng Văn Thụ, Đặng Xuân Khu, Hà Bá Cang đã kịp thời rút vào hoạt động bí mật.

Tại Nam Kỳ, các đồng chí Nguyễn Văn Cừ, Lê Duẩn, Phan Đăng Lưu, Võ Văn Tần phải thường xuyên thay đổi địa điểm để tránh sự lùng sục của mật thám, chỉ điểm. Các đồng chí Tạ Uyên, Nguyễn Thị Minh Khai phải lẩn lộn khắp các làng xóm, bưng biển để gây dựng các cơ sở bí mật và các tổ chức quần chúng. Nhìn chung, tới đầu năm 1939, về cơ bản lực lượng cách

mạng ở Sài Gòn - Chợ Lớn và Nam Kỳ vẫn được bảo toàn. Công việc chuẩn bị hội nghị Trung ương vẫn được tiến hành khẩn trương.

Khoảng cuối tháng 9 đầu tháng 10-1939, nhận chỉ thị của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ, đồng chí Nguyễn Văn Cúc ra công tác ở miền Trung với nhiệm vụ truyền đạt tình hình và chỉ thị của Trung ương cho các đồng chí Lê Hồng Phong, Hà Huy Tập, khi đó đang bị an trí tại quê hương Nghệ - Tĩnh và triệu tập các đồng chí vào Sài Gòn họp hội nghị Trung ương. Đồng chí Cúc có gặp được đồng chí Hà Huy Tập, nhưng trong bối cảnh bọn A.B¹ đang chui vào phá hoại, ly gián Đảng bộ Trung Kỳ, lại chưa từng quen biết đồng chí Cúc, sợ rơi vào bẫy bọn A.B nên đồng chí Hà Huy Tập không rút đi ngay, do đó đã bị địch bắt lại.

Trên đường ra Vinh, qua làng Yên Dũng Thượng, đồng chí Cúc bị bọn lính tuần đuổi bắt. “Lúc bấy giờ, trên cánh đồng có một anh nông dân đi cày sớm. Thấy có người chạy và lính tuần đuổi, anh ta liền hô hoán: Có kẻ trộm, kẻ trộm! Bọn lính tuần đuổi một quãng thì bắt được anh. Chúng đưa về đồn tra khảo. Nhổ đến lời hô hoán của người nông dân, anh một mực khai: tôi đói quá định trộm ít khoai. Khám trong người anh không có gì đáng nghi, bọn lính tuần phải thả anh

1. Anti-bolchevik: bọn chống cộng.

ra, thế là anh thoát, tiếp tục trở về Nam hoạt động”¹.

Lúc này, ở Sài Gòn nhiều cơ sở cách mạng bị đánh phá nên tìm chỗ ở rất khó khăn. Một cán bộ Thành uỷ Sài Gòn bố trí đồng chí Cúc đến ở khu Bàn Cờ. Tết cổ truyền dân tộc sắp đến. Giữa lúc đồng chí Cúc cùng gia đình cơ sở cách mạng đang ngồi gói bánh chưng thì cảnh sát bỗng nhiên ập đến khám xét nhà bên cạnh. Lập tức đồng chí phải chạy trốn. Trước khi mỗi người một ngã,

1. Năm mươi năm sau, câu chuyện này có một đoạn kết cảm động. Khi làm Tổng Bí thư, đồng chí Nguyễn Văn Linh một lần về thăm cơ sở cũ, có kể lại chuyện suýt bị bắt năm xưa cho các đồng chí trong Đảng uỷ xã nghe, do nhờ có anh nông dân hô hoán “kẻ trộm” mà mình được thoát; nhân đó đồng chí hỏi người nông dân đó còn sống không, nay làm gì? Các đồng chí Đảng uỷ xã cho tìm hiểu, mới biết đó là đồng chí Khang, nhưng đồng chí này đã bị khai trừ ra khỏi Đảng vì chỉ bộ lúc đó cho rằng vì anh Khang hô hoán nên lính tuần mới bắt được anh Linh. Bị oan ức, nhưng anh Khang không có cách nào thanh minh để thuyết phục được chỉ bộ, đành phải mang nỗi oan suốt mấy chục năm trời! Nghe các đồng chí Đảng uỷ báo cáo lại, đồng chí Linh xúc động nói: “Thế thì oan cho đồng chí ấy quá! Tội nghiệp đồng chí ấy mấy chục năm bị oan ức mà tôi không hề biết. Đề nghị các đồng chí phục hồi đảng tịch cho đồng chí ấy, chuyển lời tôi cảm ơn đồng chí ấy cùng với một món quà nhỏ”. Nhận được quyết định, đồng chí Khang mừng khôn xiết: “Cảm ơn đồng chí Tổng Bí thư, cảm ơn anh Linh đã cho tôi được sống lại” (Nguyễn Mạnh Cầm: *Việc nhỏ, ý nghĩa lớn*. In trong *Nguyễn Văn Linh, nhà lãnh đạo kiên định và sáng tạo*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003, tr. 100-101).

anh cán bộ Thành uỷ có hẹn: tối ba mươi Tết sẽ gặp nhau trước chợ Bến Thành để đón đồng chí Cúc xuống tạm trú qua đêm trên một chiếc tàu đậu dưới sông Sài Gòn, đợi sáng mồng một Tết, sẽ tìm một chỗ ở khác cho đồng chí. Nhưng đợi đến quá giao thừa, phố xá đã vắng mà đồng chí cán bộ kia vẫn không thấy lại đón (sau này, đồng chí Cúc mới biết: đồng chí cán bộ kia chưa tới được chợ Bến Thành thì đã bị địch bắt). Tình thế lúc này thật nguy hiểm vì cảnh sát, mật vụ đang giăng lưới khắp nơi. Giữa lúc đồng chí Cúc đang định trốn vào một nơi kín đáo trong chợ Bến Thành chờ qua đêm rồi sẽ tính, bỗng nhiên có một bàn tay vỗ nhẹ sau lưng, thì ra là anh Lê Xuân Trứ, lúc đó đang cùng một tốp thợ kéo nhau đi Biên Hòa đón Tết. Anh Trứ đưa đồng chí Cúc về chỗ anh ở, mua sắm cho anh một số đồ ăn gọi là có chút ít hương vị ngày Tết, dặn anh không được ra khỏi cửa, không để tiếng động lọt ra ngoài để xung quanh và trên gác biết. Sáng mồng hai Tết, anh Trứ quay lại đưa anh Cúc đến nơi ở mới an toàn, giúp đồng chí Cúc vượt qua được cơn hiểm nghèo¹.

Trong các ngày 6, 7, 8-11-1939, tại một gia đình cơ sở cách mạng ở Mười tám thôn Vườn Trầu, Bà Điểm, Gia Định, Hội nghị Trung ương đã họp dưới sự chủ trì của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ. Hội nghị đã thảo luận tình

1. Theo lời kể của đồng chí Nguyễn Văn Linh cho đồng chí Lê Xuân Tùng, trợ lý Tổng Bí thư, là con đồng chí Lê Xuân Trứ.

hình trong nước, quốc tế và nhận định: Cuộc chiến tranh để quốc đang đặt nhân loại trước một hiểm họa, nhưng nó cũng tạo điều kiện cho cuộc đấu tranh cách mạng ở các nước những thuận lợi mới. Đối với cách mạng Việt Nam, vấn đề giành độc lập dân tộc đã trở thành mục tiêu trước mắt. Hội nghị xác định mục tiêu chiến lược trước mắt của cách mạng Đông Dương là đánh đổ đế quốc và phong kiến tay sai, giải phóng các dân tộc Đông Dương, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập. Những quyết định của Hội nghị thể hiện bước chuyển hướng chiến lược quan trọng của Đảng ta, mở ra một cao trào cách mạng đấu tranh giành chính quyền trong cả nước.

Sau Hội nghị Trung ương, các cán bộ dự họp được phân công về các địa phương truyền đạt Nghị quyết và thực hiện chủ trương chuyển hướng hoạt động. Đồng chí Võ Văn Tần, Bí thư Xứ ủy Nam Kỳ lần lộn khắp các vùng lục tỉnh, đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai phải gửi con nhỏ mới sinh để bám sát các cơ sở ở Sài Gòn - Chợ Lớn và các vùng phụ cận. Là người trẻ nhất cơ quan Xứ ủy, đồng chí Nguyễn Văn Cúc được Trung ương cử ra miền Trung công tác nhằm lập lại Xứ ủy ở Trung Kỳ.

3. Bị bắt và bị đày ra Côn Đảo lần thứ hai

Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, nước Pháp nhảy vào vòng chiến, nhưng liên quân Anh - Pháp luôn bị thất bại trước những đòn tấn công của quân Đức.

Ngày 22-6-1940, Chính phủ Pháp đầu hàng liên quân Đức - Italia.

Để chuẩn bị cho cuộc chiến tranh ở Thái Bình Dương, ngày 22-9-1940, quân Nhật đổ bộ vào Hải Phòng, đánh chiếm Lạng Sơn. Cùng ngày, tại Hà Nội, chính quyền thuộc địa đầu hàng, ký hiệp ước thỏa thuận cho Nhật được sử dụng lãnh thổ Bắc Kỳ vào mục đích quân sự.

Từ chối đề nghị của những người cộng sản về việc liên minh phòng thủ Đông Dương, vừa đầu hàng quân Nhật, chính quyền thuộc địa vừa tăng cường đàn áp những người cộng sản và phong trào cách mạng. Không khí khủng bố lan tràn khắp nơi, nhiều cơ sở cách mạng và tổ chức đảng bị phá vỡ; nhiều cán bộ, đảng viên bị địch bắt, bị giết và bị tù đày.

Ngày 18-1-1940, tại Sài Gòn, các đồng chí Nguyễn Văn Cừ, Lê Duẩn, Vũ Văn Hiếu bị bắt.

Ngày 6-2-1940, kẻ thù bắt lại đồng chí Lê Hồng Phong, liên sau đó bắt lại đồng chí Hà Huy Tập đang bị an trí tại quê nhà.

Ngày 21-4-1940, đồng chí Võ Văn Tần cũng bị địch bắt.

Ngày 30-7-1940, các đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai, Nguyễn Hữu Tiến sa vào tay giặc.

Ngày 23-11-1940, khởi nghĩa Nam Kỳ bùng nổ. Tuy thất bại nhưng cuộc khởi nghĩa đã viết nên những trang sử rất oai hùng, làm cho Pháp hoảng sợ, đàn áp điên cuồng, cuộc khủng bố trắng càng thêm khốc liệt. Tại

Trung Kỳ, đầu năm 1941, đồng chí Nguyễn Văn Cúc cũng không may sa vào lưới bủa vây dày đặc của bọn đế quốc và tay sai.

Trong cuộc đại khủng bố này, Đảng ta và phong trào cách mạng bị tổn thất khá nặng nề, nhất là ở Nam Bộ. Hàng trăm làng mạc bị triệt hạ, hầu hết các đồng chí trong Ban Chấp hành Trung ương, Thường vụ Trung ương cùng hàng nghìn cán bộ, chiến sĩ cộng sản và đồng bào yêu nước bị địch bắt, ngay sau đó nhiều đồng chí đã bị chúng giết hại. Các đồng chí Nguyễn Văn Cừ, Hà Huy Tập, Phan Đăng Lưu, Võ Văn Tần, Nguyễn Thị Minh Khai, Nguyễn Hữu Tiến,... đã bị kẻ thù đem ra xử bắn. Các đồng chí Lê Hồng Phong, Lê Duẩn, Vũ Văn Hiếu, Nguyễn Văn Cúc cùng hàng trăm đồng chí trung kiên khác bị kẻ thù đẩy xuống tàu, đày ra Côn Đảo lần thứ hai.

Nhà tù Côn Đảo - địa ngục trần gian với cái nghĩa đầy đủ nhất của nó, chỉ tính trong khoảng hai năm 1941 - 1942, theo thống kê chưa đầy đủ, đã có tới 4.000 tù nhân, trong đó chủ yếu là các chiến sĩ cộng sản và những người yêu nước.

Từ giữa năm 1941, theo lệnh của Thống đốc Nam Kỳ, tên chúa đảo Bơuonnê đã thi hành một chế độ tàn bạo nhất trong lịch sử nhà tù Côn Đảo. Đồng chí Nguyễn Thanh Hà, người cùng bị đày ra Côn Đảo với đồng chí Cúc thời kỳ này đã kể lại: “Kẻ thù vô cùng hiểm độc, chúng muốn giết dần giết mòn chúng tôi bằng

cách bắt làm lao động khổ sai hay giam cầm cố trong các xà lim tối tăm bẩn thỉu.

Tối bữa cơm chúng lừa chúng tôi ra hàng ba. Thằng cai ngục đứng chặn ngang cửa dùng roi mây quất trót trót lên đầu lên lưng chúng tôi, máu tuôn xối xả. Mỗi ca cơm là một bùm máu. Chúng tôi thường phải ăn cơm trộn máu. Ngày nào cũng như ngày nào, vẫn ca cơm lẫn đầy thóc sạn với mấy lát cá khô ký ninh (khô đã mục đắng như thuốc ký ninh).

Một hôm sau bữa ăn, chúng tôi xếp hàng đi vào khám. Tôi đi gần anh Mười Cúc. Không hiểu sao tên gác-dan Tây quất anh mấy roi gân bò làm anh té quỵ. Không một chút sợ hãi, anh Mười quay ngoắt lại nhìn trừng trừng tên này. Trong ánh mắt anh như có tia máu.

Tôi không bao giờ quên được nét mặt đầy căm hờn và đôi mắt rực lửa của anh. Anh Mười là một trong những tấm gương bất khuất đầy bản lĩnh khi đối mặt với quân thù”¹.

Đồng chí Lê Duẩn, lần thứ hai bị đày ra Côn Đảo, giam cùng buồng với đồng chí Nguyễn Văn Cúc, cũng cho biết: "Từ 1940 - 1945, trong số một trăm mấy chục anh em bị giam cùng phòng với tôi, phần lớn đã chết dần chết mòn, chỉ còn mười lăm đồng chí"². Nhiều người

1. Nguyễn Thanh Hà: *Ánh mắt người tù*. In trong *Nguyễn Văn Linh - hành trình cùng lịch sử*, Sđd, tr. 60a.

2. Lê Duẩn: *Thanh niên với cách mạng xã hội chủ nghĩa*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 1978, tr. 367.

con ưu tú của dân tộc, nhiều cán bộ trung kiên của Đảng ta như Lê Hồng Phong, Vũ Văn Hiếu, v.v. đã hy sinh vì bị dày dọ trong những tháng năm này.

Tuy nhiên, kẻ thù đã không khuất phục được ý chí gang thép của người cộng sản. Lạc quan, yêu đời, luôn luôn tin tưởng vào thắng lợi của sự nghiệp cách mạng là truyền thống, là bản chất của những chiến sĩ cộng sản. Trong bất kỳ hoàn cảnh nào, các đồng chí ta cũng chiến đấu, còn sống còn học tập. Đồng chí Nguyễn Thanh Hà kể: "Khi cánh cửa phòng giam đóng sầm lại, bên trong là thế giới riêng của chúng tôi. Ở góc này là một lớp học văn hay học toán, góc kia là lớp triết học hay kinh tế chính trị học. Tôi thì đang truyền đạt lại cho mấy anh em trẻ mới ra đảo bài học *Cách mạng Đông Dương* nhờ thụ giáo với đồng chí Trần Văn Giàu ở Khám Lớn Sài Gòn. Anh Mười Cúc thì đang nhẩm lại truyện thơ *Kim Vân Kiều* của thi hào Nguyễn Du do một anh mới ra đảo giấu đem vào khám. Ở chính giữa phòng giam, nhiều anh em bu quanh anh Ba Duẩn nghe anh phân tích: "Mặc dù quân Hítler vây hãm Leningrát, chiếm gần hết Xtalingrát nhưng nhất định chúng sẽ thảm bại..."

Anh Ba Duẩn nói hăng đến nỗi cả phòng giam đều hướng về phía anh và vỗ tay hoan hô nồng nhiệt mặc dầu vẫn biết chắc rằng sau đó sẽ phải chịu một trận đòn bằng roi mây.

Mỗi tối trước khi ngủ, anh Mười Cúc thường hô hào anh em ca hát hoặc kể chuyện vui. Có anh kể chuyện tiếu

lâm rất hay làm cho mọi người cười muốn bể bụng"¹.

Từ giữa năm 1943, quân Nhật trên chiến trường Đông Dương lâm vào tình thế khó khăn, vòng vây của quân Đồng minh bắt đầu khép chặt. Việc tiếp tế cho Côn Đảo không được thường xuyên nữa; lương thực, thực phẩm rất thiếu thốn. Trong khi đó tù chính trị án nặng bị giam ở Hà Nội, Sài Gòn và một số nơi khác vẫn tiếp tục bị đưa ra đảo. Lợi dụng chủ trương của viên quản đốc nhà tù cho tù nhân, trong đó có cả tù chính trị, ra ngoài lao động để giải quyết thiếu đói, các đồng chí ta đã tranh thủ củng cố các chi bộ. Qua các đồng chí mới bị đưa ra đảo, các đồng chí cũ ở đây đã nắm được tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ tám (5-1941), hiểu rõ 10 chính sách của Việt Minh và chủ trương của Trung ương Đảng về quyết định vũ trang khởi nghĩa giành chính quyền.

Sau khởi nghĩa 19-8-1945 thắng lợi ở Hà Nội, ngày 25-8-1945, nhân dân Sài Gòn - Chợ Lớn và vùng phụ cận khởi nghĩa giành được chính quyền. Cùng ngày hôm đó, bọn Nhật cho tàu ra Côn Đảo chở hết lính Nhật, lính gác điêng Pháp về đất liền, chỉ để lại tên đội Lê Văn Trà, một số mã tà người Việt cùng một đơn vị bảo an mới ra để cai quản khoảng 3.000 tù nhân. Người chỉ huy đơn vị bảo an này là cơ sở cách mạng được Xứ uỷ Nam

1. Nguyễn Thanh Hà: *Ánh mắt người tù*. In trong *Nguyễn Văn Linh - hành trình cùng lịch sử, Sđd*, tr. 60b.

Kỳ cử ra để hỗ trợ cho các đồng chí ta ngoài Côn Đảo. Qua người này, các đồng chí ta đã nắm được tình hình khởi nghĩa ở các địa phương trong cả nước. Với những thuận lợi ấy, Đảng uỷ Côn Đảo quyết định thực hiện chủ trương giành chính quyền trên đảo bằng phương pháp hòa bình. Sau một số cuộc thảo luận và gây sức ép với Lê Văn Trà, Hội đồng Liên hiệp quốc dân Côn Đảo - một hình thức chính quyền ở Côn Đảo - được thành lập với sự tham gia lãnh đạo của các đồng chí Tôn Đức Thắng, Lê Duẩn, Phạm Hùng, Lê Văn Lương, Lê Văn Sĩ (Võ Sĩ).

Tối 16-9-1945, đoàn tàu của Uỷ ban nhân dân Nam Bộ ra đón các đồng chí trên đảo cập bến Cỏ Ống.

Chiều 17-9-1945, các đồng chí Tôn Đức Thắng, Lê Duẩn, Phạm Hùng, Lê Văn Lương, Nguyễn Văn Cúc, Lê Văn Sĩ cùng anh em trên đảo đã tổ chức một cuộc mít tinh mừng chiến thắng và đón chào phái đoàn của Xứ uỷ và nhân dân Nam Bộ ra đón những người con của Đảng, của dân tộc trở về đất liền, chuẩn bị bước vào cuộc chiến đấu mới.

Chương III

BÍ THƯ THÀNH ỦY SÀI GÒN - CHỢ LỚN TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP (1945 - 1954)

Cách mạng Tháng Tám 1945 thành công mở ra bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta. Cách mạng Tháng Tám đã lật nhào chế độ thống trị thực dân trên đất nước ta hơn 80 năm và chế độ quân chủ hàng ngàn năm, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà - nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á. Cách mạng Tháng Tám đã mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử đất nước ta - kỷ nguyên độc lập, tự do. Từ đây, nhân dân ta từ người nô lệ trở thành người tự do, làm chủ đất nước, làm chủ vận mệnh của mình.

Hoà cùng niềm vui chung của đất nước, của dân tộc, những chiến sĩ cộng sản kiên cường, bị giam cầm trong các ngục tù của bọn đế quốc thực dân đã được trở về trong niềm hân hoan đón chào của đồng bào, đồng chí. Sau bao năm bị tù đầy, đồng chí Mười Cúc

và nhiều đồng chí khác được cách mạng đón từ nhà tù Côn Đảo trở về trong niềm vui chung của đồng bào, đồng chí miền Nam.

1. Xây dựng và củng cố phong trào cách mạng ở nội thành

Đồng chí Mười Cúc về đến đất liền đúng vào lúc nổ ra cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của đồng bào Nam Bộ (23-9-1945). Nhân dân Sài Gòn hưởng tự do, độc lập chưa được bao lâu, một lần nữa lại phải đứng lên chiến đấu chống lại cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp.

Mặc dù vừa mới ở trong tù ra, đồng chí Mười Cúc đã cùng các đồng chí Tôn Đức Thắng, Lê Văn Sĩ, v.v. tham gia vào Ban tổ chức phân công tù chính trị về tăng cường cho các địa phương để xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng. Đồng chí Mười Cúc đã được Xứ uỷ Nam Bộ bổ sung vào đội ngũ cán bộ lãnh đạo phong trào cách mạng ở nội thành Sài Gòn - Chợ Lớn.

Cùng với Uỷ ban kháng chiến Nam Bộ và Uỷ ban kháng chiến Sài Gòn - Chợ Lớn, đồng chí Mười Cúc và các đồng chí lãnh đạo phong trào đô thị đã tổ chức và lãnh đạo nhân dân Sài Gòn - Chợ Lớn tiến hành tổng bãi công; thực hiện bất hợp tác với địch; kêu gọi đồng bào xây dựng chướng ngại vật cản bước tiến của địch.

Thực dân Pháp tăng cường thêm viện binh, mở rộng đánh chiếm ra các tỉnh ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ.

Cuộc kháng chiến của nhân dân Nam Bộ càng ngày càng ác liệt. Để củng cố các cơ quan lãnh đạo kháng chiến, ngày 15-10-1945, tại Cầu Vĩ (ngoại vi Mỹ Tho) đã diễn ra Hội nghị cán bộ Đảng bộ Nam Bộ. Tham gia Hội nghị có các cán bộ chủ chốt của hai xứ uỷ cùng những đảng viên mới từ Côn Đảo về, như các đồng chí Lê Duẩn, Tôn Đức Thắng, Phạm Hùng... Đồng chí Mười Cúc cũng tham dự Hội nghị. Hội nghị tập trung bàn việc thống nhất Đảng, thống nhất Việt Minh và các đoàn thể quần chúng. Hội nghị quyết định giải thể hai xứ uỷ cũ¹ bầu một xứ uỷ thống nhất lâm thời gồm 11 đồng chí, do đồng chí Tôn Đức Thắng làm Bí thư². Ngày 25-10-1945, Xứ uỷ thống nhất lâm thời triệu tập Hội nghị mở rộng tại Thiên Hộ (Mỹ Tho), có đồng chí Hoàng Quốc Việt, Uỷ viên Thường vụ Trung ương Đảng tham dự. Hội nghị biểu dương thành tích chiến đấu của quân và dân Nam Bộ. Theo đề nghị của đồng chí Tôn Đức Thắng, Hội

1. Trước Nhật đảo chính Pháp, ở Nam Bộ có hai xứ uỷ được thành lập. Một xứ uỷ được thành lập ở chợ Gạo (Mỹ Tho) vào tháng 10-1943, do đồng chí Trần Văn Giàu làm Bí thư; một xứ uỷ được thành lập tại Xoài Hột (Mỹ Tho) ngày 20-3-1943 do đồng chí Dân Tôn Tử làm Bí thư. Sau này Trung ương gọi Xứ uỷ chợ Gạo là "Xứ uỷ Tiền phong" và Xứ uỷ Xoài Hột là "Xứ uỷ Giải phóng".

2. Xứ uỷ thống nhất lâm thời gồm: Tôn Đức Thắng, Lê Duẩn, Phạm Hùng, Trần Ngọc Danh, Lê Văn Sĩ, Nguyễn Văn Nguyễn, Nguyễn Văn Kinh, Hoàng Dư Khương, Nguyễn Thị Thập, Ung Văn Khiêm, Hà Huy Giáp.

ng nghị đã cử đồng chí Lê Duẩn làm Bí thư Xứ uỷ lâm thời, cử đồng chí Tôn Đức Thắng làm Chủ tịch Uỷ ban kháng chiến Nam Bộ thay đồng chí Trần Văn Giàu ra nhận công tác ở Trung ương.

Cùng thời gian này, đồng chí Nguyễn Bình, cán bộ quân sự cao cấp, được Chủ tịch Hồ Chí Minh phái vào Nam. Cùng đi có đồng chí Vũ Đức (Hoàng Đình Giong). Ngày 20-11-1945, tại xã An Phú (Hóc Môn, Gia Định) đồng chí Nguyễn Bình triệu tập 40 đại biểu các lực lượng quân sự ở miền Đông (vì liên lạc khó khăn, không mời được miền Trung và miền Tây Nam Bộ). Hội nghị nhất trí cử đồng chí Nguyễn Bình làm Tư lệnh giải phóng quân Nam Bộ và đồng chí Vũ Đức làm Chính uỷ.

Để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng vũ trang, xây dựng cơ sở đảng trong thành phố, thị xã, thị trấn, ngày 10-12-1945, Xứ uỷ đã triệu tập Hội nghị mở rộng tại Bình Hòa Nam (nay thuộc Đức Huệ, Long An). Đồng chí Mười Cúc đã tham dự Hội nghị. Hội nghị quyết định giải thể Uỷ ban kháng chiến Nam Bộ, thành lập Uỷ ban kháng chiến miền Nam do đồng chí Cao Hồng Lĩnh làm Chủ tịch. Theo quyết định của Trung ương, Nam Bộ được chia làm ba khu (khu VII, khu VIII và khu IX). Việc củng cố hệ thống lãnh đạo Đảng và chỉ huy quân sự đã có tác dụng to lớn đối với cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở Nam Bộ; từ đó cuộc kháng chiến ở Nam Bộ có bước phát triển vững chắc hơn.

Thực dân Pháp xúc tiến mở rộng chiến tranh xâm lược ra cả nước Việt Nam. Ngày 28-2-1946, Pháp ký với Tưởng Hiệp ước Hoa - Pháp, tạo điều kiện cho quân Pháp ra miền Bắc Việt Nam thay thế quân đội Tưởng. Để kịp thời đối phó với tình hình, Đảng ta ra Chỉ thị *Tình hình và chủ trương* (3-3-1946), phân tích khó khăn, thuận lợi trong nước, ngoài nước, đi tới chủ trương tạm hòa hoãn với Pháp để chuẩn bị thêm lực lượng, đồng thời nhấn mạnh: *không ngưng một phút công việc sửa soạn, sẵn sàng kháng chiến bất cứ lúc nào và ở đâu*. Ngày 6-3-1946, Chính phủ ta ký với Pháp Hiệp định sơ bộ. Ngay sau khi ký, Đảng ta đã ra Chỉ thị *Hòa để tiến*, nói rõ lý do của việc ký kết hiệp định với Pháp, những thắng lợi của ta trong việc ký hiệp định và nhắc nhở toàn dân ta phải đề cao cảnh giác, đề phòng thực dân Pháp bội ước.

Đúng như dự đoán của Đảng ta, Hiệp định sơ bộ ký chưa ráo mực thì thực dân Pháp đã trở mặt, chúng tuyên bố việc "ký hiệp ước là đầu hàng Việt Minh", "Bản hiệp ước không hề ràng buộc đối với Nam Bộ". Do đó, ngay sau ngày ký hiệp định, thực dân Pháp đã tập trung quân càn quét nhiều căn cứ của ta ở Nam Bộ, khủng bố nhân dân, bắt bớ, giết hại những người yêu nước. Tại Sài Gòn, chúng tập hợp bọn tay sai lập ra cái gọi là "Hội đồng tư vấn Nam Kỳ", hòng tách Nam Bộ ra khỏi Việt Nam; chúng tuyên bố thành lập nước "Nam Kỳ tự trị" với bộ máy chính phủ 2/3 là người Pháp, 1/3

là bọn bù nhìn tay sai như Nguyễn Văn Thinh, Nguyễn Văn Tâm, Nguyễn Văn Xuân...

Tại Sài Gòn - Chợ Lớn lúc này có hai tổ chức đảng hoạt động ở hai vùng khác nhau: nhóm của đồng chí Trịnh Đình Trọng (Tư Phú) gồm các đồng chí Nguyễn Mạnh Hoan, Liễu Châu, Quế Lâm, Trần Bạch Đằng,... hoạt động ở hộ (xã, phường) 17 vùng Chợ Lớn - còn gọi là nhóm Ủy ban Việt Minh Chợ Lớn. Nhóm của đồng chí Nguyễn Thọ Chân (Sáu Khanh) gồm các đồng chí Tạ Văn Hảo, Huỳnh Tấn Phát, Lý Vĩnh Khuông, Mai Văn Bộ,... hoạt động ở vùng Sài Gòn - còn gọi là nhóm Thành bộ Việt Minh Sài Gòn. Cả hai nhóm này không thống nhất với nhau về hành động, mạnh ai nấy làm, nên không tạo được sức mạnh và chưa tập hợp được đông đảo quần chúng thành một khối thống nhất.

Tùng là người hoạt động ở Sài Gòn từ năm 1939, đồng chí Mười Cúc có hiểu biết nhất định về tình hình cán bộ và hoạt động của Đảng bộ Sài Gòn - Chợ Lớn. Sau khi tìm hiểu hoạt động của hai nhóm này, đồng chí nhận thấy: cả hai nhóm đều thành lập Việt Minh và tổ chức các đoàn thể cứu quốc, hai nhóm không có mâu thuẫn, nhưng lại không hợp tác với nhau. Đồng chí Mười Cúc đã đề xuất ý kiến với Xứ ủy việc thống nhất hai tổ chức đảng: Thành bộ Việt Minh Sài Gòn và Ủy ban Việt Minh Chợ Lớn lại làm một. Ý kiến của đồng chí đã được Xứ ủy đồng ý. Tháng 5-1946, tại một địa điểm cạnh hồ bơi An Đông, hai tổ chức đảng Sài Gòn và

Chợ Lớn đã họp, thảo luận việc thống nhất. Hội nghị đã lập ra Thành uỷ lâm thời do đồng chí Trịnh Đình Trọng làm Bí thư, các uỷ viên là Nguyễn Thọ Chân, Nguyễn Văn Chí¹... Đây chưa phải là Thành uỷ chính thức mà mới chỉ là sự thống nhất giữa hai tổ chức đảng để lãnh đạo cuộc chiến đấu của nhân dân Sài Gòn - Chợ Lớn.

Dưới sự lãnh đạo của Thành uỷ lâm thời Sài Gòn - Chợ Lớn, nhân dân thành phố đã tiến hành cuộc đấu tranh tẩy chay chính phủ "Nam Kỳ tự trị", chống địch lập chính quyền bù nhìn, chống âm mưu địch định tách Nam Bộ ra khỏi Việt Nam, đấu tranh đòi hoà bình, dân chủ... Kết quả, sau 5 tháng tồn tại chính phủ "Nam Kỳ tự trị" đã bị tan rã, Nguyễn Văn Thinh phải treo cổ tử tử, Xêđin (Cédille) bị bãi chức buộc phải về nước, v.v..

Tháng 11-1946, tại chiến khu Đồng Tháp Mười, đồng chí Mười Cúc dự Hội nghị cán bộ do Xứ uỷ triệu tập². Dự Hội nghị còn có các đồng chí Nguyễn Văn Kinh, Hoàng Dư Khương, Phạm Hùng, Ung Văn Khiêm, Hà Huy Giáp, Nguyễn Đức Thuận, Trần Văn Trà, đại biểu miền Trung và miền Tây Nam Bộ; tại hội nghị

1. Xem *Lịch sử Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định kháng chiến (1945-1975)*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1994, tr. 112.

2. Xem Ban Chấp hành Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam thành phố Hồ Chí Minh: *Lịch sử Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam thành phố Hồ Chí Minh* (sơ thảo), Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1995, t. 1 (1930 - 1954), tr. 237.

này - đồng chí Nguyễn Văn Cúc được bầu bổ sung vào Xứ uỷ. Hội nghị cũng đã đổi tên Tổng Công đoàn Nam Bộ thành Liên hiệp Nghiệp đoàn Nam Bộ.

Từ những tháng cuối năm 1946, thực dân Pháp cố tình gây ra nhiều vụ khiêu khích, xung đột nhằm phát động cuộc chiến tranh xâm lược ở Việt Nam. Không thể nhân nhượng với chúng thêm được nữa, nhân dân ta buộc phải kháng chiến chống thực dân Pháp phản động, giữ vững chủ quyền và độc lập dân tộc. Ngày 19-12-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*: "Chúng ta thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ". Ngày 12-12-1946, Trung ương Đảng ra Chỉ thị *Toàn dân kháng chiến*, nêu rõ mục đích, tính chất của cuộc kháng chiến, chương trình hành động của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta. Lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chỉ thị *Toàn dân kháng chiến* của Trung ương Đảng đã phác hoạ những nội dung cơ bản của đường lối kháng chiến chống thực dân phản động Pháp xâm lược.

Một ngày tháng 4-1947, tại căn cứ Bà Vực (Vườn Thơm) diễn ra Hội nghị cán bộ Đảng Sài Gòn - Chợ Lớn còn gọi là Hội nghị Thành uỷ mở rộng¹. Đồng chí Lê Duẩn, thay mặt Xứ uỷ dự Hội nghị. Hội nghị đã cử ra Ban Chấp hành chính thức gồm 15 đồng chí (13 đồng

1. Theo xác nhận của các đồng chí Cao Đăng Chiếm, Ngô Thị Huệ, Dương Đình Thảo, những người đã dự Hội nghị.

chí chính thức và 2 dự khuyết), do đồng chí Nguyễn Văn Cúc làm Bí thư¹. Từ đây đồng chí giữ trọng trách là người lãnh đạo cao nhất phong trào cách mạng ở Sài Gòn - Chợ Lớn, từng bước chỉ đạo củng cố tổ chức, xây dựng phong trào cách mạng ở thành phố trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Nhằm tăng cường công tác phát triển Đảng, đặc biệt là ở cơ sở, đồng chí Mười Cúc đã cùng các đồng chí trong Ban lãnh đạo Thành uỷ mở một số lớp bồi dưỡng kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin, về đường lối cách mạng của Đảng cho cán bộ, đảng viên ở cấp cơ sở. Nội dung học tập gồm các bài về cách mạng vô sản, cách mạng dân chủ tư sản, cách mạng giải phóng dân tộc, vấn đề Đảng, vấn đề dân cày, vấn đề dân tộc, về chiến lược và chiến thuật, v.v.. Mặc dù bận nhiều công việc, đồng chí Mười Cúc vẫn trực tiếp lên lớp cho học viên một số bài như về Đảng, về dân tộc, v.v.. Đồng chí đã cùng Thành uỷ xây dựng lại các cơ sở cách mạng, hình thành các chi bộ liên xí nghiệp như Basto, Ba Son và chi bộ liên hộ như Tân Định, Đa Kao... Những quần chúng tích cực qua thử thách đấu tranh nay được các cơ sở kết nạp vào Đảng, số đảng viên ngày một tăng. Đến cuối năm 1947, riêng ở Sài Gòn - Chợ Lớn đã có 208 đảng

1. Ban Chấp hành gồm: Nguyễn Văn Cúc, Nguyễn Thọ Chân, Ngô Sĩ Hùng (Đào Năng An), Ngô Thị Huệ, Chương Dương, Huỳnh Văn Vàng, Cao Đăng Chiếm, Quế Lâm, Liễu Châu, Lê Tuấn, Lê Bá Hoan, Phùng Lượng, Phạm Văn Chúc...

viên (trong đó có 102 đảng viên chính thức và 106 đảng viên dự bị); số chi bộ cũng tăng lên tới 33 chi bộ¹.

Để tạo chỗ dựa vững mạnh cho Đảng, công tác xây dựng các tổ chức quần chúng, các đoàn thể bí mật và công khai, bán công khai được đồng chí Mười Cúc rất chú trọng. Đồng chí đã bàn bạc với các đồng chí lãnh đạo Thành uỷ cử một số cán bộ về tăng cường cho các đoàn thể cứu quốc (Liên hiệp công đoàn, Thanh niên cứu quốc, Phụ nữ cứu quốc, Đảng Dân chủ, Liên đoàn viên chức và công thương). Đồng chí Mười Cúc cũng rất chú ý tới công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng nhằm hướng dẫn quần chúng đấu tranh.

Sau khi nổ ra cuộc kháng chiến ở Nam Bộ, Xứ uỷ đề ra chủ trương bất hợp tác với giặc, kêu gọi nhân dân thực hiện “vườn không nhà trống”. Hưởng ứng lời kêu gọi đó, các tầng lớp nhân dân Sài Gòn - Chợ Lớn đã lần lượt rời khỏi thành phố, tản cư về nông thôn. Sau khi giặc Pháp chiếm được hầu hết các tỉnh Nam Bộ, chúng quay về đánh chiếm vùng ven Sài Gòn - Chợ Lớn. Chúng mở nhiều cuộc càn quét với quy mô lớn vào vùng nông thôn ngoại thành, gây cho ta nhiều khó khăn, nhất là đối với đồng bào tản cư. Nhiều gia đình lâm vào cảnh khó khăn, mặc dù được nhân dân vùng ven thành

1. Xem Ban Chấp hành Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam thành phố Hồ Chí Minh: *Lịch sử Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam thành phố Hồ Chí Minh* (sơ thảo), *Sđd*, t. 1 (1930 - 1954), tr. 249.

phổ hết sức giúp đỡ. Do đó nhiều đồng bào buộc phải quay về thành phố. Nhưng việc quay về thành phố làm cho họ băn khoăn. Họ không muốn phản bội lại lời thề bất hợp tác với giặc, không muốn làm việc trong các công sở, nhà máy của địch. Trong khi đó, giặc Pháp đưa ra nhiều thủ đoạn mua chuộc, lôi kéo dụ dỗ các tầng lớp nhân dân (như cấp các loại tem phiếu lĩnh bơ, sữa, thực phẩm, truy lĩnh lương... cho công chức cũ, v.v.).

Nắm bắt được tâm trạng của các tầng lớp nhân dân thành phố, đồng chí Mười Cúc đã yêu cầu các cấp, các ngành giải thích cho các gia đình công nhân, trí thức, công chức, tiểu thương cứ yên tâm trở về thành phố, một mặt để giải quyết cuộc sống, mặt khác tìm mọi cách để tiếp tục ủng hộ kháng chiến.

Ở thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn lúc này có hai tờ báo do Đảng trực tiếp lãnh đạo, đó là tờ *Cảm tử* và tờ *Chống xâm lăng*¹. Tờ *Chống xâm lăng* do đồng chí Mười Cúc trực tiếp phụ trách, đóng ở hộ 17 (nay thuộc quận 8, thành phố Hồ Chí Minh), sau dời ra An Lạc (Bình Chánh). Đồng chí Mười Cúc đã viết bài cho cả hai tờ báo này². Nội dung những bài viết của đồng chí đều nhằm vào việc

1. Tờ *Cảm tử*, đầu tiên do đồng chí Lý Chính Thắng phụ trách, cơ sở đóng ở An Phú Đông. Sau này hai tờ báo *Cảm tử* và *Chống xâm lăng* nhập vào làm một.

2. Xem Anh Ngọc: *Viết báo vào những ngày đầu kháng chiến*. In trong Nguyễn Văn Linh - hành trình cùng lịch sử, *Sđd*, tr. 90.

giải thích cho đồng bào ta thấy được việc đồng bào rời bỏ thành phố theo kháng chiến là rất quý, song còn một số ít, vì hoàn cảnh mà phải ở lại thành phố làm ăn, sinh sống, như thế không phải là không yêu nước. Đồng chí giải thích cho những đồng bào ở lại thành phố hãy yên tâm sinh sống làm ăn buôn bán, học hành, miễn là tấm lòng của đồng bào không theo đế quốc, không công nhận chính phủ bù nhìn của bọn tay sai. Đồng bào có thể tham gia công tác phá hoại, không phải những việc gì to lớn mà làm những việc nhỏ hằng ngày, như công nhân làm trong nhà máy thì phá hoại máy móc, sản phẩm; công chức xé sổ sách, giấy tờ, lãn công; bác sĩ thì ủng hộ thuốc; đồng bào tiểu thương lao động thì quên góp tiền, mua hàng gửi ra chiến khu... như vậy tức là đã tham gia kháng chiến. Đồng chí cũng khuyên đồng bào nên bí mật vào các hội cứu quốc. Những bài báo của đồng chí Mười Cúc đã giải đáp đúng tâm tư của đồng bào ta ở trong thành phố, đồng bào hiểu và vui mừng vì thấy Mặt trận Việt Minh và Bác Hồ không những hiểu và thông cảm với hoàn cảnh của họ mà còn chỉ ra cho họ con đường đấu tranh ngay trong lòng địch. Trên cơ sở đó, Đảng bộ thành phố dần dần tổ chức, đưa đồng bào tham gia vào các tổ chức cứu quốc bí mật như Thanh niên cứu quốc, Phụ nữ cứu quốc,...

Thông qua những bài viết trên báo, đồng chí đã phổ biến đến từng người dân các chủ trương của Đảng, hướng dẫn cho các tổ chức cứu quốc về phương pháp

hoạt động. Nhiều bài viết của đồng chí còn đưa tin về những cuộc đấu tranh của các tầng lớp nhân dân diễn ra trong thành phố, tin chiến thắng của quân đội ta trên khắp các chiến trường, góp phần cổ vũ, động viên, khích lệ tinh thần của nhân dân, làm cho họ tin tưởng hơn vào sự nghiệp kháng chiến. Chính vì thế mà các tờ báo của thành phố đã trở nên gần gũi với quần chúng, trở thành món ăn tinh thần không thể thiếu của quần chúng cách mạng, làm đúng chức năng của báo chí cách mạng là người tuyên truyền tập thể, tổ chức, hướng dẫn, lãnh đạo tập thể.

Từ sự phát triển của phong trào cách mạng quần chúng, đồng chí Mười Cúc đã cùng với Ban lãnh đạo Thành uỷ Sài Gòn - Chợ Lớn tiến hành củng cố lại Mặt trận Việt Minh. Tháng 7-1947, dưới sự chỉ đạo của Thành uỷ, Mặt trận Việt Minh thành phố đã mở Hội nghị tại An Phú Đông, có đại biểu các đoàn thể tham dự. Hội nghị chủ trương mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất chống Pháp xâm lược, vận động các tầng lớp nhân dân tham gia kháng chiến, chống âm mưu chia rẽ dân tộc, chia rẽ tôn giáo của địch. Thành uỷ cũng cử một số thành uỷ viên trực tiếp nắm các đoàn thể như Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Phụ nữ... Kết quả là các cơ sở Việt Minh được mở rộng đều khắp ở 18 hộ nội thành, số hội viên trong các tổ chức lên tới 20.000 người. Đây là một thắng lợi của Thành uỷ và Uỷ ban kháng chiến hành chính thành phố trong công tác lãnh đạo

Mặt trận, tạo điều kiện cho phong trào đấu tranh của nhân dân ngày càng phát triển.

Để lực lượng vũ trang thành phố hoạt động ngày càng có hiệu quả hơn, đồng chí Mười Cúc cùng với Ban lãnh đạo Thành uỷ nghiên cứu, bàn bạc nhằm đi đến thống nhất về tổ chức và chỉ huy. Tháng 5-1947, Thành uỷ cùng Uỷ ban kháng chiến hành chính Sài Gòn - Chợ Lớn quyết định thành lập Trung đoàn Phạm Hồng Thái, do đồng chí Huỳnh Văn Vàng (Dương Tấn), Thành uỷ viên làm Trung đoàn trưởng. Trung đoàn có nhiệm vụ chiến đấu bảo vệ căn cứ địa, diệt địch, hỗ trợ cho phong trào chiến tranh du kích ở vùng ven và phong trào đấu tranh chính trị ở nội thành. Trung đoàn chia thành ba tiểu đoàn, lấy phiên hiệu là Hoàng Văn Thụ, Ngô Gia Tự và Kỳ Con. Đến cuối năm 1947, tại Sài Gòn - Chợ Lớn có tới 10 đại đội du kích trực thuộc Thành đội dân quân Sài Gòn - Chợ Lớn¹.

Cùng với việc xây dựng và củng cố lực lượng vũ trang trong thành phố, đồng chí Mười Cúc cũng rất chú ý đến việc xây dựng và củng cố căn cứ địa cách mạng. Theo đồng chí, căn cứ địa không phải là nơi ẩn náu của cơ quan lãnh đạo mà phải gần các vùng dân cư, vừa tạo thế du kích chiến tranh trong lòng địch, vừa giải quyết tốt vấn đề hậu cần.

1. Xem Ban Chấp hành Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam thành phố Hồ Chí Minh: *Lịch sử Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam thành phố Hồ Chí Minh* (sơ thảo), *Sổđ*, t. 1 (1930 - 1954), tr. 260.

Việc chăm lo xây dựng hệ thống tổ chức đảng, chính quyền, mặt trận, lực lượng vũ trang... ở Sài Gòn - Chợ Lớn của Thành uỷ và của đồng chí Bí thư Thành uỷ, đã đặt cơ sở cho phương hướng phát triển đúng đắn của cuộc kháng chiến ở Sài Gòn - Chợ Lớn sau này.

Sau thất bại ở Việt Bắc (Thu Đông năm 1947), thực dân Pháp buộc phải điều chỉnh lại chiến lược chiến tranh ở Việt Nam, từ chiến lược "đánh nhanh thắng nhanh" sang chiến lược "đánh lâu dài"; từ "mở rộng" sang "củng cố" vùng chiếm đóng. Ở Nam Bộ, thực dân Pháp chủ trương xây dựng Sài Gòn thành nơi cung cấp lương thực dự trữ chủ yếu cho cuộc chiến tranh. Chúng tăng số quân ở Sài Gòn và các tỉnh Khu VII lên 25.438 tên¹. Chúng mở nhiều cuộc hành quân càn quét vào các căn cứ kháng chiến của ta ở xung quanh Sài Gòn - Chợ Lớn; thiết lập một hệ thống đồn bốt dày đặc nhằm ngăn chặn sự hoạt động của ta từ bên ngoài vào thành phố và từ thành phố đi ra. Nhân cơ hội này, các đảng phái, tôn giáo, tổ chức chính trị của địch ở Sài Gòn - Chợ Lớn cũng hoạt động mạnh, chống lại cuộc kháng chiến trong lòng thành phố. Tình hình đó đã gây ra không ít khó khăn cho phong trào cách mạng của thành phố.

Để kịp thời ứng phó với âm mưu của địch, tiếp tục đẩy mạnh phong trào ở đô thị, ngày 25-12-1947, đồng

1. Xem *Lịch sử Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định kháng chiến (1945-1975)*, Sđd, tr. 164.

chí Mười Cúc cùng Ban lãnh đạo Thành uỷ quyết định sắp xếp lại tổ chức cho phù hợp với tình hình mới. Đảng bộ Sài Gòn - Chợ Lớn được chia ra làm bốn khu: khu I (khu Sài Gòn) từ hộ 1 đến hộ 6, do đồng chí Hồ Bắc làm Bí thư; khu II (Chợ Lớn nội) từ hộ 7 đến hộ 12, do đồng chí Thiếu Hà làm Bí thư; khu III (Chợ Lớn ngoại) từ hộ 13 đến hộ 18, do đồng chí Việt Hùng làm Bí thư; khu IV (khu Tân Bình) gồm ba xã Bình Hoà, Phú Nhuận, Thạnh Mỹ Tây, do đồng chí Phạm Văn Chúc (tức Thế) làm Bí thư¹. Riêng khu Sài Gòn, Thành uỷ cử một thành uỷ viên trực tiếp chỉ đạo các chi bộ. Các khu còn lại thì lập khu uỷ để lãnh đạo và giải quyết công việc của khu. Thành uỷ cũng được chia làm hai bộ phận: bộ phận I (Ban cán sự nội thành) trực tiếp lãnh đạo khu Sài Gòn, khu Chợ Lớn và khu Tân Bình do đồng chí Nguyễn Thọ Chân làm Bí thư; bộ phận II lãnh đạo khu Chợ Lớn và khối Uỷ ban kháng chiến hành chính và quân sự. Thành uỷ cũng quyết định lập chi bộ trí thức vận trực thuộc Thành uỷ để lãnh đạo và vận động trí thức, công chức Sài Gòn - Chợ Lớn, do đồng chí Hoàng Quốc Tân làm Bí thư².

Trước tình hình có nhiều biến đổi, đồng chí Bí thư Thành uỷ Nguyễn Văn Cúc càng coi trọng công tác xây

1, 2. Xem Ban Chấp hành Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam thành phố Hồ Chí Minh: *Lịch sử Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam thành phố Hồ Chí Minh* (sơ thảo), *Sđđ*, t.1 (1930 - 1954), tr. 268, 269.

dựng và phát triển Đảng, coi đây là một công tác trọng tâm của Thành uỷ trong năm 1948. Đồng chí đã xuống tận cơ sở để nắm tình hình và thấy rằng công tác phát triển Đảng trong hàng ngũ trí thức chưa được chú trọng đúng mức. Đồng chí rất quan tâm đôn đốc việc thành lập Thành hội Liên Việt (2-1948), mở rộng các đoàn thể quần chúng như Liên hiệp công đoàn, Thanh niên, Phụ nữ... Để phá kế hoạch "Lấy chiến tranh nuôi chiến tranh" của địch, đồng thời xây dựng lực lượng dự trữ của ta, chuẩn bị lâu dài cho kháng chiến, đồng chí Mười Cúc nêu chủ trương Thành uỷ và các đoàn thể quần chúng phát động một phong trào phá kinh tế địch, vận động nhân dân quyên góp, ủng hộ tiền, ủng hộ thuốc men, lúa gạo cho kháng chiến, v.v..

Những chủ trương trên của Thành uỷ đã tạo đà thuận lợi cho cuộc kháng chiến của nhân dân Sài Gòn - Chợ Lớn trong giai đoạn sau này.

Cùng công tác với đồng chí Mười Cúc trong Thành uỷ Sài Gòn - Chợ Lớn có chị Ngô Thị Huệ, người con gái Bạc Liêu. Lần đầu tiên chị Bảy Huệ gặp anh Mười Cúc là vào tháng 9-1945 khi chị thay mặt Tỉnh uỷ Bạc Liêu đi đón các đồng chí ở Côn Đảo trở về, trong đó có các anh Lê Duẩn, Lê Văn Sĩ, Phạm Hùng và nhiều người khác nữa. Chị Bảy Huệ không biết rằng anh Mười Cúc đã để ý đến chị từ ngày ấy. Lần thứ hai chị gặp anh khi chị đi dự khóa họp đầu tiên của Quốc hội từ Hà Nội về, anh ra ga đón chị về cơ sở của Thành uỷ. Hai người chỉ

trao đổi vài việc chớp nhoáng rồi chị về ngay khu căn cứ ở Đồng Tháp Mười. Ấn tượng đầu tiên của chị về anh là một người đồng chí chín chắn, trầm tĩnh, tự tin. Sau đó ít lâu, anh viết thư ngỏ ý thương chị. Đầu năm 1947, có lẽ do sự sắp xếp của tổ chức, chị được điều về nhận công tác phụ vận và được bầu vào Thành uỷ. Từ đó, hai người có điều kiện hội họp, học tập gần nhau. Một lần, anh tâm sự với chị: “Hai chúng mình thuộc tầng lớp nghèo, đều có trải qua tù tội, thấm thía nỗi đau riêng mình trong nỗi đau của dân tộc, những điểm giống nhau đó sẽ giúp chúng mình dễ thương cảm nhau, sẽ biết sống và hy sinh cho nhau”. Chị cũng tìm thấy ở anh người chồng mạnh mẽ, có tâm huyết, có nghị lực... là điểm tựa tinh thần, tình cảm cho cuộc sống của mình.

Lễ cưới của hai người được tổ chức đơn giản vào ngày 23-5-1948, tại nhà một đồng chí ở Gò Xoài (nay thuộc huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh), chủ hôn là đồng chí Lê Văn Sĩ, đại diện cho Xứ uỷ, đồng thời là người bạn tù thân thiết của đồng chí Mười Cúc. Quà cưới của anh Sĩ mang về là một trăm trái gòn khô để may gối cưới cho đôi tân hôn, nhưng vì không có vải nên phải dành lại sau. Hai người có ba ngày hạnh phúc bên nhau, rồi tạm chia tay để trở lại với bao công việc khó khăn đang chờ.

Giữa năm 1948, đồng chí Nguyễn Văn Cúc được điều về Xứ uỷ công tác, đồng chí Lê Văn Sĩ được cử thay đồng chí làm Bí thư Thành uỷ Sài Gòn - Chợ Lớn.

2. Góp phần đưa cuộc kháng chiến chống Pháp ở Nam Bộ đến thắng lợi

Cuối tháng 7-1948, giữa chiến khu Đồng Tháp Mười, bên bờ kinh Năm Ngàn, Đại hội đại biểu Xứ Đảng bộ Nam Bộ được triệu tập. Đông đảo đại biểu Đảng từ cấp tỉnh, cấp trung đoàn trở lên, nhiều nhân sĩ, trí thức, đại diện Ủy ban kháng chiến hành chính, Mặt trận Liên Việt đã tham dự Đại hội. Đồng chí Lê Duẩn, Bí thư Xứ ủy, được sự ủy nhiệm của Thường vụ Trung ương Đảng, chủ trì Đại hội. Đại hội đã bầu ra Ban Chấp hành Đảng bộ xứ, gồm 15 ủy viên chính thức, 3 ủy viên dự khuyết, do đồng chí Lê Duẩn làm Bí thư, các đồng chí Nguyễn Văn Kính, Nguyễn Đức Thuận làm Phó Bí thư¹. Đồng chí Nguyễn Văn Cúc được cử làm Ủy viên Thường vụ Xứ ủy Nam Bộ.

Để tiếp tục đẩy mạnh phong trào kháng chiến, phá kế hoạch bình định của địch, ngày 3-1-1949, Hội nghị quân sự Nam Bộ họp mở rộng. Đồng chí Nguyễn Văn Cúc, Thường vụ Xứ ủy đã đến dự. Hội nghị đã đề ra nhiệm vụ quân sự cho năm 1949 là: "Ra sức phát triển phong trào dân quân, ra sức phát triển du kích chiến tranh ở vùng đô thị và tạm chiếm; nhất là Sài Gòn - Chợ Lớn, tiến tới đánh phá chính sách mở rộng ngục quân, ngục quyền, đánh phục kích giao thông, tiêu hao tiêu

1. Xem *Lịch sử Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định kháng chiến (1945-1975)*, *Sđd*, tr. 185-186.

diệt nhiều sinh lực địch, chấn chỉnh lực lượng quân đội, cấp bách xây dựng chủ lực để đáp ứng với yêu cầu"¹.

Thực hiện chủ trương của Hội nghị quân sự Nam Bộ, trong hai ngày 27 và 28-2-1949, tại Thiên Hộ (Mỹ Tho), Thành uỷ Sài Gòn - Chợ Lớn đã họp hội nghị. Các đồng chí Lê Duẩn, Hoàng Dư Khương, Mười Cúc thay mặt Xứ uỷ dự hội nghị. Hội nghị bầu ra Thành uỷ mới gồm 15 đồng chí do đồng chí Nguyễn Hộ làm Bí thư.

Ngày 25-8-1949, đồng chí Nguyễn Văn Cúc tham dự cuộc họp của Xứ uỷ, triển khai nhiệm vụ "tích cực cầm cự chuẩn bị tổng phản công". Tháng 9-1949, đồng chí dự Hội nghị quân sự Nam Bộ do Xứ uỷ triệu tập. Hội nghị đã nhận định Sài Gòn là chiến trường trọng điểm trong nhiệm vụ chống chiến lược bình định của địch. Sáu công tác quan trọng trước mắt mà thành phố phải tiến hành là: chỉnh đốn lại bộ máy quân sự các cấp; xây dựng ba thứ quân; tổ chức lại bộ máy quân giới; gia tăng công tác chính trị, địch vận, ngụy vận; đẩy mạnh phong trào thi đua giết giặc lập công.

Tuy công việc bộn bề, nhưng với cương vị của mình, đồng chí Mười Cúc còn tham gia giảng bài cho các lớp huấn luyện do Xứ uỷ mở tại Trường chính trị - lý luận Trường Chinh, dành cho cán bộ trung cao cấp. Tại đây, đồng chí đã giảng bài *Những vấn đề của chủ nghĩa*

1. Ban Chấp hành Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam thành phố Hồ Chí Minh: *Lịch sử Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam thành phố Hồ Chí Minh* (sơ thảo), *Sđđ*, t.1 (1930 - 1954), tr. 285.

Lênin, về *Chính sách kinh tế mới* (NEP), đặc biệt đồng chí dành tâm huyết nhiều cho các vấn đề về chủ trương của Đảng ta đối với phong trào cách mạng miền Nam; về phương pháp vận động quần chúng ở đô thị, về xây dựng Đảng, v.v.. Trong quá trình giảng bài, đồng chí rất chú ý lắng nghe ý kiến của người học, cùng anh em trao đổi, phân tích tìm ra lẽ phải nên bài giảng của đồng chí rất có sức thuyết phục. Trong cuộc sống, noi gương cần kiệm liêm chính, chí công vô tư của Bác Hồ, đồng chí rất giản dị, hoà mình với anh em đồng chí, xử sự đúng mực, quan tâm giúp đỡ, xây dựng tình đoàn kết trong nội bộ cơ quan. Những lúc rỗi rãi, đồng chí rất ham đọc sách báo, nhất là sách báo tiếng Pháp, say mê các tác phẩm văn học, như *Một người chân chính* của B. Pôlêvôi, *Tám kính giết người* của A. Tônxtôi...

Sự phát triển mạnh mẽ của cuộc kháng chiến và thắng lợi ngoại giao của ta đầu năm 1950, cùng với thắng lợi của cách mạng Trung Quốc (10-1949) làm cho đế quốc Mỹ lo sợ, chúng đẩy mạnh quá trình can thiệp vào Đông Dương. Lúc này Pháp đưa Bảo Đại lên nắm chính phủ bù nhìn, thành lập quân đội quốc gia do Mỹ trang bị và huấn luyện. Chúng coi khu vực Sài Gòn - Chợ Lớn là trọng điểm trong kế hoạch phòng thủ của chúng. Tại đây, chúng tăng cường thêm bộ máy cảnh sát, lính kín, tiến hành khùng bố gắt gao nhằm phá các cơ sở của ta trong thành phố, tăng cường hành quân bình định các vùng xung quanh Sài Gòn, riêng số quân

ở Sài Gòn đã lên tới 25.000 tên; chúng phát triển các đảng phái phản động, kiểm soát báo chí,... thực hiện âm mưu "lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt trị người Việt". Tình hình đó đã gây cho phong trào cách mạng miền Nam nhiều khó khăn, đặc biệt là phong trào cách mạng ở nội thành.

Để đối phó với âm mưu mới của địch, Xứ uỷ Nam Bộ đã điều động chí Nguyễn Văn Cúc, Thường vụ Xứ uỷ về tăng cường cho Thành uỷ Sài Gòn - Chợ Lớn. Đầu tháng 8-1950, đồng chí triệu tập Hội nghị Thành uỷ thông báo quyết định của Xứ uỷ về việc thành lập Đặc khu Sài Gòn - Chợ Lớn¹ và Ban Chỉ huy quân sự đặc khu do đồng chí làm Chính uỷ². Hội nghị cũng đã chính thức thành lập Khu uỷ, bầu Ban Chấp hành Đảng bộ Đặc khu gồm 13 đồng chí, do đồng chí Nguyễn Văn Cúc làm Bí thư³.

Ngay sau khi Đặc khu Sài Gòn - Chợ Lớn được thành lập, với cương vị Bí thư Đặc khu uỷ, đồng chí

1. Đặc khu Sài Gòn - Chợ Lớn gồm thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn và một phần các huyện vùng ven thuộc tỉnh Gia Định như Thủ Đức, Gò Vấp, Trung Huyện, Nhà Bè,...

2. Ban Chỉ huy quân sự Đặc khu gồm: đồng chí Nguyễn Văn Cúc, Chính uỷ; đồng chí Nguyễn Văn Thi, Chỉ huy trưởng; đồng chí Đào Tấn Xuân, Chỉ huy phó; Lương Dương Minh, Trần Hải Phụng, Tham mưu trưởng; Nguyễn Tử Phương, Chủ nhiệm chính trị.

3. Đảng bộ Đặc khu gồm: Nguyễn Văn Cúc, Trần Quốc Thảo (Phó Bí thư), Nguyễn Văn Thi, Phạm Ngọc Thạch, Nguyễn Kiệm, Nguyễn Thọ Chân, Lê Tuấn, Đoàn Văn Bô, Trần Minh Quyền, Đào Tấn Xuân, Huỳnh Tấn Phát, Nguyễn Việt Hùng, Lê Bá Hoan.

Nguyễn Văn Cúc đã cùng Ban lãnh đạo Đặc khu bắt tay ngay vào công việc chỉ đạo các cơ sở kháng chiến trong Đặc khu. Từ tháng 10-1950 đến tháng 2-1951, đồng chí đã cùng Ban lãnh đạo tiến hành một đợt rà soát lại các cơ sở trong nội thành, tiến hành một số biện pháp nhằm ngăn ngừa sự phá hoại của địch thông qua nội gián, cắt đứt liên lạc với bộ phận tình nghi, giải tán các ban cán sự thành, ban chỉ huy thành và hộ của các đoàn thể, đưa cán bộ về nằm sát ở các vùng. Mặt khác tiếp tục lãnh đạo quần chúng đấu tranh, qua đó củng cố tổ chức cơ sở đảng và tổ chức quần chúng.

Về công tác củng cố và phát triển lực lượng vũ trang, đồng chí Nguyễn Văn Cúc đã đề nghị chuyển cho Đặc khu uỷ trực tiếp quản lý lực lượng quân sự, đồng thời mở một trận chiến đấu chung vừa để biểu dương lực lượng vừa để đánh giá khả năng chiến đấu của từng đơn vị và sự phối hợp hoạt động của phong trào toàn thành phố. Đồng chí còn chỉ đạo việc mở các lớp huấn luyện nhằm nâng cao trình độ quản lý, chỉ huy và thực hành chiến đấu cho cán bộ, chiến sĩ các đơn vị của Đặc khu. Nhiều cán bộ, chiến sĩ đã trưởng thành trong các lớp bồi dưỡng này.

Để tuyên truyền sâu rộng chủ trương, chính sách của Đảng đến các tổ chức quần chúng, đồng chí Mười Cúc đã cùng Ban lãnh đạo Đặc khu lập ra Ban Thông tin đặc biệt (12-1950) và ra tờ báo *Cứu quốc* (số đầu tiên ra vào đầu tháng 1-1951). Đồng chí cũng chỉ đạo xây

dựng đài phát thanh mang tên Đài Tiếng nói Sài Gòn - Chợ Lớn tự do, cử đồng chí Nguyễn Khắc Cần, từ căn cứ U Minh lên làm Giám đốc. Trụ sở của đài được đặt tại rừng Bàu Cá Trê (chiến khu Đ), lúc đầu đài phát mỗi tuần ba buổi, sau mỗi ngày một buổi. Được sự tăng cường cán bộ của Đài Tiếng nói Nam Bộ, Đài Tiếng nói Sài Gòn - Chợ Lớn tự do đã hoàn thành nhiệm vụ tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ, phản ánh thông tin về cuộc kháng chiến ở Sài Gòn - Chợ Lớn và cả nước một cách kịp thời, nhanh nhạy¹.

Để sắp xếp lại hệ thống tổ chức đảng ở nội thành theo hướng gọn, nhẹ, bảo đảm sự chỉ đạo được sát sao, thiết thực hơn, đồng chí Mười Cúc rất chú trọng củng cố chi bộ vùng, chi bộ xí nghiệp, chi bộ hộ; tăng cường các cấp chi uỷ, hộ uỷ, quận uỷ. Ở khu vực nội thành, đồng chí chủ trương đưa các ngành tài chính, công an, quân sự trở về hệ thống dọc để lãnh đạo về chuyên môn và về Đảng; thành lập ra Ban Cán sự lãnh đạo công tác dân vận trong Hoa kiều (Ban Cán sự 4). Ở ngoại thành, đồng chí chủ trương giảm bớt Ban Dân vận, Ban Mặt trận và Ban Giao liên; lập Ban Định nguy vận do đồng chí trực tiếp làm Trưởng ban. Để kịp thời đáp ứng sự đòi hỏi của phong trào cách mạng, Đặc khu uỷ đã mở nhiều lớp huấn luyện cho đảng viên các cấp từ chi uỷ, hộ uỷ,

1. Xem *Lịch sử Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định kháng chiến (1945 - 1975)*, Sđd, tr. 232.

quận uỷ đến cấp bộ các ngành. Chỉ trong một thời gian ngắn, Đặc khu uỷ đã mở được bảy khoá học, huấn luyện được trên 300 cán bộ, đảng viên. Các lớp học này đều mang tên lớp Lê Văn Sĩ¹.

Trở về hoạt động trong nội thành, đồng chí Mười Cúc thường xuyên đi xuống các cơ sở để nắm tình hình. Đồng chí thường ở nhà các gia đình thợ thuyền, lao động; tìm hiểu đời sống, tâm tư, nguyện vọng của bà con lao động. Đồng chí cho rằng, muốn chỉ đạo được phong trào cách mạng ở thành phố phải am hiểu nguyện vọng bức xúc của quần chúng, phải đưa ra được những khẩu hiệu phù hợp với nguyện vọng của quần chúng; phải biết tiến, thoái trong từng cuộc đấu tranh để vừa giành được thắng lợi cho quần chúng, vừa bảo tồn được lực lượng cách mạng.

Đồng chí Mười Cúc luôn luôn nhắc nhở các cán bộ lãnh đạo ở cơ sở rằng mỗi khi đưa phong trào lên, phải nhất thiết bảo đảm phát triển lực lượng. Nếu ta đấu tranh thắng lợi mà không biết xây dựng lực lượng thì thắng lợi mới chỉ là một phần. Phải biết nhân thắng lợi mà phát hiện ra những phần tử tích cực, mở rộng đội ngũ cán bộ cốt cán, xây dựng và phát triển thực lực. Có thực lực mới chủ động tranh thủ và sử dụng thời cơ

1. Đồng chí Lê Văn Sĩ, Bí thư Thành uỷ từ tháng 5-1947 (thay đồng chí Nguyễn Văn Cúc về Xứ uỷ), đã hy sinh ngày 21-10-1948 khi địch càn các căn cứ Vườn Thơm. Các lớp học mở thời gian này đều mang tên lớp Lê Văn Sĩ.

được. Xây dựng và phát triển lực lượng phải đi đôi với bảo tồn lực lượng.

Năm 1950, phong trào đấu tranh ở Sài Gòn - Chợ Lớn diễn ra khá sôi động, với các cuộc biểu tình của công nhân, học sinh, sinh viên và đồng bào, như cuộc đình công của công nhân các hãng BGI (Chợ Lớn); BGI (Sài Gòn), SEGI (Khánh Hội), hãng MIC, MITAC, BASTO, v.v.. Bọn chủ buộc phải tăng lương cho công nhân từ 20 - 30%. Ngày 9-1-1950, diễn ra các cuộc bãi khoá của hơn 2.000 học sinh của các trường Gia Long, Pêtrus Ký, Nguyễn Văn Khuê, Lê Bá Cang nhằm chống thỏa hiệp Bảo Đại - Ôriôn và việc thành lập chính phủ bù nhìn Bảo Đại. Thực dân Pháp và tên Trần Văn Hữu, thủ hiến bù nhìn, đã đàn áp dã man khiến một số học sinh bị chết và bị thương, trong đó có học sinh Trần Văn Ổn và nữ sinh người Hoa Trần Bội Cơ. Hơn 10 vạn đồng bào xuống đường đưa tang, hơn 10 vạn nữa đứng dọc đường phố đám tang đi qua. Một phong trào quần chúng sục sôi xuống đường phản đối bọn cầm quyền Pháp đàn áp học sinh diễn ra trong cả nước. Tại Sài Gòn, cuộc biểu tình ngày 12-1-1950 có tới hơn nửa triệu người xuống đường, gồm nhiều tầng lớp tham gia: công nhân, xích lô, xe kéo, tắc xi, buôn bán, báo chí. Ngày 9-1-1950 từ đó trở thành ngày học sinh - sinh viên toàn quốc.

Sự suy yếu của Pháp thúc đẩy đế quốc Mỹ can thiệp ngày càng sâu vào chiến tranh Đông Dương.

Ngày 17-3-1950, chúng cho hai tàu chiến Anderson và Sticker cập bến Sài Gòn thao diễn lực lượng để hùng uy hiếp tinh thần nhân dân ta. Dưới sự phát động và lãnh đạo của Đặc khu uỷ Sài Gòn - Chợ Lớn, ngày 19-3 hàng vạn đồng bào Sài Gòn đã xuống đường tham gia cuộc mít tinh tại Trường Tôn Thọ Tường (nay là Trường Ernst Thälmann trên đường Trần Hưng Đạo) nghe Luật sư Nguyễn Hữu Thọ diễn thuyết rồi sau đó dưới sự dẫn đầu của luật sư, đoàn tuần hành biểu tình thị uy, hô vang các khẩu hiệu “Phản đối viện trợ Mỹ”, “Đả đảo Bảo Đại”,... giương cao cờ đỏ sao vàng đi qua các phố chính dẫn xuống bến tàu, xé cờ Mỹ, cờ Pháp, cờ và ảnh Bảo Đại. Cùng ngày đó, quân ta nã súng cối vào các tàu chiến địch đậu trên sông. Trước tinh thần đấu tranh của nhân dân ta, hai tàu chiến Mỹ rút neo, lặng lẽ rút khỏi Sài Gòn. Đây là cuộc biểu tình chống Mỹ đầu tiên của nhân dân ta và ngày 19-3-1950 đi vào lịch sử dân tộc là “Ngày toàn quốc chống Mỹ”.

Để duy trì phong trào, Xứ uỷ đã kịp thời chỉ đạo Đặc khu uỷ Sài Gòn - Chợ Lớn kết hợp sử dụng nhiều hình thức thích hợp để hỗ trợ cho quần chúng đấu tranh, thông qua phong trào mà lựa chọn những quần chúng tiêu biểu. Đồng chí Mười Cúc đã cho nhiều ý kiến chỉ đạo xây dựng lực lượng nòng cốt của phong trào. Là người vận dụng sắc sảo đường lối đại đoàn kết trong Mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi, đồng chí đánh giá cao hoạt động của các vị trí thức, nhân sĩ, tôn giáo -

những người công khai đối đầu với địch, như Luật sư Nguyễn Hữu Thọ, Kỹ sư Lưu Văn Lang, Bác sĩ Nguyễn Xuân Bái, Luật sư Trịnh Đình Thảo, v.v..

Những chủ trương biện pháp của Đặc khu uỷ và sự chỉ đạo trực tiếp của đồng chí Bí thư Đặc khu uỷ Nguyễn Văn Cúc đã góp phần rất quan trọng trong việc củng cố và phát triển hệ thống tổ chức đảng, chính quyền, lực lượng vũ trang, các đoàn thể trên địa bàn thành phố, hạn chế được sự tổn thất của phong trào cách mạng trước sự đánh phá ác liệt của kẻ thù.

Tháng 2-1951, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng thành công tốt đẹp. Thắng lợi của Đại hội đã tiếp thêm sức mạnh trí tuệ, tinh thần cho toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta. Tại Đại hội này, Đảng ta đã ra công khai lãnh đạo cuộc kháng chiến với tên mới là Đảng Lao động Việt Nam.

Sau Đại hội Đảng toàn quốc, để tổ chức phù hợp với tình hình mới, ngày 7-6-1951, Trung ương quyết định giải thể Xứ uỷ Nam Bộ, thành lập Trung ương Cục miền Nam để chỉ đạo cuộc kháng chiến ở miền Nam. Đặc khu uỷ Sài Gòn - Chợ Lớn đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Trung ương Cục.

Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp của dân tộc ta đã bước sang năm thứ năm và ngày càng quyết liệt; đòi hỏi phải làm tốt công tác tư tưởng. Trong cán bộ, đảng viên Đặc khu Sài Gòn - Chợ Lớn bắt đầu nảy sinh tư tưởng ngại kháng chiến lâu dài, ngại gian

khó; có biểu hiện dao động, bi quan, phong trào có lúc chìm xuống, một số cơ sở bị mất.

Để giải quyết tình hình này, với trọng trách là Bí thư Đặc khu uỷ, đồng chí Mười Cúc đã cùng với Ban lãnh đạo Đặc khu kịp thời chuyển hướng chỉ đạo công tác cho phù hợp với tình hình. Đồng chí nêu chủ trương đẩy mạnh công tác dân vận; chú ý hơn nữa tới cuộc sống hằng ngày của cán bộ, chiến sĩ và nhân dân, đồng thời tích cực củng cố các lực lượng vũ trang và bán vũ trang, hết sức phòng gian bảo mật; gây cho được phong trào chống bắt lính trong các tầng lớp nhân dân. Mặt khác, đồng chí cùng với lãnh đạo Đặc khu làm việc với Trung ương Cục miền Nam, báo cáo về tình hình thành phố và xin ý kiến chỉ đạo. Tháng 9-1952, cùng với các đồng chí Trần Quốc Thảo, Lê Bá Hoan, đồng chí Nguyễn Văn Cúc đã làm việc với các đồng chí Phạm Hùng, Lê Đức Thọ, Ung Văn Khiêm và các đồng chí khác trong Trung ương Cục. Được sự chỉ đạo của Trung ương Cục, tháng 12-1952, đồng chí Mười Cúc và Ban Thường vụ Đặc khu uỷ đã triệu tập Hội nghị cán bộ dân, quân, chính, đảng toàn Đặc khu để bàn việc thực hiện các nhiệm vụ công tác ở đô thị.

Để phát triển cơ sở đảng trong thành phố, đồng thời bồi dưỡng nâng cao trình độ công tác cho các cấp uỷ đảng và đảng viên, đồng chí Mười Cúc đã chỉ đạo mở các lớp huấn luyện nhằm bồi dưỡng cho cán bộ về phương pháp vận động quần chúng; về công tác địch nguỵ vận, v.v., nhờ đó đến giữa năm 1953, hệ thống tổ chức đảng trong

nội, ngoại thành được củng cố lại, các tổ chức quần chúng được xây dựng lại, lực lượng vũ trang trong thành phố và vùng ven được thống nhất về lãnh đạo, phối hợp hoạt động đấu tranh một cách có hiệu quả.

Giữa năm 1953, Chính phủ Pháp cử tướng Nava sang làm Tổng Chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương, vạch ra một kế hoạch chiến lược hòng giành lại thế chủ động trên chiến trường và kết thúc chiến tranh trong vòng 18 tháng. Định nhảy dù xuống Điện Biên Phủ và cho xây dựng tại đây một tập đoàn cứ điểm mạnh nhất ở chiến trường Đông Dương. Bộ Chính trị Trung ương Đảng ta quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ. Lực lượng địch bị căng ra trên các chiến trường chính, đã để sơ hở chiến trường Nam Bộ và Trung Bộ. Quân dân ta ở Nam Bộ đẩy mạnh chiến tranh du kích, chống càn thẳng lợi, mở chiến dịch ngụy vận, phối hợp tác chiến với chiến trường cả nước. Tin thắng trận từ các chiến trường dội về. Trung ương Cục chỉ thị phải kịp thời khuếch trương thắng lợi, đẩy mạnh tuyên truyền giáo dục làm cho nhân dân phấn khởi, tin tưởng, khắc phục chủ quan, cầu an, bị động,...

Thất bại về quân sự buộc Pháp phải ngồi vào đàm phán ở Giơnevơ. Phối hợp với đấu tranh vũ trang, Đặc khu uỷ Sài Gòn - Chợ Lớn lãnh đạo giới trí thức ra “Tuyên ngôn hòa bình”, hưởng ứng cuộc đấu tranh của nhân dân Pháp đòi Chính phủ và Quốc hội Pháp phải ngừng chiến, lập lại hòa bình ở Đông Dương.

Cuộc kháng chiến của nhân dân ta bước vào giai đoạn cuối. Công tác tổ chức và cán bộ phải đi trước để chuẩn bị cho bước chuyển giai đoạn sắp tới. Nhiều cán bộ chủ chốt được rút đi đào tạo, bồi dưỡng để nhận nhiệm vụ mới. Trong tình hình đó, Đặc khu uỷ Sài Gòn - Chợ Lớn cũng có sự thay đổi. Các đồng chí Nguyễn Văn Kinh¹, Trần Quốc Thảo, Đoàn Kim Định, Nguyễn Văn Quảng,... về nhận công tác trong Đặc khu uỷ.

Cuối năm 1952, đồng chí Mười Cúc được Trung ương cử ra Bắc học Trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc. Học xong, đồng chí được giữ lại làm Phó Ban Tuyên huấn Trung ương. Năm 1953, đồng chí tham gia cải cách ruộng đất, phát hiện thấy cách làm theo các cổ vấn không phù hợp với hoàn cảnh Việt Nam. Bản thân đoàn của đồng chí không tìm ra địa chủ. Tại Hội nghị sơ kết cải cách ruộng đất ở huyện Đại Từ (1953) đồng chí được cử báo cáo điển hình tiêu cực về đánh địch. Đồng chí đã báo cáo với Bác Hồ rằng: Cải cách ruộng đất làm thế sợ sai, vì không đúng với thực tế nông thôn nước ta. Bác Hồ nghe đồng chí phát biểu như vậy, thấy đồng chí không thông với cách làm hiện tại, Người nói: “Nếu chú thấy công tác này không phù hợp với chú, để

1. Lúc này đồng chí Nguyễn Văn Kinh được cử làm Bí thư Đặc khu uỷ (theo *Lịch sử Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định kháng chiến (1945 - 1975)*, *Sđd*, tr. 270).

Bác bố trí công tác khác cho chú”¹. Sau khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết, đồng chí Mười Cúc được Bác Hồ và Trung ương bố trí trở lại miền Nam công tác.

Từ năm 1945 đến cuối năm 1954, đồng chí Nguyễn Văn Cúc đã cùng đồng bào miền Nam đi suốt cuộc trường kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp với những trọng trách: Thường vụ Xứ uỷ Nam Bộ, Bí thư Thành uỷ Sài Gòn - Chợ Lớn, Bí thư Đặc khu uỷ Sài Gòn - Gia Định. Dù ở cương vị nào đồng chí cũng đem hết sức lực và trí tuệ của mình cống hiến cho Đảng, cho Tổ quốc, góp phần vào thắng lợi của sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc.

1. Theo lời kể của bà Ngô Thị Huệ và đồng chí Nguyễn Hữu Uẩn, Bí thư Huyện uỷ Đại Từ (Thái Nguyên, 1953), Phó Bí thư Tỉnh uỷ Thái Nguyên (1969), Vụ phó Vụ Tư liệu Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương (từ 1970 đến khi mất).

Chương IV

CÙNG XỨ ỦY ĐƯA CÁCH MẠNG MIỀN NAM VƯỢT QUA NHỮNG NĂM THÁNG KHÓ KHĂN (1954 - 1960) ĐI TỚI ĐỒNG KHỞI

1. Bám trụ kiên cường, đưa phong trào vượt qua những năm tháng khó khăn, ác liệt (1954 - 1959)

Hiệp định Giơnevơ được ký kết (7-1954) đánh dấu thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp cực kỳ anh dũng của nhân dân ta, đưa cách mạng nước ta chuyển sang một giai đoạn mới, giai đoạn đấu tranh để thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập và dân chủ trong cả nước. Hòa bình được lập lại nhưng đồng bào miền Nam còn phải tiếp tục đấu tranh gian khổ trong vùng kiểm soát của đối phương.

Nhân dịp Hiệp định Giơnevơ được ký kết, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra *Lời kêu gọi* đồng bào cả nước. Đối với đồng bào miền Nam, Người dành cho những lời thông cảm và tin yêu sâu sắc: “Đồng bào miền Nam kháng chiến trước hết, giác ngộ rất cao. Tôi chắc rằng đồng bào sẽ đặt lợi ích cả nước trên lợi ích địa phương, lợi ích lâu

dài trên lợi ích trước mắt, mà ra sức cùng đồng bào toàn quốc phấn đấu để củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập, dân chủ trong toàn quốc. Đảng, Chính phủ và tôi luôn luôn theo dõi sự cố gắng của đồng bào và tin chắc đồng bào sẽ thắng lợi”¹.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân khắp nơi ở miền Nam đã tổ chức nhiều hoạt động biểu thị tinh thần phấn khởi trước thắng lợi to lớn của dân tộc và ý chí đấu tranh nhằm thực hiện thống nhất đất nước. Dưới sự lãnh đạo của Thành uỷ Sài Gòn - Chợ Lớn, “Phong trào hòa bình Sài Gòn - Chợ Lớn” được thành lập, thu hút nhiều nhân sĩ, trí thức, cả những người tiêu biểu của các giới và các tôn giáo. “Phong trào hòa bình” đã tập hợp đông đảo các tầng lớp nhân dân trong mặt trận chống Mỹ và tay sai, đưa yêu sách, kiến nghị, đòi chính quyền Sài Gòn phải thi hành các điều khoản của Hiệp định Giơnevơ.

Kẻ thù ra sức đàn áp, chống phá Hiệp định Giơnevơ một cách quyết liệt, qua đó cũng tự bộc lộ bản chất phát xít, hiếu chiến của chúng, một thất bại về chính trị khi chúng đang muốn tô vẽ cho bọn tay sai một bộ mặt dân chủ giả hiệu.

Trên thế giới, sau đình chiến ở Triều Tiên và Việt Nam, các nước lớn có xu hướng đi vào hòa hoãn. Các nước trong hệ thống xã hội chủ nghĩa chịu ảnh hưởng

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 7, tr. 322.

của đường lối *chung sống hòa bình, thi đua hòa bình và quá độ hòa bình*, lo ngại cuộc đấu tranh vũ trang sẽ nổ ra chiến tranh cục bộ, thậm chí nổ ra chiến tranh thế giới! Trong bối cảnh đó, vấn đề đặt ra là: vậy cách mạng miền Nam sẽ tiến lên theo con đường nào, bằng hình thức và phương pháp nào để giành được thắng lợi?

Ngày 5-9-1954, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã họp hội nghị để nhận định tình hình và đề ra nhiệm vụ của toàn Đảng và nhiệm vụ của Đảng bộ miền Nam. Sau khi nêu lên những điều kiện trong nước và quốc tế của cách mạng nước ta, về cách mạng miền Nam, Bộ Chính trị vạch rõ: “Kẻ thù cụ thể, trước mắt của ta là đế quốc Mỹ, hiếu chiến Pháp và tay sai của chúng” và “Nhiệm vụ của Đảng ở miền Nam trong giai đoạn hiện nay là: lãnh đạo nhân dân miền Nam đấu tranh thực hiện Hiệp định đình chiến, củng cố hòa bình, thực hiện tự do dân chủ, cải thiện dân sinh, thực hiện thống nhất và tranh thủ độc lập. Đồng thời phải lãnh đạo nhân dân chống những hành động khủng bố, đàn áp, phá cơ sở của ta, bắt bớ cán bộ ta và quần chúng cách mạng, chống những hành động tiến công của địch, giữ lấy quyền lợi căn cứ địa và vùng du kích cũ của ta”.

Về tổ chức đảng, với tư tưởng chỉ đạo: *bí mật, gọn nhẹ*, Bộ Chính trị quyết định giải thể Trung ương Cục miền Nam, lập lại Xứ uỷ Nam Bộ, giữ nguyên Liên khu uỷ V trực thuộc Trung ương Đảng.

Cùng với việc xác định những chủ trương, đường lối

và nhiệm vụ trên, Bộ Chính trị đã quyết định phân công đồng chí Lê Duẩn, Ủy viên Bộ Chính trị và một số cán bộ cao cấp của Đảng từ miền Trung trở lại Nam Bộ để trực tiếp truyền đạt và triển khai thực hiện nghị quyết của Bộ Chính trị.

Đầu tháng 9-1954, theo nhu cầu công tác, Trung ương đã điều động đồng chí Nguyễn Văn Cúc từ Việt Bắc trở lại với đồng bào, đồng chí Nam Bộ, tham gia lãnh đạo cuộc chiến đấu mới với những nhiệm vụ mới vô cùng khó khăn, phức tạp. Trước khi lên đường về Nam công tác, các đồng chí Nguyễn Văn Linh, Phạm Ngọc Thạch, Cao Đăng Chiếm đã được Bác Hồ gặp, dặn dò những điều cần thiết.

Thực hiện nghị quyết của Bộ Chính trị Trung ương Đảng về chuyển hướng công tác xây dựng Đảng trong tình hình mới ở miền Nam, khoảng tháng 10-1954, tại căn cứ Chấn Bông (Cà Mau), Hội nghị thành lập Xứ ủy Nam Bộ được tiến hành dưới sự chủ trì của các đồng chí Lê Duẩn, Lê Đức Thọ. Xứ ủy là một cấp ủy trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương Đảng, lúc này chưa tổ chức được các ban chuyên môn, mới cử các cán bộ phụ trách các khối công tác, giúp các xứ ủy viên chỉ đạo công tác tổ chức, tư tưởng, dân vận, binh vận. Giữa năm 1955, Xứ ủy được kiện toàn, thành lập Văn phòng và các ban chuyên môn như Tổ chức, Tuyên huấn, Dịch tễ, Mặt trận, Phụ vận, Thanh vận, Tài chính - Kinh tế, Cơ yếu, Giao thông liên lạc.

Các đại biểu dự Hội nghị đã nghiên cứu Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ sáu và chỉ thị của Bộ Chính trị Trung ương Đảng về nhiệm vụ của cách mạng miền Nam.

Trên cơ sở quán triệt chủ trương, đường lối của Trung ương Đảng, căn cứ vào tình hình thực tiễn ở miền Nam, Hội nghị xác định: Phải tích cực chuẩn bị lực lượng chính trị, tăng cường công tác binh vận, sẵn sàng đối phó với những hành động phá hoại Hiệp định Giơnevơ của đế quốc Mỹ và chính quyền tay sai. Trong hoàn cảnh hiện tại, các tổ chức đảng và đoàn thanh niên hoạt động phải hết sức bí mật; các tổ chức quần chúng khác tạm thời giải tán, hội viên các hội này tìm cách tham gia vào các tổ chức hợp pháp, công khai. Phương hướng xây dựng tổ chức của Đảng là chú trọng củng cố, phát triển cơ sở ở nông thôn, mở rộng và đẩy mạnh ở các thành phố, thị xã có điều kiện thuận lợi.

Về công tác tư tưởng, Hội nghị xác định rõ, hơn lúc nào hết cần tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục cán bộ, đảng viên về sự nhất trí với các nhận định cũng như chủ trương, đường lối của Đảng, sẵn sàng hy sinh, chịu đựng để thực hiện những nhiệm vụ cách mạng mới.

Về tổ chức đảng, Hội nghị xác định: cần tổ chức lại các chi bộ sao cho gọn nhẹ, bí mật; đặc biệt chú trọng những yêu cầu về chất lượng đảng viên, hạn chế thấp nhất những tác động của các đảng viên suy thoái, bản lĩnh kém, hết sức chú trọng việc bảo vệ các đảng viên

trung kiên và tăng cường cán bộ, đảng viên trung kiên cho Đảng bộ Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định và các đô thị.

Theo sự chỉ định của Bộ Chính trị, Xứ uỷ Nam Bộ gồm 12 uỷ viên chính thức, 3 uỷ viên dự khuyết, do đồng chí Lê Duẩn, Uỷ viên Bộ Chính trị là Bí thư, đồng chí Phạm Hữu Lầu là Phó Bí thư, đồng chí Hoàng Dư Khương là Thường trực Xứ uỷ. Ban Thường vụ Xứ uỷ gồm các đồng chí Lê Duẩn, Phạm Hữu Lầu, Hoàng Dư Khương, Nguyễn Văn Cúc, Phan Văn Đáng, Lê Toàn Thư, Nguyễn Đức Thuận, Phạm Thái Bường, Nguyễn Minh Đường. Xứ uỷ viên là các đồng chí Phạm Văn Xô, Phan Đức, Văn Viêm,... Xứ uỷ viên dự khuyết là các đồng chí Võ Văn Kiệt, Võ Văn Khánh, Mai Chí Thọ.

Tại Hội nghị, Xứ uỷ đã quyết định chia Nam Bộ thành ba liên khu uỷ và Khu Sài Gòn - Chợ Lớn.

Khu uỷ Sài Gòn - Chợ Lớn do đồng chí Nguyễn Văn Cúc làm Bí thư.

Liên Khu uỷ miền Tây (gồm các tỉnh Bạc Liêu, Long Châu Hà, Vĩnh Trà, Rạch Giá, Sóc Trăng và Cần Thơ) do đồng chí Phạm Thái Bường làm Bí thư.

Liên Khu uỷ miền Đông (gồm các tỉnh Gia Định, Tây Ninh, Tân An, Thủ Biên, Bà Rịa) do đồng chí Phan Đức làm Bí thư.

Liên Khu uỷ miền Trung (gồm các tỉnh Mỹ Tho, Sa Đéc, Bến Tre, Gò Công, Long Xuyên, Châu Đốc, Kiến Phong, Kiến Tường) do đồng chí Nguyễn Minh Đường làm Bí thư.

Tại Hội nghị thành lập Xứ uỷ Nam Bộ, khoảng đầu tháng 10-1954, đồng chí Bí thư Xứ uỷ Lê Duẩn đã phổ biến nghị quyết của Xứ uỷ về việc thành lập Khu uỷ Sài Gòn - Chợ Lớn, chỉ định danh sách Ban Chấp hành khu uỷ gồm 13 đồng chí do đồng chí Nguyễn Văn Cúc làm Bí thư, đồng chí Nguyễn Ngọc Thanh (Tám Tố) làm Phó Bí thư, đồng chí Trần Quốc Thảo (tức Cẩm) làm Uỷ viên Thường trực. Đồng chí Lê Duẩn cũng đã truyền đạt những nội dung cơ bản của Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ sáu (7-1954), chỉ thị của Bộ Chính trị (9-1954) về tình hình và nhiệm vụ của cách mạng miền Nam.

Các đại biểu dự Hội nghị đã thảo luận những nhận định, chủ trương của Đảng, phân tích kỹ những đặc điểm tình hình của thành phố và xác định rõ: nhân dân thành phố vốn giàu lòng yêu nước, có truyền thống cách mạng và đang sôi nổi trong phong trào đấu tranh chính trị đòi chính quyền miền Nam thực hiện nghiêm chỉnh Hiệp định Giơnevơ.

Về lực lượng cách mạng, Hội nghị nhận định: trong điều kiện hiện tại, lực lượng đấu tranh chính trị đã được Trung ương và Xứ uỷ tăng cường cho thành phố; các gia đình có thân nhân tham gia kháng chiến nay trở về Sài Gòn - Chợ Lớn sẽ là nòng cốt của cuộc đấu tranh chính trị. Tuy nguy quyền được Mỹ viện trợ, ra sức tô vẽ cho bộ mặt thành phố hào nhoáng, cho cái “tự do dân chủ” giả hiệu, nhưng chúng vấp phải nhiều khó khăn, do

mâu thuẫn Mỹ - Pháp, mâu thuẫn giữa tay sai của Mỹ với tay sai của Pháp, do chính quyền Ngô Đình Diệm chưa có cơ sở chính trị - xã hội vững chắc. Mặt khác, Sài Gòn là nơi có trụ sở của “Ban liên lạc đình chiến trung ương” của ta, là nơi có mặt Ủy ban Kiểm soát và giám sát quốc tế, khiến chúng không thể muốn làm gì cũng được. Đảng bộ thành phố cần tranh thủ tối đa những thuận lợi, triệt để khai thác những khó khăn của đối phương để xây dựng cơ sở cách mạng, xây dựng các tổ chức đảng.

Sau Hội nghị Xứ ủy, Hội nghị Khu ủy Sài Gòn - Chợ Lớn đã được triệu tập. Hội nghị dành khá nhiều thời gian thảo luận về nhiệm vụ công tác hai năm (1954 - 1956) của Đảng bộ thành phố, trước mắt là đẩy mạnh cuộc đấu tranh đòi đối phương thi hành đúng Hiệp định Giơnevơ như thực hiện thông thương Nam Bắc, tiến tới hiệp thương và tổng tuyển cử thống nhất đất nước.

Theo chủ trương của Trung ương Đảng và Xứ ủy, Khu ủy đã triển khai việc kiện toàn Đảng bộ khu. Toàn khu có Khu ủy mang mật danh “Tổng hội L.T.4”, 4 đảng bộ quận mang mật danh “Công ty” và 8 ban đảng; ở cấp đảng bộ quận được chia thành vùng (toàn khu có 21 vùng) do các quận ủy viên phụ trách; dưới cơ sở là các chi bộ hoặc tổ đảng.

Tuy kẻ thù tìm trăm phương nghìn kế để đánh phá các tổ chức đảng của ta ở thành phố, nhưng với sự chỉ đạo khéo léo, sáng tạo của Khu ủy đứng đầu là đồng chí

Mười Cúc, tới cuối năm 1956, Đảng bộ Khu Sài Gòn - Chợ Lớn đã có hơn 80 chi bộ với trên dưới 700 đảng viên, có khoảng 500 đoàn viên Đoàn Thanh niên Lao động và hơn 3.000 quần chúng nông cốt¹.

Sát cánh hoạt động bên đồng chí Mười Cúc và các đảng viên trung kiên của thành phố, nữ đồng chí Ngô Thị Huệ thời gian này đã sinh con đầu lòng là bé gái Nguyễn Thị Hoà. Nhưng do hoàn cảnh công tác, cháu bé vừa chào đời được ít ngày, đồng chí đã phải gửi người thân chăm nom để đảm đương công tác của Ban Phụ vận thuộc Khu uỷ.

Để trang bị kiến thức và kinh nghiệm cần thiết cho cán bộ trước tình hình mới, ngay sau Hội nghị Khu uỷ, đồng chí Mười Cúc đã cùng Thường vụ Khu uỷ quyết định mở một số lớp bồi dưỡng cho các cán bộ trước khi đưa về hoạt động trong thành phố. Nội dung học tập là Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ sáu, Chỉ thị của Bộ Chính trị, Nghị quyết Hội nghị Xứ uỷ Nam Bộ về tình hình và nhiệm vụ của Đảng bộ Sài Gòn - Chợ Lớn, những kinh nghiệm trong công tác tổ chức và vận động quần chúng đấu tranh chính trị hợp pháp. Đồng chí Bí thư Khu uỷ Mười Cúc đã trực tiếp giảng nhiều bài tại lớp học này. Đồng chí cùng tham

1. Đảng bộ tỉnh Gia Định gồm năm đảng bộ huyện là Hóc Môn, Thủ Đức, Nhà Bè, Gò Vấp và Bình Chánh thời gian này trực thuộc Liên Khu uỷ miền Đông.

dự những buổi thảo luận với các học viên về kinh nghiệm tổ chức, đấu tranh.

Sau khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết, điều khoản được thực thi đầu tiên là ngừng chiến, thực hiện chuyển quân tập kết. Chính quyền miền Nam được đế quốc Mỹ tiếp tay đã ra sức tuyên truyền lừa bịp. Họ rêu rao các luận điệu: “Cộng sản sẽ tàn sát các tín đồ Thiên Chúa giáo”, rằng “Chúa đã vào Nam”... nhằm dụ dỗ, cưỡng ép nhiều gia đình giáo dân rời bỏ quê hương di cư vào Nam. Luồng di cư ồ ạt này không chỉ gây nên những khó khăn về chính trị - xã hội cho miền Bắc mà cũng gây nhiều khó khăn cho đời sống kinh tế - xã hội của nhân dân miền Nam, nhất là ở các trung tâm đô thị như Sài Gòn - Chợ Lớn, đồng thời làm cho một số cán bộ của ta lúng túng trong công tác vận động quần chúng. Đồng chí Mười Cúc đã có nhiều cuộc gặp gỡ với các cán bộ làm công tác dân vận, phân tích tình hình, uốn nắn những nhận thức lệch lạc và cùng bàn bạc, tìm biện pháp vận động quần chúng, hướng dẫn phong trào. Đồng chí luôn nhắc nhở các đồng chí làm công tác dân vận là phải thông cảm với bà con, vì bà con là những người bị địch lừa gạt, lôi kéo; bà con cũng là nạn nhân, phải gần gũi bà con, giúp đỡ họ vượt qua những khó khăn của đời sống thường ngày, vận động họ đoàn kết đấu tranh.

Nhận rõ âm mưu của đế quốc Mỹ và chính quyền tay sai trong việc phá hoại Hiệp định Giơnevơ, đầu năm 1955, Xứ uỷ Nam Bộ quyết định vừa tận dụng thời gian

xây dựng và củng cố lực lượng, vừa tranh thủ cài cắm người vào các tổ chức của địch, vào các giáo phái Cao Đài, Hoà Hảo và lực lượng Bình Xuyên; đặc biệt lợi dụng, khoét sâu mâu thuẫn giữa các giáo phái với chính quyền Ngô Đình Diệm, hướng dẫn họ hoạt động chống lại Ngô Đình Diệm, gây thêm khó khăn cho chúng.

Theo chỉ đạo của Xứ uỷ, tháng 4-1955, đồng chí Mười Cúc đã triệu tập và chủ trì cuộc họp Khu uỷ Sài Gòn - Chợ Lớn để bàn những công việc phải làm một khi nổ ra cuộc xung đột giữa lực lượng Bình Xuyên với các lực lượng của Ngô Đình Diệm. Khu uỷ cho rằng, một mặt cần tranh thủ lợi dụng mâu thuẫn giữa Diệm với Bình Xuyên để xây dựng cơ sở, phát triển lực lượng; mặt khác, khi chiến sự nổ ra thì phải lập tức tổ chức nhân dân đấu tranh với chính quyền Diệm. Trong tháng 6 và 7-1955, tại số nhà 300A đường Ngô Tùng Châu, làng Bình Hoà (nay thuộc quận Bình Thạnh) đồng chí Mười Cúc đã triệu tập hai cuộc họp để đánh giá tình hình thành phố sau cuộc xung đột giữa các lực lượng thân Mỹ của Ngô Đình Diệm với các lực lượng thân Pháp của tướng Nguyễn Văn Hinh (3-1955) và âm mưu kế hoạch thanh toán các lực lượng Cao Đài, Hoà Hảo, Bình Xuyên mà Mỹ - Diệm đang chuẩn bị tiến hành.

Ngày 17-7-1955, chính quyền Ngô Đình Diệm tuyên bố công khai không có tổng tuyển cử thống nhất đất nước. Ngày 23-10-1955, Ngô Đình Diệm theo đạo diễn của Mỹ đã bày trò “trưng cầu dân ý” để phế truất Bảo

Đại, lên làm Tổng thống. Ba ngày sau, ngày 26-10-1955, Ngô Đình Diệm tuyên bố thành lập “Nhà nước Việt Nam Cộng hoà”, lấy Sài Gòn làm “thủ đô”. Bằng hành động này, Ngô Đình Diệm đã cắt đứt mọi quan hệ với Pháp, trực tiếp nhận viện trợ từ Mỹ và nhất cử nhất động đều theo cây gậy chỉ huy của Mỹ.

Việc chính quyền Ngô Đình Diệm ở miền Nam tuyên bố không có tổng tuyển cử và công khai trở thành tay sai cho đế quốc Mỹ diễn ra đồng thời với một chiến dịch khủng bố những người kháng chiến cũ và các giới đồng bào yêu nước ở miền Nam Việt Nam.

Bằng chính sách lừa bịp “cải cách điền địa”, chỉ trong một năm (từ nửa cuối 1955 đến nửa đầu 1956), chúng đã cướp 650.000 ha ruộng đất mà cách mạng đã cấp cho nông dân miền Nam trong kháng chiến và trước ngày tập kết để bán cho đại địa chủ hoặc để xây dựng các căn cứ quân sự.

Trong khi Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà lấy ngày 20-7 làm ngày tổng tuyển cử theo quy định của Hiệp định Giơnevơ thì chính quyền Ngô Đình Diệm lại hô hào âm ỹ “20-7 - ngày quốc hận”, chúng mở “chiến dịch tố cộng” từ ngày 15 đến ngày 22-7-1955 và sau đó là các chiến dịch đàn áp đẫm máu, như chiến dịch Thoại Ngọc Hầu kéo dài chín tháng (4-1956 - 2-1957) ở 18 tỉnh miền Tây và chiến dịch Trương Tấn Bửu kéo dài bảy tháng (7-1956 - 2-1957) ở 8 tỉnh miền Đông Nam Bộ. Sự đàn áp, khủng bố tập trung vào những người kháng

chiến cũ, cán bộ, đảng viên và quần chúng yêu nước. Trong năm 1956, tập đoàn gia đình trị Diệm - Nhu còn lập ra Đảng Cần lao nhân vị, một đảng được coi là hợp pháp duy nhất, có tính chất như một hội kín, với một mô lý luận chính trị hủ lậu nhằm mục đích chống cộng và đàn áp người kháng chiến cũ.

Chính quyền Diệm tổ chức giám sát từng nhà, từng người thông qua các hình thức “liên gia” và bộ máy kìm kẹp phát xít tới tận các khóm ấp. Diệm - Nhu trương lên khẩu hiệu “Đoàn kết quốc gia, bài trừ cộng sản”, lập ra các tổ chức Phụ nữ liên đới, Thanh niên cộng hoà, Phong trào cách mạng quốc gia... để qua đó phát triển Đảng Cần lao nhân vị. Tới cuối năm 1959, Đảng Cần lao nhân vị của Diệm - Nhu có tới 70.000 đảng viên, có tổ chức từ trung ương tới cơ sở. Có thể nói, chúng đã cố gắng tạo ra một thế đứng bề ngoài khá hoàn chỉnh, nhằm chống lại những người cộng sản, những người kháng chiến cũ và đồng bào yêu nước. Hoạt động chống phá của chúng ban đầu đánh vào quần chúng cách mạng trên diện rộng, sau đó đánh phá vào các tổ chức cơ sở đảng, cuối cùng đi tới tiêu diệt ý chí cách mạng của từng người cộng sản. Biện pháp của chúng là dùng bạo lực mạnh, kết hợp với tuyên truyền lừa bịp và mua chuộc dụ dỗ. Phương châm của chúng là từng bước, lâu dài, nhưng triệt để, nhằm đạt cho kỳ được mục tiêu cuối cùng là dồn những chiến sĩ cộng sản và quần chúng cách mạng

đến chỗ phải khuất phục, đầu hàng từ bỏ lý tưởng. Có thể nói, từ sau Hiệp định Giơnevơ được ký kết thì chiến dịch đại khủng bố của kẻ thù trong dịp 20-7-1956 là thâm độc và ác liệt nhất.

Tại Sài Gòn - Chợ Lớn, chính quyền tay sai đã chi tới 42% ngân sách của đô thành cho các cuộc vây ráp, lùng sục, bắt bớ. Ngay trong nội đô, dựa vào mạng lưới mật thám chỉ điểm, chính quyền Ngô Đình Diệm đã bắt giam hàng ngàn người mà chúng tình nghi theo cộng sản, nhiều đảng viên, quần chúng yêu nước bị chúng giết hại, một số dao động, đầu hàng phản bội.

Trong tình hình ấy, để củng cố lòng tin của nhân dân, giữ vững phong trào, bảo vệ các cơ sở cách mạng và tổ chức đảng, Bí thư Khu uỷ Mười Cúc đã bàn bạc cùng Khu uỷ quyết tâm thực hiện bám trụ và cắm sâu trong nội đô. Đồng chí đã chỉ thị các cơ quan và cán bộ Khu uỷ, quận uỷ phải vào sâu trong thành phố, bám sát quần chúng để kịp thời tổ chức và lãnh đạo đấu tranh. Bản thân đồng chí và toàn ban lãnh đạo Khu uỷ cũng vào bám trụ trong nội thành.

Để lãnh đạo đấu tranh, đồng chí Mười Cúc tổ chức cho các đảng bộ nghiên cứu chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương về chống khủng bố của địch, giữ gìn và củng cố cơ sở đảng. Thực hiện chỉ thị đó, đồng chí yêu cầu các cấp đảng bộ toàn khu phải coi bám dân, bám cơ sở là nhiệm vụ trọng tâm, là tiêu chuẩn đánh giá phẩm chất đảng viên. Về tổ chức quần chúng, các đảng bộ cũng

phải lựa chọn những quần chúng trung kiên lập thành những tổ nòng cốt, thắt chặt mối quan hệ giữa Đảng với dân, tạo dựng cơ sở và lực lượng quần chúng bảo vệ Đảng, bảo vệ cán bộ. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên cần được tiến hành sâu sát nhằm nêu cao khí tiết cộng sản, tinh thần cảnh giác, chủ động, sẵn sàng đối phó, tiến công lại địch, bảo vệ tổ chức, bảo vệ uy thế chính trị của Đảng, phải giáo dục và xử trí những phần tử phản bội, những đảng viên dao động trước khủng bố của địch, đồng thời giữ đúng nguyên tắc bí mật trong lề lối làm việc, liên lạc của Đảng.

Tuy nhiên, phần đông đảng viên ở nông thôn do cuộc sống phải gắn bó với quê hương, đồng ruộng và gia đình nên việc thực hiện chủ trương điều chuyển và rút vào bí mật có khó khăn, phong trào khó tránh khỏi tổn thất trước sự khủng bố của địch.

Tháng 6-1956, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã họp để nhận định tình hình và đề ra nhiệm vụ, phương châm cho cách mạng miền Nam. Hội nghị nhận định rằng: Mỹ - Diệm đang thực hiện âm mưu chia cắt lâu dài nước ta, tiêu diệt phong trào cách mạng miền Nam. Thời gian qua, các cơ sở cách mạng của ta ở miền Nam bị tổn thất tương đối nặng, ngày 20-7-1956 sẽ chưa có tổng tuyển cử như Hiệp định Giơnevơ quy định. Cuộc đấu tranh của nhân dân ta còn phải trải qua nhiều khó khăn.

Bộ Chính trị nêu nhiệm vụ chung của cách mạng miền Nam là: đoàn kết mọi người Việt Nam yêu nước, tán thành xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh; tiến hành đấu tranh chính trị lâu dài, gian khổ chống Mỹ - Diệm, đòi cải thiện đời sống cho nhân dân; đòi tự do dân chủ và đòi triệt để thi hành Hiệp định Giơnevơ, tiến tới thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ.

Bộ Chính trị vạch rõ: “Hình thức đấu tranh trong toàn quốc hiện nay là đấu tranh chính trị, không phải đấu tranh vũ trang nhưng cần củng cố các lực lượng vũ trang và bán vũ trang hiện có; xây dựng các căn cứ làm chỗ dựa; xây dựng cơ sở quần chúng vững mạnh làm điều kiện căn bản để duy trì và phát triển lực lượng vũ trang; tổ chức tự vệ trong quần chúng nhằm bảo vệ các cuộc đấu tranh của quần chúng và giải thoát cán bộ khi cần thiết...”¹.

Những nội dung cơ bản của Nghị quyết Hội nghị Bộ Chính trị qua điện đài đã được truyền xuống cho Xứ ủy Nam Bộ và Liên khu ủy V. Tuy nhiên, trong điều kiện thông tin liên lạc lúc bấy giờ, việc truyền đạt tinh thần cơ bản của Nghị quyết Bộ Chính trị chưa đến được tất cả các khu vực quan trọng của Nam Bộ, trong đó có Sài

1. *Lịch sử biên niên Xứ ủy Nam Bộ và Trung ương Cục miền Nam (1954 - 1975)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr.112-113.

Gòn - Gia Định. Có thể nói từ Hội nghị Bộ Chính trị (6-1956), Đảng ta đã khẳng định một hướng đấu tranh mới: đấu tranh chính trị vẫn là chủ yếu, nhưng cần củng cố các lực lượng vũ trang và bán vũ trang hiện có nhằm bảo vệ các cuộc đấu tranh chính trị của quần chúng. Đây là một chủ trương mới rất quan trọng, khởi đầu cho việc hình thành đường lối cách mạng miền Nam sau đó¹.

Tình hình cách mạng miền Nam biến đổi nhanh chóng, có những vấn đề bức xúc đòi hỏi có sự chỉ đạo kịp thời. Khi đế quốc Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm đã thực thi chính sách bằng lưỡi lê và súng đạn; khi giá trị pháp lý của Hiệp định Giơnevơ không còn hiệu lực thì không thể thuần túy chỉ dùng đấu tranh chính trị để ngăn chặn bàn tay tội ác của đế quốc Mỹ và tay sai được nữa, có nhiều câu hỏi bức xúc đã được đặt ra là: bằng con đường nào để nhân dân ta đánh đổ chính quyền Ngô Đình Diệm - tay sai của đế quốc Mỹ, giành quyền làm chủ? Nếu khởi nghĩa giành chính quyền thì bằng cách nào để giữ vững chính quyền? Làm thế nào để chiến tranh không lan rộng ra cả nước và tránh được sự bùng nổ cuộc chiến tranh thế giới mới?, v.v.. Trong điều kiện xa Trung ương, thông tin liên lạc khó khăn, việc giải

1. Xem Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh: *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t. II (1954-1975), tr.51.

đáp kịp thời, sáng tỏ những vấn đề bức xúc này là một sáng tạo rất lớn của các đồng chí lãnh đạo Xứ uỷ Nam Bộ, đặc biệt là của đồng chí Bí thư Xứ uỷ Lê Duẩn.

Để trả lời được các câu hỏi trên, phải tiến hành khảo sát để nắm được thực tế tình hình và những thủ đoạn chống phá cách mạng của kẻ thù. Nhưng thời gian này là thời kỳ địch đánh phá rất ác liệt, cán bộ ta đi lại rất khó khăn.

Tháng 8-1955, đồng chí Mười Cúc về miền Tây họp Xứ uỷ, thấy tình hình căng quá, đồng chí Cúc bàn bạc với anh em dưới đó đưa đồng chí Lê Duẩn lên Sài Gòn. Khi tới Bến Tre, đồng chí Nguyễn Văn Hoàn là giao liên của đồng chí Lê Duẩn bị lính địa phương bắt. Còn lại một mình đồng chí Lê Duẩn chống xuống đi tìm cơ sở ta. Cán bộ địa phương được tin đồng chí Hoàn bị bắt, đã cử người tảo đi tìm, may là đã gặp được đồng chí Lê Duẩn, đưa đồng chí về ở tạm một nơi an toàn. Có người của ta báo cho đồng chí Mười Cúc biết việc này, đồng chí Cúc bàn với đồng chí Cao Đăng Chiếm lập phương án đảm bảo nhất để đưa đồng chí Lê Duẩn vào nội thành.

Khoảng giữa năm 1956, đồng chí Lê Duẩn từ Mỹ Tho vào nội thành Sài Gòn, ở nhà anh Sáu Hoa (quận Bình Thạnh) sau đó về ở chung với đồng chí Mười Cúc một thời gian tại cơ sở nhà cô Hai Phận, trên đường Huỳnh Quang Tiên; sau cũng chuyển về cơ sở 29 đường Huỳnh Khương Ninh. Tại đây, đồng chí Lê Duẩn và đồng chí Mười Cúc đã có nhiều cuộc trao đổi về tình hình cách

mạng miền Nam và tình hình Sài Gòn - Chợ Lớn. Từ tổng kết tình hình đấu tranh ở các địa phương Nam Bộ, đồng chí Lê Duẩn đã dự thảo *Đề cương đường lối cách mạng Việt Nam ở miền Nam*. Đề cương được hoàn thành vào khoảng tháng 12-1956 với sự cộng tác đặc lực của đồng chí Mười Cúc, các đồng chí trong Xứ uỷ Nam Bộ và Khu uỷ Sài Gòn - Chợ Lớn.

Vừa tham gia cộng tác với đồng chí Lê Duẩn nghiên cứu, phác thảo đường lối cách mạng miền Nam, đồng chí Mười Cúc vừa đi xuống cơ sở nắm bắt tình hình, trực tiếp nghe đảng viên và quần chúng báo cáo. Câu hỏi luôn thường trực trong đồng chí là làm thế nào để vừa đẩy mạnh cuộc đấu tranh ngăn chặn bàn tay tội ác của đế quốc Mỹ và tay sai, vừa bảo vệ được quần chúng, cán bộ, cơ sở cách mạng lại vừa phát triển được lực lượng. Đồng chí thường xuyên nhắc nhở cán bộ, đảng viên phải coi sự nghiệp cách mạng là của quần chúng, phải giác ngộ quần chúng, đưa quần chúng vào tổ chức cách mạng, hướng dẫn họ đấu tranh theo những hình thức và khẩu hiệu thích hợp. Trong chỉ đạo phong trào, phải tránh chủ quan, lộ liễu, gây thiệt hại cho cơ sở, cho phong trào.

Đồng chí Mười Cúc cũng thường xuyên nhắc nhở cán bộ phải kết hợp đấu tranh đòi địch phải thi hành Hiệp định Giơnevơ, đòi hòa bình thống nhất đất nước với đấu tranh giành những lợi ích thiết thực của quần chúng, như đòi tăng lương, giảm thuế, chống đuổi nhà, đuổi chợ,... không được coi nhẹ mặt nào cả. Đồng chí Mười Cúc

phân tích: Các khẩu hiệu nêu trên là những yêu cầu cơ bản của cách mạng, cần hướng dẫn quần chúng đấu tranh đạt cho kỳ được, song điều quan trọng là phải chọn thời điểm thích hợp. Khẩu hiệu, hình thức đấu tranh không phải xuất phát từ chủ quan, từ ý chí của lãnh đạo, mà phải từ nguyện vọng, từ quyền lợi bức xúc của quần chúng, có tính đến so sánh lực lượng giữa ta và địch trong từng thời điểm cụ thể. Đưa ra khẩu hiệu, hình thức đấu tranh không phù hợp thì quần chúng không hưởng ứng, làm sao tập hợp và xây dựng được lực lượng. Nếu cố gò ép quần chúng ra đấu tranh non thì sẽ bị địch đàn áp, phong trào quần chúng bị tổn thất, bất lợi cho cách mạng. Nếu ta đưa ra những khẩu hiệu đấu tranh vì quyền lợi gần gũi thiết thân hàng ngày của quần chúng, dù là quyền lợi nhỏ nhất, sẽ được quần chúng hưởng ứng và nâng lên. Và chính từ thắng lợi trong đấu tranh mà xây dựng và phát triển thực lực cách mạng¹.

Đồng chí luôn nhắc nhở cán bộ hoạt động ở vùng đô thị là phải triệt để tuân thủ những nguyên tắc và phương châm hoạt động của Đảng: tinh giản, bí mật, trọng chất hơn lượng, lấy giáo dục cán bộ, đảng viên làm chính. Những tư tưởng chỉ đạo đó của đồng chí Mười Cúc đã có sự gặp gỡ và nhất trí rất cao với tư tưởng chỉ đạo của đồng chí Lê Duẩn. Hai đồng chí sát cánh bên

1. Xem Nguyễn Vĩnh Nghiệp: *Ông già căn cơ*. In trong *Nguyễn Văn Linh - hành trình cùng lịch sử, Sđd*, tr. 109.

nhau, hình thành nên những chủ trương có tác dụng rất lớn đối với sự chuyển hướng đấu tranh cách mạng ở miền Nam khởi đầu cho sự hình thành *Đề cương đường lối cách mạng miền Nam* sau đó.

Khoảng cuối năm 1956, theo điều động của Trung ương và Xứ uỷ, đồng chí Mười Cúc bàn giao trách nhiệm Bí thư Khu uỷ Sài Gòn - Chợ Lớn cho đồng chí Trần Quốc Thảo và về nhận công tác ở Xứ uỷ.

Để tránh “chiến dịch tố cộng, diệt cộng” ác liệt của Mỹ - Diệm, cơ quan Xứ uỷ Nam Bộ rời khỏi thành phố, chuyển lên đóng tại một địa điểm bí mật gần biên giới Campuchia. Từ cuối tháng 12-1956 đến tháng 1-1957, Hội nghị Xứ uỷ Nam Bộ lần thứ hai đã được tiến hành để đánh giá tình hình và bàn một số chủ trương đấu tranh trước mắt. Hội nghị nhận định: “Cách mạng miền Nam đang bị chìm trong bể máu cho nên đã đến lúc miền Nam cần phải tổ chức lực lượng vũ trang, trước hết là vũ trang tự vệ và vũ trang tuyên truyền để chống lại bạo lực của kẻ thù”. Hội nghị cũng vạch ra nhiệm vụ cần kíp trước mắt cho Đảng bộ Nam Bộ là “phải chặn bàn tay phát xít của Mỹ - Diệm, đòi các quyền tự do dân chủ, cơm áo cho nhân dân ta, xây dựng thực lực cách mạng, củng cố Đảng, tăng cường uy thế và vai trò lãnh đạo của Đảng, củng cố khối liên minh công nông và Mặt trận dân tộc thống nhất...”¹.

1. *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 - 1975)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1997, t. 1, tr. 24.

Tại Hội nghị này, Đồng chí Lê Duẩn đã trình bày dự thảo *Đề cương đường lối cách mạng Việt Nam ở miền Nam*, để lấy ý kiến đóng góp, chuẩn bị ra báo cáo với Trung ương.

Khoảng tháng 2-1957, tại cơ quan Xứ uỷ gần biên giới Campuchia, các đồng chí Lê Duẩn, Nguyễn Văn Cúc và một số đồng chí trong Xứ uỷ Nam Bộ đã có hai đợt làm việc với các đồng chí lãnh đạo Khu uỷ Sài Gòn - Chợ Lớn. Đồng chí Lê Duẩn - Bí thư Xứ uỷ, đã nghe báo cáo và góp nhiều ý kiến về hoạt động của Đảng Bộ Sài Gòn - Chợ Lớn và gợi ý một số nhiệm vụ cho Khu uỷ là phải phát triển thực lực, xây dựng lực lượng “nòng cốt” cho cách mạng: phải khéo léo giữ bí mật, tránh bộc lộ lực lượng, đề phòng địch phá hoại. Xứ uỷ đã chỉ đạo việc Khu uỷ chia Đảng bộ thành hai bộ phận, một đóng ở nội thành và một đóng ở ngoại thành.

Cuối tháng 4-1957, đồng chí Lê Duẩn được Bộ Chính trị điều ra Bắc nhận công tác, đồng chí mang theo bản *Đề cương đường lối cách mạng Việt Nam ở miền Nam* và báo cáo với Bộ Chính trị về tình hình cách mạng miền Nam, nguyện vọng của đảng viên và quần chúng đề nghị được chuyển hướng đấu tranh. Sau khi đồng chí Lê Duẩn ra Bắc, đồng chí Phạm Hữu Lầu được cử làm quyền Bí thư Xứ uỷ nhưng hai tháng sau lâm bệnh và mất, đồng chí Nguyễn Văn Cúc được Trung ương cử làm quyền Bí thư Xứ uỷ Nam Bộ - một nhiệm vụ rất nặng nề, trong hoàn cảnh muôn vàn khó khăn, thử thách.

Thời kỳ 1957 - 1958, cách mạng miền Nam đang ở lúc thoái trào. Chưa thời kỳ nào phong trào cách mạng bị tổn thất và gặp nhiều khó khăn như vậy. Riêng ở miền Đông Nam Bộ, từ 21.000 đảng viên chỉ còn 900 đảng viên. Thành uỷ Sài Gòn - Chợ Lớn bị đánh phá, do khai báo của Tám Hoảng (tức Ngô Trí Huệ), đồng chí Trần Quốc Thảo, Bí thư Khu uỷ và nhiều đồng chí lãnh đạo của thành phố bị bắt và bị giết hại, các cơ sở nội, ngoại thành bị đánh phá dữ dội. Huyện Gò Vấp có 2.000 đảng viên, đến thời kỳ này còn chưa đến 200. Đồng chí Mười Cúc, quyền Bí thư Xứ uỷ, đã chỉ đạo thành lập ngay một cấp uỷ mới cho Khu uỷ Sài Gòn - Chợ Lớn và điều đồng chí Võ Văn Kiệt về làm Bí thư Khu uỷ. Một số đảng bộ khu, tỉnh cũng được đồng chí bổ sung cho những cán bộ có kinh nghiệm và năng lực công tác thực tiễn về lãnh đạo phong trào.

Để nhanh chóng khôi phục cơ sở cách mạng ở những nơi bị khủng bố, tan vỡ, đồng chí Mười Cúc đã giao nhiệm vụ cho một số đồng chí cán bộ chuyên trách ở Xứ uỷ mở “Lớp học rừng xanh”, nhằm bồi dưỡng những quan điểm chỉ đạo của Đảng, của Xứ uỷ về đường lối cách mạng miền Nam, về phương châm đấu tranh,... cho những cán bộ chủ chốt, sau đó đưa họ về xây dựng lại cơ sở, vực dậy phong trào cách mạng ở các địa phương, trong đó nhiều người trở thành những cán bộ lãnh đạo xuất sắc của phong trào đấu tranh những năm sau đó.

Để tạo mối liên hệ chặt chẽ giữa thành phố với nông

thôn ngoại thành và vùng phụ cận, đồng chí Mười Cúc đã chỉ đạo các đồng chí Khu uỷ Sài Gòn - Chợ Lớn sáp nhập các huyện nông thôn vùng ven vào Khu Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định, lấy đó vừa làm bàn đạp, vừa làm căn cứ cho thành phố. Chính nhờ sự chỉ đạo này của đồng chí mà Khu uỷ có địa bàn để mở hàng chục lớp huấn luyện, lập nhà in, xưởng phim ảnh,...; cán bộ có thể ra Thủ Đức, Nhà Bè, Bình Dương hội họp, tập huấn. Nhờ vậy ta có vùng nông thôn ven đô rất mạnh, hỗ trợ cho các cơ sở cách mạng trong thành phố.

Trên cương vị quyền Bí thư Xứ uỷ Nam Bộ, đồng chí Nguyễn Văn Cúc cùng với các đồng chí lãnh đạo trong Xứ uỷ dũng cảm đương đầu với cơn bão phản cách mạng, vượt qua sự khủng bố khốc liệt của kẻ thù, bám trụ kiên cường, giữ vững niềm tin, chèo lái vững vàng con thuyền cách mạng ở Nam Bộ vượt qua thời kỳ đầy khó khăn, thử thách ác liệt.

2. Chuyển hướng chỉ đạo đấu tranh, phát động “đồng khởi”, mở ra bước ngoặt cho cách mạng miền Nam (1959 - 1960)

Trong những năm 1957 - 1958, sau khi đã thiết lập xong bộ máy chính quyền và thắng thế trước các lực lượng giáo phái, chính quyền Ngô Đình Diệm, theo sự chỉ đạo của quan thầy Mỹ, đã tăng cường kìm kẹp nhân dân miền Nam bằng bộ máy cai trị tàn bạo, tiến hành đàn áp khủng bố từ trung ương tới các xóm ấp. Bằng thủ đoạn

lập “ngũ gia liên bảo” (năm nhà lập thành một tổ, có người giám sát), chúng kiểm soát người dân tới từng hộ dân cư; đồng thời chúng tăng cường xây dựng quân đội, cảnh sát, thám báo, mật vụ cùng đội ngũ bảo an dân vệ và các tổ chức phản động làm công cụ phục vụ cho những âm mưu thâm độc. Trong thời gian này, chúng đã ban hành những chính sách phản động, mua chuộc, uy hiếp những gia đình có người tham gia kháng chiến, có người tập kết và những người có cảm tình với cách mạng. Bằng thủ đoạn này chúng thực hiện việc phân loại quần chúng, cô lập những đối tượng mà chúng tình nghi; khủng bố, giết hại những người cách mạng và quần chúng yêu nước.

Với ý đồ cô lập những người cộng sản, phá vỡ các cơ sở cách mạng và kiểm soát gắt gao quần chúng, chính quyền Ngô Đình Diệm đã xây dựng các khu tập trung dân cư mà chúng gọi là “khu trù mật”. Nhân dân Nam Bộ bị chìm ngập trong không khí khủng bố, bị bắt phu, bắt lính, bị lừa vào trại tập trung. Man rợ hơn ở khu Hải Yến (Bình Hương, Cà Mau), kẻ thù còn bắt bố, tra tấn, mổ bụng moi gan nhiều cán bộ, đảng viên. Bằng các hành động này chúng đã phá vỡ nhiều cơ sở và căn cứ cách mạng của ta ở Đồng Tháp, U Minh, Kiến Tường,...

Từ năm 1957, chủ nghĩa thực dân mới do đế quốc Mỹ lập nên ở miền Nam Việt Nam đã bộc lộ những mâu thuẫn trầm trọng, trong đó mâu thuẫn giữa chế độ thực dân mới với các giai cấp, tầng lớp yêu nước ở miền Nam ngày càng gay gắt. Vấn đề cấp bách đặt ra là phải

chuyên hướng đấu tranh, nhanh chóng tìm ra những chủ trương, biện pháp thích hợp nhằm chống lại sự đánh phá khốc liệt của kẻ thù, bảo vệ lực lượng cách mạng, bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân. Sau khi đồng chí Lê Duẩn ra Bắc, Xứ uỷ đã cử tiếp hai đồng chí xứ uỷ viên ra Bắc báo cáo tình hình và xin ý kiến Trung ương về chủ trương, đường lối cách mạng miền Nam.

Có thực tế là trong hoàn cảnh đàn áp cực kỳ dã man của kẻ thù, ta lại chưa có những chủ trương, biện pháp đối phó hiệu quả, nên sự tổn thất khá nặng nề. Theo báo cáo về tình hình Nam Bộ, từ tháng 7-1954 đến giữa năm 1959, toàn Đảng bộ Nam Bộ chỉ còn khoảng 5 ngàn đảng viên; từ gần 17 ngàn đoàn viên chỉ còn 7.000. Đại đa số các đồng chí ta bị chúng giết hại, bị tù đầy. Một số đảng bộ địa phương bị tổn thất rất nặng nề. Tỉnh uỷ Gia Định mặc dù đã qua nhiều lần bổ sung nhưng tới giữa năm 1959 không còn đồng chí nào. Đảng bộ các quận Gò Vấp và Tân Bình từ hơn 1.000 đảng viên (1954) chỉ còn 385 đồng chí (1959), tất cả các đồng chí cán bộ quận uỷ viên đều bị bắt. Mặc dù các đồng chí còn lại đều trung kiên, tin tưởng nhưng tình hình đã trở nên cực kỳ khó khăn. Hai đồng chí xứ uỷ viên Phan Văn Đáng và Phạm Văn Xô ra Hà Nội báo cáo và xin ý kiến Trung ương về chủ trương dùng võ trang để bảo vệ lực lượng, chờ đợi đã hơn một năm nhưng vẫn chưa nhận được chỉ thị cụ thể, do ý kiến còn khác nhau, Trung ương chưa họp được nên chưa có nghị quyết.

Trước những hành động khủng bố, tàn sát ngày càng điên cuồng của Mỹ - Diệm, nhu cầu đấu tranh vũ trang để hỗ trợ cho đấu tranh chính trị đã trở thành nguyện vọng bức thiết của quần chúng. Những tháng cuối năm 1957 đã có ba trận tiến công lớn của lực lượng vũ trang miền Đông Nam Bộ: cuộc tiến công vào thị xã Minh Thạnh (Thủ Dầu Một) ngày 10-8-1957, trận đánh vào Trại Bé (Biên Hòa) tháng 9-1957 và trận phục kích một cánh quân địch đi càn vào khu vực Lò Than (Biên Hòa) tháng 12-1957. Các cuộc tiến công, phục kích này tuy kết quả chưa cao, song có tiếng vang lớn trong việc cổ vũ các đội vũ trang tuyên truyền diệt ác để hỗ trợ cho đấu tranh chính trị của quần chúng. Trên cơ sở đó, Xứ uỷ Nam Bộ quyết định thành lập Ban Quân sự và Đảng uỷ lực lượng vũ trang miền Đông Nam Bộ (3-1958).

Cuối tháng 11-1958, để kiểm điểm tình hình và kịp thời đề ra chủ trương và biện pháp phù hợp với thực tiễn, đồng chí Mười Cúc đã triệu tập và chủ trì Hội nghị Xứ uỷ Nam Bộ lần thứ ba. Dựa trên quan điểm của *Đề cương đường lối cách mạng Việt Nam ở miền Nam* và Nghị quyết Hội nghị Xứ uỷ lần thứ hai (1-1957), Hội nghị lần thứ ba của Xứ uỷ nhận định: Những nhiệm vụ mà Hội nghị lần thứ hai đề ra về cơ bản vẫn còn phù hợp, không có gì thay đổi lớn. Tuy nhiên, mức độ đấu tranh cần được gia tăng, mạnh mẽ hơn mới đủ uy lực ngăn chặn những chính sách khủng bố phát xít của đế quốc Mỹ và tay sai. Ba nhiệm vụ trước mắt của Nam Bộ là:

1. Đẩy mạnh cuộc đấu tranh nhằm ngăn chặn những thủ đoạn, chính sách độc tài của đế quốc Mỹ và tay sai; đẩy mạnh đấu tranh đòi tự do, cơm áo và các quyền dân sinh, dân chủ.

2. Đẩy mạnh cuộc đấu tranh vì hoà bình, thống nhất đất nước, ngăn chặn âm mưu gây chiến của đế quốc Mỹ.

3. Tích cực xây dựng thực lực cách mạng, bao gồm: củng cố vững chắc các đảng bộ, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, củng cố liên minh công nông, mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất; đi sâu gây dựng cơ sở cách mạng trong quần chúng và trong chính quyền của địch.

Tuy chưa thành chủ trương, nghị quyết chính thức, song vấn đề đấu tranh vũ trang đã được Hội nghị Xứ uỷ lần thứ ba bàn nhiều hơn các hội nghị trước. Hội nghị kết luận: Tình hình giữa ta và địch trong thời gian tới sẽ diễn ra gay go, quyết liệt hơn. Quần chúng nhân dân dưới sức ép của địch sẽ vùng dậy đấu tranh ngày một rộng rãi, mạnh mẽ, quyết liệt hơn. Đây là một nhận định có tính dự báo rất quan trọng của Xứ uỷ để đón trước bước chuyển sắp tới của cách mạng miền Nam.

Sau Hội nghị, Xứ uỷ Nam Bộ đã quyết định củng cố căn cứ địa ở miền Đông Nam Bộ, bao gồm hai khu vực nguyên là chiến khu Đ và chiến khu Dương Minh Châu cũ, đồng thời mở rộng lên giáp với tỉnh Tây Ninh, sát biên giới Campuchia. Xứ uỷ cũng chỉ thị cho các tỉnh Vĩnh Long, Long An, Rạch Giá, Cà Mau... mở rộng và củng cố căn cứ địa Đồng Tháp Mười - U Minh. Tại vùng

căn cứ này, nhiều “làng rừng” với số dân hàng chục nghìn người đã được xây dựng; tạo thành căn cứ an toàn để tích lũy vật chất, duy trì và phát triển lực lượng, mở các cuộc tiến công tiêu hao sinh lực địch.

Để đối phó với phong trào cách mạng đang phát triển của nhân dân miền Nam, chính quyền Ngô Đình Diệm ra sức tăng cường khủng bố, chém giết một cách tàn bạo. Đến cuối năm 1958, bằng chính sách “tố cộng”, “diệt cộng” chúng đã giết hại khoảng 68.000 cán bộ, đảng viên và quần chúng yêu nước; bắt giam 466.000 người; tra tấn thành thương tật 680.000 người.

Bước sang năm 1959, đế quốc Mỹ và chính quyền tay sai càng đẩy mạnh khủng bố, chém giết một cách tàn bạo hơn. Tháng 4-1959, “quốc hội” bù nhìn ở miền Nam đã thông qua Đạo luật số 91 - còn gọi là Luật 10/59. Theo đạo luật này, chúng lập những toà án quân sự đặc biệt ở khắp các xã ấp trên toàn miền Nam, tiến hành bao vụ thảm sát đẫm máu. Tội ác của chúng đã gây nên làn sóng căm phẫn tột cùng trong lòng nhân dân ta. Nhiều nơi nhân dân đã kiến nghị với các cấp uỷ địa phương, với Xứ uỷ xin Trung ương cho vũ trang đánh địch. Đồng bào giải bày và chất vấn: “Xứ uỷ có báo cáo với Bác Hồ và Trung ương biết tình hình miền Nam hay không mà chịu khoanh tay để địch đàn áp bừa bãi, khi muốn giết ai chúng chỉ cần vu cho người đó là cộng sản”; “địch đã không thực hiện Hiệp định mà ta chỉ dùng cùi chỏ đấu tranh với chúng thì làm sao mà sống

được”. Đồng bào nhiều nơi còn đòi hỏi gay gắt: “Tại sao không cho vũ trang? Không cho vũ trang đánh lại kẻ thù thì anh em mình chết hết”. Đồng bào xã Hoà Hội (Tây Ninh) còn ký tên tập thể gửi Trung ương Đảng và Bác Hồ kiến nghị: “Nhân dân bị khủng bố, cán bộ bị giết hại, xin cho bộ đội, con em miền Nam tập kết ra Bắc trở về đánh giặc, cứu dân”. Trong một cuộc mít tinh, có cụ già, uất ức nghẹn ngào nói: “Bác Hồ ơi, Mỹ - Diệm nó ác lắm rồi. Bác cho phép đồng bào bắn nát đầu chúng nó”¹... Đó là những đòi hỏi từ thực tiễn cuộc sống của đồng bào Nam Bộ lúc đó. Ở nhiều địa phương, quần chúng đã tự động nổi dậy đấu tranh và có sự kết hợp với đấu tranh vũ trang như ở Củ Chi, Thủ Đức, Gò Vấp, Hóc Môn, Bình Tân... Trước tình hình đó, với trách nhiệm trước nhân dân, đất nước, đồng chí Nguyễn Văn Cúc đã xắn tay cùng các đồng chí trong Xứ uỷ Nam Bộ nhiều lần bàn bạc, phân tích, đánh giá tình hình và thống nhất nhận định: Ở miền Nam lúc này nhân dân đã thực sự muốn vũ trang để đánh địch, dù ta cố dùng hình thức đấu tranh hoà bình, nhưng sự tàn bạo của kẻ thù sẽ đẩy quần chúng tự vùng lên đấu tranh. Mặt khác, địch càng khủng bố, đàn áp, dồn dân vào ấp chiến lược, khu trù mật thì chúng càng bị nhân dân căm ghét, tinh thần đấu tranh chống lại chúng của nhân dân ta lại càng cao. Tình hình ấy đòi

1. Nguyễn Văn Linh: *Trả lời phỏng vấn của Tạp chí Lịch sử Đảng*. Xem Tạp chí *Lịch sử Đảng*, số 2, 1995.

hỏi chúng ta phải có những chủ trương, biện pháp đấu tranh thế nào để giữ vững lòng tin cho quần chúng. Trước khi đề ra các chủ trương mới để chỉ đạo phong trào, đồng chí Mười Cúc đã cử cán bộ xuống các địa phương nghiên cứu, trao đổi, đồng thời mời các đồng chí ở các địa phương lên báo cáo tình hình. Bản thân đồng chí cũng trực tiếp xuống các cơ sở để khảo sát thực tế, lắng nghe ý kiến của đồng chí, đồng bào.

Tháng 1-1959, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 15 (đợt 1) kiểm điểm sự lãnh đạo của Đảng đối với nhiệm vụ đấu tranh cho hoà bình thống nhất đất nước. Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương đã phân tích những khó khăn và thuận lợi, thắng lợi và tổn thất của phong trào cách mạng miền Nam những năm qua, trên cơ sở đó đã đưa ra nhận định: Tuy có lúc có nơi tạm thời gặp khó khăn, tổn thất, nhưng nói chung phong trào cách mạng miền Nam đã diễn ra liên tục, đều khắp, ngày càng được củng cố và mở rộng. Đảng bộ miền Nam dù bị đánh phá ác liệt nhưng vẫn tồn tại, củng cố và phát triển, đó là điều kiện quyết định đưa cách mạng miền Nam đi tới thắng lợi.

Tuy nhiên, trong bước chuyển biến quan trọng của cách mạng Việt Nam và trong bối cảnh phức tạp mới của tình hình thế giới cũng như trong nước, nhận thức về tình hình cách mạng Việt Nam trong Đảng ta có lúc, có nơi chưa thật đúng, gây nên những sai lầm về mặt

này hay mặt khác, ở miền Bắc cũng như ở miền Nam, đã hạn chế thắng lợi chung của toàn quốc.

Báo cáo cũng nêu lên một số khuyết điểm chính về chỉ đạo cách mạng miền Nam như: chưa nhận rõ kẻ thù chủ yếu của cách mạng miền Nam là đế quốc Mỹ xâm lược, xem Hiệp định Giơnevơ có thể giải quyết được vấn đề cách mạng ở miền Nam; chưa xác định rõ và cụ thể mối quan hệ khăng khít, chặt chẽ giữa hai chiến lược cách mạng¹, có lúc còn quá nhấn mạnh và tập trung cho xây dựng miền Bắc, trong khôi phục kinh tế và phát triển văn hóa đều phạm sai lầm phiến diện, không quán triệt nhiệm vụ cách mạng miền Nam của Đảng; Đảng bộ miền Nam, trong chỉ đạo, mới chú trọng tổ chức quần chúng gây áp lực với chính quyền Mỹ - Diệm đòi hòa bình thống nhất mà còn coi nhẹ xây dựng lực lượng để đi đến đánh đổ chính quyền của chúng; trong tình hình đế quốc Mỹ xâm lược, đất nước bị chia cắt, Đảng ta chưa đề ra một cương lĩnh chính trị để hướng dẫn phong trào toàn quốc, quá nhấn mạnh tác dụng pháp lý của Hiệp định Giơnevơ, xem thường nhiệm vụ chuẩn bị cơ sở và chuyển hướng tổ chức; không tăng cường lãnh đạo cho Xứ uỷ Nam Bộ, cơ quan thay mặt Trung ương lãnh đạo cách mạng miền Nam mà lại rút đi,...

Khi bàn về phương pháp tiến hành chiến tranh cách mạng ở miền Nam, Hội nghị còn có ý kiến khác nhau: có

1. Lúc bấy giờ gọi là hai nhiệm vụ chiến lược.

ý kiến đề nghị vũ trang và tiến hành chiến tranh du kích, xây dựng căn cứ địa; có ý kiến không đồng ý tiến hành đấu tranh vũ trang, phải dựa vào cơ sở pháp lý của Hiệp định Giơnevơ, đấu tranh bằng phương pháp hòa bình; có ý kiến cho rằng phải khởi nghĩa, nhưng làm từng bước.

Do có nhiều vấn đề quan trọng chưa thể thống nhất, Hội nghị kết thúc đợt 1 để Ban Chấp hành Trung ương tiếp tục nghiên cứu và sẽ kết luận vào đợt 2¹.

Hai đại biểu Xứ uỷ Nam Bộ là Phan Văn Đáng và Phạm Văn Xô ra báo cáo với Trung ương đã phải chờ đợi hơn một năm mà chưa có nghị quyết, đành phải trở về Nam Bộ. Trước khi lên đường, các đồng chí được gặp Bác Hồ và đồng chí Lê Duẩn. Bác nói: “Các chú về báo cáo với Xứ uỷ: Mình chịu trách nhiệm với Đảng, trực tiếp cọ xát với địch, hình thức đấu tranh cụ thể thế nào, các đồng chí là cán bộ ở tiền tuyến, phải căn cứ vào tình hình cụ thể ở đó mà quyết định”². Ý kiến của đồng chí Lê Duẩn cũng tương tự như vậy. Khi hai đồng chí trở về tới Nam Bộ, báo cáo lại với Xứ uỷ tinh thần nói trên, đồng chí Nguyễn Văn Cúc phát biểu: “Tình hình quân chúng bị o ép như vậy, bị dồn đến chân tường như vậy

1. Xem *Lịch sử biên niên Xứ uỷ Nam Bộ và Trung ương Cục miền Nam (1954 - 1975)*, *Sđd*, tr.109-171.

2. Phát biểu của đồng chí Phạm Văn Xô tại cuộc tọa đàm về Xứ uỷ Nam Bộ và Trung ương Cục (1954 - 1975) tổ chức tại thành phố Hồ Chí Minh ngày 29-9-1998. Tư liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng.

mà mình không có chủ trương, không có một hình thức đấu tranh gì khác thì không thể được”. “Nếu mình phát động đấu tranh vũ trang thì nhất định quần chúng đứng về phía ta thôi”¹.

Trên cơ sở thống nhất ý kiến qua hai đợt họp, tháng 7-1959, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 15 chính thức thông qua nghị quyết. Căn cứ vào tình hình thực tế ở miền Nam, tình hình cả nước và quốc tế, Hội nghị xác định: “*Con đường phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân*. Theo tình hình cụ thể và yêu cầu hiện nay của cách mạng thì con đường đó là *lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ quyền thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân*”². Nghị quyết cũng chỉ rõ: Để tạo điều kiện cho cuộc khởi nghĩa giành thắng lợi, cách mạng miền Nam phải trải qua một quá trình phấn đấu lâu dài, gian khổ để xây dựng, củng cố và phát triển phong trào cách mạng của quần chúng, tổ chức và lãnh đạo quần chúng đấu tranh từ nhỏ đến lớn, đẩy lùi địch từng bước, tiến lên làm lay

1. Phạm Văn Xô: *Thực tiễn ác liệt và những bước đi “hai chân, ba mũi”*. In trong Nguyễn Văn Linh - hành trình cùng lịch sử, *Sđđ*, tr.85-86.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, *Sđđ*, t. 20, tr. 82.

chuyển toàn bộ chế độ của chúng, trên cơ sở đó sẽ phát động quần chúng giành chính quyền khi có thời cơ thuận lợi.

Con đường tổng khởi nghĩa giành chính quyền là con đường có lợi nhất đối với nhân dân ta, nhưng vì bản chất của đế quốc Mỹ là hiếu chiến, chúng có thể can thiệp bằng quân sự để cứu vãn chính quyền tay sai ở miền Nam. Trong điều kiện đó, cuộc khởi nghĩa sẽ chuyển thành cuộc đấu tranh vũ trang trường kỳ và thắng lợi cuối cùng nhất định về ta¹.

Nghị quyết Hội nghị 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá II) có ý nghĩa lịch sử rất to lớn, mở đường cho cách mạng miền Nam tiến lên làm xoay chuyển tình thế. Đây là nghị quyết được Trung ương thảo luận kỹ, chuẩn bị dài ngày, có sự góp ý của nhiều cán bộ lãnh đạo ở các cấp bộ đảng, trong đó bản *Đề cương đường lối cách mạng Việt Nam ở miền Nam* của đồng chí Lê Duẩn, Nghị quyết Hội nghị Xứ uỷ Nam Bộ lần thứ hai (1-1957) và báo cáo của hai đại biểu Xứ uỷ Nam Bộ tại đợt 1 của Hội nghị là những đóng góp cực kỳ quan trọng. Có thể nói, Nghị quyết đã đáp ứng đòi hỏi của thực tiễn cách mạng miền Nam, vì trong thời gian 1954 - 1959 “ta có sai lầm trong chỉ đạo chiến lược, chậm chỉ đạo chuyển hướng đấu tranh, chỉ nhấn đấu

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t. 20, tr. 82-87.

tranh chính trị khi địch đã dùng bạo lực phản cách mạng thẳng tay giết hại cán bộ, nhân dân”¹.

Mấy tháng sau Hội nghị Trung ương 15, ngày 12-11-1959, đồng chí Nguyễn Văn Cúc mới nhận được điện của Ban Bí thư Trung ương gửi Xứ uỷ Nam Bộ về “Những nội dung cơ bản của Nghị quyết 15” và thông báo: ngày 14-11 sẽ điện toàn văn Nghị quyết. Bức điện nhấn mạnh: “Nghị quyết chỉ nêu được đường lối chung và phương hướng lớn. Vì vậy trong thực hành, Xứ uỷ Nam Bộ phải nghiên cứu thêm, đặt kế hoạch áp dụng cụ thể để Nghị quyết sát với hoàn cảnh Nam Bộ nói riêng và miền Nam nói chung”². Trong hoàn cảnh đó, chủ động, sáng tạo đối phó với tình thế cách mạng hiểm nghèo, bảo tồn được lực lượng, kịp thời chuẩn bị chuyển hướng đấu tranh là một cống hiến cực kỳ quan trọng của đồng chí Mười Cúc, tập thể Xứ uỷ Nam Bộ và cán bộ, đảng viên của Đảng bộ miền Nam. Các đồng chí đã thực hiện sáng tạo tinh thần chỉ đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh và của đồng chí Lê Duẩn truyền đạt cho Xứ uỷ Nam Bộ, qua hai đồng chí Xứ uỷ viên Phạm Văn Xô và Phan Văn Đáng.

Từ nửa cuối năm 1959, khá nhiều đảng bộ địa

1. Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh: *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Sđd*, t. II (1954-1975), tr. 104.

2. *Lịch sử Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định kháng chiến (1945-1975)*, Sđd, tr. 316.

phương ở miền Nam đã chỉ đạo dùng vũ trang tự vệ khi bị địch lùng sục, bắt bớ và đã có một số hoạt động quân sự hỗ trợ quần chúng nổi dậy. Tại Nam Bộ, trong tháng 8 và tháng 9-1959, dưới sự chỉ đạo của Xứ uỷ, Liên Tỉnh uỷ Khu VIII đã mở ra một số hoạt động quân sự, điển hình là các trận tấn công của Tiểu đoàn 502 và Đại đội 271 đánh bại cuộc hành quân cấp trung đoàn của địch tại Giồng Thị Đam và Gò Quán Cung (Đồng Tháp Mười, tỉnh Kiến Phong) ngày 26-9-1959. Sau chiến thắng này, Tiểu đoàn 502 còn hỗ trợ phong trào nổi dậy của quần chúng nhân dân ở bốn huyện tả ngạn sông Tiền. Ba tháng cuối năm 1959, Xứ uỷ tiếp tục chỉ đạo một số trận đánh của lực lượng vũ trang ở một số xã vùng đồng bằng sông Cửu Long và tỉnh Tây Ninh, hỗ trợ nhân dân một số nơi nổi dậy giành quyền làm chủ. Nhân dân và cán bộ Nam Bộ rất phấn khởi trước những thắng lợi đầu tiên này.

Tuy vậy, ngày 29-9-1959, Trung ương lại có chỉ thị về phương hướng công tác trước mắt của Đảng bộ Nam Bộ là giữ vững và phát triển phong trào. Chỉ thị viết: “Căn cứ tình hình trong nước và ngoài nước hiện nay, miền Nam chưa đến thời kỳ trực tiếp cách mạng. Công tác căn bản của chúng ta vẫn là giữ vững cơ sở đảng, lãnh đạo phát triển phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng, xây dựng thực lực để chuẩn bị thời cơ. Nhiệm vụ chủ yếu của các lực lượng vũ trang còn phải là tự vệ, tuyên truyền, trừ gian, tức là phục vụ nhiệm vụ chính trị, giành thắng lợi chính trị, chưa phải là

giành thắng lợi quân sự và đánh đổ ngay chính quyền địch”. Trong thực tiễn, tình hình phát triển của cách mạng miền Nam, nhất là ở vùng căn cứ địa và rừng núi cho thấy, phong trào đã đi xa hơn những điều mà Trung ương nhận định¹.

Để Trung ương nắm được thực tế phát triển của tình hình cách mạng miền Nam, liên tiếp trong các ngày 11-10 và 24-10-1959, đồng chí Mười Cúc, thay mặt Xứ uỷ Nam Bộ đã có hai bức điện báo cáo tình hình với Trung ương và đề đạt ý kiến của Xứ uỷ rằng: nếu chỉ đối phó một mặt như vậy sẽ không phù hợp với tình hình thực tế, không có lợi cho phong trào. Nếu cứ giữ mức hoạt động vũ trang tuyên truyền như hiện nay thì không mở rộng và phát triển được lực lượng. Căn cứ vào tình hình thực tế, thay mặt Xứ uỷ Nam Bộ đồng chí đề nghị cụ thể:

"- Ở đô thị và vùng thôn quê, tình hình địa dư không thuận lợi thì căn bản ta vẫn chủ trương đấu tranh chính trị chống lại địch.

- Ở các vùng căn cứ cũ, một mặt chống sự khủng bố tàn bạo của địch, mặt khác ta cũng có một số hoạt động vũ trang tuyên truyền nên ta có thể và cần thiết phát động phong trào đấu tranh vũ trang chống địch thì mới duy trì được phong trào và phát triển ra các vùng khác.

- Vùng căn cứ địa có khả năng cần phải ngày càng

1. Xem *Lịch sử biên niên Xứ uỷ Nam Bộ và Trung ương Cục miền Nam (1954 - 1975)*, *Sđd*, tr. 185-187.

mở rộng, hoạt động vũ trang phải ngày càng lan rộng và trưởng thành. Cần nghiên cứu kỹ ta có khả năng phát triển đấu tranh vũ trang đánh đổ địch và thành lập căn cứ như vậy không? Có khả năng duy trì và mở rộng không? Xứ uỷ thấy có khả năng và cần phải làm như vậy, cần có ngay kế hoạch, vì để lâu lực lượng ta mất đi nhiều, tinh thần quần chúng sa sút, sau này có muốn chuyển cũng khó”¹.

Xứ uỷ còn đề nghị Trung ương bổ sung gấp cán bộ quân sự cho Nam Bộ (mỗi miền ba tiểu đoàn), vũ khí và phương tiện thông tin liên lạc... để đẩy mạnh hoạt động quân sự. Các đồng chí còn đề nghị xin được gặp Liên khu uỷ V để trao đổi, phối hợp và cho rằng: “Nếu Trung ương xúc tiến việc lập lại Trung ương Cục miền Nam để lãnh đạo đấu tranh thì tốt nhất”².

Trong bức điện ngày 24-10-1959, Xứ uỷ Nam Bộ tiếp tục kiến nghị: Trung ương cho phép đấu tranh vũ trang, vì “Chậm nổi dậy đấu tranh vũ trang ngày nào, cách mạng sẽ bị thiệt hại thêm ngày đó. Yêu cầu nổi dậy đấu tranh vũ trang của quần chúng vô cùng bức xúc” và đề nghị Trung ương khẩn trương nghiên cứu tình hình, cho phép đấu tranh vũ trang, chỉ có như vậy mới bảo vệ được lực lượng cách mạng miền Nam.

Chính từ những báo cáo, kiến nghị của Xứ uỷ với

1, 2. *Lịch sử biên niên Xứ uỷ Nam Bộ và Trung ương Cục miền Nam (1954 - 1975)*, *Sđd*, tr. 187, 188.

Trung ương như vậy nên trong các bức điện của Ban Bí thư Trung ương gửi Xứ uỷ (ngày 12 và 14-11-1959), Ban Bí thư trả lời: “Xứ uỷ phải nghiên cứu thêm, đặt kế hoạch áp dụng cụ thể để Nghị quyết ấy sát hợp với hoàn cảnh Nam Bộ”.

Để trực tiếp chỉ đạo phong trào, cơ quan Xứ uỷ từ biên giới Campuchia chuyển về khu căn cứ ở Tây Ninh. Giữa tháng 11-1959, tại căn cứ Trảng Chiên (Tây Ninh), đồng chí Mười Cúc đã triệu tập và chủ trì Hội nghị Xứ uỷ lần thứ tư (mở rộng) với sự tham dự của các khu uỷ viên, bí thư các tỉnh uỷ, để bàn biện pháp thực hiện Nghị quyết Trung ương 15.

Hội nghị đã thảo luận sôi nổi về các hình thức, quy mô sử dụng lực lượng vũ trang để tiến công địch, giành quyền làm chủ. Các đại biểu đã phản ánh tình hình, trình bày kinh nghiệm của địa phương mình. Đồng chí Mười Cúc vừa lắng nghe, vừa gợi ý, thảo luận với Hội nghị, phân tích tình hình địch, ta một cách sáng tỏ, làm cơ sở cho nhận định của Hội nghị.

Đánh giá tình hình đã qua, Hội nghị nhận định: với chính sách vũ lực tàn bạo, địch đã gây cho ta nhiều khó khăn, nhưng xét về toàn cục thì chúng ta đã giành lại được thế chủ động, còn địch đang lâm vào thế bị động.

Hội nghị đã thảo luận và nhất trí với ba chủ trương lớn:

1. Muốn bảo vệ được lực lượng, chấm dứt tình trạng thoái trào, làm chuyển biến tương quan lực lượng ở

Nam Bộ thì không thể chỉ đấu tranh chính trị đơn thuần mà cùng với đẩy mạnh đấu tranh chính trị rộng rãi và mạnh mẽ của quần chúng kết hợp với hoạt động vũ trang tuyên truyền để chống khủng bố tàn bạo của Mỹ - Diệm, đẩy địch vào thế bị động và cô lập hơn nữa về chính trị, tạo điều kiện tiến tới đánh đổ chính quyền tay sai, hình thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thực hiện thống nhất nước nhà.

2. Giữ vững và đẩy mạnh phong trào cách mạng của quần chúng, kết hợp sử dụng linh hoạt các hình thức đấu tranh hợp pháp nửa hợp pháp, phối hợp chặt chẽ phong trào ở nông thôn, vùng căn cứ, đô thị; kết hợp đấu tranh chính trị với sử dụng đúng mức hoạt động vũ trang tuyên truyền; giữ thế hợp pháp cho phong trào quần chúng; tiến lên khởi nghĩa giành chính quyền khi có đủ điều kiện và thời cơ thuận lợi.

3. Ra sức củng cố, phát triển lực lượng cách mạng, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát triển các hội quần chúng, nhất là nông hội; chú ý giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân.

Về phương hướng chỉ đạo khởi nghĩa, đồng chí Mười Cúc nhận định: “Khởi nghĩa nhất thiết phải nổ ra đồng loạt trên phạm vi rộng, ta phải đập tan thật nhanh, gọn bộ máy kìm kẹp của địch ở xã ấp. Hội nghị đã thảo luận rất kỹ vấn đề thời điểm phát động khởi nghĩa. Theo đồng chí Mười Cúc, thời điểm thích hợp nhất để phát động khởi nghĩa là Tết âm lịch năm 1960, khi ta đã gạt

hái xong, lúc đó địch có kéo về phá ta vẫn có gạo ăn”¹.

Thay mặt Xứ uỷ, đồng chí Mười Cúc điện ra Trung ương xin ý kiến chỉ đạo. Trong bức điện đó, đồng chí nêu rõ: “Hoạt động vũ trang hiện nay ở các vùng nông thôn căn cứ kháng chiến cũ không thể giữ ở mức vũ trang tuyên truyền như trước được, dù hoạt động của đội vũ trang tuyên truyền có khéo đến mức nào thì địch cũng phát hiện, phản ứng rất mạnh, gây nhiều khó khăn cho ta”². Đồng chí đã đề xuất ý kiến với Bộ Chính trị là: “Phong trào cách mạng muốn tồn tại phải nâng cao hoạt động vũ trang lên, phải biết mở rộng và phát huy hoạt động vũ trang, biết tập trung và phân tán linh hoạt trong các vùng nông thôn căn cứ cũ. Cần phát động phong trào đấu tranh vũ trang kết hợp với đấu tranh chính trị và binh vận để giành quyền làm chủ. Nếu thế và lực ở vùng này được giữ vững thì chẳng những có lợi cho ở đây mà còn có lợi cho nơi khác, đến các thành thị”³. Tinh thần Nghị quyết Trung ương 15 và Nghị quyết của Xứ uỷ Nam Bộ bằng nhiều con đường đã tỏa về các địa phương, đi vào quần chúng, đáp ứng nguyện vọng khát khao quần chúng đang chờ đợi: “Đảng cho đánh rồi!”. Nghị quyết Trung ương 15 cùng với Nghị

1. Phát biểu của đồng chí Nguyễn Văn Linh tại Hội nghị tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trên chiến trường B2 (từ ngày 17-3 đến ngày 30-4-1980). Tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng.

2, 3. Thép Mới: *Thời thắng Mỹ*, báo *Nhân dân*, ngày 5-5-1985.

quyết Hội nghị lần thứ tư của Xứ uỷ Nam Bộ, trên thực tế đã thổi bùng ngọn lửa “đồng khởi” trên toàn miền Nam.

Cuối năm 1959, đồng chí Mười Cúc lên biên giới tiễn người vợ thân yêu - đồng chí Ngô Thị Huệ và các con ra Bắc học tập và công tác. Lúc này, bé Nguyễn Hùng Linh, con trai út của đồng chí mới 18 tháng tuổi. Để luôn nhớ đến con, đồng chí đã lấy tên Linh làm bí danh hoạt động của mình từ đó.

Tháng 12-1959, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã tham dự và chỉ đạo Hội nghị Khu uỷ Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định, họp tại xã An Thành - Bến Cát (Sông Bé), để sắp xếp lại tổ chức, sáp nhập Đảng bộ Sài Gòn - Chợ Lớn và Đảng bộ tỉnh Gia Định và bàn việc chỉ đạo các hoạt động vũ trang của Đảng bộ thành phố.

Tại các tỉnh Kiến Phong, Kiến Tường và một số địa phương khác, theo Nghị quyết Hội nghị Xứ uỷ lần thứ tư, được sự chỉ đạo của Xứ uỷ, từ cuối tháng 11 và đặc biệt là trong tháng 12-1959, các đảng bộ ở đây đã chỉ đạo một số đơn vị vũ trang kết hợp với đấu tranh chính trị của quần chúng, tấn công một số đồn bốt và trụ sở nguy quyền ở địa phương.

Tại tỉnh Kiến Phong, lực lượng vũ trang cách mạng đã diệt bảy đồn và hàng trăm tên địch, giải phóng bảy xã.

Tại tỉnh Kiến Tường, các lực lượng vũ trang phối hợp với cuộc đấu tranh chính trị của quần chúng diệt ba

đồn, giải phóng nhiều thôn ấp, mở rộng các căn cứ Mỹ An, Cao Lãnh thành thế liên hoàn lên sát biên giới Campuchia.

Tại Tây Ninh, theo sự chỉ đạo của đồng chí Nguyễn Văn Linh, đồng chí Mai Chí Thọ đã triển khai việc quán triệt Nghị quyết Hội nghị 15 của Trung ương và chủ trương của Hội nghị lần thứ tư của Xứ uỷ về hoạt động của các lực lượng vũ trang ở các tỉnh miền Đông. Sau khi khảo sát tình hình, tại căn cứ Dương Minh Châu (Tây Ninh), đồng chí Mai Chí Thọ đã có cuộc họp với các cán bộ quân sự, nghe báo cáo tình hình và nhất trí với ý kiến đề nghị tập trung lực lượng tấn công căn cứ Trung đoàn 32 thuộc Sư đoàn 21 nguy, tại Tua Hai, huyện Châu Thành (Tây Ninh). Đây là một cứ điểm lớn án ngữ hai mặt biên giới Việt Nam - Campuchia, cách thị xã Tây Ninh 10km. Cứ điểm này có hệ thống liên hoàn gồm 24 chốt gác, thường xuyên có một tiểu đoàn canh gác ban đêm. Sau khi bàn bạc với các đồng chí phụ trách quân sự miền Đông, đồng chí Mai Chí Thọ đã cấp tốc báo cáo tình hình với Xứ uỷ và đồng chí Nguyễn Văn Linh để xin ý kiến chỉ đạo của Xứ uỷ. Nhận được bức điện, thay mặt Xứ uỷ, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã xuống ngay căn cứ Dương Minh Châu, trực tiếp nghe báo cáo. Các đồng chí phụ trách quân sự miền Đông đã lập luận: Không đánh địch để cướp lấy súng thì lấy gì để vũ trang tự vệ, vũ trang tuyên truyền? Hơn nữa đây chỉ là một trận đánh đơn lẻ, có thời cơ chắc thắng. Sau khi nghe

báo cáo và kiểm tra tình hình, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã nhất trí với kiến nghị của đồng chí Mai Chí Thọ và các đồng chí phụ trách quân sự miền Đông. Thay mặt Xứ uỷ, đồng chí cử đồng chí Mai Chí Thọ làm Bí thư Đảng uỷ, đồng chí Nguyễn Hữu Xuyến làm chỉ huy trưởng, đồng chí Tám Lê Thanh làm chỉ huy phó trận đánh. Đồng chí Bí thư Xứ uỷ cũng yêu cầu các đồng chí phụ trách quân sự miền Đông cần chuẩn bị thật kỹ trước khi nổ súng¹.

Tại Bến Tre, sau khi từ căn cứ Trung ương Cục tiếp thu Nghị quyết Trung ương 15 và Nghị quyết Xứ uỷ lần thứ tư trở về, đồng chí Nguyễn Thị Định, Phó Bí thư Tỉnh uỷ Bến Tre đã họp với một số tỉnh uỷ viên bàn kế hoạch thực hiện chủ trương của Khu uỷ VIII: phát động tuần lễ toàn dân nổi dậy ở cù lao Minh, sau sẽ lan sang cù lao Bảo, tạo điều kiện nổi dậy khởi nghĩa trong toàn tỉnh. Mục tiêu cuộc khởi nghĩa là phải tiêu diệt và làm tan rã bộ máy tề, xã, ấp, liên gia, xây dựng chính quyền tự quản của nhân dân. Giữa lúc đó, địch càn vào xã Định Thủy, đồng chí Ba Định và tập thể Tỉnh uỷ của Bến Tre quyết định phát động đồng khởi luôn. Lực lượng tự vệ của ta lúc đó chỉ có súng “bập dừa” bơi lợ nghe thôi, nhưng khí thế quần chúng vô cùng mạnh mẽ, cộng thêm trống mõ dậy trời, làm cho binh lính và nhân

1. Xem Mai Chí Thọ: *Cội rễ từ nhân dân*. In trong Nguyễn Văn Linh - hành trình cùng lịch sử, *Sđd*, tr. 95.

viên nguy quyền địa phương vô cùng hoảng sợ. Được sự hỗ trợ của các đội vũ trang tự vệ, quần chúng các xã Định Thủy, Phước Hiệp, Bình Khánh đã nổi dậy giành quyền làm chủ. Từ huyện Mỏ Cày, cuộc "đồng khởi" của nhân dân Bến Tre do đảng bộ các địa phương lãnh đạo đã lan rộng sang các huyện Giồng Trôm, Châu Thành, Ba Tri, Thạnh Phú. Từ ngày 17 đến ngày 24-1-1960, quần chúng và các lực lượng vũ trang tự vệ đã giải phóng 22 xã; ở 25 xã khác, nhân dân đã nổi dậy diệt ác trừ gian, phá đồn bốt và khu đồn dân bỏ về làng cũ.

Từ hình thức đấu tranh chính trị của bà con, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã đi đến nhận định: như vậy là đã có một hình thức đấu tranh mới có thể chặn được xe tăng, đại bác của địch. Đồng chí yêu cầu viết tổng kết thành văn bản, gửi đi các địa phương để phổ biến kinh nghiệm đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang, đồng thời gửi ra báo cáo Trung ương. Đồng chí Lê Duẩn đã đem cái mới đó ra thảo luận trong Bộ Chính trị, đi tới quyết định tăng cường chi viện cho cách mạng miền Nam.

Trước nguy cơ sụp đổ của nguy quyền tỉnh Bến Tre, ngày 25-1-1960, chính quyền Ngô Đình Diệm đã huy động 13.000 quân từ Sài Gòn và một số nơi về càn quét, triệt phá các xã Định Thủy, Phước Hiệp, Bình Khánh thuộc huyện Mỏ Cày, giết 81 đồng bào ta, làm bị thương hàng trăm người và gây nhiều tội ác khác. Các lực lượng vũ trang tự vệ địa phương đã dũng cảm chặn đánh, tiêu

diệt và làm bị thương 600 tên địch. Sau hơn ba tháng nổi dậy liên tục, Bến Tre đã diệt hơn 900 địch, thu gần 300 súng, bức rút 37 đồn bốt, trụ sở tề, giải phóng hoàn toàn 22 xã. Nhân dân hầu hết các xã đã nổi dậy giành quyền làm chủ, hình thành vùng giải phóng liên hoàn từ xã này sang xã khác.

Giữa lúc cuộc "đồng khởi" và chống càn quét của nhân dân Bến Tre đang sôi động thì đêm 26-1-1960, các lực lượng vũ trang miền Đông đã nổ súng tấn công căn cứ Tua Hai. Do được chuẩn bị chu đáo, trận đánh đã diễn ra đúng như dự kiến. Các lực lượng vũ trang ta đã tiêu diệt hơn 400 tên địch, bắt sống 500 tên, thu 1.200 khẩu súng các loại, phá huỷ nhiều phương tiện, kỹ thuật quân sự của địch.

Trận tấn công Tua Hai là trận thắng lớn đầu tiên của các lực lượng vũ trang Nam Bộ, đạt được cả mục tiêu về chính trị và quân sự do Xứ uỷ đề ra. Chiến thắng Tua Hai là điển hình của "đồng khởi" bắt đầu từ đòn tiến công quân sự, phối hợp với nổi dậy của quần chúng. Bến Tre là điển hình của "đồng khởi" bắt đầu từ nổi dậy bằng bạo lực chính trị của quần chúng kết hợp với vũ trang tự vệ. Cuộc đấu tranh vũ trang và đấu tranh chính trị cuối năm 1959 đầu năm 1960 đã tạo xu thế mới của phong trào cách mạng của quần chúng: *Khởi nghĩa giành quyền làm chủ ở nông thôn, thúc đẩy phong trào đồng khởi phát triển mạnh mẽ và lan rộng ra toàn Nam Bộ và Nam Trung Bộ.*

Quyết định phát động "đồng khởi" là một quyết định sáng tạo, phản ánh bản lĩnh cách mạng vững vàng của Xứ uỷ Nam Bộ. Sau này, đồng chí Nguyễn Văn Linh kể lại: Từ đòi hỏi của thực tiễn, với những cơ sở khoa học dẫn tới chủ trương phát động đồng khởi, đề nghị Trung ương cho thực hiện. Đề nghị đó chưa được Trung ương đồng ý, với lý do trên thế giới phong trào đấu tranh chính trị của học sinh, sinh viên ở Thổ Nhĩ Kỳ, ở Nam Triều Tiên đang tác động tốt đến ta. Còn ở miền Nam, tuy ở nông thôn có tình thế khởi nghĩa cách mạng, nhưng ở các đô thị thì chưa có; yêu cầu ta phải biết kiểm chế phong trào ở nông thôn, để chờ đợi phong trào ở đô thị và phong trào cách mạng thế giới. Nhưng làn sóng đấu tranh của quần chúng cách mạng đang rất sôi sục, đang trên đà phát triển có thể bùng nổ vũ trang bất kỳ lúc nào, không thể ngừng được nữa nên Xứ uỷ Nam Bộ vẫn quyết định đồng khởi, vì xét thấy phù hợp với tinh thần chỉ đạo của Bác Hồ, của đồng chí Lê Duẩn. Khi đồng khởi bùng nổ và phong trào phát triển mạnh, Xứ uỷ Nam Bộ lại điện báo cáo Trung ương xin chỉ viện cán bộ, vũ khí, tài chính, lúc đó Trung ương đã tăng cường chỉ viện cho Nam Bộ¹, nhất là về cán bộ.

Thắng lợi của đợt 1 "đồng khởi" đã tạo bước ngoặt căn bản cho phong trào cách mạng ở Nam Bộ cũng như

1. Phát biểu của đồng chí Nguyễn Văn Linh tại cuộc họp Ban Chỉ đạo Tổng kết chiến tranh ở B2, tháng 4-1982. Tư liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng.

phong trào cách mạng toàn miền Nam. Nhưng cũng từ thắng lợi bước đầu này, trong một vài cán bộ, đảng viên đã xuất hiện một số nhận định chủ quan. Có đồng chí cho rằng thời cơ đã tới lúc chín muồi cho việc giành toàn bộ chính quyền về tay nhân dân, đánh giá không đúng tình hình tương quan lực lượng ta địch. Để chấn chỉnh những tư tưởng chủ quan, nóng vội trên đây, ngày 22-4-1960, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã triệu tập và chủ trì cuộc họp Thường vụ Xứ uỷ. Các đồng chí Thường vụ Xứ uỷ đã thảo luận và quyết định ra Chỉ thị số 18/TVA. Chỉ thị đã nghiêm khắc phê phán tư tưởng chủ quan khinh địch trong một số cán bộ đảng viên, phân tích tình hình, đi tới nhận định: lúc này các tầng lớp trung gian chưa ngã hẳn về phía cách mạng, nhất là giai cấp tư sản và đồng bào theo đạo. Họ oán ghét chế độ gia đình trị của Ngô Đình Diệm nhưng chưa tán thành bạo lực cách mạng. Chỉ thị cũng phê phán nhiều nơi chỉ chú ý xây dựng lực lượng vũ trang và hoạt động vũ trang, mà xem nhẹ xây dựng lực lượng chính trị và đấu tranh chính trị. Chỉ thị nhắc nhở việc nhiều đảng bộ chưa nắm vững đường lối, phương châm, chưa thấy tính chất giằng co ác liệt giữa ta và địch; nhiều nơi đã làm mất thế hợp pháp cần có của quần chúng, bộc lộ hết lực lượng và yêu cầu các khu, tỉnh cử cán bộ đi học tập, rút kinh nghiệm về "đồng khởi" ở miền Trung Nam Bộ, nhất là ở Bến Tre¹.

1. Xem *Lịch sử Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định kháng chiến (1954 - 1975)*, *Sđd*, tr. 319.

Tại cuộc họp này, đồng chí Nguyễn Văn Linh còn đưa ra một số chủ trương rất quan trọng về vấn đề tổ chức, xây dựng cơ sở đảng trong các nơi địch tập trung dân, như áp chiến lược, khu trù mật... Đồng chí đề nghị ở những nơi đó có thể có hai chi bộ, một chi bộ hoạt động trong lòng địch, thực hiện *ba bám* (bám dân để củng cố niềm tin, hướng dẫn cho dân đấu tranh với địch; bám đất để cùng dân sản xuất tự túc, xây dựng “lõm chính trị” và bám địch để nắm tình hình, khai thác mâu thuẫn của địch làm công tác binh vận, phục vụ chiến đấu); một chi bộ hoạt động công khai có lực lượng vũ trang tự vệ, tạo thế cho chi bộ bí mật hoạt động¹.

Ngày 3-8-1960, Hội nghị lần thứ năm mở rộng của Xứ uỷ do đồng chí Nguyễn Văn Linh chủ trì đã được triệu tập. Hội nghị đã đánh giá kết quả đợt 1 của phong trào “đồng khởi”, nhận định tình hình, âm mưu của địch và đề ra nhiệm vụ trước mắt cho Nam Bộ là tiếp tục phát động “đồng khởi” đợt 2, làm cho địch thất bại hơn nữa trên mọi mặt, nhằm đánh bại từng bước âm mưu, chính sách của địch, tạo điều kiện và thời cơ cho cuộc khởi nghĩa, đánh đổ toàn bộ chính quyền Diệm². Hội nghị đã quyết định tiến hành “đồng khởi” đợt 2, bắt đầu từ tháng 9-1960.

Phong trào “đồng khởi” đợt 2 diễn ra trên địa bàn

1, 2. Xem *Lịch sử Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định kháng chiến (1954 - 1975)*, *Sđd*, tr. 319, 322.

rộng hơn, đạt hiệu quả cao hơn, hình thức nổi dậy và tiến công phong phú, đa dạng hơn và lan đến một số địa phương sát Sài Gòn. Tại Củ Chi, ta đã giải phóng được hoàn toàn 5 xã, các xã khác giải phóng được nhiều ấp. Tại Gia Định, có 30 xã đã được giải phóng, 2/3 hệ thống đồn bốt và bộ máy kìm kẹp của địch bị tan vỡ...

Thắng lợi của ta trong phong trào "đồng khởi" đã tạo ra một vùng căn cứ tương đối an toàn cho Xứ uỷ, Khu uỷ và các Tỉnh uỷ. Bộ Quốc phòng Mỹ đã thú nhận: "Đến cuối 1960, toàn bộ nông thôn nam và tây nam Sài Gòn và một số vùng phía bắc, cộng sản đã kiểm soát và bao vây Sài Gòn"¹. Nội bộ của Diệm lục đục, các phe cánh hằm hè thanh toán lẫn nhau. Chế độ Ngô Đình Diệm ở vào thời kỳ khủng hoảng và bị cô lập cao độ. Từ toà Đại sứ Mỹ ở Sài Gòn, Durbrow điện khẩn cấp về Bộ Ngoại giao Mỹ thông báo rằng: "Mối nguy hiểm còn nghiêm trọng hơn nữa là việc cộng sản dần dần mở rộng quyền kiểm soát ở nông thôn. Nếu những tiến bộ hiện nay của cộng sản cứ tiếp diễn thì có nghĩa là sẽ mất miền Nam vào tay cộng sản"².

Trên cơ sở tổng kết tình hình đấu tranh của Đảng bộ và nhân dân Nam Bộ sau đợt 1 "đồng khởi", Xứ uỷ Nam

1. *Lịch sử Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định kháng chiến (1954-1975)*, Sđd, tr. 326.

2. Tài liệu mật Bộ Quốc phòng Mỹ, Việt Nam thông tấn xã, Hà Nội, 1971, t. 1, tr. 110.

Bộ báo cáo tình hình thực tế này và góp ý kiến cho Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III về những quan điểm, đường lối và thực tiễn của cách mạng miền Nam mà Nghị quyết Trung ương 15 đã nêu lên.

Nghiên cứu tình hình thực tiễn của cách mạng miền Nam nói chung và báo cáo của Xứ uỷ Nam Bộ về "đồng khởi", Trung ương Đảng đã có những nhận định mới, chính xác về vai trò, vị trí và mối quan hệ giữa đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang, nhằm đi tới khẳng định những quan điểm về cuộc chiến tranh cách mạng ở miền Nam với phương châm: hai chân (chính trị và quân sự), ba mũi giáp công (quân sự, chính trị và binh vận) và ba vùng (rừng núi, nông thôn đồng bằng và thành thị), trong đó đấu tranh vũ trang được khẳng định là yếu tố quyết định trực tiếp. Đây là những yếu tố tạo nên sự nhất trí cao trong các cơ quan tham mưu và cơ quan lãnh đạo tối cao của Đảng trong những năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước sau đó.

Đầu tháng 9-1960, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng ta đã được tiến hành tại Hà Nội. Bổ sung và phát triển những phương hướng của Nghị quyết Hội nghị Trung ương 15 (khoá II), Đại hội đã hoàn chỉnh thêm một bước đường lối cách mạng trên cả hai miền Nam Bắc: "Nhiệm vụ cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc là nhiệm vụ quyết định nhất; cách mạng miền Nam có tác dụng quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam". Đại hội đã nhấn mạnh

và khẳng định tính chất trường kỳ, phức tạp và gian khổ của cách mạng miền Nam. Sự thắng lợi chỉ có thể tiến tới từng bước, phát triển phải từ thấp đến cao, là quá trình kết hợp linh hoạt nhiều hình thức đấu tranh trên cơ sở củng cố, phát triển lực lượng của quần chúng làm nền tảng. Những quan điểm trên đây đều có sự nhất trí cao độ trong toàn Đảng, trong các đồng chí lãnh đạo ở Trung ương, các đồng chí lãnh đạo ở chiến trường Nam Bộ và Liên khu V. Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Trung ương mới của Đảng gồm 48 uỷ viên chính thức và 31 uỷ viên dự khuyết. Do điều kiện hoạt động bí mật nên các uỷ viên Trung ương mới được bầu đang công tác ở miền Nam lúc ấy chưa công bố công khai, đó là các đồng chí Nguyễn Văn Linh, Phan Văn Đáng, Phạm Văn Xô, Võ Toàn (Võ Chí Công), Trần Lương; các đồng chí uỷ viên Trung ương dự khuyết gồm Võ Văn Kiệt, Phạm Thái Bường, Lê Toàn Thư.

Trên đà thắng lợi và phát triển của "đồng khởi", chấp hành sự chỉ đạo của Bác Hồ và Bộ Chính trị Trung ương Đảng, đồng chí Nguyễn Văn Linh cùng Xứ uỷ Nam Bộ là cấp uỷ chịu trách nhiệm chính, trực tiếp chỉ đạo việc chuẩn bị cho sự ra đời của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. Đồng chí đã cùng các đồng chí trong Xứ uỷ thảo luận rất cặn kẽ, từ màu sắc, hình thức lá cờ của Mặt trận, đến những vấn đề về cương lĩnh, nhân sự, thời gian, địa điểm cho việc tổ chức lễ thành lập Mặt trận.

Ngày 20-12-1960, tại xã Tân Lập, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, Đại hội đại biểu quốc dân miền Nam được triệu tập. Đại hội đã quyết định thành lập Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam nhằm tập hợp mọi tầng lớp nhân dân yêu nước ở miền Nam Việt Nam, thể hiện quyền lực thực tế của Mặt trận trên một bộ phận lãnh thổ ở miền Nam, tranh thủ vị thế của Mặt trận trong công tác đối ngoại. Mục tiêu cương lĩnh của Mặt trận là đánh đổ chế độ thống trị của đế quốc Mỹ và chính quyền tay sai; thực hiện miền Nam Việt Nam độc lập, dân chủ, hoà bình, trung lập, tiến tới thống nhất Tổ quốc.

Sau Đại hội, được sự chỉ đạo trực tiếp của Xứ uỷ, khắp các huyện, tỉnh đã tiến hành thành lập Mặt trận ở cấp địa phương.

Cuộc "đồng khởi" 1959 - 1960 thắng lợi và sự ra đời của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam đã tạo nên bước ngoặt lịch sử của cách mạng miền Nam. Từ đây, tương quan lực lượng ta địch có bước thay đổi cực kỳ quan trọng. Từ thế phải giữ gìn lực lượng, bị o ép, cách mạng miền Nam bước sang thế mới, thế tiến công và phát triển. Trong những thử thách có tính bước ngoặt như thế, trên cương vị Bí thư Xứ uỷ Nam Bộ, đóng góp của đồng chí Nguyễn Văn Linh vào sự chuyển biến, phát triển của phong trào thực là không nhỏ. Đồng chí là người đứng mũi, chịu sào, gánh trách nhiệm nặng nề nhất và đã hoàn thành nhiệm vụ một cách xuất sắc,

do biết dựa vào quần chúng, đi sát cơ sở, thấu hiểu tâm tư, nguyện vọng và ý chí của nhân dân, có trình độ tổng kết cao để từ đó tìm ra những kế sách linh hoạt, sáng tạo, rồi từ thí điểm thành công mà kiến nghị với Trung ương và Xứ uỷ, đi tới những quyết sách dũng cảm và sáng suốt, từ ánh sáng của Nghị quyết Trung ương 15 mà tạo ra bước phát triển đột biến của cách mạng miền Nam. Công lao, cống hiến của Xứ uỷ Nam Bộ đứng đầu là đồng chí Nguyễn Văn Linh, của cán bộ, đảng viên trung kiên các cấp, của đồng bào và chiến sĩ miền Nam trong thời kỳ này mãi mãi không phai mờ trong lịch sử cách mạng nước nhà.

Chương V

TRONG BỘ CHỈ HUY CÁCH MẠNG MIỀN NAM, GÓP PHẦN ĐƯA CUỘC KHÁNG CHIẾN ĐẾN THẮNG LỢI HOÀN TOÀN (1961 - 1975)

1. Góp phần đánh bại chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ

Sau "đồng khởi", cách mạng miền Nam phát triển mạnh mẽ, đế quốc Mỹ buộc phải thay đổi chiến lược, từ chiến lược Aixenhao dùng chính quyền Ngô Đình Diệm “tố cộng, diệt cộng” sang chiến lược "chiến tranh đặc biệt" - một trong ba loại chiến tranh của chiến lược "phản ứng linh hoạt" của Mỹ. Với chiến lược này, Mỹ dùng quân đội Sài Gòn làm lực lượng chủ yếu, cộng với vũ khí, đôla và cố vấn Mỹ, hy vọng có thể tiến tới kết thúc chiến tranh vào năm 1965.

Tháng 5-1961, tại Sài Gòn, L.B. Giônxon (Johnson), Phó Tổng thống Mỹ đã ký với chính quyền Ngô Đình Diệm bản tuyên bố chung tám điểm, nội dung chủ yếu là tăng viện trợ quân sự, vũ khí và chuyên viên quân sự

Mỹ. Từ cuối năm 1961, Mỹ cử nhiều cố vấn quân sự và kinh tế sang miền Nam, xây dựng kế hoạch hỗn hợp kinh tế - quân sự cho chiến lược "chiến tranh đặc biệt", dự tính thực hiện làm ba bước:

Bước 1: Bình định miền Nam trong 18 tháng (từ giữa năm 1961 đến cuối năm 1962), gây cơ sở gián điệp phá hoại miền Bắc;

Bước 2: Khôi phục kinh tế, phát triển quân nguy ở miền Nam, đẩy mạnh phá hoại miền Bắc;

Bước 3: Phát triển kinh tế ở miền Nam, tiến công miền Bắc.

Trong bước 1, biện pháp cốt lõi của kế hoạch bình định miền Nam là xây dựng "ấp chiến lược", thực hiện "tát nước bắt cá", tách dân ra khỏi lực lượng cách mạng. Để thực hiện kế hoạch này, chính quyền Ngô Đình Diệm đã tăng cường bắt lính, chia miền Nam thành ba vùng chiến thuật¹; mỗi vùng lại chia thành nhiều khu, tiểu khu và chi khu. Mỗi tỉnh là một tiểu khu, mỗi quận là một chi khu. Tám tỉnh thuộc miền Đông Nam Bộ thành một khu chiến thuật, gọi là khu chiến thuật 33, nằm trong vùng III chiến thuật. Với lực lượng quân sự và vật chất kỹ thuật được tăng cường, Mỹ - Diệm hy vọng có thể đè bẹp được phong trào nổi dậy của quần chúng, thực hiện được chiến lược "chiến tranh đặc biệt".

Để đối phó kịp thời với âm mưu mới của địch, ngày

1. Từ năm 1963, chúng mới chia thành bốn vùng chiến thuật.

23-1-1961, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã họp hội nghị, bàn về *Tình hình và nhiệm vụ mới*. Để trực tiếp lãnh đạo cách mạng miền Nam, Trung ương đã quyết định giải thể Xứ uỷ Nam Bộ, lập lại Trung ương Cục miền Nam (mật danh là R - chữ đầu của Région - tiếng Pháp nghĩa là miền, xứ). Đồng chí Nguyễn Văn Linh được chỉ định làm Bí thư Trung ương Cục, các đồng chí Phan Văn Đáng, Võ Chí Công (Toàn) làm Phó Bí thư Trung ương Cục, uỷ viên gồm các đồng chí Trần Lương, Nguyễn Đôn, Phạm Văn Xô, Võ Văn Kiệt, Phạm Thái Bường, ít lâu sau bổ sung thêm đồng chí Trần Văn Quang. Trong lúc chưa họp được Trung ương Cục, đồng chí Nguyễn Văn Linh với cương vị Bí thư Trung ương Cục vừa được chỉ định đã chủ động giải quyết những công việc cấp bách.

Thực hiện chỉ thị của Trung ương, ngày 15-2-1961 (tức mừng một Tết Tân Sửu), tại bắc Tây Ninh, lễ ra mắt quân đội cách mạng thống nhất ở miền Nam được tổ chức trọng thể. Đồng chí Nguyễn Văn Linh, Bí thư Trung ương Cục đã đọc nhật lệnh thống nhất các lực lượng vũ trang cách mạng thành Quân giải phóng miền Nam và trao cờ cho các đơn vị¹. Tháng 4-1961, Văn phòng Xứ uỷ từ bắc Tây Ninh đã chuyển về chiến khu Đ (căn cứ Mã Đà) chuẩn bị cho cuộc Hội nghị Trung ương

1. Xem *Chung một bóng cờ*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, tr. 87.

Cục lần thứ nhất. Tháng 5-1961, Bộ Chỉ huy Quân giải phóng miền Nam được thành lập. Hệ thống quân sự lần lượt được hình thành từ miền đến xã và các quân khu.

Tháng 10-1961, diễn ra Hội nghị lần thứ nhất Trung ương Cục (mở rộng), đồng chí Nguyễn Văn Linh, Bí thư Trung ương Cục, đã chủ trì Hội nghị. Dự Hội nghị có các đồng chí trong Trung ương Cục, các bí thư khu uỷ, tỉnh uỷ¹. Hội nghị bàn việc thực hiện nhiệm vụ trước mắt của cách mạng miền Nam; quyết định phục hồi các tổ chức quần chúng ở miền Nam như Nông hội giải phóng, Công hội giải phóng, Phụ nữ giải phóng, Thanh niên và trí thức yêu nước²... Tại Hội nghị, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã nêu hai vấn đề để các đại biểu thảo luận: 1) thực hiện phương châm "hai chân ba mũi"; 2) củng cố các chi bộ. Đồng chí cho rằng thực hiện phương châm "hai chân ba mũi" là phải tùy theo vùng chiến lược (thí dụ như ở rừng núi, căn cứ kháng chiến thì đấu tranh vũ trang là chính, ở vùng tranh chấp giữa ta và địch thì đấu tranh vũ trang và chính trị song song; ở vùng đô thị tạm chiếm thì đấu tranh chính trị là chính, có vũ trang hỗ trợ). Cũng chính từ Hội nghị này, phương châm "hai chân ba mũi" được vận dụng suốt cho đến Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng.

1. Xem *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, t. III, tr. 45.

2. Hội nghị Xứ uỷ Nam Bộ cuối năm 1954 ra Nghị quyết giải tán các tổ chức công, nông, thanh niên.

Về vấn đề củng cố chi bộ, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã đưa ra chủ trương: mỗi xã nên có hai chi bộ. Đồng chí Phạm Văn Xô, nguyên Ủy viên Trung ương Cục khi đó, nhớ lại ý kiến chỉ đạo mà đồng chí Nguyễn Văn Linh đã phát biểu tại Hội nghị này là: Lúc tình hình gay gắt thì "ở mỗi xã có hai chi bộ, tách ra một chi bộ thì vũ trang bất hợp pháp, còn một chi bộ thì lãnh đạo đấu tranh hợp pháp chống địch. Chi bộ hợp pháp ở trong ấp chiến lược của địch thì hàng ngày lãnh đạo quần chúng đấu tranh giữ thế hợp pháp. Đây là dân có quyền, quyền tự do sinh sống làm ăn. Chi bộ hợp pháp đồng thời cũng làm cơ sở bí mật cho chi bộ bất hợp pháp.

Còn chi bộ bất hợp pháp ban ngày họ xuống hầm, ban đêm thì ra ngoài hoạt động"¹. Đối với các cán bộ cơ sở: "Phải tiến hành năm bước công tác:

Một là: Công tác điều tra (điều tra ai tốt ai xấu, điều tra tình hình quần chúng cốt là để củng cố chi bộ).

Hai là: Công tác tuyên truyền.

Ba là: Công tác tổ chức.

Bốn là: Huấn luyện cho cán bộ đảng viên, cho các đoàn thể quần chúng và cả quần chúng nữa.

Năm là: Công tác đấu tranh: đấu tranh cách nào để

1. Phạm Văn Xô: *Thực tiễn ác liệt và những bước đi "hai chân, ba mũi"*. In trong Nguyễn Văn Linh - hành trình cùng lịch sử, Sđd, tr. 88.

chống địch có hiệu quả...”¹. Những ý kiến chỉ đạo trên đây của đồng chí Nguyễn Văn Linh tại Hội nghị cho thấy đồng chí là người nắm rất chắc tình hình thực tế, một người lãnh đạo rất nhạy bén trong chủ trương và trong việc thực hiện các bước đi của cách mạng miền Nam.

Sau khi Trung ương Cục chuyển về chiến khu Đ một thời gian, đồng chí Nguyễn Văn Linh thấy rằng ở đây do thiên nhiên khắc nghiệt, sức khoẻ của anh em sụt hẳn đi vì bị sốt rét ác tính, đường tiếp tế lương thực lại khó khăn, hơn nữa thông tin liên lạc đi về cũng cách trở, chậm trễ. Với cương vị Bí thư Trung ương Cục, đồng chí đã đưa vấn đề chọn chỗ đứng của Văn phòng Trung ương Cục ra bàn với anh em. Có rất nhiều ý kiến khác nhau, tranh luận, bàn bạc rất sôi nổi. Đồng chí bình tĩnh lắng nghe, cân nhắc rất kỹ và phân tích cụ thể. Cuối cùng, mọi người đều đồng ý với ý kiến của đồng chí là nên dời cơ quan Trung ương Cục về lại bắc Tây Ninh.

Đồng chí Nguyễn Văn Linh là một người rất coi trọng công tác đào tạo cán bộ, đồng chí thường nhắc: Khi đã có đường lối, có nghị quyết và chủ trương đúng thì người cán bộ quyết định sự thành công của chủ trương đó. Để từng bước giải quyết việc thiếu cán bộ, đồng chí Nguyễn Văn Linh và Trung ương Cục đã quyết

1. Phạm Văn Xô: *Thực tiễn ác liệt và những bước đi "hai chân, ba mũi"*. In trong *Nguyễn Văn Linh - hành trình cùng lịch sử, Sđd*, tr. 89.

định thành lập Trường Lý luận trung cao cấp Nguyễn Ái Quốc miền Nam, do đồng chí Nguyễn Văn Linh làm Giám đốc, đồng chí Ba Tuấn làm Phó Giám đốc trực, giao cho đồng chí Trần Trọng Tân biên soạn giáo trình và trực tiếp giảng dạy phần lý luận. Cuối năm 1961, Trường khai giảng khoá đầu tiên tại một địa điểm giáp biên giới. Dự lễ khai giảng có 80 khách mời và 300 học viên là cán bộ từ các chiến trường về học¹ như các tỉnh miền Tây Nam Bộ (còn gọi là T3), các tỉnh miền Trung Nam Bộ (T2), các tỉnh miền Đông Nam Bộ (T1), các tỉnh cực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên (T5 và T6) và Đặc khu Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định (T4). Ngoài ra còn có các đồng chí khu uỷ viên, tỉnh uỷ viên, một số bí thư huyện uỷ, uỷ viên ban cán sự và cán bộ cốt cán của các ban ngành Trung ương Cục. Đồng chí Nguyễn Văn Linh đã đến dự lễ khai giảng và giảng bài cho lớp học. Đồng chí nói: “Học tập là một nhiệm vụ, các đồng chí tập trung tư tưởng, cố gắng hết sức để học tập, tiếp thu những nhận thức mới, liên hệ, đối chiếu, sửa những nhận thức cũ, củng cố quan điểm lập trường của giai cấp, tu dưỡng phẩm chất đạo đức của người cộng sản, hết lòng, hết dạ phụng sự nhân dân, phụng sự Tổ quốc”². Đồng chí còn bàn với Thường vụ Trung ương Cục ra Tạp chí *Tiền phong*, cơ quan chính trị - lý luận của

1, 2. *Đồng chí Nguyễn Văn Linh và cách mạng Việt Nam*, *Sđd*, tr. 265, 267.

Đảng Nhân dân cách mạng miền Nam (tức Trung ương Cục miền Nam), chỉ định đồng chí Trần Trọng Tân là Tổng Biên tập, các đồng chí Trần Bạch Đằng và Trương Văn Quang là Phó Tổng biên tập.

Khi giảng bài *Chiến lược và sách lược cách mạng*, đồng chí nói: “Chính sách đại đoàn kết là *"một trong ba bữu pháp"* để đánh Mỹ và thắng Mỹ. Mục tiêu tối thượng của chúng ta là độc lập, hoà bình, thống nhất Tổ quốc, tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, từ đó chúng ta phải ra sức tuyên truyền vận động đoàn kết mọi tầng lớp, mọi thành phần, không phân biệt tôn giáo, giàu nghèo... chung lưng, đấu cật đấu tranh.

...Phải đoàn kết những người có thể đoàn kết được, phải tranh thủ những người có thể tranh thủ được, dù chỉ một bước ngăn đấu tranh dân sinh, hoặc đấu tranh dân chủ cũng tranh thủ đoàn kết với họ, nhằm phân hoá cô lập cao độ kẻ thù để tiến lên đánh đổ chúng”¹.

Về nội dung và phương pháp giảng dạy, Trường Nguyễn Ái Quốc miền Nam thực hiện đúng quy trình năm bước học tập: tiếp xúc tài liệu, nghe giảng, nghiên cứu bài giảng, nghiên cứu các câu hỏi thảo luận; cuối chuyên đề, giữa khoá, cuối khoá ôn và thi. Nhờ đó mà các học viên thấm nhuần đường lối, quan điểm của Đảng, đạo đức cách mạng được nâng cao. Nhiều học

1. *Đồng chí Nguyễn Văn Linh và cách mạng Việt Nam*, Sđd, tr. 267-268.

viên sau khi ra trường đã trở thành những cán bộ xuất sắc như các đồng chí Lê Thị Riêng, Hồ Hảo Hớn,...

Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Trung ương Cục, đứng đầu là đồng chí Nguyễn Văn Linh, phong trào cách mạng miền Nam không ngừng phát triển, lực lượng ngày càng mạnh mẽ, dù cho Mỹ tăng cường thêm vũ khí và cố vấn¹. Riêng ở Sài Gòn, năm 1962 đã có 324 cuộc đấu tranh, tăng hơn so với năm 1961 là 37 cuộc; số lượng người tham gia cũng ngày một tăng, năm 1962 là 123.834 người, tăng hơn so với năm 1961 là 20.802 người², đặc biệt là phong trào đấu tranh của học sinh, sinh viên ngày càng mạnh mẽ, quyết liệt. Nhiều trận đánh của các chiến sĩ biệt động thành vào các câu lạc bộ sĩ quan Mỹ, vào các cư xá Mỹ, vào sân bay Tân Sơn Nhất... giết hàng trăm tên Mỹ. Ở các vùng nông thôn, phong trào phá ấp chiến lược cũng diễn ra quyết liệt, ta đã sử dụng có hiệu quả ba thứ quân, ba mũi giáp công, làm cho quốc sách ấp chiến lược của Mỹ - Diệm không thực hiện được. Phong trào chiến tranh du kích phát

1. Năm 1961 có trên 1.000 cố vấn Mỹ và 2.600 nhân viên quân sự vào miền Nam; đến năm 1963 lên 16.300 cố vấn và nhân viên quân sự; năm 1964 là 23.300 tên. Xem *Sổ tay sự kiện chiến tranh Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, tr. 65.

2. Xem Ban Chấp hành Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam thành phố Hồ Chí Minh: *Lịch sử Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam thành phố Hồ Chí Minh* (sơ thảo), *Sđd*, t. 2 (1954-1975), tr. 122.

triển mạnh mẽ khắp ba vùng, tạo nên nhiều căn cứ du kích, nhiều vùng "lõm" chính trị¹. Với chiến thắng Ấp Bắc (1-1963), ta đã làm thất bại kế hoạch bình định miền Nam trong vòng 18 tháng, chiến lược "chiến tranh đặc biệt" bước đầu bị phá sản. Trên từng khu vực, quyền chủ động chiến trường đã thuộc về lực lượng cách mạng.

Trước cao trào cách mạng của nhân dân miền Nam, chế độ độc tài gia đình trị của Ngô Đình Diệm ngày càng bị lung lay, mâu thuẫn trong nội bộ chúng càng thêm gay gắt, các phe phái thân Mỹ, thân Pháp liên kết với nhau để chống Diệm, mâu thuẫn Mỹ - Diệm cũng ngày càng sâu sắc. Mỹ muốn loại bỏ Diệm - Nhu để thành lập một chính phủ liên hiệp với các đảng phái thân Mỹ. Tháng 11-1963, cuộc đảo chính lật đổ Diệm đã nổ ra, đưa Dương Văn Minh lên thành lập chính phủ mới. Sự kiện Diệm đổ là cái mốc báo hiệu sự chấm dứt thời kỳ ổn định của chính quyền miền Nam, mở đầu cho thời kỳ bất ổn định triền miên sau đó. Đó cũng là kết quả tất yếu của quá trình tiến công cách mạng của nhân dân ta, bắt đầu từ phong trào "đồng khởi".

Năm 1963, đồng chí Nguyễn Văn Linh ra Hà Nội để

1. "Lõm chính trị" là khu vực do cơ sở đảng và quần chúng cách mạng làm chủ, mọi hoạt động của Đảng được quần chúng cách mạng bảo vệ, địch không phát hiện được. "Lõm chính trị" ở nội thành là vùng do người của ta cài vào làm liên gia trưởng, các hộ trong vùng này đều là cơ sở cách mạng. Cán bộ Đảng vào đó ăn ở, hoạt động được quần chúng bảo vệ.

báo cáo với Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh về tình hình miền Nam sau ba năm thực hiện Nghị quyết 15 của Trung ương. Vừa đến Hà Nội, đồng chí đã được Bác Hồ gọi vào gặp. Bác hỏi thăm về tình hình và đời sống của đồng bào và chiến sĩ miền Nam. Sự quan tâm của Người đã làm cho đồng chí vô cùng xúc động.

Tháng 12-1963, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ chín. Hội nghị đã đề ra nhiệm vụ trước mắt cho cách mạng miền Nam là *"ra sức phấn đấu xây dựng lực lượng chính trị và vũ trang (nhất là lực lượng vũ trang), làm thay đổi mau chóng lực lượng so sánh giữa ta và địch theo chiều hướng có lợi cho ta; tích cực xây dựng và mở rộng căn cứ địa, đặc biệt là ở những địa bàn chiến lược và cơ động của quân chủ lực; tiến lên đánh tiêu diệt và làm tan vỡ từng bộ phận quân đội địch; phá phần lớn các ấp chiến lược, làm chủ vùng rừng núi và phần lớn xã thôn vùng đồng bằng, tạo điều kiện cho phong trào quần chúng ở đô thị nổi dậy mạnh mẽ, đẩy chế độ của Mỹ và tay sai đến chỗ khủng hoảng sâu sắc hơn và mau suy sụp hơn, làm cho phong trào giành được chủ động về chiến lược tạo ra thời cơ tốt để giành những thắng lợi quyết định về ta"*¹.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ chín, Trung ương Cục đã họp và đề ra nhiệm vụ trước

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t. 24, tr. 839.

mất cho quân và dân miền Nam là: “Chủ động đẩy mạnh cuộc tấn công chính trị, quân sự, binh vận đều khắp trên ba vùng, chống lập ấp chiến lược, tiêu hao tiêu diệt sinh lực địch, giành thêm những thắng lợi lớn về quân sự, chính trị, làm thất bại hoàn toàn âm mưu mới của địch”¹.

Làm việc với các đồng chí lãnh đạo Khu uỷ Sài Gòn - Gia Định (cuối 1964), đồng chí Nguyễn Văn Linh nhận định: Trước những âm mưu mới của địch, phong trào ở đô thị sẽ đóng một vai trò rất quan trọng, do vậy Khu uỷ phải có kế hoạch cụ thể để lãnh đạo đấu tranh chống đế quốc Mỹ xâm lược và tay sai. Khẩu hiệu đấu tranh là đòi hoà bình, độc lập, đòi các quyền dân sinh, dân chủ, chống đàn áp khủng bố. Đồng chí đặc biệt nhấn mạnh đến phong trào cách mạng của học sinh - sinh viên, coi đó là lực lượng nòng cốt, là xung kích trong các phong trào cách mạng ở đô thị. Đồng chí nói: Mỗi tầng lớp, mỗi giai cấp trong xã hội đều có điểm giống nhau đó là tinh thần dân tộc, nhưng đều có tâm tư, nguyện vọng khác nhau, nên bà con đến với cách mạng bằng những tình cảm, động lực khác nhau. Lực lượng học sinh - sinh viên đi theo cách mạng trước hết bằng nhận thức lý tưởng,

1. Chỉ thị của Trung ương Cục miền Nam ngày 18-3-1964. Tư liệu của Tiểu ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng, Ban Văn hoá - Tư tưởng Thành uỷ thành phố Hồ Chí Minh. Bản sao lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

bằng tình yêu quê hương đất nước, bằng các hiện tượng phản diện của xã hội mà dần dần thấu hiểu bản chất của Mỹ - nguy và thông qua đấu tranh mà họ giác ngộ cách mạng. Do vậy, các đồng chí cần phải biết nghiên cứu nội dung tuyên truyền vận động học sinh - sinh viên, phải biết tập hợp họ bằng các phong trào cách mạng, bằng các khẩu hiệu từ thấp đến cao. Ví dụ như phong trào đấu tranh cho dân sinh, dân chủ ở học đường, dân sinh dân chủ ở xã hội, chống chiến tranh, chống bắt lính; phong trào hội thảo với các nội dung phong phú từ học đường, xã hội đến chế độ Mỹ - nguy; phong trào hoạt động xã hội như từ thiện, cứu tế, cứu đói, phong trào du ngoạn, v.v., qua đó mà đảng viên, đoàn viên nòng cốt gắn bó với quần chúng sinh viên, học sinh và ngược lại học sinh - sinh viên có điều kiện thâm nhập, gần gũi với quần chúng, cảm thông, thương yêu họ, từ đó mà giác ngộ cách mạng, căm ghét chế độ Mỹ - nguy mà quyết tâm đấu tranh đánh đổ chúng.

Đồng chí lưu ý trong chỉ đạo đấu tranh phải biết giữ gìn, bảo tồn và phát triển lực lượng cách mạng. Lực lượng học sinh - sinh viên có ưu điểm là sôi nổi bông bột nhưng lại thiếu tính cẩn trọng. Nếu các đồng chí không lưu ý điều đó thì có khi xây dựng cơ sở mất ba năm, nhưng phơi lưng lộ liễu sẽ bị địch đánh tan rã trong một giờ. Vì vậy, phải luôn luôn giữ gìn nguyên tắc “bí mật, ngăn cản”. Để giúp phong trào đô thị phát triển đồng chí Nguyễn Văn Linh đã điều động thêm một số cán bộ tăng

cường cho Khu uỷ và các tổ chức chính trị ở Sài Gòn - Gia Định.

Để kịp thời tuyên truyền, biểu dương thành tích của đồng bào và chiến sĩ, đồng chí Nguyễn Văn Linh cũng chỉ đạo Khu uỷ mở một lớp đào tạo cán bộ làm công tác báo chí tuyên truyền. Đến thăm và nói chuyện với các học viên đồng chí Nguyễn Văn Linh đã nhắc nhở: "Khi viết về chuyện anh hùng, về người anh hùng thì bản thân người viết cũng phải có chất anh hùng"¹.

2. Làm phá sản chiến lược "chiến tranh cục bộ" của kẻ thù

Bị sa lầy ở miền Nam Việt Nam, Mỹ tính cứu vãn tình thế bằng cách mở rộng chiến tranh ra miền Bắc, dưới hình thức chiến tranh phá hoại bằng không quân, hải quân. Ngày 2-8-1964, Mỹ dựng lên sự kiện Vịnh Bắc Bộ để tranh thủ Quốc hội và dân chúng Mỹ ủng hộ chủ trương mở rộng chiến tranh xâm lược của chúng ra miền Bắc Việt Nam.

Từ đầu năm 1965, đế quốc Mỹ chuyển sang thực hiện chiến lược "chiến tranh cục bộ", chúng ồ ạt đưa quân vào miền Nam, mở rộng chiến tranh ra miền Bắc bằng không quân và hải quân. Đến cuối năm 1965, trên

1. Lý Bích Quang: *Vài kỷ niệm về người thầy cách mạng đầu tiên của tôi*. In trong *Nguyễn Văn Linh - hành trình cùng lịch sử*, Sđd, tr. 357.

chiến trường miền Nam, số quân Mỹ, quân ngụy Sài Gòn và quân đồng minh của Mỹ lên tới 750.000 tên¹.

Để bảo vệ Sài Gòn, các lực lượng của địch ở miền Đông Nam Bộ được phân công giữ vai trò bình định, quân Mỹ và đồng minh Mỹ làm nhiệm vụ “tìm và diệt”. Biệt khu thủ đô Sài Gòn được đổi thành Quân khu thủ đô trực thuộc Bộ Tổng tham mưu quân đội Sài Gòn, đặt dưới sự chỉ huy của Bộ Tư lệnh Mỹ. Đồng thời, Mỹ cũng sắp xếp lại đội ngũ tay sai trong chính quyền Sài Gòn. Nguyễn Văn Thiệu được đưa lên làm Tổng thống.

Tại Hà Nội, tháng 3-1964, Chủ tịch Hồ Chí Minh triệu tập Hội nghị chính trị đặc biệt để biểu thị tinh thần đại đoàn kết toàn dân và quyết tâm sắt đá của nhân dân ta chiến đấu bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Tháng 12-1965, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 12, nhận định: Mặc dù Mỹ đưa vào hàng chục vạn quân viễn chinh, tuy sẽ gây cho chúng ta một số khó khăn, nhưng so sánh lực lượng giữa ta và địch không thay đổi. Phải giữ vững và phát triển thế tiến công chiến lược, khẳng định phương châm đánh lâu dài, dựa vào sức mình là chính, cố gắng tập trung cao độ lực lượng, tranh thủ thời cơ giành thắng lợi quyết định trong thời gian tương đối ngắn, ngay trên chiến trường miền Nam.

1. Xem Ban Chấp hành Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam thành phố Hồ Chí Minh: *Lịch sử Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam thành phố Hồ Chí Minh* (sơ thảo), *Sđđ*, t. 2 (1954 - 1975), tr. 100.

Để tăng cường sự chỉ đạo của Trung ương đối với cách mạng miền Nam, cuối năm 1964, Trung ương Đảng đã cử Đại tướng Nguyễn Chí Thanh, Ủy viên Bộ Chính trị vào miền Nam trực tiếp phụ trách Trung ương Cục miền Nam, đồng chí Nguyễn Văn Linh vẫn làm Bí thư Trung ương Cục. Cùng vào với đồng chí Nguyễn Chí Thanh còn có đồng chí Trần Văn Trà và một số đồng chí khác. Tháng 4-1965, tại Suối Dây (Tây Ninh), đã diễn ra Hội nghị cán bộ các khu uỷ để nhận định tình hình và quyết định các phương án thực hiện nhiệm vụ của Trung ương Cục và Quân uỷ Miền. Nhằm tăng cường lực lượng lãnh đạo cho các khu uỷ, Trung ương Cục đã điều đồng chí Nguyễn Văn Linh, Bí thư Trung ương Cục, về phụ trách Khu uỷ Sài Gòn - Gia Định¹.

Về phụ trách Khu uỷ Sài Gòn - Gia Định, đồng chí Nguyễn Văn Linh rất chú trọng đến việc củng cố tổ chức và xây dựng thực lực cách mạng. Đồng chí tăng cường cán bộ cho các ban, ngành, mặt trận, đoàn thể, số cán bộ

1. Sau Hội nghị Suối Dây (4-1965), Khu uỷ Sài Gòn - Gia Định từ 13 đồng chí (1961 - 1964) tăng lên 31 đồng chí (1965 - 1967). Một số đồng chí trong cấp uỷ lúc đó đều nói đồng chí Nguyễn Văn Linh làm Bí thư Khu uỷ. Nhưng trong lần làm việc với Viện Lịch sử Đảng (đầu năm 1994) đồng chí Nguyễn Văn Linh cho biết là lúc đó đồng chí là Bí thư Trung ương Cục phụ trách Khu uỷ (chứ không trực tiếp làm Bí thư). Bổ sung cho Khu uỷ còn có các đồng chí: Võ Văn Kiệt, Trần Bạch Đằng, Lê Tử Thành, Trần Đình Xu, Mai Chí Thọ, Nguyễn Thái Sơn, Cao Đăng Chiếm, v.v..

này từ Trung ương Cục và các địa phương điều động về, cùng với số cán bộ được bồi dưỡng từ phong trào lên. Bộ máy tổ chức và lãnh đạo của Đảng bộ khu Sài Gòn - Gia Định được chia làm năm cánh, mỗi cánh bao gồm phần đất nông thôn và một phần đô thị. Các ban, ngành đoàn thể cũng gọi là cánh và phân công phụ trách từng khu vực (như Cánh Gò Môn, Cánh Bình Tân, Cánh Nhà Bè, Cánh Thanh niên, Cánh Phụ vận, Cánh Tuyên huấn, Cánh An ninh, v.v.).

Lực lượng cách mạng của Đảng bộ được phát triển khá nhanh, số lượng đảng viên, đoàn viên, hội viên đoàn thể đều tăng. Hầu hết các chi bộ và đảng viên đều được huấn luyện chủ trương của Đảng về năm bước công tác cách mạng, về kinh nghiệm giữ bí mật, về tu dưỡng - đạo đức, khí tiết của người chiến sĩ cách mạng... Lực lượng vũ trang gồm ba thứ quân đều phát triển nhanh cả về số lượng và chất lượng. Ngoài tiểu đoàn Quyết thắng là lực lượng tập trung của khu, các cánh đều có tiểu đoàn địa phương quân, các xã có lực lượng du kích tập trung từ tiểu đội đến trung đội.

Ngày 20-11-1965, Bộ Chỉ huy Quân giải phóng phát động phong trào thi đua giành danh hiệu "dũng sĩ diệt Mỹ" với nhiều cấp bậc như: dũng sĩ cấp 1, 2, 3, dũng sĩ cấp ưu tú, dũng sĩ diệt cơ giới, dũng sĩ diệt máy bay.

Ngày 25-1-1966, đồng chí Nguyễn Văn Linh, phụ trách Khu uỷ đã triệu tập Hội nghị Khu uỷ bàn về tình hình và nhiệm vụ trong thời kỳ Mỹ tiến hành "chiến tranh

cục bộ". Qua phân tích thực tế chiến trường, Hội nghị xác định: "Trong điều kiện có quân chiến đấu Mỹ, ta vẫn giữ quyết tâm đẩy mạnh đấu tranh chính trị gắn với đấu tranh vũ trang, không ngừng tích lũy lực lượng, chuẩn bị tiến tới tổng công kích, tổng khởi nghĩa". Hội nghị cũng nhận định: "Việc quân Mỹ vào là thời cơ để phát động tinh thần dân tộc, phát động một phong trào toàn dân diệt Mỹ ngay cả ở nội đô và ngoại thành". Hội nghị cũng ra 10 kết luận về khả năng đánh được Mỹ của chiến tranh nhân dân địa phương. Mười kết luận đó trở thành nội dung cụ thể của công tác tư tưởng, tổ chức và chỉ đạo chiến đấu của Đảng bộ, góp phần rất quan trọng vào phong trào thi đua đánh Mỹ trên chiến trường miền Nam.

Ngày 7-2-1966, tại Củ Chi, Khu uỷ Sài Gòn - Gia Định đã tổ chức Đại hội dũng sĩ diệt Mỹ. Đại hội đã tuyên dương và tặng danh hiệu "Dũng sĩ diệt Mỹ" cho 209 đồng chí, trong đó có những nữ du kích lần đầu tiên diệt được lính Mỹ như Trần Thị Gừng, Võ Thị Mô, có những người nông dân sản xuất giỏi, giết giặc giỏi như Nguyễn Văn Nì được xếp vào hàng "Dũng sĩ diệt Mỹ cấp ưu tú". Ngay sau Đại hội, Khu uỷ đã ra chỉ thị thiết lập "vành đai diệt Mỹ" ở nam Củ Chi. Chủ trương này đã lôi cuốn hầu hết các tầng lớp trẻ, già, trai gái tham gia giết giặc lập công¹.

1. Tư liệu của Tiểu ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng, Ban Văn hoá - Tư tưởng Thành uỷ thành phố Hồ Chí Minh. Bản sao lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

Tại Sài Gòn - Chợ Lớn, phong trào đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang ngày càng phát triển. Lực lượng biệt động thuộc Ban Hoa vận đã trừng trị bọn mật vụ, ác ôn; nhiều tên bị đền tội như tên đặc vụ Lê Nghĩa Á, tên Nghị viên Đô thành Trần Kim Thuận, v.v.. Các đội an ninh nội thành liên tiếp diệt nhiều tên tay sai đầu sỏ, tình báo, cảnh sát ác ôn và bọn chiêu hồi chỉ điểm có nhiều nợ máu như tên Trần Văn Vân, Chủ tịch Quốc hội Sài Gòn, tên Nguyễn Chũ, Bộ trưởng Tâm lý chiến, v.v.. Đêm 12-6-1966, Tiểu đoàn 8 quân khu phối hợp với biệt động và địa phương quận Tân Bình bắn 400 quả đạn vào sân bay Tân Sơn Nhất, phá hủy và phá hỏng 67 máy bay các loại. Đêm 17-8-1966, pháo binh Sài Gòn - Gia Định pháo kích vào căn cứ hậu cần của Mỹ ở ngã tư Bảy Hiền, phá hủy và phá hỏng 100 xe quân sự, giết và làm bị thương 167 nhân viên kỹ thuật Mỹ và Tân Tây Lan.

Mỹ càng leo thang chiến tranh, phong trào toàn dân chống Mỹ càng diễn ra quyết liệt. Chỉ trong ba tháng đầu năm 1966 có 125 cuộc đấu tranh của công nhân lao động. Đáng chú ý là cuộc bãi công của 3.000 công nhân khuân vác từ bến Bình Đông đến bến Nhà Rồng và 8.000 công nhân hoả xa, xe buýt, đã làm tê liệt ngành giao thông vận tải. Cuộc bãi công toàn thể của 5.000 công nhân thuộc hãng thầu RMK và BRJ đang xây dựng cảng Sài Gòn đã làm đình trệ công trình rất quan trọng này của địch, v.v.. Phong trào bảo vệ văn hoá dân tộc, chống những nọc độc của văn hoá Mỹ kết hợp với

đấu tranh công khai trên mặt trận báo chí cũng diễn ra sôi nổi, phong phú.

Phong trào đấu tranh của học sinh, sinh viên, của Phật tử cũng diễn ra liên tục. Sinh viên viết nhiều khẩu hiệu trên đường trước Sứ quán Mỹ như “Mỹ rút về nước! Chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam”. Khắp nội thành, giới Phật tử bày bàn thờ Phật ra giữa đường phố với lý do là: “Nhà cầm quyền chiếm chùa, không cho thờ Phật trong chùa, nên phải đem tượng Phật ra đường để thờ”. Đánh giá những cuộc đấu tranh này, Thường vụ Khu uỷ đã nhận định: “Đây là lần đầu tiên quần chúng đô thị biểu thị một khí thế chống Mỹ mạnh mẽ nhất, với nội dung đúng đắn nhất. Công nhân lao động đã thu hút chung quanh mình nhiều lực lượng học sinh, sinh viên, phụ nữ, trí thức, tín đồ các tôn giáo... biểu thị rõ ràng một mặt trận dân tộc dân chủ chống đế quốc Mỹ do giai cấp công nhân làm nòng cốt đã hình thành”¹.

Cao trào đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang ở Sài Gòn - Chợ Lớn đã góp phần quan trọng vào khí thế tiến công chung của toàn miền. Trong cao trào đó, đã nổi bật vai trò lãnh đạo nhạy bén của Đảng bộ thành phố. Với cương vị là người phụ trách trực tiếp Khu uỷ, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã có những đóng

1. Ban Chấp hành Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam thành phố Hồ Chí Minh: *Lịch sử Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam thành phố Hồ Chí Minh* (sơ thảo), *Sđđ*, t. 2 (1954 - 1975), tr. 190.

góp rất lớn cho cuộc chiến đấu của nhân dân thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định, thể hiện qua các nghị quyết, chỉ thị của Khu uỷ nhằm củng cố tổ chức, xây dựng thực lực cho phong trào. Sau một năm phụ trách Khu uỷ Sài Gòn - Gia Định (4-1965 - 4-1966), đồng chí Nguyễn Văn Linh được điều trở lại Trung ương Cục. Đồng chí Võ Văn Kiệt được cử làm Bí thư Khu uỷ.

Tháng 10-1966, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã dự Hội nghị tổng kết kinh nghiệm du kích chiến tranh toàn miền Nam lần thứ ba do Trung ương Cục và Bộ Chỉ huy Quân giải phóng miền Nam tổ chức. Hội nghị đã tuyên dương Củ Chi đất thép thành đồng là một trong ba lá cờ đầu của phong trào chiến tranh du kích.

Với ý đồ tiêu diệt cơ quan đầu não chỉ đạo trực tiếp cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước ở miền Nam, kẻ thù đã tập trung sức mạnh hướng vào tây bắc của miền Đông Nam Bộ. Trong Đông Xuân 1966 - 1967, chúng mở hàng nghìn cuộc hành quân lớn nhỏ vào bắc Tây Ninh, như các cuộc hành quân mang tên Áttenbơrô, Xêda Phôn, Gianxon Xity, v.v..

Theo lời kêu gọi được phát ra hằng ngày từ Đài Phát thanh giải phóng miền Nam: “Giặc Mỹ vào càng đông, giết giặc Mỹ càng nhiều, giành thắng lợi càng lớn”, quân dân miền Nam đã loại khỏi vòng chiến đấu 8.300 tên địch, hầu hết là quân Mỹ, phá 692 xe quân sự, bắn rơi 119 máy bay, phá hỏng 64 đại bác.

Với chiến thắng Đông Xuân năm 1966 - 1967, quân

dân miền Nam đã đập tan âm mưu của địch định tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến của ta, đẩy giới cầm quyền Mỹ và tay sai vào tình trạng bế tắc, lúng túng, nguy cơ phá sản của chiến lược "chiến tranh cục bộ" của Mỹ đã lộ rõ.

Tháng 2-1967, đồng chí Nguyễn Văn Linh, Bí thư Trung ương Cục, đã về dự Hội nghị Thường vụ Khu uỷ Sài Gòn - Gia Định.

Nhận định chung về phong trào cách mạng, đồng chí cho rằng quần chúng đã có sự tiến bộ về tư tưởng, nhận thức và trình độ giác ngộ cách mạng. Đó là những nhân tố quan trọng đảm bảo cho phong trào cách mạng phát triển. Cơ sở đảng ngày càng khá hơn trước; cán bộ, đảng viên dũng cảm; trình độ lãnh đạo và chỉ đạo phong trào được nâng lên.

Đánh giá về những mặt mạnh, mặt yếu của công tác chỉ đạo phong trào đồng chí nhận định:

Về ưu điểm: Đảng bộ biết nắm sát tình hình, nhạy bén, kịp thời đề ra khẩu hiệu đúng, quán triệt ý đồ lâu dài và trước mắt của Đảng, dám nghĩ dám làm; xây dựng được quyết tâm trong Đảng bộ, phát động được khí thế xốc tới của cơ sở; chỉ đạo của bên trên thấm được xuống cơ sở, hệ thống chỉ đạo tương đối thông suốt, chặt chẽ.

Về khuyết điểm: Phong trào nói chung tuy đã tốt, nhưng chưa thật có chân gốc vững chắc, nhất là trong quần chúng cơ bản, phong trào chưa sâu, chưa rộng; phong trào công nhân, tiểu tư sản nghèo còn yếu, việc

chiếm lĩnh xóm lao động còn quá chậm; cơ sở nói chung phát triển còn ít, trình độ của cán bộ, đảng viên chưa được nâng cao, chưa theo kịp với tình hình; nhập nhằng trong hình thức hoạt động giữa công khai và bí mật, tác phong và lề lối làm việc còn luộm thuộm; còn chủ quan trong lãnh đạo các tổ chức quần chúng; còn vi phạm nguyên tắc hoạt động bí mật, gây nên những tổn thất.

Đồng chí Nguyễn Văn Linh đặc biệt nhấn mạnh đến vấn đề bảo tồn lực lượng - một vấn đề mà Khu uỷ còn nhiều thiếu sót nhất. Đồng chí nói: “Trong bất kỳ tình hình nào cũng phải bảo đảm cho kỳ được nguyên tắc bảo tồn lực lượng, nhất là đối với cơ quan và cán bộ lãnh đạo bên trên. Bảo tồn không có nghĩa co ro, cố thủ. Nhưng tấn công mà để mất lực lượng trong lúc tình hình chưa đòi hỏi cần sự hy sinh, thì đó là một sai lầm. Ta không sợ hy sinh, nhưng phải biết hy sinh đúng lúc. Có khi hy sinh nhiều mà phấn chấn, thắng lợi; có khi hy sinh không nhiều mà bại hoại, rã rời”. Những ý kiến chỉ đạo của đồng chí Nguyễn Văn Linh đã giúp cho Đảng bộ Sài Gòn - Gia Định phát huy được ưu điểm, khắc phục nhược điểm, đưa phong trào tiến lên những bước cao hơn.

Tháng 5-1967, Trung ương Cục tiến hành Hội nghị lần thứ năm, đề ra nhiệm vụ cho toàn miền trong năm 1967 là "phải đẩy mạnh chủ động tấn công và phản công liên tục, tiếp tục đánh bại hai gọng kìm "tìm diệt và bình định", tiếp tục đẩy địch vào thế bị động phòng

ngự, xây dựng ba thứ quân của ta vững mạnh, tạo điều kiện giành thắng lợi ngày càng lớn, tiến lên tổng công kích, tổng khởi nghĩa"¹.

Nhằm củng cố bộ máy chỉ đạo trực tiếp cách mạng miền Nam, ngày 19-5-1967, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã điện cho Trung ương Cục miền Nam, quyết định thành lập Bộ Chỉ huy Miền và Quân uỷ Miền với thành phần như sau: Bộ Chỉ huy Miền: đồng chí Nguyễn Văn Linh là Chính uỷ, đồng chí Trần Độ là Phó Chính uỷ, đồng chí Trần Văn Trà là Tư lệnh. Quân uỷ Miền: đồng chí Nguyễn Văn Linh là Bí thư, đồng chí Trần Văn Trà và Trần Độ là Phó Bí thư, uỷ viên là các đồng chí Lê Trọng Tấn, Đồng Văn Cống, Nguyễn Hữu Xuyến, Nguyễn Thị Định, Lê Đức Anh, Nguyễn Văn Thi (tức Năm Thi)². Tháng 7-1967, đồng chí Nguyễn Chí Thanh, Uỷ viên Bộ Chính trị, phụ trách Trung ương Cục miền Nam qua đời, Trung ương Đảng đã cử đồng chí Phạm Hùng vào Nam giữ chức Bí thư Trung ương Cục miền Nam, đồng chí Nguyễn Văn Linh làm Phó Bí thư Trung ương Cục.

3. Chỉ đạo tiến công và nổi dậy ở Sài Gòn - Gia Định Mậu Thân 1968

Các nghị quyết của Hội nghị Bộ Chính trị nửa cuối

1. *Lịch sử Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định kháng chiến (1945 - 1975)*, Sđd, tr. 455.

2. Tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, ĐVBQ 1353.

năm 1967, nhất là Hội nghị tháng 12-1967, được Hội nghị lần thứ 14 Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khoá III (1-1968) thông qua, đã chỉ rõ: Cuộc kháng chiến của ta lúc này cần phải và có thể tạo ra một chuyển biến lớn giữa lúc đế quốc Mỹ đang ở thế ngập ngừng về chiến lược, giới cầm quyền Mỹ đã dao động và trong thời điểm rất nhạy cảm của năm bầu cử Tổng thống Mỹ. Để chuyển cách mạng và chiến tranh cách mạng miền Nam sang một thời kỳ mới, phải tạo được một bước ngoặt lớn của chiến tranh; phải tạo một bước nhảy vọt bằng chọn hướng chiến lược, dùng cách đánh mới, giáng một đòn bất ngờ thật mạnh vào ý chí xâm lược của Mỹ. Hướng tiến công chủ yếu là đô thị. Trọng điểm là Sài Gòn, Đà Nẵng, Huế. Mục tiêu tiến công là nhằm vào các cơ quan đầu não chiến tranh của Mỹ - ngụy, các trung tâm chỉ huy, các hậu cứ, vừa tiêu diệt sinh lực địch, vừa phá huỷ phương tiện chiến tranh của chúng. Phương châm là tiến công quân sự kết hợp với nổi dậy của quần chúng. Thời gian tiến công dự kiến trong dịp Tết Nguyên đán Mậu Thân 1968.

Chấp hành chủ trương của Trung ương Đảng, để chuẩn bị cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân, ngày 25-10-1967, tại chiến khu Dương Minh Châu, Thường vụ Trung ương Cục và Quân uỷ Miền gồm đồng chí Phạm Hùng, Bí thư và các đồng chí Nguyễn Văn Linh, Hoàng Văn Thái, Phan Văn Đáng, Phó Bí thư đã làm việc với các đồng chí trong Thường vụ

Khu uỷ Sài Gòn - Gia Định. Hội nghị đã nghiên cứu và thảo luận nhiều công tác quan trọng và ra "Nghị quyết Quang Trung", chuẩn bị tiến hành tổng tiến công. Thực hiện nghị quyết này, Trung ương Cục đã tiến hành tổ chức lại chiến trường miền Đông theo yêu cầu của nhiệm vụ mới. Trung ương Cục quyết định giải thể Quân khu VII và Quân khu Sài Gòn - Gia Định, thành lập "khu trọng điểm" gồm Sài Gòn - Gia Định và một phần các tỉnh tiếp giáp với Sài Gòn. "Khu trọng điểm" đặt dưới sự lãnh đạo của một đảng uỷ gồm các đồng chí: Nguyễn Văn Linh, Phó Bí thư Trung ương Cục, Bí thư "khu trọng điểm", uỷ viên là đồng chí Võ Văn Kiệt và đồng chí Trần Văn Trà¹.

Dưới sự chỉ đạo của đồng chí Nguyễn Văn Linh, Đảng uỷ "khu trọng điểm" được tổ chức thành hai phân ban, lãnh đạo hai bộ tư lệnh tiền phương. Bộ Tư lệnh tiền phương Bắc (I) gồm các đồng chí Trần Văn Trà, Lê Đức Anh, Mai Chí Thọ, Bộ Tư lệnh tiền phương Nam (II) gồm các đồng chí Võ Văn Kiệt, Trần Bạch Đằng, Trần Hải Phụng.

Nhiệm vụ Trung ương Cục giao cho "khu trọng điểm" thật nặng nề: đánh chiếm các mục tiêu đầu não của Mỹ - ngụy, tiêu hao tiêu diệt nhiều sinh lực địch, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh của địch; phát

1. Xem *Lịch sử Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định kháng chiến (1945 - 1975)*, *Sđđ*, tr. 470.

động quần chúng nổi dậy khởi nghĩa giành chính quyền, làm chủ ở các quận, huyện; tranh thủ mọi khả năng cùng với lực lượng toàn miền Nam tiêu diệt và làm tan vỡ đại bộ phận quân ngụy, đánh đổ ngụy quyền các cấp, giành lại toàn bộ chính quyền về tay nhân dân, tiêu diệt một bộ phận sinh lực quan trọng của quân Mỹ và chư hầu, buộc Mỹ phải rút khỏi miền Nam; thành lập "Mặt trận thứ hai" và tổ chức chính quyền cách mạng khắp mọi nơi trong thành phố và khu trọng điểm.

Để thực hiện những nhiệm vụ của Trung ương Cục giao cho, trong khoảng thời gian ba tháng với cương vị là Bí thư khu trọng điểm, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã cùng Ban lãnh đạo khu tiến hành công tác chuẩn bị một cách ráo riết, chu đáo. Đồng chí chủ trương tổ chức các ban lãnh đạo từng mặt công tác, như Ban Phụ vận, lãnh đạo nổi dậy ở các phường, xóm, chợ, khu lao động; Ban Hoa vận, vận động quần chúng người Hoa nổi dậy; Ban Binh vận ráo riết chuẩn bị các cơ sở nội tuyến trên các mục tiêu trọng yếu; Ban Trí vận có nhiệm vụ chuẩn bị về nhân sự cho việc thành lập "Mặt trận thứ hai" và chính phủ lâm thời khi ta tổng công kích, tổng khởi nghĩa thắng lợi; Ban Tuyên huấn có nhiệm vụ tuyên truyền phát động quần chúng đấu tranh trên mặt trận dư luận, cử người vào các cơ quan báo, đài Sài Gòn, chuẩn bị để ra báo cách mạng; Ban An ninh và hai đơn vị vũ trang có nhiệm vụ phục vụ và bảo vệ hai bộ tư lệnh tiền phương Bắc và Nam. Lực lượng an ninh của

khu được chia ra nhiều đội nhỏ, để khi đến giờ hành động sẽ diệt bọn đầu sỏ. Trinh sát an ninh còn được giao nhiệm vụ tìm nhà riêng của Tổng thống Thiệu và Đại sứ Mỹ Bânơ để diệt chúng.

Các mục tiêu trong cuộc tổng công kích, tổng khởi nghĩa đã được đồng chí Nguyễn Văn Linh giao cho các đơn vị đặc công biệt động điều tra nghiên cứu và có phương án tác chiến cụ thể; chuẩn bị chu đáo. Đồng chí Nguyễn Văn Linh đã xuống Phân khu II để trực tiếp chỉ đạo bộ phận tấn công nội thành. Đến đây, đồng chí thấy ngoài vùng ven còn khoảng 50 cán bộ cơ quan, đồng chí đã chỉ thị cho đồng chí Phạm Dân, mở ngay một lớp học cấp tốc để hướng dẫn anh em về tổng công kích, tổng khởi nghĩa; về phương pháp công tác khi vào nội thành¹, bao gồm cả hướng dẫn dùng bản đồ để không bị lạc khi vào thành phố.

Cùng với các công tác khác, công tác giáo dục chính trị, tư tưởng luôn được đồng chí quan tâm. Đồng chí cũng triệu tập các cấp uỷ đảng, quân đội, mặt trận, đặc biệt là đối tượng trung cao cấp ở nội ngoại thành học tập Nghị quyết 5 của Trung ương Cục về tổng công kích, tổng khởi nghĩa. Đồng chí chủ trương phân lực lượng thanh niên ra làm ba loại: *một là* lực lượng vũ trang

1. Xem Phạm Dân: *Nửa thế kỷ gắn bó với Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh*. In trong Nguyễn Văn Linh - hành trình cùng lịch sử, *Sđd*, tr. 122.

biệt động có nhiệm vụ đánh vào các mục tiêu chiến lược và một số mục tiêu quan trọng; *hai* là lực lượng chính trị vũ trang, làm nhiệm vụ tuyên truyền vũ trang; *ba* là lực lượng chính trị công khai, nắm lấy các trung tâm công khai làm công tác đối ngoại... Có thể nói kế hoạch chuẩn bị trong “khu trọng điểm”, đã được đồng chí Nguyễn Văn Linh và các đồng chí lãnh đạo khu chỉ đạo triển khai thực hiện rất tích cực, khẩn trương, chu đáo.

Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Trung ương Cục, quân dân ta ở miền Nam đã gấp rút chuẩn bị và bí mật vận chuyển, cất giữ một khối lượng lớn vũ khí, đạn dược tại các vùng giáp ranh và ngay trong các thành phố, thị xã. Một bộ phận lực lượng vũ trang được sự giúp đỡ của các cơ sở nội thành đã thâm nhập các thành phố trước ngày nổ súng.

Trong thời gian chuẩn bị, quân và dân ta đã đánh một số trận mở màn ở Lộc Ninh, Đắc Tô, Tuy Phước, Hậu Nghĩa, Khe Sanh, làm cho địch không phán đoán được hướng tiến công chính của ta.

Đêm 30 rạng ngày 31-1-1968, tức đêm giao thừa rạng mồng một Tết Mậu Thân, mệnh lệnh tiến công được phát ra, quân và dân ta ở miền Nam đã nổi dậy và tiến công đồng loạt vào hầu hết các sào huyệt, cơ quan đầu não, căn cứ quân sự, các hệ thống giao thông thủy bộ, các kho tàng của địch ở hầu khắp các thành phố, thị xã, thị trấn và những vùng nông thôn còn bị địch kiểm soát.

Tại “khu trọng điểm” Sài Gòn - Gia Định, quân ta tiến công mãnh liệt vào các mục tiêu quan trọng như Đại sứ quán Mỹ, vào Dinh Độc Lập, Bộ Tổng tham mưu, Bộ Tư lệnh Hải quân, Đài Phát thanh Sài Gòn, Tổng nha Cảnh sát, Bộ Tư lệnh Biệt khu thủ đô... Quân ta cũng bắn pháo vào sân bay Tân Sơn Nhất và đánh vào phía tây sân bay. Biệt động thành đánh vào Đài Truyền hình, cầu Phan Thanh Giản, tiến công khu vực Thị Nghè, đường Minh Mạng, đường 46... Các đội tuyên truyền vũ trang ở nội đô phát động quần chúng nổi dậy làm chủ nhiều khu vực, phối hợp đánh Toà Hành chính quận, Ty Cảnh sát quận 5. Các đội vũ trang nội thành chiến đấu rất dũng cảm, tranh chấp quyết liệt với địch từng khu phố (ngã tư Bảy Hiền, chùa Trúc Lâm, cư xá Phú Lâm A, Cầu Tre, v.v.).

Những cuộc tổng công kích, tổng khởi nghĩa tại “khu trọng điểm” Sài Gòn - Gia Định, đặc biệt là trận đánh vào Đại sứ quán Mỹ, đã làm cho quân Mỹ sững sốt, bàng hoàng, tạo nên sự phân hoá chia rẽ cao độ trong hàng ngũ kẻ thù. Lần đầu tiên qua hệ thống truyền hình, nhân dân Mỹ và nhân dân thế giới nhìn thấy hình ảnh các chiến sĩ Quân giải phóng miền Nam trên đường phố Sài Gòn, đẩy cao hơn phong trào phản đối chiến tranh xâm lược của nhân dân Mỹ và nhân dân thế giới đồng thời cũng thúc đẩy cao hơn phong trào phản chiến của lính Mỹ. Khuynh hướng muốn chấm dứt chiến tranh trở thành xu hướng áp đảo.

Đồng thời, cuộc tổng công kích, tổng khởi nghĩa đã thổi bùng lên ngọn lửa yêu nước cách mạng trong lòng nhân dân đô thị. Chính nhân dân với lòng yêu nước nồng nàn, hết lòng ủng hộ cách mạng, đã tham gia tích cực vào công cuộc chuẩn bị chiến đấu quy mô lớn; chính nhân dân đã làm vô hiệu hóa các cơ quan tình báo khổng lồ của địch.

Thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy đầu Xuân năm 1968 rất to lớn. Chỉ trong một thời gian ngắn, từ ngày 30-1 đến ngày 25-2-1968, ta đã tiêu diệt, làm đào ngũ và rửa ngũ hàng trăm ngàn quân ngụy, bắn rơi và phá hủy 2.730 máy bay, phá hủy 1.700 xe tăng và xe bọc thép, 350 pháo, 230 tàu xuồng và 1.360.000 tấn vật tư chiến tranh,... bức rút, bức hàng trên 700 đồn bốt, giải phóng thêm 1.000 thôn, ấp và 1.200.000 dân¹. Ngụy quyền từ trung ương đến địa phương bị rối loạn, tê liệt, tan vỡ ở nhiều mức độ khác nhau.

Sau đợt tổng tiến công và nổi dậy trong dịp Tết Mậu Thân, ngày 24-4-1968, Bộ Chính trị đã mở hội nghị đánh giá và đề ra phương hướng tiếp tục tiến công địch trong thời gian tới.

Sau khi phân tích tình hình, Bộ Chính trị đề ra phương hướng nỗ lực của ta là: “phát huy khí thế chiến thắng, tiếp tục phát triển tiến công toàn diện, giành thắng

1. Kết quả của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968, các tài liệu ghi không giống nhau.

lợi ngày càng to lớn hơn nữa..., đẩy kẻ địch vào thế thất bại liên tiếp, ngày càng suy yếu tan rã không sao gượng được nhằm đi đến giành thắng lợi quyết định”¹.

Thực hiện chủ trương của Hội nghị Bộ Chính trị ngày 24-4-1968, đêm 4 rạng ngày 5-5-1968, quân dân ta mở đợt 2 tiến công và nổi dậy, đánh vào 30 thành phố, thị xã, 70 thị trấn, quận lỵ, chi khu quân sự, 27 bộ tư lệnh quân đoàn, sư đoàn, lữ đoàn, trung đoàn nguy, hơn 10 sân bay, nhiều kho tàng, các tuyến giao thông quan trọng của địch.

Hàng vạn quần chúng trong các quận nội thành đã xuống đường phối hợp với bộ đội trừng trị bọn ác ôn ngoan cố, nhiều tên đầu sỏ đã phải dền tội.

Bên cạnh những thắng lợi to lớn về tiêu diệt địch, trong đợt tiến công này, phía ta cũng bị tổn thất khá lớn về lực lượng. Một phần do thực lực của ta bị giảm sút, trong khi yếu tố bất ngờ không còn; mặt khác ta chưa dự kiến hết khả năng và biện pháp đối phó của địch nên chậm chuyển hướng chỉ đạo đối phó với âm mưu mới của địch, do đó về cơ bản, mục tiêu quân sự của ta trong đợt này chưa đạt yêu cầu đề ra.

Bảy ngày sau đợt 2 cuộc tổng tiến công và nổi dậy, ngày 12-5-1968, Thường trực Trung ương Cục và Quân uỷ Miền đã họp bàn và ra nghị quyết tiếp tục đẩy mạnh

1. *Lịch sử biên niên Xứ uỷ Nam Bộ và Trung ương Cục miền Nam (1954 - 1975)*, Sđd, tr.651-653.

đợt 2, Nghị quyết cho rằng: địch vẫn bị bất ngờ khi ta tiến công, do vậy ta vẫn giành thắng lợi bước đầu, tuy chưa đạt yêu cầu kế hoạch đề ra. Nguyên nhân vì sức tiến công, tinh thần tiến công của ta chưa đều, chưa liên tục, thiếu mạnh mẽ; sự chỉ huy còn chậm chạp, thiếu linh hoạt và kiên quyết, chưa nhận thức sâu sắc rằng trong điều kiện hiện nay, cố gắng chủ quan và nghệ thuật chỉ đạo của ta có ý nghĩa quyết định. Nghị quyết kêu gọi đồng bào và chiến sĩ miền Nam chủ động tiến công, liên tục tấn công, giành thắng lợi to lớn trong đợt 2, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn¹.

Ngày 30-6-1968, Trung ương Cục ra chỉ thị mở đợt hoạt động tiến công mùa thu (đợt 3) với các yêu cầu và mục tiêu khá toàn diện. Ngày 17-8-1968, Bộ Chính trị Trung ương Đảng mở hội nghị đánh giá thắng lợi bước đầu của cuộc tổng tiến công và nổi dậy, đề ra chủ trương: tiếp tục đẩy mạnh tổng công kích - tổng khởi nghĩa, đẩy mạnh thế tiến công toàn diện bằng quân sự và chính trị, bằng ba mũi giáp công, kết hợp tiến công ngoại giao, làm cho địch thua to hơn nữa trên tất cả các mặt, đạt cho được những mục tiêu chiến lược đã đề ra².

Từ đêm 17-8 đến 30-9, quân và dân ta lại mở đợt tiến công và nổi dậy đợt 3 năm 1968. Nhưng trên thực tế, ta đã không thực hiện được bao nhiêu, vì thời cơ tổng công kích -

1, 2. Xem *Lịch sử biên niên Xứ uỷ Nam Bộ và Trung ương Cục miền Nam (1954 - 1975)*, *Sđd*, tr. 674-675.

tổng khởi nghĩa không còn, thậm chí lúc này ta đang phải rút ra khỏi các đô thị lớn để tránh những đòn phản kích ác liệt của quân địch. Mặt khác, trong khi ta dồn sức tiến công vào các đô thị, địch đã chuyển hướng phản kích, tiến công mạnh ở vùng nông thôn của ta, làm cho lực lượng của ta bị tổn thất nặng, vùng giải phóng bị thu hẹp, lực lượng chủ lực bị đẩy ra xa khỏi địa bàn quan trọng. Phong trào gặp nhiều khó khăn, nhất là ở Nam Bộ.

Sau đợt 3, khi thấy bộ đội ta bị thiệt hại nhiều, đồng chí Nguyễn Văn Linh, Phó Bí thư Trung ương Cục kiêm Bí thư Đảng uỷ “khu trọng điểm” đã cùng với một số đồng chí trực tiếp lãnh đạo cuộc tổng tiến công, đã điện về Trung ương, xin cho rút quân sớm để giảm bớt tổn thất, một là vì lực lượng quân sự của địch đang trội hơn ta, ta chưa đủ sức diệt gọn chúng, hai là vì yếu tố bất ngờ không còn nữa, nếu cứ đánh tới thì sẽ mất hết lực lượng.

Đồng chí phân tích với anh em: “Bây giờ thằng địch tự thấy tương quan nó hơn mình chớ không phải nó hoang mang vì thấy nguy cơ tới nơi như hồi đợt 1 Mậu Thân đâu. Nếu bây giờ mình để nó tĩnh lại nó đánh vào nông thôn thì mình gặp khó khăn hơn, cho nên mình phải chủ động vừa đứng vững ở nông thôn, vừa khôi phục lại các lực lượng Đảng, kể cả quân sự địa phương, quân du kích ở các vùng đô thị”¹.

1. Hồi ký của đồng chí Châu Quốc Tuấn, nguyên Chánh Văn phòng Trung ương Cục miền Nam. In trong: *Nguyễn Văn Linh, nhà lãnh đạo kiên định và sáng tạo*, *Sđd*, tr.378.

Đúng là lúc đó, địch vừa đẩy mạnh “bình định cấp tốc” vùng nông thôn, vừa đánh phá cơ sở của ta ở đô thị. Nếu ta không sớm rút lui để củng cố địa bàn nông thôn, khôi phục lực lượng đô thị thì sẽ không làm nổi nhiệm vụ trong tổng khởi nghĩa trong Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975.

Trong khi chỉ đạo chiến đấu, một tư tưởng xuyên suốt của đồng chí Nguyễn Văn Linh, luôn luôn được đồng chí nhắc đến là *vai trò của con người, của quần chúng nhân dân* trong đấu tranh cách mạng. Do đó, đồng chí luôn luôn nhắc nhở:

- Đánh địch, nhưng phải luôn luôn bảo tồn lực lượng của ta.

- Cán bộ, chiến sĩ phải bám dân, bám đất để hoạt động.

- Thực hiện tiến công quân sự phải kết hợp với nổi dậy của quần chúng.

Một trong những nguyên nhân làm cho cuộc tổng tiến công và nổi dậy năm 1968 chưa đạt kết quả mỹ mãn là do ta chưa thực hiện được phương châm *tiến công kết hợp với nổi dậy*, hoặc đúng hơn là lực lượng quân sự của ta lúc đó chưa đủ mạnh áp đảo kẻ thù nên chưa đủ sức hỗ trợ cho quần chúng nổi dậy mạnh mẽ như mong muốn.

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân năm 1968, là một thắng lợi vô cùng to lớn; nhưng cũng có một số mục tiêu đề ra không đạt được và lực lượng của ta bị tổn thất nặng nề, do chúng ta có một số khuyết

điểm: "Chủ quan trong việc đánh giá tình hình, cho nên ta đã đề ra yêu cầu chưa thật sát với tình hình thực tế; nhất là sau đợt tiến công Tết Mậu Thân ta đã không kịp thời kiểm điểm và rút kinh nghiệm ngay, nhằm đánh giá lại tình hình và có chủ trương chuyển hướng kịp thời; ta chậm thấy những cố gắng mới của địch, những khó khăn lúc đó của ta, không đánh giá hết âm mưu địch trong kế hoạch bình định nông thôn"¹, nhằm giành lại những vùng đã mất. Ta cứ đánh mãi trong khi chúng ta đã bị tiêu hao nặng, mất dân, mất đất nhiều. Sau Tết Mậu Thân, "ta chuyển chậm, chủ trương tiếp tục các đợt tiến công vào đô thị khi không còn điều kiện là sai lầm về chỉ đạo chiến lược, để địch gây cho ta nhiều khó khăn, tổn thất"².

Tuy nhiên cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 là một đòn tiến công bất ngờ lớn đánh vào các trung tâm sào huyệt của Mỹ - ngụy. Ta đã thắng rất lớn mà lớn nhất là "làm lung lay ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ", tạo nên bước ngoặt quyết định của chiến tranh.

"Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân (1968) vẫn giữ một vị trí rất to lớn và oanh liệt trong

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t. 34, tr. 215-216.

2. Điện của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 21.

cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam anh hùng"¹.

4. Củng cố lực lượng, tạo thời cơ, tiến tới giải phóng hoàn toàn miền Nam

Sau cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân năm 1968, tình hình chiến trường miền Nam gặp nhiều khó khăn. Địch phản công rất quyết liệt, quân ta phải rút lui về sát biên giới Campuchia. Trung ương Cục miền Nam đã gấp rút chỉ thị cho các quân khu, các chiến trường là phải củng cố sức chiến đấu, phải bám dân, dựa vào dân để tồn tại và phát triển.

Từ ngày 16 đến ngày 31-10-1968, Bộ Chính trị Trung ương Đảng triệu tập Hội nghị bàn về đẩy mạnh đấu tranh chính trị, quân sự, ngoại giao ở miền Nam. Trung ương Cục cử đồng chí Nguyễn Văn Linh, Phó Bí thư Trung ương Cục và đồng chí Trần Độ, Phó Chính uỷ Bộ Chỉ huy quân sự Miền ra báo cáo.

Được tin có cán bộ từ miền Nam ra, ngày 25-10, Bác Hồ liên cho gọi vào báo cáo tình hình và giữ lại ăn cơm. Cùng được dự cơm với Bác còn có đồng chí Vũ Kỳ. Hôm đó, Bác Hồ rất vui, tuy hỏi đó Người đã yếu nhưng vẫn cố gắng ăn hết hai lưng bát cơm, như để qua các anh về nói lại cho đồng bào miền Nam yên tâm! Sau khi ra về,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t. 34, tr. 216.

được đồng chí Vũ Kỳ cho biết, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã không cầm được nước mắt.

Phát biểu tại Hội nghị Bộ Chính trị về phương châm đánh và đàm, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, đánh là chính, vừa đánh vừa đàm để chia rẽ địch, đàm là để phục vụ cho đánh, kết hợp giữa đánh với đàm phải hết sức uyển chuyển, trước hết phải giành thế mạnh mới có điều kiện đàm phán, tránh sa đà, mớ hồ vào việc giải quyết tình hình thông qua đàm phán¹.

Việc ta mở ra quá trình tiếp xúc đàm phán với Mỹ để tìm cách kết thúc chiến tranh, bạn bè quốc tế có người chưa nhất trí với ta, cho rằng làm như vậy là mắc mưu địch, là trao quyền chủ động cho Mỹ, v.v.. Theo ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh một đoàn đại biểu Đảng ta do Thủ tướng Phạm Văn Đồng dẫn đầu, có đồng chí Nguyễn Văn Linh từ chiến trường ra, sang thăm Trung Quốc. Ngày 15-11, đoàn được Thủ tướng Chu Ân Lai tiếp, ngày 17-11-1968, được Chủ tịch Mao Trạch Đông tiếp. Sau khi nghe đồng chí Nguyễn Văn Linh, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Bí thư Trung ương Cục miền Nam, từ chiến trường sang trực tiếp thông báo tình hình, các đồng chí Trung Quốc đã thay đổi lập trường, tán thành quan điểm của Đảng ta vừa đánh vừa đàm, tiếp tục chi viện cho cả miền Nam và

1. Xem *Lịch sử biên niên Xứ ủy Nam Bộ và Trung ương Cục miền Nam (1954 - 1975)*, *Sđd*, tr.690.

miền Bắc. Chủ tịch Mao Trạch Đông nói: “Chúng tôi tán thành phương châm của các đồng chí vừa đánh, vừa đàm. Có một số đồng chí lo các đồng chí sẽ mắc lừa Mỹ, nhưng tôi nói là không lo đâu. Trong chiến đấu, các đồng chí đã tìm ra được quy luật của chiến tranh, trong đàm phán các đồng chí cũng sẽ tìm ra được quy luật tiếp xúc với đế quốc Mỹ”.

Chính nhờ chuyến đi thăm này mà phía Trung Quốc đã hiểu rõ hơn quan điểm của ta, ủng hộ chủ trương của ta “vừa đánh, vừa đàm”. Cuối chuyến đi, Chủ tịch Mao Trạch Đông có nói với đồng chí Nguyễn Văn Linh: “Việt Nam đánh cũng giỏi mà đàm cũng giỏi”¹.

Sau chuyến đi thăm Trung Quốc và Liên Xô trở về, khoảng trung tuần tháng 11-1968, đồng chí Nguyễn Văn Linh trở lại miền Nam.

Là một trong những người lãnh đạo chủ chốt của Trung ương Cục, dù bận nhiều việc nhưng đồng chí Nguyễn Văn Linh vẫn chăm lo đến đời sống của anh chị em trong cơ quan Trung ương Cục. Đồng chí đã chỉ đạo cho các cán bộ ở Ban Tuyên huấn lập một thư viện nhỏ để anh em có sách báo đọc thường xuyên. Sách được chuyển từ miền Bắc vào, hoặc do các đường dây bí mật trong nội thành cung cấp. Trong thư viện có những quyển sách hay của các tác giả như Đôxtôievski, G.P. Xáctơ,

1. *Nguyễn Văn Linh, nhà lãnh đạo kiên định và sáng tạo*, Sđd, tr.161.

A. Camuy, H. Hécxơ, E.M. Rômacơ, v.v.. Đồng chí cũng là một độc giả thường xuyên của thư viện. Đồng chí nhắc nhở các đồng chí phụ trách thư viện phải chú ý bổ sung sách mới để thư viện ngày càng phong phú, anh em có nhiều sách đọc¹.

Nói chuyện với lớp học do Trung ương Cục tổ chức, đồng chí Nguyễn Văn Linh yêu cầu các cán bộ phải coi trọng công tác dân vận, phải làm tốt công tác vận động quần chúng, nhất là trong những lúc cách mạng gặp khó khăn. Đồng chí nói: "Là cán bộ cách mạng phải biết làm công tác dân vận trong mọi điều kiện cả khi ta thắng, cả khi ta không thắng. Nếu cứ chờ có thắng lợi mới động viên giáo dục quần chúng, gặp lúc cách mạng thoái trào thì các đồng chí bó tay đầu hàng không làm công tác dân vận hay sao?"².

Đồng chí Nguyễn Văn Linh rất quan tâm tới công tác vận động thanh niên, nhất là học sinh - sinh viên. Với cương vị Phó Bí thư Trung ương Cục, đồng chí đã cho nhiều ý kiến chỉ đạo đối với phong trào học sinh, sinh viên. Đồng chí căn dặn: bên cạnh khẩu hiệu chính trị chung, phải hết sức chú ý đến các khẩu hiệu đòi quyền lợi thiết thân trên nhiều mặt với đại đa số học

1. Xem Thanh Thảo: *Tủ sách trong rừng của anh Mười Cúc*, báo Văn nghệ, số 18, ngày 2-5-1998.

2. Đinh Phong: *Nhớ anh nhiều*. In trong Nguyễn Văn Linh - hành trình cùng lịch sử, *Sđd*, tr. 359.

sinh, sinh viên và chú ý những khẩu hiệu phối hợp với các ngành, các giới. Nên có các hình thức đấu tranh cao, vừa và thấp. Chú ý những hình thức đấu tranh phân tán, đi vào quần chúng. Đừng để cho các phong trào “đầu voi, đuôi chuột”. Phải có kế hoạch làm cho phong trào vững và quyền lãnh đạo của ta được củng cố trong quá trình đấu tranh.

Có sự chỉ đạo của đồng chí Nguyễn Văn Linh và Trung ương Cục, phong trào học sinh, sinh viên mở rộng sang lĩnh vực đấu tranh chống chính sách văn hoá thực dân mới nhằm đầu độc và truy lạc hoá thanh niên của Mỹ - Thiệu; lôi cuốn học sinh, sinh viên tham gia chương trình cứu trợ đồng bào bị nạn lụt ở miền Trung (10-1970); tuần lễ vận động nữ thanh niên mặc áo dài, giữ gìn truyền thống văn hoá dân tộc; tuần lễ ra quân kỷ niệm Hai Bà Trưng, Trần Văn Ôn, Nhất Chi Mai; bắt liên lạc với phong trào thanh niên Mỹ đốt thẻ quân dịch... Các cuộc vận động này đã tạo ra luồng sinh khí mới trong phong trào học sinh, sinh viên.

Giữa tháng 8-1969, đồng chí Nguyễn Văn Linh lại được cử ra Bắc báo cáo tình hình với Bộ Chính trị. Chủ tịch Hồ Chí Minh lúc này đã mệt nặng, nhưng Người vẫn cho gọi đồng chí vào gặp. Người hỏi đồng chí về chiến dịch "bình định cấp tốc" mà Mỹ - ngụy đang tiến hành ở miền Nam. Người căn dặn: "Bất cứ trong tình huống nào cũng phải *bám chắc lấy dân, dựa vào dân để mà tồn tại*... Đó là cái chìa khoá của

mọi thắng lợi"¹. Trước khi Người mất, đồng chí là đại diện duy nhất của Trung ương Cục miền Nam cùng với Bộ Chính trị Trung ương Đảng gặp Bác. Bác nhìn đồng chí không nói gì mà chỉ nắm chặt tay. Cảm tưởng của đồng chí sau đó là: "Qua cái nắm tay, tôi hiểu rằng, đây không phải là Bác bắt tay cá nhân tôi, mà qua tôi Bác muốn tỏ rằng, miền Nam luôn trong trái tim Bác. Bác tin tưởng vào nhân dân miền Nam nhất định thắng lợi". Sau khi dự lễ tang Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng chí Nguyễn Văn Linh lên đường trở về miền Nam (9-1969).

Nhằm đánh bại kế hoạch bình định và âm mưu "Việt Nam hoá chiến tranh" của địch, tháng 11-1970 Trung ương Cục tổ chức Hội nghị lần thứ 10, đồng chí Nguyễn Văn Linh, Phó Bí thư Trung ương Cục dự Hội nghị. Hội nghị đã đánh giá toàn bộ tình hình địch và ta từ khi Mỹ xuống thang đến nay, nhất là trong năm 1970, kiểm điểm sự lãnh đạo và chỉ đạo của Trung ương Cục thời gian qua, xác định nhiệm vụ chiến lược, phương châm và bước đi của phong trào trong thời gian tới; đề ra nhiệm vụ trước mắt, phương hướng tăng cường, cải tiến các mặt công tác và tổ chức thực hiện cho phù hợp với tình hình mới.

Đầu năm 1971, Trung ương Cục điều đồng chí Võ Văn Kiệt, Bí thư Thành uỷ Sài Gòn - Gia Định làm

1. Vũ Kỳ: *Bác Hồ viết Di chúc*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1989, tr.94.

Bí thư Khu uỷ miền Tây Nam Bộ (Khu IX) và đồng chí Nguyễn Văn Linh, Phó Bí thư Trung ương Cục kiêm nhiệm Bí thư Thành uỷ Sài Gòn - Gia Định. Tháng 2-1971, đồng chí đã triệu tập cuộc họp Thường vụ để nghiên cứu tình hình thành phố và đề ra những công tác trước mắt, nhằm đưa cuộc đấu tranh của nhân dân lên cao hơn nữa. Sau cuộc họp này, Thành uỷ đã mở hội nghị cán bộ, nhằm thống nhất nhận thức và quan điểm chỉ đạo công tác tổ chức, xây dựng lực lượng của các quận cho phù hợp với tình hình mới. Công tác chỉ đạo của Đảng ở quận là phải bám được địa bàn và quần chúng, phát triển lực lượng quần chúng theo nguyên tắc: *hết mức, hết khả năng*; tập trung đặc biệt vào các khu trọng điểm; tập hợp quần chúng là nhiệm vụ chủ yếu của cán bộ hạt nhân nòng cốt; lực lượng phải tổ chức theo hai loại: *khu vực cư trú và nghề nghiệp xã hội*, xây dựng cho được lực lượng xung kích, nòng cốt trong đấu tranh, xây dựng lực lượng chính trị và đấu tranh chính trị là chính. Hoạt động vũ trang (tự vệ, du kích) tiến hành trong phạm vi có thể được.

Từ tháng 8 đến tháng 10-1971, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã cùng Đảng bộ Sài Gòn - Gia Định lãnh đạo, chỉ đạo các ban, ngành, đoàn thể tổ chức phong trào "chống bầu cử gian lận" của chính quyền Nguyễn Văn Thiệu, với mục đích là buộc đế quốc Mỹ phải loại bỏ Thiệu; đồng thời giúp đỡ cho lực lượng nòng cốt của ta và những người có cảm tình với cách mạng, có lập

trường tiến bộ ra tranh cử. Đồng chí Lê Duẩn thay mặt Bộ Chính trị đã gửi thư và đánh giá cao những hoạt động của Thành uỷ trong công tác chỉ đạo đấu tranh chống bầu cử gian lận¹.

Tháng 12-1971, đồng chí Nguyễn Văn Linh và Ban lãnh đạo Thành uỷ đã tổ chức Hội nghị cán bộ nội thành lần thứ tư. Hội nghị có hơn 100 cán bộ nội thành đại diện cho các quận, ngành, đoàn thể, các đồng chí hoạt động lâu năm ở Sài Gòn cùng đại biểu của Trung ương Cục về dự Hội nghị. Hội nghị kiểm điểm công tác chỉ đạo từ Hội nghị cán bộ nội thành lần thứ ba (6-1968); nghe báo cáo việc thực hiện Nghị quyết lần thứ tư của Thành uỷ về công vận, về hoạt động vũ trang, về xây dựng lực lượng cách mạng... và nghiên cứu Nghị quyết Hội nghị lần thứ 11 của Trung ương Cục...

Thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị và Quân uỷ Trung ương chuẩn bị mở cuộc tiến công chiến lược năm 1972, tạo bước chuyển biến cơ bản làm thay đổi cục diện chiến tranh, từ tháng 1 đến tháng 2-1972, Thành uỷ mở Hội nghị lần thứ năm (Bình Giã V). Hội nghị này còn là một cuộc đấu tranh tư tưởng chống lại những khuynh hướng tiểu tư sản trên mọi lĩnh vực công tác, chỉ đạo và vận động cách mạng ở thành phố. Đồng chí Nguyễn Văn Linh, Phó Bí thư Trung ương Cục

1. Thư đồng chí Lê Duẩn gửi Thành uỷ Sài Gòn - Gia Định, ngày 29-11-1971.

kiêm Bí thư Thành uỷ đã chủ trì Hội nghị và phát biểu ý kiến vào hai ngày 14 và 15-1-1972.

Để có nhận thức đúng về giai cấp và đấu tranh giai cấp trong cuộc cách mạng ở miền Nam, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã nhận định rằng, giai cấp công nhân miền Nam không bị dịch mua chuộc và phong trào công nhân cũng không mang tính chất cải lương như một số đồng chí đã đánh giá. Có sự đánh giá sai lầm đó là do chỉ nhìn hiện tượng bề ngoài mà không thấy những kiểu bóc lột tinh vi của chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam. Đồng chí nói: “Đa số phát tử xuống đường đấu tranh quyết liệt lật đổ Diệm - Nhu là những công nhân lao động chứ không phải ai khác. Những cuộc đấu tranh của công nhân cảng Sài Gòn, công nhân các hãng của Mỹ... đã làm tê liệt các bến tàu, các công trình xây dựng, các xí nghiệp, đã làm chấn động bọn dịch và lôi kéo được phong trào học sinh - sinh viên cùng các tầng lớp khác. Người công nhân chủ động đứng lên giành quyền sống của họ, giành lại miếng cơm manh áo, phải chăng điều đó chỉ có ý nghĩa kinh tế? Năm 1917, Lênin đưa ra khẩu hiệu: "Ruộng đất, bánh mì". Năm 1945 trong khởi nghĩa Tháng Tám, Đảng ta kêu gọi "Phá kho thóc cứu đói", chẳng lẽ đó cũng là đấu tranh kinh tế sao? Những khẩu hiệu đó thật ra đã mang nội dung chính trị sâu sắc. Hơn nữa, cũng đừng thấy người công nhân mặc áo nilon, đi xe gắn máy mà cho họ là "thoái hoá", "biến chất". Có ý kiến cho rằng phong trào đấu

tranh của công nhân ở Sài Gòn - Chợ Lớn mang màu sắc cải lương là không có cơ sở”. Đồng chí chỉ rõ: “Từ năm 1954 - 1957, phong trào công nhân khá cao vì ta còn có các đảng viên là công nhân lao động lãnh đạo, sau đó phong trào bị mất các nòng cốt cho nên suy giảm. Thành uỷ chưa coi trọng phong trào công nhân, đã khoán trắng cho Ban Công vận. Anh em Ban Công vận đã ít người lại không hiểu rõ những chuyển biến của người công nhân và phong trào công nhân cho nên phong trào càng suy yếu thêm. Trách nhiệm này không chỉ riêng Thành uỷ mà cả Trung ương Cục nữa, trong đó có cả bản thân tôi”¹.

Trong Hội nghị này, đồng chí Nguyễn Văn Linh còn phát biểu một số ý kiến về công tác mặt trận, về phương châm công tác công khai, bí mật; cách tổ chức phong trào quần chúng; mối quan hệ giữa thế và lực, giữa phong trào và tổ chức; quan hệ giữa nông thôn và đô thị; về công tác cán bộ, công tác xây dựng Đảng; vấn đề người Hoa; một số tình hình quốc tế, v.v..

Về phương hướng và công tác của Đảng bộ trong năm 1972, Nghị quyết Bình Giã V nêu rõ: "Mục tiêu chủ yếu của cách mạng ở Sài Gòn 1972 là thực hiện cho kỳ được một cao trào chính trị, tiến tới một cuộc bùng nổ

1. Ban Chấp hành Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam thành phố Hồ Chí Minh: *Lịch sử Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam thành phố Hồ Chí Minh* (sơ thảo), *Sđd*, t. 2 (1954 - 1975), tr. 305-306.

cách mạng, kết hợp chặt chẽ giữa việc khẩn trương đưa phong trào lên một cách căn cơ với việc khai thác thật nhạy bén, triệt để khi thời cơ xuất hiện"¹.

Hội nghị Bình Giã V đã đề ra chín công tác chủ yếu cho năm 1972, đồng thời bổ sung thêm một số thành uỷ viên và hai phó bí thư Thành uỷ là đồng chí Trần Bạch Đằng và Mai Chí Thọ.

Ngày 10-3-1972, trong bức điện gửi Trung ương Cục, Bí thư thứ nhất Lê Duẩn có nhận định cho rằng: Xu thế của tình hình trong thời gian sắp tới có thể dẫn đến những thay đổi mạnh mẽ, những bước phát triển nhảy vọt về chính trị ở Sài Gòn và các thành thị lớn ở miền Nam, phong trào đấu tranh chính trị ở Sài Gòn có khả năng phát triển thành cao trào cách mạng quyết liệt, rộng lớn. Trong cao trào đó, ta phải:

- Xây dựng được đội quân chính trị quần chúng thật đông đảo.

- Giành quyền làm chủ ở các cơ sở và trong các ngành càng nhanh, càng nhiều, càng rộng bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu.

Để thực hiện những ý kiến chỉ đạo của Trung ương Đảng và Nghị quyết Hội nghị Bình Giã V, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã chỉ đạo Thành uỷ họp bàn kế hoạch thực hiện, nêu lên ba mục tiêu cho Đảng bộ phải

1. Ban Chấp hành Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam thành phố Hồ Chí Minh: *Lịch sử Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam thành phố Hồ Chí Minh* (sơ thảo), *Sđd*, t. 2 (1954 - 1975), tr. 306.

thực hiện là: xây dựng một đội quân chính trị đông và mạnh; xây dựng đội ngũ hạt nhân lãnh đạo mạnh; giành quyền làm chủ ở cơ sở khi có điều kiện. Nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng trong tình hình mới, Thành uỷ đã ra Nghị quyết chuyên đề về xây dựng Đảng (3-1972). Tháng 6-1972, Thành uỷ ra Chỉ thị 07/CT nhằm tiếp tục đẩy mạnh phong trào chống bắt lính dôn quân, bảo vệ thanh niên trốn lính và lính trốn, đòi các quyền lợi dân sinh, dân chủ, tích cực phá kìm kẹp, xây dựng thể làm chủ của quần chúng lao động. Với chủ trương này, nhiều thanh niên trốn lính đã được tổ chức bảo vệ chu đáo và trở thành một trong những lực lượng ở cơ sở để nổi dậy sau này. Nhằm nâng cao chất lượng công tác lãnh đạo của Đảng ở đô thị, Thành uỷ đã ra Chỉ thị 08/CT (7-1972) nhằm “đẩy mạnh phong trào đấu tranh và công tác xây dựng thực lực ở đô thị, sẵn sàng giành thắng lợi lớn nhất trong thời gian tới”. Chỉ thị đề ra bốn mục tiêu phải đạt được là giành quyền làm chủ ở xóm lao động, tập hợp được quần chúng vào các tổ chức cách mạng, hình thành mặt trận đấu tranh rộng rãi của nhân dân và xây dựng Đảng bộ vững mạnh về mọi mặt. Tháng 8-1972, Thành uỷ ra tiếp Chỉ thị 09/CT, chia nông thôn ngoại thành thành ba vùng: vùng ven đô, vùng trung tuyến và vùng ngoại ô. Cả ba vùng là một thể thống nhất, hỗ trợ nhau, gắn bó với nhau một cách toàn diện cả về kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, quân sự. Để đẩy mạnh công tác báo chí cách mạng ở Sài

Gòn - Gia Định, tháng 7-1972, Thành uỷ mở Hội nghị *bàn về việc đẩy mạnh phong trào báo chí cách mạng*, đánh giá phát triển của công tác báo chí từ năm 1970 đến tháng 6-1972, rút kinh nghiệm chỉ đạo và thống nhất lề lối làm việc giữa các ngành với báo chí. Đây là hội nghị chỉ đạo báo chí đầu tiên của Thành uỷ trong kháng chiến chống Mỹ.

Từ ngày 14 đến ngày 17-7-1972, Trung ương Cục đã tổ chức Hội nghị chuyên đề *bàn về công tác lãnh đạo của Đảng bộ Sài Gòn - Gia Định*. Đồng chí Nguyễn Văn Linh, Phó Bí thư Trung ương Cục kiêm Bí thư Thành uỷ, đã báo cáo tình hình của Sài Gòn - Gia Định, Nghị quyết Hội nghị Thành uỷ và kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết. Đồng chí đề nghị Trung ương Cục sắp xếp lại tổ chức, phân rõ địa giới của Sài Gòn - Gia Định và các tỉnh miền Đông Nam Bộ, điều động thêm một số cán bộ cho Thành uỷ. Ý kiến của đồng chí đã được Trung ương Cục chấp thuận.

Theo quyết định của Trung ương Cục và Quân uỷ Miền, từ tháng 8-1972 địa bàn của Đảng bộ thành phố Sài Gòn - Gia Định bao gồm Đô thành Sài Gòn và các huyện của tỉnh Gia Định, trong đó có Củ Chi. Về quân sự, lập lại Bộ Chỉ huy quân sự T4. Ở nội đô, lập thêm hai liên quận và một quận độc lập. Văn phòng Thành uỷ từ biên giới Campuchia chuyển về gần thành phố (làng 18 Bến Cát). Thành uỷ được tổ chức lại. Ban giao liên T4 được tăng cường thêm các phương tiện giao thông và

diện đài loại mới. Quân khu T4 cũng nhanh chóng được kiện toàn, kịp thời đưa một số đơn vị của quân khu xuống các huyện như Củ Chi, Hóc Môn, Thủ Đức để đẩy mạnh chiến tranh du kích, mở rộng vùng giải phóng, mở một hành lang từ Củ Chi lên căn cứ Trung ương Cục.

Bị thất bại nặng nề trong chiến dịch Xuân Hè 1972 và đặc biệt là thất bại trong trận tập kích chiến lược bằng máy bay B52 vào Hà Nội, chính quyền Mỹ phải tuyên bố ngừng ném bom, bắn phá miền Bắc, trở lại đàm phán với ta ở Pari. Ngày 27-1-1973, *Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam* được ký kết và có hiệu lực từ 9 giờ sáng ngày 28-1-1973. Đây là thắng lợi rất to lớn và quan trọng trong cuộc đấu tranh lâu dài chống Mỹ xâm lược của dân tộc ta. Thắng lợi của việc ký kết Hiệp định Pari đã tạo nên bước phát triển mới cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Ở miền Nam, chính quyền Nguyễn Văn Thiệu vẫn tiếp tục đẩy mạnh cuộc chiến tranh ở khắp nơi. Thiệu vẫn giữ lập trường bốn không: không nhượng đất, không trung lập, không liên hiệp và không nói chuyện với phía bên kia... Thiệu xua 60% quân chủ lực đi lấn chiếm các vùng giải phóng nhằm xoá thế “da báo” trên chiến trường. Chỉ sau hai tháng thi hành Hiệp định, do ta sơ hở, địch đã chiếm lại hầu hết các vùng ta vừa giải phóng được trước ngày 27-1-1973. Ở Sài Gòn - Gia Định, đến tháng 2-1973, địch đã chiếm lại các khu vực ven đô. Ngoài ra, Thiệu còn đẩy mạnh chiến tranh tình báo và

tâm lý, quyết tâm "tiêu diệt cộng sản đến cùng". Trong khi đó một số cán bộ của ta ở thành phố lại muốn "xả hơi", có người còn mơ hồ cho rằng địch không còn khả năng đánh lớn; khi địch lấn chiếm thì lại không kiên quyết đánh trả vì sợ vi phạm Hiệp định, v.v.. Một số cán bộ từ Trung ương phái vào lại phổ biến quan điểm hoà hợp dân tộc, thi đua hoà bình xây dựng đất nước giữa hai miền và đề ra "năm cấm chỉ" (cấm tấn công địch, cấm đánh địch đi càn quét lấn chiếm, cấm bắn pháo vào đồn, cấm bao vây đồn bốt địch, cấm xây dựng xã, ấp chiến đấu) đã làm cho tình hình đã phức tạp càng phức tạp thêm.

Với cương vị Phó Bí thư Trung ương Cục, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã phân tích rõ sự thay đổi trong so sánh lực lượng giữa ta và địch đang có lợi cho ta. Song địch vẫn ngoan cố bất chấp Hiệp định, vi phạm Hiệp định, cho nên cuộc chiến của ta vẫn phải kiên trì, tiếp tục. Đồng chí đã nghiêm khắc phê phán các quan điểm sai lầm và kịp thời chỉ đạo Đảng bộ Sài Gòn - Gia Định kiên quyết đánh trả khi chúng lấn chiếm vùng giải phóng. Đây là một chủ trương sáng suốt, đúng đắn của đồng chí, đã làm cho hình thái chiến trường trở lại như trước khi có Hiệp định. Do địch tăng thuế trong lúc đang diễn ra lạm phát, đồng bạc mất giá, vật giá leo thang, công nhân bị sa thải và thất nghiệp hàng loạt, lại thêm ngột ngạt vì sự kìm kẹp, đàn áp, bắt bớ, nạn đói thực sự xảy ra ở thành phố. Trước tình hình đó, đồng chí Nguyễn

Văn Linh kịp thời chỉ đạo cuộc vận động cứu đói, giúp đỡ tương trợ lẫn nhau, "lá lành đùm lá rách", giữ vững và bảo tồn lực lượng cách mạng, đón thời cơ mới.

Đầu năm 1973, đồng chí Nguyễn Văn Linh giao trọng trách Bí thư Thành uỷ Sài Gòn - Gia Định cho đồng chí Mai Chí Thọ để dẫn đầu đoàn cán bộ B2 lên đường ra Hà Nội. Đoàn còn có các đồng chí: Võ Văn Kiệt, Bí thư Khu uỷ Khu IX, Trần Nam Trung phụ trách các tỉnh miền Đông Nam Bộ, Nguyễn Minh Đường, Bí thư Khu uỷ Khu VIII, Hoàng Văn Thái, Phó Bí thư Trung ương Cục, Tư lệnh B2¹. Tối 18-3-1973, Đoàn lên đường. Đến Hà Nội, Đoàn đã làm việc với đồng chí Lê Duẩn, Bí thư thứ nhất và các đồng chí trong Bộ Chính trị. Các đồng chí phụ trách từng khu vực đã báo cáo tình hình địa bàn mình phụ trách với đồng chí Bí thư thứ nhất và các đồng chí trong Bộ Chính trị. Đồng chí Nguyễn Văn Linh, Phó Bí thư Trung ương Cục, phụ trách khu vực Sài Gòn - Gia Định đã báo cáo về lực lượng chính trị và phong trào đấu tranh chính trị ở đô thị và nông thôn Nam Bộ, nhất là nội thành và vùng ven Sài Gòn. Đoàn cán bộ B2 còn có những buổi làm việc với các đồng chí trong Quân uỷ Trung ương².

Ngày 24-5-1973, Bộ Chính trị họp Hội nghị mở rộng

1, 2. Xem Hoàng Văn Thái: *Những năm tháng quyết định*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1985, tr. 24-25, 66.

nhằm kiểm điểm tình hình cách mạng miền Nam trong 18 năm qua và đề ra phương hướng đấu tranh trong thời gian tới. Tham gia Hội nghị còn có đại biểu các chiến trường như: đoàn cán bộ B2 do đồng chí Nguyễn Văn Linh dẫn đầu; đoàn Trị Thiên do đồng chí Trần Hữu Dực; đoàn Khu V do đồng chí Võ Chí Công, Chu Huy Mân dẫn đầu¹.

Tháng 7-1973, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 21 đánh giá thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và đề ra nhiệm vụ cho cách mạng miền Nam trong giai đoạn mới. Trung ương nhấn mạnh: Dù phát triển theo khả năng nào, con đường cách mạng miền Nam vẫn là con đường bạo lực cách mạng. Bất kể trong tình hình nào cũng phải nắm vững thời cơ, giữ vững đường lối chiến lược tiến công và chỉ đạo linh hoạt để đưa cách mạng miền Nam tiến lên... Hội nghị chỉ rõ phương châm đấu tranh quân sự là: "Kiên quyết phản công và tiến công, giữ vững và phát huy thế chủ động về mọi mặt của ta, đánh bại các cuộc hành quân của địch lấn chiếm vùng giải phóng hoặc "bình định" các "vùng giáp ranh". Việc vận dụng phương châm trên phải gắn liền với yêu cầu giành dân và giành quyền làm chủ, nhằm giành lấy thế mạnh để thắng địch"².

Chấp hành Nghị quyết của Hội nghị Trung ương lần

1. Xem Hoàng Văn Thái: *Những năm tháng quyết định*, Sđd, tr. 73.

2. *Những sự kiện lịch sử Đảng*, Nxb. Thông tin lý luận, Hà Nội, 1985, t. 3, tr. 698-699.

thứ 21, dưới sự lãnh đạo chặt chẽ, sát sao của đồng chí Nguyễn Văn Linh và của Thành uỷ Sài Gòn - Gia Định, phong trào nhân dân hưởng ứng hoà bình với những nguyện vọng đòi giải quyết đời sống, đòi dân chủ và hoà hợp dân tộc... lan rộng và nổ ra ở khắp nơi trong thành phố với nhiều hình thức phong phú. Trong phong trào chung đó, nổi bật là phong trào của công nhân và nhân dân lao động, đấu tranh đòi tăng lương, đòi tự do nghiệp đoàn, chống sa thải... Tuy nhiên, phong trào của học sinh - sinh viên và các tầng lớp trung gian chưa được coi trọng đúng mức. Đồng chí Nguyễn Văn Linh đã thấy được hạn chế đó và kịp thời chỉ đạo Thành uỷ chú trọng hơn về mặt này. Trên địa bàn thành phố, phong trào du kích cũng phát triển mạnh, các đơn vị đã đánh trên 50 trận lớn nhỏ, diệt hàng trăm tên địch. Để xây dựng Đảng bộ vững mạnh, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã chỉ đạo Thành uỷ mở nhiều lớp đào tạo chính trị và chuyên môn cho hơn 1.000 cán bộ và quần chúng cách mạng. Tính đến cuối năm 1973, Thành uỷ đã mở được 23 lớp đào tạo cán bộ chính trị và 22 lớp đào tạo cán bộ chuyên môn cho gần 1.400 cán bộ và quần chúng cách mạng ở thành phố¹.

Tháng 8-1973, Trung ương Cục mở Hội nghị cán bộ

1. Xem Ban Chấp hành Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam thành phố Hồ Chí Minh: *Lịch sử Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam thành phố Hồ Chí Minh* (sơ thảo), *Sđđ*, t. 2 (1954 - 1975), tr. 345.

phụ vận đô thị toàn miền lần thứ nhất, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã đến dự và có bài phát biểu quan trọng.

Sau khi đánh giá về thắng lợi của cách mạng Việt Nam nói chung, về thắng lợi ở miền Nam nói riêng; phân tích chỗ mạnh, chỗ yếu của ta và địch, đồng chí đã nêu lên khả năng diễn biến của tình hình sắp tới: *một là*: Hiệp định được thi hành từng bước, xung đột quân sự giảm dần, hoà bình được lập lại về cơ bản, đấu tranh chính trị ngày càng phát triển, cách mạng ở thế tiến lên mạnh mẽ; *hai là*: địch gây chiến tranh trở lại, ta phải tiến hành chiến tranh cách mạng để giành thắng lợi. Vì vậy, *mục tiêu chiến lược* của ta là làm cho ngụy nhào, lật đổ chính quyền của tập đoàn tư sản mại bản, quan liêu quân phiệt. *Nhiệm vụ trước mắt của ta* là đấu tranh buộc địch thi hành Hiệp định, thi hành dân chủ, cải thiện dân sinh, bảo vệ quyền lợi hàng ngày của quần chúng, chống bình định nông thôn, chống địch càn quét, chống phát xít, độc tài, chống vợ vét ở đô thị, hàn gắn vết thương chiến tranh, xây dựng vùng giải phóng.

Đối với phong trào ở đô thị: Phải đẩy mạnh đấu tranh bảo vệ quyền lợi của quần chúng, qua phong trào mà phát động quần chúng đấu tranh, vạch mặt kẻ thù, làm cho quần chúng thấy rõ được những âm mưu và thủ đoạn của kẻ thù. Phát động lòng căm thù, nâng cao sự giác ngộ cách mạng của các tầng lớp quần chúng (công, nông, trí thức, học sinh - sinh viên, quân đội ngụy...). Thông qua phong trào đấu tranh, tập hợp lực lượng, tổ chức

quần chúng dưới nhiều hình thức, lập Mặt trận đoàn kết với hình thức thích hợp để lôi kéo lực lượng thứ ba, tiến lên lật đổ chính quyền tay sai bằng các phong trào chính trị có bạo lực của quần chúng và có vũ trang hỗ trợ. Kết hợp phong trào quần chúng ở đô thị với phong trào quần chúng ở nông thôn, nhất là nông thôn ven đô. Có sự chỉ đạo nhịp nhàng, khẩu hiệu đấu tranh phù hợp nhằm tập hợp lực lượng, đưa phong trào tiến lên.

Về phong trào phụ nữ ở đô thị, đồng chí nhấn mạnh, trong phong trào đấu tranh chính trị và vũ trang ở nông thôn cũng như đô thị, phụ nữ đóng một vai trò hết sức lớn lao vào thắng lợi chung. Đặc biệt ở đô thị, không phải chỉ có thanh niên, học sinh - sinh viên là ngòi pháo mà phụ nữ cũng là một mũi xung kích, là ngòi pháo của nhiều phong trào. Do vậy, vị trí của phong trào phụ nữ là rất lớn. Biết vận động phong trào phụ nữ tốt thì lực lượng cách mạng sẽ tiến lên.

Nhiệm vụ của phong trào phụ nữ ở đô thị cũng không thể tách rời khỏi nhiệm vụ chung của phong trào ở đô thị, đó là: lật đổ chính quyền tay sai. Muốn lật đổ phải có lực lượng, muốn có lực lượng phải có phong trào. Thông qua phong trào tập hợp lực lượng, tổ chức lực lượng, xây dựng nòng cốt, đấu tranh đòi thi hành Hiệp định, đòi dân sinh dân chủ, chống áp bức bóc lột. Cán bộ phụ nữ phải biết phát động quần chúng vạch mặt kẻ thù, biết kết hợp nhiều hình thức đấu tranh (công khai, bán công khai), hình thành mặt trận phụ nữ trong mặt

trận đại đoàn kết dân tộc.

Cũng trong năm 1973, chính quyền cách mạng và chính quyền Nguyễn Văn Thiệu thực hiện việc trao trả tù binh ở Lộc Ninh và Thạch Hãn. Đảng bộ Sài Gòn - Gia Định có thêm một số cán bộ, đảng viên thoát khỏi nhà tù trở về đội ngũ chiến đấu. Trước khi đi nhận công tác, Thường vụ Thành uỷ đã mở các lớp bồi dưỡng cho những đồng chí này. Đồng chí Nguyễn Văn Linh đã đến giảng bài cho các lớp học. Về phương pháp vận động cách mạng đối với tầng lớp nhân sĩ, trí thức, đồng chí nói: "Trí thức, nhân sĩ tinh lắm. Nếu mình vận động mà lừa bịp thì các vị đó biết ngay và như thế là có hại cho cách mạng. Phải nói rõ mục tiêu cuối cùng của cuộc đấu tranh cách mạng của chúng ta là giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trước mắt vận động các vị đó cùng ta đạt mục tiêu đấu tranh chống Mỹ, giành độc lập cho dân tộc và khi đó chúng ta hy vọng bà con sẽ đi chung đường với chúng ta đến mục tiêu cuối cùng... Người cách mạng phải kiên định vững tin con đường mình đi, thì mới đủ sức thuyết phục được các tầng lớp trên cùng đi vì ích nước, lợi nhà"¹.

Tháng 2-1974, dưới sự chỉ đạo của đồng chí Nguyễn

1. Trần Thị Lan: *Thư chú Mười*. In trong *Nguyễn Văn Linh - hành trình cùng lịch sử, Sđd*, tr. 276.

Văn Linh, Thành uỷ Sài Gòn - Gia Định họp Hội nghị lần thứ sáu, kiểm điểm sự chỉ đạo của Thành uỷ từ sau Tết Mậu Thân đến đầu năm 1974, rút ra những bài học kinh nghiệm và đề ra nhiệm vụ cho Đảng bộ thành phố trong năm 1974.

Tháng 9-1974, Thành uỷ Sài Gòn - Gia Định họp Hội nghị để quán triệt Nghị quyết của Bộ Chính trị *Về công tác đô thị ở miền Nam*. Thành uỷ nhận định: “Tình hình hiện nay đang có những chuyển biến mới, nhanh và đang tạo ra tình thế cách mạng ở đô thị. Đô thị Sài Gòn - Gia Định là chiến trường quyết định chiến lược cuối cùng ở miền Nam Việt Nam”¹. Thành uỷ cũng đề ra nhiệm vụ cụ thể cho vùng nội đô và ven đô, yêu cầu toàn Đảng bộ phải có quyết tâm và nỗ lực cao, chống tư tưởng ngại khó, chần chừ, cố thủ. Về mặt tổ chức, Thành uỷ chia làm hai bộ phận: (A) phụ trách đô thị, (B) phụ trách nông thôn. Sau Hội nghị này, Thành uỷ mở tiếp Hội nghị cán bộ nông thôn để uốn nắn những biểu hiện của tư tưởng hữu khuynh, xác định rõ nhiệm vụ cho vùng nông thôn và ven đô. Để kịp thời chỉ đạo ở nội đô và phối hợp với cuộc tiến công của quân chủ lực từ ngoài vào, đồng chí Phó Bí thư Trung ương Cục kiêm Bí thư Thành uỷ Nguyễn Văn Linh quyết định chuyển cơ quan Thành uỷ

1. Tư liệu của Tiểu ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng, Ban Văn hoá - Tư tưởng Thành uỷ thành phố Hồ Chí Minh. Bản sao lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

về Long Định - Long An cho gần thành phố hơn.

Dưới sự lãnh đạo toàn diện và sâu sát của Thành uỷ và sự chỉ đạo của đồng chí Nguyễn Văn Linh, toàn Đảng bộ và quân dân Sài Gòn - Gia Định đã sẵn sàng đi vào chiến dịch với khí thế sôi sục và quyết tâm cao hơn bao giờ hết.

Ngày 25-3-1975, Bộ Chính trị họp, hạ quyết tâm giải phóng miền Nam trước mùa mưa năm 1975, với phương châm chiến lược chủ yếu là tập trung lực lượng cả nước giải phóng hoàn toàn miền Nam. Ngày 29-3-1975, Trung ương Cục miền Nam ra Nghị quyết 15, "động viên toàn Đảng, toàn dân tập trung cao nhất mọi tinh thần và lực lượng của mình, phát huy cao độ sức mạnh tổng hợp, ba mũi giáp công, ba thứ quân, ba vùng; đứng lên tổng công kích, tổng khởi nghĩa, nhanh chóng đánh sập toàn bộ ngụy quân, ngụy quyền, giành toàn bộ chính quyền về tay nhân dân, với khí thế tiến công quyết liệt, thần tốc, táo bạo và quyết giành toàn thắng, giải phóng xã mình, huyện mình, tỉnh mình và toàn miền Nam"¹. Ngày 7-4-1975, đã diễn ra cuộc họp giữa Trung ương Cục, Quân uỷ và Bộ Tư lệnh Miền, có mặt các đồng chí lãnh đạo Trung ương Cục: Phạm Hùng, Nguyễn Văn Linh và các đồng chí Uỷ viên Bộ Chính

1. Ban Chấp hành Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam thành phố Hồ Chí Minh: *Lịch sử Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam thành phố Hồ Chí Minh* (sơ thảo), *Sđd*, t. 2 (1954-1975), tr. 350.

trị Lê Đức Thọ và Văn Tiến Dũng vừa vào chiến trường để bàn về tình hình và nhiệm vụ mới. Ngay chiều hôm đó, tại Lộc Ninh, đồng chí Lê Đức Thọ thay mặt Bộ Chính trị công bố quyết định của Trung ương Đảng thành lập Bộ Chỉ huy chiến dịch giải phóng Sài Gòn và thông qua phương án của chiến dịch. Đồng chí Nguyễn Văn Linh, Phó Bí thư Trung ương Cục miền Nam được giao nhiệm vụ phụ trách chỉ đạo công tác nổi dậy của quần chúng¹.

Nhận nhiệm vụ Trung ương giao phó, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã tiến hành công tác tổ chức và chuẩn bị kịp thời, chu đáo, như chuẩn bị cho kế hoạch nổi dậy của từng tầng lớp công nhân, thanh niên, học sinh - sinh viên, trí thức, nội thành, ngoại thành, lo cờ, khẩu hiệu, loa, kèn, trống... Thành lập ra các ban để lãnh đạo từng bộ phận như Ban Phụ vận, Bình vận, Hoa vận, Trí vận...

- Ban Công vận: Tham gia khởi nghĩa chủ yếu là ở

1. Bộ Chỉ huy: Đại tướng Văn Tiến Dũng - Tư lệnh, đồng chí Phạm Hùng - Chính uỷ. Thượng tướng Trần Văn Trà, Trung tướng Lê Đức Anh phụ trách cánh quân phía tây; Trung tướng Lê Trọng Tấn phụ trách cánh quân phía đông; Trung tướng Đinh Đức Thiện - Phó Tư lệnh (phụ trách hậu cần); Thiếu tướng Lê Ngọc Hiền, phụ trách tác chiến; Trung tướng Lê Quang Hoà - Phó Chính uỷ kiêm Chủ nhiệm chính trị; đồng chí Võ Văn Kiệt chỉ đạo công tác tiếp quản sau giải phóng (Xem *Lịch sử Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định kháng chiến (1945 - 1975)*, Sđd, tr. 635-636).

khu phố, một bộ phận có nhiệm vụ chiếm lĩnh và bảo vệ các xí nghiệp nhà máy, không để cho địch phá hoại, lập các tổ tự vệ. Thành lập các ban cán sự đảng để lãnh đạo công nhân nổi dậy.

- Ban Thanh vận: Lực lượng vũ trang Thành đoàn có nhiệm vụ hỗ trợ cho quần chúng nổi dậy, ở các khu vực: Bàn Cờ, Vườn Chuối, Đa Kao, Tân Định, Phú Nhuận, Khánh Hội, Vĩnh Hội, Tân Phú, Bảy Hiền, một số có nhiệm vụ đánh địch phản kích ở một số điểm.

- Ban Hoa vận: Bố trí lãnh đạo khởi nghĩa ở 10 vùng trọng điểm thuộc quận 5, 6, 10 và 11, mỗi vùng cử về 5 cán bộ, tổ chức thành tiểu ban khởi nghĩa. Cán bộ Hoa vận đã vận động cơ sở may cờ, viết khẩu hiệu, vận động nhân dân ủng hộ tài chính cho cách mạng.

- Ban Phụ vận: Tổ chức các ban cứu phòng, tiếp tế, y tế, trật tự vệ sinh, mở lớp huấn luyện cứu thương, tổ chức đào hầm, chuẩn bị các cơ sở in ấn.

- Ban Binh vận: hướng dẫn cho đảng viên, quần chúng tham gia cảnh cáo nguy quyền, trừng trị ác ôn và tuyên truyền các chính sách của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam và của Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam.

- Ban Trí vận: hình thành các nhóm, chủ động theo dõi Đài Phát thanh Hà Nội và Đài Phát thanh giải phóng, kịp thời nắm chủ trương, chỉ đạo của ta và linh hoạt sáng tạo tìm cách làm suy yếu hàng ngũ địch, tập hợp lực lượng đánh đổ nguy quyền từ bên

trong đánh ra.

Ngoài ra, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã chỉ đạo xây dựng được 40 “lõm chính trị”, với 7.000 quần chúng, 400 tổ chức công khai, biến tướng với gần 25.000 quần chúng. Toàn thành phố tổ chức hàng chục cơ sở in ấn và in hàng triệu bản tài liệu, truyền đơn để phổ biến các chính sách của Mặt trận dân tộc giải phóng và Chính phủ lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam. Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện, sâu sát của đồng chí Nguyễn Văn Linh và Thành uỷ, toàn quân, toàn dân Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định đã đi vào chiến dịch với khí thế sôi sục và quyết tâm cao. Đây cũng là một nhân tố quan trọng quyết định cho thắng lợi của chiến dịch.

Ngày 26-4-1975, cuộc tổng tiến công của đại quân ta vào tuyến phòng thủ ngoại vi Sài Gòn - Gia Định bắt đầu.

Ngày 30-4-1975, Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử toàn thắng, đã kết thúc vẻ vang 30 năm chiến tranh giải phóng của dân tộc, bảo vệ Tổ quốc bắt đầu từ Cách mạng Tháng Tám, chấm dứt vĩnh viễn ách thống trị hơn một thế kỷ của chủ nghĩa đế quốc trên đất nước ta, làm cho Tổ quốc ta hoàn toàn độc lập, thống nhất, đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

*

* *

Cuộc đời hoạt động cách mạng của đồng chí Nguyễn Văn Linh gắn bó máu thịt với miền Nam. Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, đồng chí đã giữ những trọng trách khác nhau: Bí thư Thành uỷ Sài Gòn - Chợ Lớn, Bí thư Đặc khu uỷ Sài Gòn - Gia Định, Uỷ viên Thường vụ rồi quyền Bí thư Xứ uỷ Nam Bộ, Uỷ viên Trung ương Đảng khoá III, Bí thư Trung ương Cục miền Nam... Ở cương vị nào, làm công việc gì, đồng chí cũng đem hết trí tuệ, sức lực để cống hiến cho Đảng và nhân dân, đặt lợi ích chung của cách mạng lên trên lợi ích cá nhân, luôn luôn trau dồi kiến thức và lắng nghe ý kiến đồng bào, đồng chí, quan tâm tổng kết thực tiễn để làm sáng tỏ lý luận và góp phần xây dựng các quan điểm, đường lối của Đảng.

Dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, với trọng trách là Bí thư Trung ương Cục miền Nam, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã chủ trì và cùng với các đồng chí lãnh đạo khác lãnh đạo phong trào cách mạng miền Nam ở những thời điểm gay go nhất và cũng oanh liệt nhất, để lại những dấu ấn không phai mờ, từ cuộc “đồng khởi” đến những năm tháng ác liệt nhất của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Khi ở bưng biền cũng như khi ở trong căn cứ nội thành, đồng chí luôn kiên cường "bám trụ", sát cánh cùng đồng bào, chiến sĩ, tin tưởng tuyệt đối vào dân, vừa lãnh đạo vừa chiến đấu, vừa kiên trì xây dựng, phát triển phong trào yêu nước và lực lượng

cách mạng. Hình ảnh anh Mười Cúc trong bộ quần áo bà ba, khuôn mặt hiền từ, dáng đi nhanh nhẹn, giọng nói ấm áp, mộc mạc nhưng giàu tình cảm còn in đậm mãi trong ký ức của đồng bào, đồng chí miền Nam. Thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc là do công lao chung của toàn Đảng, toàn dân ta trong đó có công lao to lớn của đồng chí Nguyễn Văn Linh.

Chương VI

MỘT NHÀ LÃNH ĐẠO KIÊN ĐỊNH, SÁNG TẠO TRONG TÌM TÒI ĐỔI MỚI (1975 - 1986)

Sau ngày miền Nam Việt Nam hoàn toàn giải phóng (30-4-1975), đồng chí Nguyễn Văn Linh được Bộ Chính trị cử làm Bí thư Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh. Tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV (12-1976), đồng chí được bầu lại vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng, được Trung ương bầu vào Bộ Chính trị và Ban Bí thư Trung ương. Sau Đại hội IV, từ tháng 4-1977, đồng chí thôi giữ chức Bí thư Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh để giữ các chức vụ: Trưởng ban cải tạo xã hội chủ nghĩa Trung ương; Trưởng ban Dân vận - Mặt trận Trung ương rồi làm Chủ tịch Tổng Công đoàn Việt Nam cho đến năm 1980. Từ năm 1980 đến năm 1981, đồng chí được phân công theo dõi thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng và Chính phủ tại các tỉnh miền Nam. Tháng 12-1981, đồng chí trở lại làm Bí thư Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh cho đến tháng 6-1986.

Như vậy là từ năm 1975 đến năm 1986, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã trải qua nhiều cương vị công tác khác nhau, mà như có lần đồng chí nói, đó là thời kỳ "ba chìm bảy nổi trong cuộc đời hoạt động cách mạng của tôi". Trong thời gian đó, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã hai lần làm Bí thư Thành uỷ thành phố Hồ Chí Minh tổng cộng hơn sáu năm. Hoạt động và cống hiến của đồng chí cũng được thể hiện nổi bật trên cương vị này.

1. Kiên định vượt qua mọi thử thách, khó khăn, tỏa sáng phẩm chất của một người cộng sản lỗi lạc

Sài Gòn - Chợ Lớn nguyên là một trung tâm đầu não của Mỹ - ngụy, một trung tâm kinh tế của miền Nam; sau giải phóng, về tay nhân dân, được đổi tên thành thành phố Hồ Chí Minh - một thành phố lớn giữ vị trí rất quan trọng về chính trị và kinh tế khu vực đồng bằng sông Cửu Long và của cả nước. Cải tạo và xây dựng thành phố từ một thành phố ăn chơi xa xỉ, chuyên phục vụ cho giai cấp thống trị, bóc lột, thành một thành phố sản xuất, thành phố của người lao động, phục vụ nhân dân lao động, là một quá trình gian nan, đầy khó khăn, không thể nóng vội.

Là một thành phố giàu tiềm năng cả về cơ sở vật chất và truyền thống cách mạng, đồng thời quá khứ cũng để lại cho thành phố Hồ Chí Minh những hậu quả nặng nề về mặt kinh tế - xã hội.

Nền kinh tế Sài Gòn trước giải phóng đã phát triển

đến một trình độ tư bản chủ nghĩa nhất định, nhưng không phải là sự phát triển tự bản thân nó mà chủ yếu nhờ viện trợ kinh tế và quân sự của Mỹ. Sản xuất công nghiệp nhẹ phổ biến là vừa và nhỏ, lại phân tán, công nghiệp cơ khí chưa phát triển. Sài Gòn chủ yếu vẫn là một trung tâm thương nghiệp và dịch vụ phục vụ cho chiến tranh của đế quốc Mỹ.

Về mặt xã hội, sau ngày 30-4-1975, ở miền Nam có hơn 1 triệu quân ngụy tan rã tại chỗ, trong đó hơn 40 vạn tại thành phố Hồ Chí Minh, ngoài ra lại còn bao nhiêu công chức, viên chức từng làm việc và cộng tác với chế độ cũ. Chủ nghĩa thực dân mới đã tạo ra những tệ nạn xã hội mà chúng ta phải giải quyết lâu dài: 50 vạn người thất nghiệp và nửa thất nghiệp, 170 ngàn thương phế binh ngụy, hơn 100 ngàn gái mại dâm, 150 ngàn người nghiện xì ke, ma túy; hàng chục ngàn trẻ em “bụi đời”, lang thang; hàng chục vạn người ăn xin, lưu manh, du đãng, cờ bạc, buôn lậu,... Chủ nghĩa thực dân mới còn tạo ra một tầng lớp thị dân với một lối sống ăn bám, lười lao động, khinh lao động, quen sống dựa vào cổ máy chiến tranh của Mỹ - ngụy. Tất cả những điều trên đây sẽ gây ra những khó khăn lâu dài cho thành phố.

Về mặt an ninh, kẻ địch khi thất bại, tháo chạy đã cài cắm lại một lực lượng gián điệp và tay sai để thực hiện kế hoạch hậu chiến của bọn chúng mà chỗ dựa là những phần tử ngoan cố trong hàng ngũ ngụy quân, ngụy quyền cũ và bọn phản động đội lốt tôn giáo; chúng

chờ cơ hội để ngóc đầu dậy, gây bạo loạn, phá hoại cuộc sống hoà bình, xây dựng của nhân dân ta, như bắn lén, cài bom ở hồ Con rùa, v.v..

Đó là những bài toán khó khăn đặt ra cho lãnh đạo Đảng và chính quyền thành phố mà đa số mới từ căn cứ nông thôn, rừng núi vào đô thị, còn thiếu kiến thức và kinh nghiệm tổ chức quản lý kinh tế - xã hội ở một thành phố lớn có hơn 4 triệu dân với bao vấn đề khó khăn, phức tạp chưa phải một lúc đã nhìn thấy hết.

Bên cạnh những khó khăn do quá khứ để lại, thành phố Hồ Chí Minh cũng có những thuận lợi và thế mạnh riêng về kinh tế và con người. Sau hơn 100 năm bị nước ngoài thống trị, các thế lực thực dân đế quốc đã xây dựng Sài Gòn thành một trung tâm kinh tế lớn, có một nền sản xuất hàng hóa khá phát triển, nhất là sản xuất hàng tiêu dùng, các ngành nghề tiểu thủ công rất phong phú, có một kết cấu hạ tầng tương đối khá phục vụ cho phát triển công nghiệp, xuất nhập khẩu và dịch vụ. Sau giải phóng, các cơ sở sản xuất công nghiệp của Sài Gòn vẫn còn nguyên vẹn. Về con người, Sài Gòn có một đội ngũ giai cấp công nhân và thợ thủ công lành nghề, có lực lượng trí thức, khoa học - kỹ thuật đông đảo, giàu tài năng, đặc biệt phải kể đến lực lượng thanh niên, sinh viên, học sinh,... dồi dào sức trẻ, nhiệt tình hướng về cách mạng, sẵn sàng đi xung kích trong các phong trào đấu tranh cách mạng trước đây dưới sự dìu dắt của Đảng.

Ngay trong những ngày đầu mới giải phóng, khi lực lượng tiếp quản của ta chưa vào kịp, hoặc còn rất mỏng, kẻ xấu thừa cơ vơ vét, cướp bóc, phá nát những thành quả mà ta phải đổi bằng xương máu mới giành được; chính lúc ấy, thế hệ trẻ thành phố Sài Gòn đã đứng ra canh gác, bảo vệ các cơ quan, công sở, các cơ sở kỹ thuật như Đài Phát thanh, truyền hình, các kho tàng, bến bãi; đã đứng ra điều khiển giao thông trong thành phố, v.v.. Giai cấp công nhân Sài Gòn cũng rất xứng đáng với vai trò tiên phong lãnh đạo của mình: tự động làm chủ nhà máy, xí nghiệp, bảo vệ máy móc, cơ sở kỹ thuật, nguyên vật liệu, hàng hóa,... để giữ vững sản xuất, không cho kẻ thù phá hoại,...

Nêu lên những khó khăn, bên cạnh mặt thuận lợi, để thấy rõ một núi công việc đang chờ đợi những người lãnh đạo Đảng và chính quyền thành phố phải vượt qua, cũng là để thấy được sức sống mạnh mẽ của nhân dân một thành phố anh hùng và bộ tư lệnh của họ đã thể hiện một bản lĩnh năng động và trí tuệ sáng tạo như thế nào.

Đại hội lần thứ I Đảng bộ thành phố (4-1977) đã đặt lên hàng đầu nhiệm vụ: “Tập trung lực lượng, tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa nhằm tạo điều kiện và mở đường cho sản xuất phát triển theo hướng đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân”¹.

1. Nguyễn Văn Linh: *Thành phố Hồ Chí Minh 10 năm*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985, tr. 83.

Thực hiện tư tưởng đại đoàn kết của Bác Hồ, Thành uỷ Thành phố Hồ Chí Minh, đứng đầu là đồng chí Nguyễn Văn Linh, chủ trương thi hành chính sách “hoà hợp dân tộc”, làm cho mọi người, từ công nhân lao động đến nhân sĩ, trí thức, người có đạo hay không có đạo, người Việt hay người Hoa, bất cứ thuộc thành phần nào, tất cả đều *bớt mặc cảm*, nâng cao lòng tự hào của mỗi người đã đóng góp vào thắng lợi chung. Từ tháng 8-1975, các đại hội báo công được tổ chức, quần chúng đã đứng lên tố cáo tội ác của bọn ác ôn tay chân Mỹ - ngụy; thuật lại muôn ngàn hình thức hoạt động và đấu tranh chống lại kẻ thù, ủng hộ cách mạng, tạo nên không khí phấn khởi, nâng cao niềm tự hào về chiến thắng chung của dân tộc.

Thực hiện chính sách nhân đạo của chế độ ta, sau ba ngày học tập đường lối, chính sách cách mạng, hơn 40 vạn binh lính ngụy đã được trở về đời sống công dân bình thường; hơn 3 vạn sĩ quan khác từ cấp tá đến cấp tướng, đáng lẽ phải ra toà án quân sự chịu án về những tội lỗi của mình, nhưng chỉ sau một thời gian đi học tập để nhận thức được những lỗi lầm của mình, họ đã được trở về đoàn tụ với gia đình.

Sau giải phóng, chính quyền cơ sở vẫn còn yếu, thậm chí kẻ địch còn tìm cách chui vào hàng ngũ cán bộ cơ sở, cố tình làm một số việc sai trái để đổ lỗi cho chính quyền cách mạng. Thành uỷ đã thông qua các sinh hoạt dân chủ được tổ chức sâu rộng trong nhân dân để phát

hiện, lựa chọn những phần tử tích cực, những cốt cán, hình thành đội ngũ cán bộ cơ sở, dựa vào đó mà xây dựng và củng cố chính quyền mới. Thành phố cũng sớm đề ra chủ trương chính quyền cơ sở thực hiện tự phê bình trước nhân dân, tạo điều kiện cho nhân dân được phát biểu yêu cầu, nguyện vọng, tham gia xây dựng, góp ý với chính quyền, bước đầu thực hiện quyền làm chủ của người dân sau giải phóng.

Nhận nhiệm vụ Bí thư Thành uỷ thành phố Hồ Chí Minh, đồng chí Nguyễn Văn Linh cùng tập thể Ban lãnh đạo thành phố đặc biệt chú trọng việc ổn định tình hình kinh tế - xã hội. Đồng chí đã dành nhiều thời gian thâm nhập các cơ sở sản xuất công, nông nghiệp; thường xuyên xuống tận phường, xã để nắm tình hình mọi mặt đời sống của nhân dân. Để ổn định xã hội, trước hết phải ổn định việc học của thanh, thiếu niên học sinh. Đồng chí đến thăm một số trường học, làm việc với Sở Giáo dục về việc mở thêm trường, tuyển thêm thầy. Ngay từ năm học 1975 - 1976, ngành giáo dục thành phố đã thu nhận gần 800 nghìn học sinh đến trường. Các cán bộ giáo dục, các thầy, cô giáo làm việc dưới chế độ cũ được bồi dưỡng thêm kiến thức về chính trị và đa số được tuyển dụng lại, tiếp tục làm việc dưới chế độ mới. Phong trào xoá nạn mù chữ và bổ túc văn hoá được phát động, toàn ngành giáo dục ở thành phố Hồ Chí Minh bắt đầu đi vào quy chế giáo dục mới.

Cùng với công tác giáo dục, phong trào văn nghệ

quần chúng cũng được đẩy mạnh theo hướng phục vụ nhiệm vụ chính trị, phát huy truyền thống văn hoá dân tộc trên cơ sở đó đẩy lùi tàn dư văn hoá đồi trụy, thực dân mới,... Phong trào vận động xây dựng nếp sống mới trong các khu, xóm lao động; xây dựng các cơ sở thông tin - văn hoá như thư viện, câu lạc bộ, nhà văn hoá,... phát triển khá rộng rãi, tạo điều kiện nâng cao sinh hoạt văn hoá cho nhân dân, giúp nhân dân thành phố hoà nhập nhanh vào cuộc sống mới sau giải phóng.

Nhận định về thành quả bước đầu này, đồng chí Nguyễn Văn Linh viết: “Nhiệm vụ ổn định tình hình chính trị - xã hội ở thành phố mới giải phóng thật vô vàn khó khăn, nhưng Đảng bộ đã xác định đúng tầm quan trọng có ý nghĩa quyết định của mặt công tác này đối với toàn bộ tiến trình cách mạng những năm sau”¹. Đúng như đồng chí Nguyễn Văn Linh nhận định, việc Thành uỷ nhanh chóng ổn định và giữ vững tình hình kinh tế - xã hội của thành phố đã giúp cho chúng ta đối phó và vượt qua thắng lợi khi xảy ra vụ “nạn kiều”, rồi chiến tranh biên giới Tây Nam,... diễn ra chỉ ba năm sau đó.

Về mặt kinh tế, để ổn định đời sống cho nông dân, Đảng bộ thành phố đã phát động phong trào khai hoang, phục hoá, làm thuỷ lợi, khôi phục màu xanh trên

1. Nguyễn Văn Linh: *Thành phố Hồ Chí Minh 10 năm, Sđd*, tr. 86.

mảnh đất “vành đai trắng”. Hàng triệu lượt người từ lao động nghèo, nhất là thanh niên, học sinh, sinh viên,... đã ra ngoại thành tham gia giúp nông dân phục hồi sản xuất, tạo thành một không khí lao động sôi nổi chưa từng có ở thành phố Sài Gòn. Gần 70 ngàn hécta đất hoang hoá đã được phục hồi, đưa diện tích gieo trồng ở ngoại thành từ 45 ngàn hécta lên 115 ngàn hécta.

Giữa lúc đang cùng tập thể lãnh đạo Thành uỷ phấn đấu khắc phục khó khăn, ổn định tình hình chính trị - xã hội của một thành phố lớn sau giải phóng, tháng 4-1977, đồng chí Nguyễn Văn Linh được Trung ương điều sang làm Trưởng ban cải tạo xã hội chủ nghĩa Trung ương. Đây cũng là công việc đồng chí đang trăn trở suy nghĩ đối với thành phố Hồ Chí Minh, bởi những cơ sở kinh tế lớn nhất cần cải tạo cũng chủ yếu nằm ở thành phố Hồ Chí Minh, trung tâm kinh tế của cả khu vực miền Nam.

Đồng chí Nguyễn Văn Linh thường trao đổi suy nghĩ của mình với cán bộ chung quanh: Kinh tế miền Nam và miền Bắc còn cách biệt nhau xa, không thể một ngày, hai ngày mà đưa miền Nam lên ngang với miền Bắc về quan hệ sản xuất được. Miền Nam sau bao nhiêu năm bị chiến tranh tàn phá, nhà cửa tan nát, đất đai vốn màu mỡ đã bị bom đạn kẻ thù làm cho nhiều vùng sất thép còn nhiều hơn đất màu. Để khôi phục sản xuất nông nghiệp, trước tiên phải rà phá bom mìn, ổn định

đời sống người dân, giúp bà con dựng lại cơ ngơi, vì có “an cư mới lạc nghiệp”, sau đó cần tạo điều kiện thuận lợi cho bà con phục hồi sản xuất. Theo đồng chí Nguyễn Văn Linh, có thể áp dụng chính sách miễn thuế nông nghiệp cho bà con từ một đến hai năm (như Bác Hồ đã nói trong *Di chúc*) để bà con có điều kiện tái sản xuất.

Với suy nghĩ như trên, đồng chí Nguyễn Văn Linh chủ trương không nên nóng vội, áp dụng ngay phương thức cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp như ở miền Bắc, ép buộc người nông dân phải vào hợp tác xã hay tập đoàn sản xuất, bởi hàng trăm năm nay bà con chỉ quen sản xuất theo lối cá thể, quen với mảnh ruộng mà mình đã đầu tư chăm bón qua nhiều đời.

Do nóng vội, chính quyền cơ sở ở nhiều nơi đã ép buộc bà con, các gia đình có con em là đảng viên phải vào hợp tác xã, ai không vào thì bị kỷ luật, có khi còn bị dọa bỏ tù! Thái độ nóng vội đó đã gây ra phản ứng mạnh mẽ trong bà con nông dân.

Nhờ đi sát cơ sở, nắm bắt được tình hình trên, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã đề xuất với Trung ương: *nên để chậm lại một thời gian, không nên nóng vội*. Một nước thống nhất, một đảng và chính phủ thống nhất, một quân đội thống nhất, một mặt trận thống nhất, là rất cần thiết phải làm ngay,... nhưng trong cải tạo và xây dựng kinh tế, do đặc điểm mỗi miền khác nhau, nên hình thức, bước đi và cách làm có sự khác nhau, không nên rập khuôn.

Trong vấn đề cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh, đồng chí Nguyễn Văn Linh cũng từng phát biểu: Cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế tư bản chủ nghĩa là một quy luật của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội nhưng cách làm không phải là đồng loạt như nhau với các thành phần và đối tượng khác nhau. Đối với cơ sở kinh tế của bọn tư sản mại bản mà quyền lợi của họ gắn liền với bộ máy chiến tranh của Mỹ - ngụy, ta phải tịch thu, quốc hữu hóa. Các cơ sở sản xuất, đồn điền cao su, chè,... của bọn tướng tá ngụy, vốn làm giàu trên xương máu của nhân dân cũng phải đối xử như vậy. Còn các cơ sở sản xuất nhỏ và vừa của các tiểu thương, tiểu chủ, tư sản dân tộc,... đã có những đóng góp nhất định vào sự nghiệp giải phóng dân tộc, hiện đang còn đáp ứng nhu cầu đời sống nhân dân, thì ta phải giúp đỡ họ duy trì sản xuất, góp phần ổn định cuộc sống của thành phố, làm cho bộ mặt kinh tế của thành phố ngày càng phồn vinh. Theo quan điểm của đồng chí Nguyễn Văn Linh, cải tạo là để sản xuất phát triển, thúc đẩy nền sản xuất tiến lên, nếu cải tạo mà làm cho sản xuất đình trệ, công nhân mất việc làm, đời sống đồng bào ngày càng khó khăn,... thì chúng ta cần phải xem xét lại. Nhưng ý kiến của đồng chí chưa được Trung ương chấp nhận và chuyển đồng chí sang công tác khác.

Tiếc rằng, trong cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh, ta đã làm ô ạt, đồng loạt; thành phần, đối

tượng lớn nhỏ gì cũng bị cải tạo tất, làm cho sản xuất và đời sống bị đảo lộn ghê gớm. Có nhiều gia đình tiểu thương đang đêm bị rút ra khỏi tổ ấm, lên ô tô, đưa đến các vùng kinh tế mới, quần áo, tiền bạc nhiều thứ không kịp mang theo. Lên vùng kinh tế mới, họ bị bỏ sống vất vưởng, thiếu ăn, thiếu mặc, trong khi nhà cửa, tài sản của họ đều bị tịch thu hết.

Với cách cải tạo kinh tế ồ ạt bằng biện pháp hành chính như vậy, làm cho bộ mặt thành phố trở nên lo âu, buồn bã, sản xuất đình trệ, chẳng những cuộc sống của những người thuộc diện cải tạo trở nên khó khăn mà một bộ phận không nhỏ những người lao động thành thị cũng bị ảnh hưởng.

Cuối năm 1977, đồng chí được thôi chức vụ Trưởng ban cải tạo xã hội chủ nghĩa Trung ương để về phụ trách Trưởng ban Dân vận - Mặt trận Trung ương.

Công tác dân vận - mặt trận vốn là một trong những thế mạnh của đồng chí Nguyễn Văn Linh bởi suốt mấy chục năm hoạt động cách mạng, thời bí mật cũng như trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, lúc nào đồng chí cũng lẫn lộn trong dân, được dân nuôi dưỡng, che chở, nên đồng chí rất gần dân, hiểu dân - tâm tư tình cảm cũng như những cống hiến, hy sinh to lớn của dân cho cách mạng, cho Đảng.

Trên cương vị là Trưởng ban Dân vận - Mặt trận Trung ương, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã có những đóng góp quan trọng vào việc phát triển tư duy lý luận

của Đảng về công tác dân vận, được thể hiện trong một số chủ trương và nghị quyết mà đồng chí trực tiếp tham gia chuẩn bị, khởi thảo trong thời kỳ này, ví dụ như Nghị quyết 24 về vấn đề tôn giáo. Với tinh thần chỉ đạo đó, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã từng phát biểu với Đại hội tổng kết 10 năm của công giáo thành phố Hồ Chí Minh: “Bà con công giáo là con Lạc cháu Hồng, là công dân Việt Nam. Từ trước tới nay, Đảng vẫn khẳng định: tuyệt đại bộ phận giáo dân là người lao động... đều bị phong kiến - đế quốc áp bức, bóc lột thậm tệ như mọi tầng lớp lao động khác; chẳng những thế, họ lại còn bị những kẻ lợi dụng danh nghĩa tôn giáo, lợi dụng thần quyền đầu độc chống cộng sản, xa lánh cách mạng. Mặc dầu vậy, đồng bào công giáo, nói chung, vẫn có tinh thần yêu nước, vẫn chống áp bức bóc lột, vẫn ngày càng hướng theo cách mạng... Tôi cứ nghĩ rằng nếu người công giáo làm theo giáo huấn của Đức Giêsu thì sẽ rất gần gũi với lý tưởng của những người cộng sản”¹.

Với sự thấu hiểu như vậy, đồng chí Nguyễn Văn Linh tỏ ra rất trân trọng đối với những người công giáo yêu nước - linh mục, tu sĩ cũng như giáo hữu - đã tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ; đồng thời đã

1. Phát biểu tại Đại hội tổng kết 10 năm của công giáo thành phố Hồ Chí Minh. Dẫn lại theo Trương Bá Cần: *Sự quan tâm đối với đồng bào công giáo*. In trong *Nguyễn Văn Linh - hành trình cùng lịch sử*, Sđd, tr.307.

tạo mọi điều kiện thuận lợi để đồng bào công giáo phát huy lòng yêu nước, hòa nhập với cuộc sống mới.

Đối với vấn đề người Hoa, đồng chí luôn luôn đứng vững trên quan điểm giai cấp để nhìn nhận và giải quyết. Sau khi xảy ra cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới phía Bắc, trong tư tưởng của người Hoa, kể cả trong cán bộ, đảng viên không tránh khỏi có biểu hiện lo âu, mặc cảm. Để ổn định tư tưởng và đời sống của cộng đồng người Hoa, ngày 17-11-1982, Ban Bí thư đã ra Chỉ thị số 10-CT/TW, nêu rõ nguyên tắc cơ bản trong chính sách đối với người Hoa: coi người Hoa là công dân Việt Nam, được hưởng mọi quyền lợi và thực hiện mọi nghĩa vụ của công dân Việt Nam; thực hiện chính sách đoàn kết người Hoa trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Chính sách đó đã góp phần động viên người Hoa yên tâm, phấn khởi, hăng hái góp phần xây dựng đất nước Việt Nam như quê hương thứ hai của mình. Bản thân đồng chí Nguyễn Văn Linh rất am hiểu và tôn trọng nếp sống, thói quen của người Hoa. Khi những cán bộ, đảng viên gốc Hoa “lâm nạn”, gặp khó khăn, bị khủng hoảng về tinh thần, đồng chí đã đến thăm, an ủi, động viên tận nhà, nêu một thái độ ứng xử ân tình, thủy chung hiếm có.

Tại Đại hội lần thứ VI Tổng Công đoàn Việt Nam năm 1978, đồng chí Nguyễn Văn Linh được bầu làm Chủ tịch Tổng Công đoàn Việt Nam.

Trên cương vị mới, đồng chí Nguyễn Văn Linh là người khởi xướng sự nghiệp đổi mới công đoàn. Đồng chí

nhận định: Công đoàn là tổ chức rộng lớn của công nhân lao động, cần phải đổi mới tổ chức và hoạt động để nó thực sự là “trường học kinh tế, trường học quản lý và trường học chủ nghĩa xã hội”, góp phần xây dựng giai cấp công nhân nước ta không ngừng lớn mạnh, đưa nước ta thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu.

Về đối tượng, tổ chức và vận động của công đoàn, theo đồng chí nó “phải được mở rộng hơn trước đây, nghĩa là hoạt động của công đoàn không chỉ giới hạn trong đội ngũ cán bộ, công nhân, viên chức nhà nước mà phải bao quát cả khu vực xí nghiệp tư nhân, xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các hợp tác xã sản xuất công nghiệp, xây dựng, vận tải”¹.

Về tên gọi của Tổng Công đoàn Việt Nam, theo đồng chí, cũng cần được thay đổi cho phù hợp với nội dung mới, nên lấy tên là Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam².

Về hoạt động của Công đoàn, đồng chí Nguyễn Văn Linh xác định: “Công đoàn phải thể hiện đầy đủ tính độc lập về tổ chức, nghĩa là đòi hỏi tổ chức công đoàn phát huy hơn nữa vai trò và hiệu lực công tác của mình trong hệ thống chính trị”³. Tính độc lập ấy thể hiện ở chỗ “Công đoàn phải có ý kiến độc lập của mình, không lệ thuộc vào cấp uỷ đảng, không lệ thuộc vào cơ quan quản lý”⁴. Đồng chí cũng nhấn mạnh: cần phân biệt rõ *tính độc lập về tổ chức* với *quan niệm đối lập về tổ chức*,

1, 2, 3, 4. *Văn kiện Đại hội lần thứ VI Công đoàn Việt Nam*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 1978, tr. 26, 27, 28, 29.



Đồng chí Nguyễn Văn Linh tại lớp bồi dưỡng cán bộ hoạt động công khai ở Sài Gòn, mở tại vùng giải phóng, năm 1967



Đồng chí Nguyễn Văn Linh cùng các đồng chí bảo vệ, phục vụ trong Đoàn cán bộ Trung ương Cục miền Nam vượt Trường Sơn ra Hà Nội họp, tháng 3-1973



Đồng chí Nguyễn Văn Linh (bên phải) trên đường vượt Trường Sơn trở về căn cứ miền Nam, năm 1973



Đồng chí Nguyễn Văn Linh đi thị sát tình hình
trên sông Vàm Cỏ Đông, năm 1974



Đồng chí Nguyễn Văn Linh tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI
Đảng Cộng sản Việt Nam, tháng 12-1986



Ngày 25-6-1992, tại Phủ Chủ tịch, Đảng và Nhà nước tổ chức trọng thể
Lễ trao tặng Huân chương Sao Vàng cho đồng chí Nguyễn Văn Linh.
Đồng chí Nguyễn Văn Linh phát biểu tại buổi lễ



Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh thăm lại chiến trường xưa, căn cứ địa pháo hạng nặng, nay là Công trình thủy điện Trị An, năm 1987



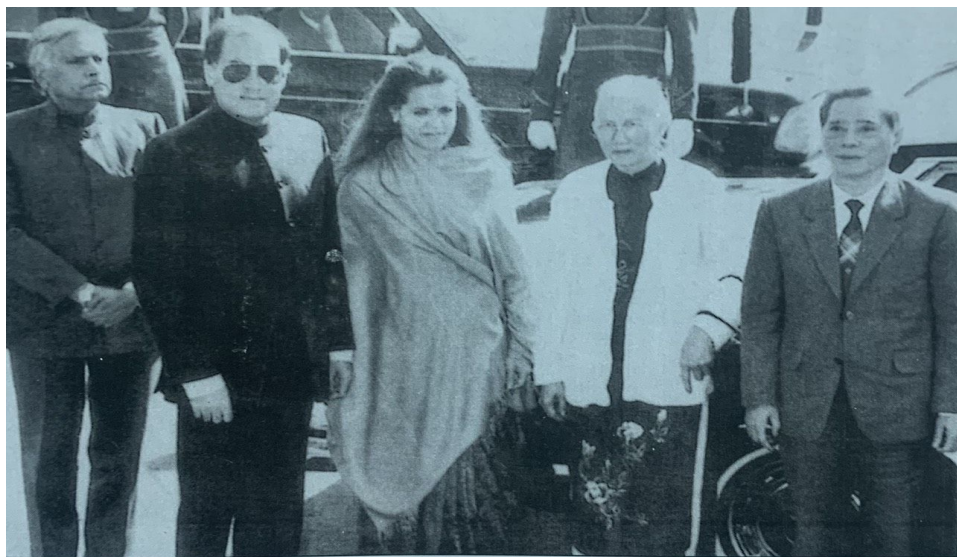
Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh gặp gỡ và nói chuyện với đại biểu các cơ sở sản xuất tư nhân ở thành phố Đà Nẵng, ngày 18-2-1990



Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh dự cuộc họp tọa đàm góp ý kiến về kinh nghiệm chỉ đạo phong trào "Người phụ nữ mới", do Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tổ chức, ngày 7-10-1988



Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh gặp gỡ thân mật các đại biểu dự Hội nghị toàn quốc cán bộ phụ trách thiếu nhi giỏi tại Hà Nội, ngày 13-11-1988



Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh thăm hữu nghị chính thức Ấn Độ và dự lễ kỷ niệm lần thứ 39 ngày thành lập nước Cộng hòa Ấn Độ Thủ tướng Ragíp Gandi đón đồng chí Nguyễn Văn Linh tại Phủ Tổng thống, tháng 1-1989



Nhân dịp Tết Đinh Mão (1987), Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh về thăm quê hương, chúc Tết và chụp ảnh lưu niệm với cán bộ, nhân dân xã Giai Phạm, huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên



Đồng chí Nguyễn Văn Linh
tiền vợ và các con lên đường
ra miền Bắc, tháng 11-1959



Đồng chí Nguyễn Văn Linh cùng vợ và các cháu, tháng 7-1992

công đoàn không thể là tổ chức biệt phái theo kiểu “chủ nghĩa công đoàn” hoặc theo đuôi quần chúng.

Về đổi mới phương thức, phương pháp công tác công đoàn, đồng chí thẳng thắn chỉ ra: Hiện nay tác phong công tác bàn giấy khá nặng nề, thay vào việc đi xuống cơ sở để tìm hiểu, tiếp xúc, đối thoại với quần chúng, người ta điều hành công việc chủ yếu bằng công văn, chỉ thị và hội họp quá nhiều, vì vậy đoàn viên công đoàn ta đông mà không mạnh, chất lượng còn kém, do đó công đoàn cần phải chuyển hướng về cơ sở để hoạt động, lấy đoàn viên làm đối tượng vận động, chăm lo bảo vệ lợi ích, điều kiện lao động và nghỉ ngơi của đoàn viên, bảo vệ những quyền lợi của họ đã được pháp luật thừa nhận. Tuy nhiên, đồng chí cũng nhắc nhở: cần đề phòng rơi vào cực đoan, chỉ thấy lợi ích một phía mà phải kết hợp hài hòa các lợi ích, thống nhất quyền lợi với nghĩa vụ.

Trong thời gian làm Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã phân công các đồng chí uỷ viên Ban Thư ký Tổng Liên đoàn xuống công tác dài ngày ở đồng bằng sông Cửu Long, biên giới Tây Nam, Tây Nguyên và biên giới phía Bắc. Đồng chí nói: Việc đi công tác dài ngày ở cơ sở có thể ảnh hưởng đến công việc ở cơ quan, dù sao điều đó cũng không thể sánh được với kết quả do thực tế đem lại. Đây là một tư tưởng chỉ đạo lớn của đồng chí Nguyễn Văn Linh. Đường lối đổi mới của Đảng ta được hình thành về sau này cũng chủ yếu là biết tổng kết thực tiễn.

Cuối năm 1980, đồng chí Nguyễn Văn Linh thôi giữ chức Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam để về phụ trách theo dõi thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng và Chính phủ tại các tỉnh miền Nam. Thời gian này có thể nói là những năm tháng “ba chìm bảy nổi” trong đời hoạt động của đồng chí Nguyễn Văn Linh. Nhưng là người cộng sản kiên định, dù trước bất cứ khó khăn, sóng gió nào, đồng chí vẫn giữ được phẩm chất của một người cộng sản lớn, không bi quan, dao động, không phàn nàn, trách móc, luôn nghiêm túc chấp hành mọi sự phân công của Đảng. Được giao nhiệm vụ gì, đồng chí cũng đem hết tinh thần và nghị lực, trí tuệ và tâm huyết để hoàn thành tốt theo tinh thần Bác Hồ: luôn luôn đặt lợi ích của nhân dân, của Đảng lên trên hết.

Tháng 12-1981, đồng chí Nguyễn Văn Linh được Bộ Chính trị phân công trở lại làm Bí thư Thành uỷ thành phố Hồ Chí Minh.

Lúc này, nhiệm vụ ổn định tình hình chính trị - xã hội, ổn định đời sống của nhân dân, sau một cuộc đảo lộn lớn về chính trị và kinh tế, chưa thể giải quyết thành công ngay một lúc. Mặt khác, do bị trói buộc trong cơ chế quản lý kinh tế tập trung quan liêu, bao cấp không còn phù hợp với tình hình mới, các xí nghiệp công nghiệp quốc doanh không tiếp tục sản xuất được, do nguyên liệu cạn kiệt, đời sống của công nhân lao động và đồng bào thành phố lâm vào khó khăn. Tình hình xã hội, văn hoá - tư tưởng,... có chiều hướng xấu đi

rất nhanh. Lại thêm thiên tai liên tiếp trong ba năm, rồi chiến tranh biên giới Tây Nam, biên giới phía Bắc,... làm cho khó khăn càng thêm gay gắt.

Trở lại cương vị Bí thư Thành uỷ, đồng chí Nguyễn Văn Linh luôn luôn dựa vào tập thể Thành uỷ, Uỷ ban nhân dân thành phố, dựa vào Mặt trận và các đoàn thể nhân dân để giải quyết khó khăn.

Đồng chí thường đi sát cơ sở, thâm nhập các khu dân cư, dự họp với các phường, xã, tổ dân phố để trao đổi ý kiến về cách tháo gỡ tình hình. Đồng chí luôn nhắc nhở: Điều quan trọng nhất là phải làm thế nào giác ngộ được nhân dân; phải làm cho người lao động thấy được ý nghĩa to lớn của việc chuyển từ vị trí người làm thuê sang địa vị người làm chủ thành phố, làm chủ đất nước. Phải làm thế nào để nhân dân, cán bộ thấy được những thuận lợi, khó khăn để phát huy và khắc phục. Nhân dân thành phố vốn có lòng yêu nước nồng nàn, đã góp phần cùng cả nước chiến đấu hy sinh vì nền độc lập, tự do của Tổ quốc. Đây là mặt tốt rất cơ bản, cần phải được nhân lên trong hoàn cảnh mới. So với nhiều địa phương khác, nhân dân thành phố sớm tiếp xúc với nền văn minh công nghiệp hơn, nên khá nhạy bén với cái mới. Nhịp sống công nghiệp sôi động của thành phố đã góp phần hình thành nên tính năng động của người dân. Sài Gòn trước đây là nơi mà chủ nghĩa tư bản đã có sự phát triển so với các miền khác của đất nước, bên cạnh

những thế mạnh về con người, về vốn liếng, cơ sở vật chất, v.v. nó cũng tồn tại những tàn dư nặng nề về kinh tế - xã hội. Bí thư Thành uỷ Nguyễn Văn Linh thấy rõ những điều này nên trong lãnh đạo, chỉ đạo, cùng với tập thể lãnh đạo thành phố, đồng chí đã nhắc nhở: "Biết thừa kế có chọn lọc cái vốn cũ tốt đẹp và biết tiếp thu cũng có chọn lọc cái mới, đó là năng lực của người Việt Nam mà người dân thành phố là bộ phận"¹.

Nhận định về tình hình mọi mặt của thành phố Hồ Chí Minh, sau gần 5 năm được giải phóng, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố lần thứ II (1980) viết: "Ở những năm đầu này của thời kỳ quá độ, tình hình thành phố chưa thật ổn định, cả về kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, đang có nhiều khó khăn rất gay gắt và có mặt phức tạp. Nền kinh tế bị đảo lộn, lại quản lý theo một cơ chế có nhiều mặt không phù hợp, cho nên ngày càng thêm mất cân đối nghiêm trọng... Sự đánh giá mặt tích cực cách mạng của quần chúng chưa xuyên suốt ở các cấp đảng bộ, cùng với cơ chế quản lý chung có nhiều mặt không còn phù hợp đang dẫn đến nguy cơ triệt tiêu động lực của chế độ làm chủ tập thể, không khuyến khích tài năng và nhiệt tình lao động. Một bộ phận dân cư túng thiếu đang xao xuyến trước tình hình căng thẳng về nhiều mặt và mức sống

1. Nguyễn Văn Linh: *Thành phố Hồ Chí Minh 10 năm, Sđd*, tr. 78.

ngày càng sa sút"¹. Khẳng định điều nhận định này của Đại hội Đảng bộ thành phố là đúng đắn, ngay sau khi trở lại làm Bí thư Thành uỷ lần thứ hai sau giải phóng, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã cùng Thành uỷ lãnh đạo các ngành, các cấp của thành phố tập trung nghiên cứu, tìm tòi phương thức tháo gỡ. Đồng chí khẳng định phương thức tốt sẽ làm cho nghị quyết mau đi vào cuộc sống. Do đó, mục tiêu là phải tìm cho được những *phương pháp* gì, *cách tiến hành* thế nào để xây dựng thành phố ổn định về chính trị, phát triển về kinh tế và văn hoá.

Có một lần trong cuộc gặp gỡ với một số nhà trí thức của thành phố, đồng chí đề nghị các nhà trí thức cho biết thành phố hiện nay thừa cái gì và thiếu cái gì? Có người mạnh dạn trả lời: thừa nhiệt tình, thiếu kiến thức. Đồng chí cho đó là một nhận định đúng đắn, vì nó phản ánh được tình hình thực tế của thành phố. Qua nghiên cứu, khảo sát, đồng chí thấy trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo, Thành uỷ đã bộc lộ một số vấn đề yếu kém mà đồng chí gọi đó là những “cái vi phạm”. Đồng chí viết:

- "Cái vi phạm đầu tiên của chúng ta là đã không đủ bình tĩnh để nhìn thành phố, một khi được giải phóng,

1. *Văn kiện Đại hội Đảng bộ thành phố Hồ Chí Minh lần thứ II*, 1980, tr. 49-50. Tài liệu lưu tại Văn phòng Thành uỷ thành phố Hồ Chí Minh.

hiển nhiên trở thành tài sản của chính chế độ ta"¹, để nắm và sử dụng vào mục đích phục vụ nhân dân.

- "Cái vi phạm thứ hai là chúng ta chưa nhận thức được thực trạng kinh tế - xã hội của thành phố, qua 21 năm sống dưới chế độ thực dân mới, đã là một khu vực có trình độ phát triển tư bản chủ nghĩa nhất định", để có biện pháp chất lọc và loại trừ.

- "Cái vi phạm thứ ba là chúng ta không đủ hiểu biết về lịch sử của quá trình hình thành và vai trò của nền công nghiệp thành phố trong cơ cấu công - nông nghiệp của khu vực", để thấy được quá khứ, nhìn về tương lai được đúng đắn.

- "Cái vi phạm thứ tư là chúng ta chưa đánh giá chặt chẽ những tổn động mà chế độ mới phải giải quyết", trong đó có các tệ nạn xã hội, thất nghiệp, tiêu cực nội bộ...

- "Cái vi phạm thứ năm - vi phạm nghiêm trọng nhất - là chúng ta chưa xác định thật rõ hai mục tiêu của hoạt động kinh tế thành phố: mở rộng và nâng cao sản xuất và cải thiện đời sống cho nhân dân".

"Sự vấp vấp của chúng ta liên quan đến chỗ đứng để nhận thức thành phố: thời kỳ xây dựng hoà bình khác với thời kỳ chiến tranh"².

Nhìn thẳng vào sự thật để tìm ra lối thoát, đưa

1, 2. Nguyễn Văn Linh: *Thành phố Hồ Chí Minh 10 năm*, *Sđd*, tr. 95, 97.

thành phố mang tên Bác Hồ tiếp tục tiến lên, đó là phương châm hành động của đồng chí Nguyễn Văn Linh, của lãnh đạo Thành uỷ và chính quyền thành phố. Được sự đồng tình của Thành uỷ và chỉ đạo trực tiếp của đồng chí Nguyễn Văn Linh, các đồng chí lãnh đạo Uỷ ban nhân dân thành phố đã tiến hành một đợt công tác nhằm củng cố hệ thống chính quyền nhân dân từ trên xuống dưới, phát huy dân chủ, tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân, dựa vào nhân dân mà xây dựng, kiện toàn bộ máy chính quyền từ thành phố đến quận, huyện, xã, phường; phấn đấu để có bộ máy chính quyền trong sạch và hoạt động có hiệu quả. Đồng chí rất chú trọng đến việc khôi phục và phát triển sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, cải tiến các hoạt động lưu thông phân phối, phát triển thương nghiệp, coi đó là những thế mạnh kinh tế của thành phố. Đồng chí vạch ra những phương án chống đầu cơ, tích trữ, ổn định thị trường để mở ra sự ổn định đời sống nhân dân. Đồng chí luôn chủ trương kết hợp giữa cải tạo và xây dựng, trong đó lấy xây dựng là chủ yếu.

Đồng chí Nguyễn Văn Linh cũng sớm phát hiện thấy tâm lý mặc cảm trong một bộ phận nhân dân thành phố, chủ yếu là những người trước đây đã làm việc cho chế độ cũ. Có lần, một trí thức cao cấp trong chế độ cũ đã đến gặp Bí thư Thành uỷ để giải bày tâm sự. Qua câu chuyện, nhận thấy vấn đề tâm lý mặc cảm trong bộ phận này khá nặng nề, đồng chí báo cáo với

Thường vụ Thành uỷ và đề nghị Đảng bộ và chính quyền thành phố phải thực hiện tốt chủ trương đoàn kết, hoà hợp dân tộc trong mọi tầng lớp nhân dân thành phố. Đồng chí đã trực tiếp giải thích cặn kẽ để cho những người trước đây đã làm việc cho chế độ cũ biết đó là những tồn tại do lịch sử để lại; chế độ mới hoàn toàn không có sự ghét bỏ đối với bất kỳ ai trước đây đã làm việc cho chế độ cũ, miễn sao mỗi cá nhân đó thực tâm lo lắng cho cuộc đời mình, lo lắng cho công việc xây dựng đất nước. Tất cả mọi người, bất kỳ thuộc thành phần nào, tầng lớp nào, đều không nên có sự mặc cảm đó. Qua tuyên truyền giáo dục, nhất là qua việc làm thực tế, nhiều viên chức trong chế độ cũ tiếp tục được tuyển dụng vào làm việc trong các cơ quan, đơn vị sản xuất của thành phố, mặc cảm đó đã dần dần bị xoá đi.

Sự lãnh đạo, chỉ đạo các vấn đề kinh tế - xã hội với phương thức và bước đi phù hợp của đồng chí Bí thư và của tập thể Thành uỷ bước đầu có hiệu quả và được báo cáo lên Trung ương, Bộ Chính trị và đã thu hút được sự chú ý của các ban, ngành ở trung ương. Sự đồng tình của các ban, ngành ở trung ương đã tạo điều kiện thuận lợi cho thành phố tiếp tục thử nghiệm những mô hình mới. Mỗi lần ra Hà Nội họp hội nghị Trung ương, đồng chí Bí thư Thành uỷ luôn nhận được những lời chúc mừng của các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước, của bạn bè, đồng chí. Bên cạnh đó cũng không tránh khỏi có những lời nghi ngờ, thậm chí chỉ trích khá gay gắt

những chủ trương, việc làm mà thành phố đang mò mẫm để tìm lối ra.

2. Tìm tòi đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, tháo gỡ khó khăn, giải phóng cho sản xuất phát triển

Trần trở với vấn đề đổi mới cung cách làm ăn sao cho kinh tế của thành phố phát triển, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã dành khá nhiều thời gian và công sức để tham khảo ý kiến các chuyên gia về phương hướng đổi mới quản lý kinh tế của thành phố, trước hết là trong hai lĩnh vực công nghiệp và nông nghiệp.

Ngay từ lúc nhận trọng trách Bí thư Thành uỷ lần thứ nhất (1975 - 1976) mỗi lần ra Hà Nội công tác, đồng chí Nguyễn Văn Linh đều dặn anh em ở Văn phòng Trung ương thu xếp chương trình cho anh được gặp các nhà nghiên cứu lý luận để, theo cách nói của anh, “xin các đồng chí ấy cho nghe về lý luận và những lời khuyên” đối với những vấn đề anh đang quan tâm. Đồng chí để nhiều đêm đọc lại các tác phẩm của Lênin về chính sách kinh tế mới, nghiền ngẫm những luận điểm về các thành phần kinh tế, về tư bản nhà nước, về sử dụng chuyên gia tư sản, về vai trò của công đoàn khi giai cấp công nhân đã “trở thành dân tộc”,... Đồng chí hỏi han kỹ lưỡng kinh nghiệm và chính kiến của các đồng chí từng tham gia công tác cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh ở Hà Nội, Hải Phòng

sau ngày miền Bắc được giải phóng và “vấn kê” các đồng chí ấy đối với việc cải tạo ở miền Nam lúc này¹.

Có lần, đồng chí khoe với người thân trong gia đình: “Khi ra Hà Nội công tác, tôi thường về các địa phương, hoặc cử cán bộ đi nơi này nơi khác nắm tình hình. Có lần biết được ở Đồ Sơn và Hưng Yên có một số cấp uỷ xã “làm chui” khoán sản phẩm. Các đồng chí đó làm có kết quả nhưng giấu kín lắm, sợ cấp trên biết sẽ kỷ luật. Mình thấy cái đó tốt, cần phát huy nhưng về địa phương họ giấu kín nên mình chưa nói ra vội”.

Hồi đó, gia đình đồng chí Nguyễn Văn Linh còn ở 117 đường Yên Đổ (nay là Lý Chính Thắng), đối diện là cửa hàng lương thực, hàng ngày hễ mở cửa nhìn sang là thấy cảnh từng hàng người đứng chầu chực mua gạo. Đồng chí rất buồn và day dứt tự hỏi: “Miền Nam là vựa lúa mà giờ đến nỗi này là vì sao?”.

Từ trần trở của bản thân, với kinh nghiệm trong quản lý điều hành và qua nghiên cứu khảo sát thực tế, Bí thư Thành uỷ Nguyễn Văn Linh đã nhận thấy rằng một số chính sách kinh tế và cơ chế quản lý kinh tế của ta đã lỗi thời, nhưng chậm sửa, nên đã làm giảm sút nhiệt tình lao động của quần chúng, tạo khe hở để phát sinh nhiều hiện tượng tiêu cực, làm cho tình hình sản

1. Xem Trần Tình: *Một tấm gương bên bờ sáng tạo vì sự nghiệp đổi mới*. In trong *Nguyễn Văn Linh, nhà lãnh đạo kiên định và sáng tạo*, *Sđd*, tr.268.

xuất thành phố bị đình trệ, ngày càng sa sút. Giá trị tổng sản lượng công nghiệp quốc doanh trung ương đóng trên địa bàn thành phố năm 1979 giảm chỉ bằng 73,2% so với năm 1978; năm 1980 chỉ bằng 89,3 so với năm 1979. Trong khi đó, tiểu thủ công nghiệp tự chạy nguyên liệu bên ngoài (có móc một phần của Nhà nước) lại tăng lên gấp 3,5 lần giá trị tổng sản lượng so với năm 1976!

Trong phân phối lưu thông, do buông lỏng quản lý và đấu tranh thị trường (chống buôn lậu, đầu cơ, nâng giá,...) dẫn đến nhiều hộ trung thương, tiểu thương phát triển lên kinh doanh quy mô lớn, một số tư sản thương nghiệp lợi dụng tình hình lũng đoạn, chi phối thị trường, tranh mua nông sản với Nhà nước. Đó là tình trạng “rối loạn trong trật tự kinh tế xã hội chủ nghĩa” như đánh giá của Nghị quyết 26 của Bộ Chính trị năm 1980.

Trong cải tạo nông nghiệp, do chủ quan, nóng vội, do cách quản lý sản xuất theo kiểu hành chính quan liêu, không khuyến khích xã viên hăng hái sản xuất, không nâng cao được đời sống của nông dân, đến năm 1980 có khoảng 1/2 số tập đoàn sản xuất nông nghiệp phải giải thể. Liên minh công nông bị tổn thương, do chúng ta mới nặng về động viên chính trị chung chung, mà chưa thấy hết nội dung kinh tế của liên minh công nông. Thu mua nông sản liên tục giảm sút, chủ yếu do ta không vận dụng đúng quan hệ tiền - hàng, chỉ nặng biện pháp hành chính đã đẩy người sản xuất nhỏ đi

theo tư sản về mặt kinh tế. Từ cuối những năm 70, đầu những năm 80, kinh tế nước ta lún sâu vào khủng hoảng, phân phối lưu thông trở nên rối ren. Đời sống cán bộ và nhân dân rất khó khăn, tình hình tư tưởng cũng xấu đi rất nhanh. Muốn tháo gỡ khó khăn, phải tìm ra cách làm ăn mới, hợp quy luật, hợp lòng người¹.

Bước ngoặt thực sự của nông nghiệp ngoại thành được bắt đầu khi có Nghị quyết Trung ương sáu (khoá IV) năm 1979 và Chỉ thị số 100-CT/TW, ngày 13-1-1981 của Ban Bí thư (khoá IV). Để triển khai và thực hiện mục tiêu phát triển nông nghiệp theo tinh thần các chỉ thị của Trung ương, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã xác định: Nông thôn và nông nghiệp ngoại thành phải hết sức chú ý việc phát triển nông nghiệp; phải bảo đảm lương thực và thực phẩm cho nhân khẩu nông nghiệp, bảo đảm một phần nhu cầu thực phẩm, rau quả cho nội thành, bảo đảm một phần nguyên liệu cho công nghiệp chế biến và tham gia xuất khẩu; ngoại thành phải xây dựng thành vành đai thực phẩm và vành đai cây công nghiệp ngắn ngày. Việc cải tạo nông nghiệp phải gắn với việc xây dựng nông thôn mới, gắn với phát triển công nghiệp, thương nghiệp, dịch vụ; hình thành mối liên kết công - nông nghiệp phù hợp với cơ cấu kinh tế - xã hội của

1. Những sai lầm và thiếu sót này đã được đồng chí Nguyễn Văn Linh phân tích sâu sắc trong cuốn *Thành phố Hồ Chí Minh 10 năm, Sđd.*

thành phố Hồ Chí Minh và cả vùng đồng bằng sông Cửu Long. Muốn vậy, phải tập trung phát triển một số ngành chủ yếu trong nông nghiệp, hình thành một số vùng chuyên canh và vùng lúa cao sản.

Từ năm 1979, nhất là sau khi có Nghị quyết Trung ương sáu (khóa IV) tháng 9-1979, trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh đã xuất hiện một số mô hình "bung ra", đổi mới sản xuất và kinh doanh như các xí nghiệp dệt Thành Công, Phong Phú, Phước Long, Thắng Lợi, Dệt đay 13, Xí nghiệp cơ khí Caríc, Silico, Vinapro, Sinco, Công ty bột giặt miền Nam, Xí nghiệp dược phẩm 2-9, Xí nghiệp dược thú y, Nhà máy bia Sài Gòn, Xí nghiệp thuốc lá... Những mô hình mới này đã áp dụng *chế độ lương khoán sản phẩm*; tự tìm tòi tháo gỡ những khó khăn về vật tư, nguyên liệu, tiêu thụ sản phẩm và đã làm ăn có lãi.

Qua nghiên cứu, khảo sát thực tế, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã ủng hộ những mô hình tiên tiến này. Đồng chí thường nói: "Thực tế đã chứng minh rằng trong cuộc đấu tranh giành cơ giữa cái mới và cái cũ, giữa tiến bộ và lạc hậu, những cái phù hợp quy luật, có sức sống thường xuất hiện ở cơ sở, ở những nơi khó khăn, phức tạp nhất"¹. Đồng chí đã đề nghị Thành uỷ cho phép nhân diện rộng điển hình; đồng thời phát triển ra ngoài

1. Nguyễn Văn Linh: *Thành phố Hồ Chí Minh 10 năm, Sđd*, tr. 104.

phạm vi thành phố bằng việc liên hợp, liên kết với các xí nghiệp của tỉnh bạn và các xí nghiệp trung ương; bước đầu tính đến việc mở rộng quan hệ kinh tế, buôn bán với nước ngoài. Trong một cuộc họp của Thành uỷ, đồng chí nhận định: Từ khi có Nghị quyết Trung ương sáu (khoá IV), sản xuất công nghiệp đã phát triển tốt hơn. Tuy nhiên, do chưa có nhiều kinh nghiệm nên trong lãnh đạo kinh tế không phải không có lúc, có nơi xảy ra tình trạng "trống đánh xuôi, kèn thổi ngược", gây ít nhiều thiệt hại. Điều quan trọng là từ những bài học thực tế ấy Bí thư Thành uỷ Nguyễn Văn Linh và tập thể lãnh đạo thành phố Hồ Chí Minh đã kiên quyết sửa đổi và điều chỉnh kịp thời. Đồng chí nói: "Trả về cho sản xuất sự vận hành đúng quy luật của nó, thì tình hình chuyển biến trông thấy"¹. Đồng chí luôn nhắc đến Nghị quyết 01-NQ/TW, ngày 14-9-1982, của Bộ Chính trị khoá V về công tác của thành phố Hồ Chí Minh và khẳng định Nghị quyết đã soi sáng con đường đi lên của thành phố.

Muốn sản xuất “bung ra” thì các doanh nghiệp phải được giao quyền tự chủ, phải phá bỏ cơ chế quản lý quan liêu, bao cấp. Đây là điều mà đồng chí Nguyễn Văn Linh luôn nhắc tới. Trở lại thành phố Hồ Chí Minh với cương vị Bí thư Thành uỷ lần thứ hai, với quyết tâm

1. Nguyễn Văn Linh: *Thành phố Hồ Chí Minh 10 năm, Sđd*, tr. 105.

phải thực hiện kỳ được nhiệm vụ mà Nghị quyết 01 của Bộ Chính trị đã giao cho, đồng chí thấy rằng vấn đề cốt tử là phải vực dậy nền kinh tế của thành phố, bao gồm cả công nghiệp và nông nghiệp. Sự khôi phục và phát triển kinh tế của thành phố không chỉ đơn thuần là cho nó và của nó, mà còn cho khu vực đồng bằng sông Cửu Long và cho phía Nam, cho cả nước. Sau khi nắm bắt tình hình, đồng chí quyết định xây dựng mô hình thí điểm mà nơi được chọn là Xí nghiệp dệt Thành Công và giao cho Ban Công nghiệp Thành uỷ, các chuyên viên giúp việc cùng với Ban Giám đốc xí nghiệp tổng kết các bài học kinh nghiệm.

Từ mô hình này, Thành uỷ và lãnh đạo thành phố đã tập trung chỉ đạo để nhân rộng thí điểm. Đồng chí Nguyễn Văn Linh đã trực tiếp cho ý kiến: “Chỉ có một Thành Công không đủ mà phải cả trăm, nghìn cơ sở thành phố tiến mạnh vào mục tiêu chống quan liêu bao cấp, tháo gỡ để sản xuất bung ra, hiệu quả kinh tế tăng lên; đồng vốn, tay nghề của người thợ, của tiểu chủ thành phố phải được huy động, công nhân phải có việc làm”. Trong nhiều phiên họp Thành uỷ và chính quyền thành phố, đồng chí đã đề nghị cần mở rộng cơ chế tự chủ ra nhiều xí nghiệp, nhiều loại hình sở hữu khác nhau. Trong bối cảnh được “bật đèn xanh”, một số cơ sở sản xuất không thuộc diện thí điểm, nhưng tự bàn bạc nội bộ, lập đề án đổi mới cơ chế quản lý và sản xuất rồi xin ý kiến các cấp có thẩm quyền và đề đạt nguyện vọng của mình.

Sau khi tập hợp nguyện vọng, nghiên cứu, thảo luận trong Thường vụ Thành uỷ và chính quyền thành phố, Bí thư Thành uỷ Nguyễn Văn Linh đã chấp nhận việc lập một hình thức sinh hoạt diễn đàn gọi là Câu lạc bộ giám đốc và cử đồng chí Trưởng ban Công nghiệp Thành uỷ làm chủ nhiệm. Ngay buổi sinh hoạt đầu tiên đã có 80 giám đốc các cơ sở sản xuất tham dự để nghe Giám đốc Xí nghiệp dệt Thành Công báo cáo tổng kết kinh nghiệm, cùng thảo luận, rút ra những bài học về quản lý, tổ chức sản xuất. Đồng chí Bí thư Thành uỷ Nguyễn Văn Linh rất quan tâm theo dõi và tham dự nhiều buổi sinh hoạt Câu lạc bộ. Cho đến trước thời gian đồng chí lên Trung ương (6-1986), Câu lạc bộ giám đốc đã có hơn 20 buổi sinh hoạt, với những nội dung rất bổ ích, phong phú và có giá trị thực tiễn rất lớn. Những khái niệm về mô hình mới như *Kế hoạch ba phần*, *Xí nghiệp - cơ sở vệ tinh*, *loại hình công tư hợp doanh*, v.v. đã hình thành. Cũng do đề nghị của Câu lạc bộ giám đốc mà Uỷ ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã ra Quyết định số 34/UBQĐ về hoạt động của các xí nghiệp công nghiệp nhỏ¹. Khuyến khích và ủng hộ hình thức sinh hoạt mang ý nghĩa thực tiễn rất lớn này, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã nói: “Tuy tôi không dự được đầy đủ, nhưng

1. Theo quyết định này, các xí nghiệp thuê dưới 10 công nhân thì không coi việc thuê mượn là bóc lột; chế độ lương và phúc lợi là do thoả thuận giữa chủ và người lao động.

tôi nghe báo cáo lại đầy đủ. Tôi thấy thu thập được nhiều bài học từ thực tiễn, hiểu rõ hơn ý nguyện của các đồng chí mong muốn làm cho nền kinh tế công nghiệp của thành phố phát triển, công nhân có việc làm; mọi thành phần ai có của, có nghề được khuyến khích, giúp đỡ đầu tư vào sản xuất, kinh doanh. Còn một số vấn đề chưa có đủ thì giờ thảo luận như cơ chế “Đảng lãnh đạo, chính quyền quản lý, công nhân tham gia quản lý...” chúng ta sẽ tiếp tục vừa làm vừa rút kinh nghiệm”. Tuy khuyến khích tự chủ sản xuất, khuyến khích sản xuất bung ra, nhưng những nguyên tắc cơ bản vẫn được đồng chí thường xuyên quán triệt. Đồng chí nói: “... Chúng ta vừa lao động, vừa quản lý, vừa phải chấp hành các thể chế của Nhà nước, vừa phải đào sâu suy nghĩ sao cho sản xuất phải sinh lãi, hàng phải có chất lượng tốt, giá cả phải vừa với sức mua của dân và đời sống của người lao động phải dần dần được cải thiện”.

Nhờ sự chỉ đạo năng động, sáng tạo của Thành uỷ và chính quyền thành phố, sau thời gian ngắn, nền kinh tế của thành phố Hồ Chí Minh có những bước chuyển động lớn, mang tính đột phá, hàng chục nghìn cơ sở sản xuất nhỏ và sản xuất gia đình trước đó bị đình trệ đã được khôi phục và hoạt động trở lại, một số mô hình công tư hợp doanh mới được thử nghiệm. Đến những năm 1984 - 1985, sản xuất công nghiệp của thành phố có bước tiến bộ rất lớn. So với năm 1976, giá trị tổng sản lượng

đã tăng 78%, trong đó nhóm cơ khí (nhóm 1) chiếm tỷ trọng rất cao (20% tổng sản lượng) và thành phần kinh tế quốc doanh chiếm tỷ trọng khoảng 50% giá trị. Sản xuất tiêu thủ công nghiệp cũng có bước phát triển vượt bậc, chiếm 50% giá trị tổng sản lượng toàn thành phố và chiếm gần 50% giá trị sản lượng trên toàn quốc¹.

“Thành phố Hồ Chí Minh vì cả nước, cùng cả nước”. Đó là điều Đảng bộ, chính quyền thành phố và Bí thư Thành uỷ Nguyễn Văn Linh thường nhận thức và quán triệt.

Tháng 7-1983, được biết các đồng chí lãnh đạo cao cấp của Đảng và Nhà nước như Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Võ Chí Công đang nghỉ ở Đà Lạt, Bí thư Thành uỷ Nguyễn Văn Linh đã chuẩn bị cho một số giám đốc các xí nghiệp năng động, sản xuất kinh doanh có hiệu quả báo cáo trực tiếp với các đồng chí lãnh đạo cao cấp về tình hình sản xuất kinh doanh và đề đạt nguyện vọng của cơ sở mình. Đồng chí đã cùng với một số chuyên viên của thành phố chuẩn bị nội dung để trực tiếp làm việc với ba đồng chí lãnh đạo cấp cao của Đảng và Nhà nước.

Được sự đồng ý của các đồng chí Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Võ Chí Công, đồng chí Nguyễn Văn Linh và đại biểu các giám đốc của thành phố đã trực

1. Xem Nguyễn Văn Linh: *Thành phố Hồ Chí Minh 10 năm*, Sđd, tr. 105-108.

tiếp báo cáo từ ngày 12 đến ngày 16-7-1983. Ngày 17-7 đồng chí mời ba đồng chí lãnh đạo cấp cao của Đảng và Nhà nước thăm cơ sở chế biến tơ tằm và Xí nghiệp chè (cơ sở của thành phố Hồ Chí Minh tại Bảo Lộc). Ngày 19-7-1983, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã có buổi làm việc riêng với đồng chí Trường Chinh và đồng chí Phạm Văn Đồng. Tại buổi làm việc, đồng chí đã báo cáo tất cả những tâm tư, những vấn đề mà đồng chí đang nung nấu. “Sự kiện Đà Lạt” diễn ra trong thời gian vừa đúng một tuần lễ (từ 12 đến 19-7-1983). Nội dung, diễn biến những hoạt động của đồng chí Nguyễn Văn Linh trong những ngày này, cùng với những chuyển biến mọi mặt ở thành phố Hồ Chí Minh, những cách làm mới mẻ của An Giang, Long An, Vĩnh Phú, cùng với những nhận định, đánh giá của Trung ương về tình hình đất nước, sau này đã được tập thể lãnh đạo, đứng đầu là đồng chí Trường Chinh vận dụng vào việc chuẩn bị Văn kiện Đại hội VI, Đại hội khởi xướng công cuộc đổi mới mà các đồng chí Trường Chinh và Nguyễn Văn Linh là hai trong số những người có đóng góp công sức rất lớn.

Là một bí thư Thành uỷ có con mắt nhìn toàn diện, đồng chí Nguyễn Văn Linh đặc biệt quan tâm đến công tác xây dựng Đảng bộ thành phố thành một đảng bộ vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức. Đồng chí hiểu rất sâu sắc yêu cầu đổi mới trong phương thức lãnh đạo của Đảng bộ thành phố là chuyển từ lãnh đạo chiến tranh cách mạng sang lãnh đạo quản lý kinh tế - xã hội

một cách toàn diện. Do đó, công tác xây dựng Đảng có tầm quan trọng quyết định. Đồng chí nhìn rõ mặt mạnh của Đảng bộ là tinh thần cách mạng tiến công được mang từ chiến tranh cách mạng vào công cuộc xây dựng thành phố. Tuy nhiên, ở một số cán bộ, đảng viên lại sa sút phẩm chất, rơi vào chủ nghĩa cá nhân, cục bộ, tự do vô tổ chức. Một số người có chức có quyền đã mắc vào tệ quan liêu, vi phạm quyền làm chủ của nhân dân, xâm phạm tài sản của Nhà nước, xa rời nhân dân; lời nói và việc làm không đúng tư cách người đảng viên cộng sản. Đây là vấn đề phải sớm được khắc phục.

Để đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng bộ thành phố, Bí thư Thành uỷ Nguyễn Văn Linh chủ trương đẩy mạnh công tác phát triển đảng viên mới, chủ yếu là trong lớp trẻ. Không phải không có ý kiến cho rằng nếu kết nạp ồ ạt lớp trẻ vào Đảng, e họ sẽ làm khác đi những điều cha anh họ đã từng gây dựng lên. Đồng chí Nguyễn Văn Linh lại nghĩ khác. Đồng chí rất tin vào thế hệ thanh niên Việt Nam. Điều cơ bản, theo đồng chí là phải tăng cường giáo dục chính trị, lý tưởng cách mạng, để họ có thể thay thế lớp cha anh. Nhờ sự quan tâm của người đứng đầu Đảng bộ thành phố, công tác phát triển Đảng đạt kết quả khá tốt. Năm 1975 - 1976, Đảng bộ thành phố mới có 4.500 đảng viên với 200 tổ chức cơ sở đảng. Đến năm 1986, số đảng viên toàn Đảng bộ đã lên tới 53 nghìn, với 4 nghìn tổ chức cơ sở đảng. Từ năm 1975 đến năm 1985, Đảng bộ đã kết nạp được

hơn 20 nghìn đảng viên, trong đó 70% là đảng viên trẻ.

Để công tác phát triển Đảng được thuận lợi, đồng chí Nguyễn Văn Linh coi việc giáo dục chính trị tư tưởng cho đội ngũ cán bộ và củng cố tổ chức là mục tiêu phấn đấu hàng đầu. Theo đồng chí, việc bố trí đảng viên đều khắp cơ sở, trong guồng máy kinh tế - xã hội của thành phố là một bảo đảm cho sự lãnh đạo của Đảng. Bố trí cán bộ đúng người, đúng việc là điều có ý nghĩa quyết định; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đảng viên là vô cùng quan trọng. Trong điều kiện Đảng cầm quyền, Đảng phải tập trung vào công tác xây dựng, củng cố Đảng; phải xây dựng bộ máy chính quyền thực sự vì nhân dân, phải phục vụ nhân dân theo đúng nghĩa của nó. Đồng chí cho rằng gắn bó với nhân dân là "vấn đề sống chết của Đảng bộ"¹. Đồng chí rất coi trọng việc rèn luyện phong cách lãnh đạo, chỉ đạo cho cán bộ, đảng viên. Đảng lãnh đạo bằng đường lối, chủ trương, đồng thời bằng kiểm tra thực hiện. Đồng chí rất cảnh giác với xu hướng quan liêu hoá trong Đảng bộ, cả trong lối sống và cách làm việc. Vì bệnh quan liêu đã làm hư hỏng nhiều cán bộ, làm cho Đảng xa rời quần chúng, không nhạy cảm với những gì quần chúng đang bức xúc, để cho lòng người nguôi lạnh trước những vấn đề nóng bỏng mà cuộc sống đặt ra. Đồng chí thường nói: "Tình hình

1. Nguyễn Văn Linh: *Thành phố Hồ Chí Minh 10 năm, Sđd*, tr. 279.

trì trệ kéo dài của bộ máy đảng, chính quyền, đoàn thể, khuynh hướng hành chính hoá công tác cách mạng là một nguy cơ mà tổ chức đảng ở một thành phố công nghiệp, một đảng của giai cấp công nhân phải hết sức cảnh giác, vì tai hại của nó thật vô cùng"¹.

*

* *

Trên cương vị Bí thư Thành uỷ thành phố Hồ Chí Minh, đặc biệt ở vào thời kỳ đất nước đang lâm vào một cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội ngày càng trầm trọng, là một nhà lãnh đạo luôn luôn nhạy bén trước đổi mới của thực tiễn và có năng lực tổng kết thực tiễn, lại đứng mũi chịu sào ở một địa bàn làm ăn năng động như thành phố Hồ Chí Minh, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã sớm phát hiện ra những nguyên nhân gây nên ách tắc, trì trệ trong sản xuất, đã sớm nhận thức được nhu cầu của sự đổi mới, đã dẫn đầu cuộc thử nghiệm đổi mới ở thành phố này đi tới thành công, góp phần rút ra cho Đảng ta những bài học kinh nghiệm để phát triển công cuộc đổi mới ra cả nước.

Đổi mới thực chất là một cuộc cách mạng. Cuộc đấu tranh giữa cái cũ và cái mới bao giờ cũng là một cuộc đấu tranh phức tạp, gian khổ, cái mới ra đời không thể một lúc giành ngay được thắng lợi. Dự cảm được bước đi tất

1. Nguyễn Văn Linh: *Thành phố Hồ Chí Minh 10 năm, Sđd*, tr. 279.

yếu của lịch sử, nhưng muốn dẫn dắt cuộc đấu tranh cho cái mới đi tới thắng lợi, ngoài tư duy mới, người lãnh đạo lại phải có bản lĩnh, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, vừa biết căn cứ vào đường lối của Đảng, vừa biết bàn bạc với quần chúng, tổng kết cách nghĩ, cách làm của quần chúng, đề lên thành kinh nghiệm, chỉ đạo thực nghiệm, rút ra lý luận. Bằng cả lý luận và thực tế mà thuyết phục, lôi cuốn đồng chí, đồng bào làm theo. Là một cán bộ cách mạng được tôi luyện và trưởng thành qua các giai đoạn đấu tranh gian khổ, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã đáp ứng được những yêu cầu ấy của lịch sử.

Kỷ niệm 10 năm thành phố Hồ Chí Minh được giải phóng, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã giao cho đồng chí Nguyễn Văn Linh tổng kết kinh nghiệm tháo gỡ khó khăn, đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu, kiên quyết chuyển sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, giải phóng sản xuất, tạo ra động lực thúc đẩy kinh tế sản xuất phát triển. Trên ý nghĩa đó, đồng chí Nguyễn Văn Linh được coi là một trong những người có công đầu trong việc tìm tòi, khai phá con đường đổi mới ở nước ta. Với công lao và sự sáng tạo, năng động đó, đồng chí được Hội nghị Trung ương lần thứ tám (khoá V) bầu vào Bộ Chính trị và Ban Bí thư. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (12-1986), đồng chí trở thành Tổng Bí thư của Đảng, nhận trách nhiệm lãnh đạo, tổ chức thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, đưa đất nước chuyển sang một thời kỳ mới.

Chương VII

TỔNG BÍ THƯ ĐẦU TIÊN CỦA THỜI KỲ ĐỔI MỚI (1986 - 1991)

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (12-1986) đã trao cho đồng chí Nguyễn Văn Linh trọng trách Tổng Bí thư đầu tiên của thời kỳ đổi mới. Đồng chí nhận trách nhiệm Đảng giao vào lúc đã ngoài 70 tuổi, đồng thời cũng vào lúc mà tình hình quốc tế và trong nước đang diễn biến hết sức phức tạp. Chủ nghĩa xã hội thế giới đang đứng trước một cuộc khủng hoảng toàn diện và sâu sắc. Công cuộc cải tổ ở Liên Xô và Đông Âu, do sai lầm về đường lối, lại mắc phải chủ quan, duy ý chí, nên liên tiếp bị thất bại, rồi từng bước đi vào thoả hiệp, thủ tiêu đấu tranh và ngày càng sa lầy hơn trong khủng hoảng, từ kinh tế đến chính trị.

Khó khăn của tình hình quốc tế đã tác động rất nghiêm trọng đến tình hình trong nước. Các thế lực đế quốc và phản động triệt để lợi dụng tình hình đó để vu cáo, xuyên tạc, nhằm thực hiện “diễn biến hoà bình”, lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta đã hy sinh xương máu hàng mấy chục năm để xây dựng nên.

Về phía chủ quan, chúng ta đã phạm phải một số sai lầm, khuyết điểm kéo dài: duy trì quá lâu cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp khi nó không còn phù hợp với thời kỳ đất nước đã bước vào xây dựng trong hoà bình; lại rơi vào nóng vội - chủ quan, duy ý chí, “đốt cháy giai đoạn” cả trong cải tạo và xây dựng, đặc biệt nghiêm trọng là cuộc tổng điều chỉnh giá - lương - tiền tháng 8-1985, làm cho sản xuất lâm vào tình trạng trì trệ, các chỉ tiêu kinh tế của kế hoạch 5 năm (1981 - 1985) đều không đạt, nhiều lĩnh vực tăng trưởng số âm, lạm phát ba con số, có lúc tới 774% (năm 1986), giá cả tăng vọt, đời sống cán bộ và nhân dân vô cùng khó khăn, diện thiếu đói lan rộng, có lúc lên tới hơn 7 triệu người! Dự trữ ngoại tệ quốc gia chỉ còn 20 triệu đôla mà phải giải quyết rất nhiều vấn đề sản xuất và đời sống, như phải nhập phân bón, thuốc trừ sâu, thuốc chữa bệnh, v.v., được cái này phải bỏ cái kia. Tiền tài chính đã bị ngân hàng cho vay hết, Nhà nước không có tiền trả lương cho cán bộ, công nhân. Những hiện tượng tiêu cực không ngừng phát triển, công bằng xã hội bị vi phạm, kỷ cương pháp luật không nghiêm, làm cho niềm tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước bị suy giảm...

Đại hội VI của Đảng đã hạ quyết tâm phải có những quyết sách xoay chuyển tình hình, tạo ra những bước ngoặt cho sự phát triển¹ trước mắt nhằm hai mục tiêu

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1987.

cơ bản: ổn định tình hình kinh tế - xã hội; ổn định và cải thiện từng bước đời sống vật chất và văn hoá cho nhân dân. Trách nhiệm lịch sử đó trước hết đặt lên vai người đứng đầu Đảng trong thời kỳ đổi mới - đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh. Nhận rõ cả vinh dự lẫn trách nhiệm và khó khăn, đồng chí Nguyễn Văn Linh phát biểu trước Đại hội VI: “Trình độ của Tổng Bí thư so với nhiều đồng chí trong Bộ Chính trị, trong Ban Chấp hành Trung ương không xa cách bao nhiêu, ly lai như sợi tóc, điều cốt yếu là phải phát huy được trí tuệ của tập thể, bổ sung cho nhau mặt mạnh, khắc phục mặt yếu, giữ vững nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách”¹. Trong nhiệm kỳ của mình, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã nghiêm túc tuân thủ nguyên tắc đó.

1. Tổ chức, lãnh đạo thực hiện Nghị quyết Đại hội VI

Ổn định tình hình kinh tế - xã hội có nghĩa là phải ổn định cả sản xuất và phân phối lưu thông, ổn định đời sống vật chất và đời sống văn hoá, tăng cường hiệu lực của tổ chức quản lý, lập lại trật tự kỷ cương và thực hiện công bằng xã hội. Ổn định không thể tách rời với phát triển mà gắn liền với phát triển trong quá trình vận động tiến lên; *ổn định là để phát triển và có phát triển mới ổn định được*. Đó là nhận

1. Nguyễn Mạnh Cầm: *Việc nhỏ, ý nghĩa lớn*. In trong *Nguyễn Văn Linh, nhà lãnh đạo kiên định và sáng tạo*, *Sđd*, tr. 97.

thức của Đại hội VI mà đồng chí Tổng Bí thư luôn luôn phấn đấu để thực hiện.

Trong hàng loạt công việc có quan hệ biện chứng với nhau như vậy, nên bắt đầu từ đâu, *lựa chọn việc nào làm khâu đột phá*, từ đó có khả năng làm chuyển biến toàn bộ nền kinh tế - xã hội? Ở đây đòi hỏi một trí tuệ sáng suốt, một bản lĩnh từng trải để chọn quyết sách mà không được phép sai lầm, vì nếu tiếp tục sai lầm thì có thể ảnh hưởng tới vận mệnh của cả Đảng và chế độ.

Sau khi suy nghĩ kỹ và được sự nhất trí của Bộ Chính trị, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã lựa chọn *vấn đề phân phối, lưu thông* làm chủ đề cho Hội nghị Trung ương lần thứ hai, lấy đó làm mũi đột phá để tháo gỡ những rối ren nhằm ổn định tình hình kinh tế và ổn định đời sống nhân dân. Phát biểu khai mạc Hội nghị, đồng chí nêu rõ:

“Phân phối, lưu thông bao gồm nhiều bộ phận hợp thành như giá cả, lưu thông vật tư hàng hoá, tài chính - ngân sách, ngân hàng, tiền lương,... Phân phối, lưu thông vừa là điều kiện, vừa là kết quả của sản xuất. Như vậy, giải quyết vấn đề phân phối, lưu thông có liên quan chặt chẽ với quá trình sản xuất, với tổng thể cơ chế quản lý nền kinh tế quốc dân”... “Làm được việc đó, chắc chắn sẽ là bước khởi đầu tốt đẹp, tạo đà chuyển biến mạnh mẽ cho những bước sau”¹.

1. Nguyễn Văn Linh: *Đổi mới để tiến lên*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1988, t. 1, tr. 50.

Một trong những vấn đề cấp bách cần tập trung xử lý đầu tiên là *vấn đề lạm phát phi mã* ở nước ta. Đồng chí Nguyễn Văn Linh cho rằng, nguyên nhân trực tiếp của tình trạng lạm phát là bội chi ngân sách liên tục, làm cho giá cả rối ren, tăng vọt. Vì vậy, phải *thực hiện ngay bốn giảm*: giảm tốc độ bội chi ngân sách, giảm nhịp độ tăng giá, giảm tốc độ lạm phát và giảm khó khăn về đời sống của nhân dân lao động, góp phần giải phóng sức sản xuất, mở rộng giao lưu hàng hoá, chuyển các hoạt động kinh tế sang hạch toán kinh doanh, bắt đầu thực hiện giá cả theo thị trường, từ hàng tiêu dùng, nông sản, nguyên vật liệu, cho đến tư liệu sản xuất. Đồng chí chỉ đạo thi hành một số biện pháp cấp bách: tách hệ thống tài chính ra khỏi ngân hàng, lập kho bạc nhà nước, bơm tiền cho lưu thông nhằm hạn chế ách tắc lưu thông, v.v..

Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ hai đã có tác động mạnh đến quá trình sản xuất và lưu thông, tháo gỡ những ách tắc cho “đầu vào” và “đầu ra” của sản xuất, đã xử lý đúng đắn các lợi ích kinh tế để tạo ra động lực cho sản xuất phát triển, như cho phép mang hàng nhập theo người có nộp thuế, cho phép đảng viên làm kinh tế tiểu chủ, khuyến khích các thành phần kinh tế,... Chỉ riêng biện pháp mở rộng giao lưu hàng hoá, xoá bỏ “ngăn sông, cấm chợ” đã có tác dụng to lớn và tức thời đối với nhiều nơi; tình trạng khan hiếm nhiều loại hàng hoá đã được khắc phục bước đầu. Các

vấn đề tiền lương, giá cả, ngân sách, lãi suất ngân hàng,... đã dần dần được giải quyết tốt. Lạm phát từ năm 1987 đến năm 1991 giảm dần, từ lạm phát ba con số xuống còn 61% năm 1991; lưu thông tiền tệ dần được ổn định.

Trong việc cải tiến cho sản xuất, kinh doanh, đồng chí Nguyễn Văn Linh đặc biệt chú ý *vấn đề giải phóng sức sản xuất trong nông nghiệp*. Vì sao một nước sản xuất nông nghiệp giàu tiềm năng như nước ta mà để cho diện thiếu đói cứ lan rộng, có lúc lên tới 7 triệu người! Theo đồng chí, trong việc đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, *phải lấy mặt trận nông nghiệp làm khâu đột phá*, nếu muốn thực hiện thành công ba chương trình kinh tế lớn: sản xuất lương thực - thực phẩm, sản xuất hàng tiêu dùng, sản xuất hàng xuất khẩu. Năm 1981, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ra Chỉ thị 100 về cải tiến công tác khoán, mở rộng “khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động” trong hợp tác xã nông nghiệp (tức khoán 100); tuy vậy vẫn còn nhiều ràng buộc bất hợp lý. Năm 1988, Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị (tức khoán 10) đã được thông qua tại thành phố Hồ Chí Minh, dưới sự chủ trì của đồng chí Nguyễn Văn Linh. Nghị quyết đã giải phóng mạnh mẽ sức sản xuất cho nông dân, và chỉ trong năm sau, từ một nước thiếu ăn, hàng năm vẫn phải nhập thêm lương thực, có năm nhập đến 50 vạn tấn, đã tự giải quyết được nhu cầu lương thực trong nước, hơn nữa năm 1989 còn xuất khẩu được hơn 1 triệu tấn gạo!

Đây là một thắng lợi có ý nghĩa chiến lược, nó mở đầu cho sự ổn định và gia tăng về lương thực của đất nước, góp phần quan trọng vào sự ổn định chính trị đất nước trước nguy cơ sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu. Nếu Đảng ta không sớm giải quyết thành công vấn đề an ninh lương thực, không biết sóng gió sẽ nổi lên như thế nào trước cơn chấn động chính trị của chủ nghĩa xã hội thế giới xảy ra không lâu sau đó!

Từ cuối năm 1989, cuộc khủng hoảng chính trị ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu đã trở nên trầm trọng, một số nước xã hội chủ nghĩa đứng trước nguy cơ tan vỡ, sụp đổ. Lợi dụng tình hình đó, kẻ địch điên cuồng, ráo riết tuyên truyền xuyên tạc về chính trị đi đôi với bao vây cấm vận nước ta về kinh tế, tiến tới xoá bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng ta. Ở những mức độ khác nhau, tình hình trên đã có ảnh hưởng tiêu cực nhất định vào trong Đảng và trong một bộ phận nhân dân. Bên cạnh số đông vẫn vững vàng, kiên định, đã xuất hiện một số quan điểm tư tưởng lệch lạc trong số ít cán bộ, đảng viên thể hiện sự hoang mang dao động về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta; họ cho rằng chủ nghĩa Mác - Lênin đã lỗi thời, chỉ phù hợp với phương Tây, họ tuyên truyền cho quan điểm: kinh tế thị trường phải đi liền với dân chủ, đa nguyên, v.v.. Những quan điểm lệch lạc này có khả năng lây lan, ảnh hưởng tiêu cực đến sự nghiệp đổi mới đất nước, dẫn đến chệch hướng mục tiêu xã hội chủ nghĩa mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn.

Nhảy bèn và sắc sảo trước tình hình, trong các bài phát biểu vào thời gian này, đồng chí thường đề cập đến các vấn đề nhận thức và tư tưởng, kịch liệt phê phán những biểu hiện hoài nghi và dao động ở một số người. Về *dân chủ*, đồng chí nói: Dân chủ là bản chất của chế độ ta, chúng ta phải từng bước mở rộng dân chủ trong Đảng và ngoài xã hội, nhưng dân chủ phải có lãnh đạo, nếu để tự phát muốn làm gì thì làm thì sẽ dẫn đến hỗn loạn xã hội. Đồng chí cũng bác bỏ mạnh mẽ *chủ nghĩa đa nguyên*, dù là “đa nguyên ý kiến”, vì sớm muộn nó cũng sẽ dẫn tới phe phái, tới đảng đối lập.

Trong tình hình chính trị - xã hội trong nước và thế giới lúc bấy giờ, những ý kiến chỉ đạo nói trên của đồng chí Nguyễn Văn Linh thật có giá trị và kịp thời, giữ vững được sự thống nhất về tư tưởng trong Đảng và định hướng cho tư duy và hành động của toàn xã hội. Tại Hội nghị Trung ương lần thứ sáu (3-1989) và Hội nghị Trung ương lần thứ bảy (8-1989), đồng chí Nguyễn Văn Linh đã cùng Bộ Chính trị và Trung ương Đảng nhận định tình hình và đề ra *các nguyên tắc cơ bản chỉ đạo công cuộc đổi mới ở nước ta*. Những nguyên tắc này đã được bổ sung và hoàn thiện thêm tại Hội nghị Trung ương lần thứ tám (3-1990), trở thành cơ sở để thống nhất tư tưởng và hành động trong toàn Đảng, toàn dân, là sự bảo đảm chắc chắn cho sự nghiệp đổi mới không bị chệch hướng xã hội chủ nghĩa. Những nguyên tắc đó là:

1. Đổi mới phải có nguyên tắc. *Đổi mới không phải*

là thay đổi mục tiêu của chủ nghĩa xã hội mà là để đạt tới mục tiêu chủ nghĩa xã hội bằng con đường, hình thức, phương pháp và bước đi phù hợp với quy luật. Chỉ có chủ nghĩa xã hội mới củng cố và phát huy được thành quả của độc lập dân tộc, chỉ có chủ nghĩa xã hội mới mang lại cơm no, áo ấm, hạnh phúc cho nhân dân và phồn vinh cho Tổ quốc. Những người cộng sản và nhân dân lao động nước ta bất cứ trong hoàn cảnh nào cũng phải kiên trì mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội, dứt khoát không chấp nhận con đường tư bản chủ nghĩa.

2. Muốn đạt được mục tiêu xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội thì *cách mạng Việt Nam phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam*. Đó là đảng đại diện cho ý chí và lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, được vũ trang bằng chủ nghĩa Mác - Lênin, được Bác Hồ xây dựng và rèn luyện. Hơn nửa thế kỷ qua, Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta vượt qua bao sóng to, gió lớn, giành chiến thắng vẻ vang trong hai cuộc kháng chiến vĩ đại, thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Ngày nay, để thực hiện thành công sự nghiệp đổi mới, Đảng phải nhìn thẳng vào sự thật, phải dũng cảm tự phê bình sâu sắc về những thiếu sót chủ quan, rút ra bài học để tiến lên; phải đổi mới tư duy - trước hết là tư duy lý luận, đổi mới phong cách, phải nâng cao hơn nữa trình độ lý luận Mác - Lênin để vận dụng sáng tạo, đúng đắn vào việc giải quyết các vấn đề đặt ra cho cách mạng nước ta, chống mọi công thức, rập khuôn, giáo điều.

3. Đảng ta chủ trương *đổi mới toàn diện, cả kinh tế và chính trị*, song “*đặt trọng tâm vào đổi mới kinh tế*, việc đổi mới chính trị phải tiến hành tích cực nhưng vững chắc để mang lại kết quả thực tế, không gây ra sự mất ổn định về chính trị và làm phương hại đến toàn bộ công cuộc đổi mới nói chung”¹. Đồng chí nhấn mạnh: Đổi mới là sự nghiệp mới mẻ, chỉ có thể vừa làm vừa tìm tòi, khám phá, do đó phải tăng cường thâm nhập thực tế, tổng kết kinh nghiệm của các ngành, các địa phương và cơ sở, huy động trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân, đặc biệt của các nhà khoa học, cho sự nghiệp mới mẻ này.

4. Muốn đổi mới thành công phải *phát huy đầy đủ dân chủ xã hội chủ nghĩa trên mọi lĩnh vực*, phải làm cho dân chủ trở thành lực đẩy của sự nghiệp cách mạng, thực hiện đúng đắn khẩu hiệu “*lấy dân làm gốc*”, khơi dậy sức dân, đặc biệt trong lĩnh vực kinh tế. Đồng chí nói: Hiện nay “*những biểu hiện mất dân chủ, thiếu dân chủ còn đầy rẫy khắp nơi, nhiều tiếng kêu oan ức của người dân vẫn chưa được giải quyết*”²; đồng thời đồng chí cũng nhắc nhở phải nắm vững dân chủ của ta là dân chủ xã hội chủ nghĩa, dân chủ đi liền với kỷ cương, pháp luật. Chúng ta không cho phép lợi dụng dân chủ để phục vụ cho ý đồ xấu, tuyên truyền cho chủ nghĩa đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập,... mà bọn đế quốc và

1. Nguyễn Văn Linh: *Đổi mới để tiến lên*, *Sđd*, t. 3, tr. 17.

2. Nguyễn Văn Linh: *Đổi mới để tiến lên*, *Sđd*, t. 2, tr. 298.

các thế lực phản động rêu rao nhằm phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin và vai trò lãnh đạo của Đảng.

5. Trong quá trình đổi mới, phải *tiếp tục giương cao ngọn cờ của chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế vô sản*, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện lịch sử mới. Hiện nay, bọn đế quốc và các thế lực phản động đang cấu kết với nhau phá hoại thành quả của cách mạng thế giới, nhiệm vụ của chúng ta là phải ra sức góp phần ủng hộ các lực lượng xã hội chủ nghĩa, lực lượng cách mạng trong các nước, ủng hộ phong trào độc lập dân tộc, dân chủ, hoà bình và tiến bộ trên thế giới.

Tại Hội nghị Trung ương lần thứ tám, Bộ Chính trị và Ban Bí thư đã tự phê bình và phê bình việc lãnh đạo thực hiện Nghị quyết Đại hội VI của Đảng. Hội nghị quyết định xử lý kỷ luật đối với đồng chí Trần Xuân Bách, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng vì đã tuyên truyền quan điểm đa nguyên, đa đảng, vi phạm nghiêm trọng nguyên tắc tổ chức và kỷ luật của Đảng, gây nhiều hậu quả xấu.

Những nguyên tắc đổi mới trên đây đã được Đảng ta đề ra vào một thời điểm mà tình hình chính trị thế giới, đặc biệt là ở các nước xã hội chủ nghĩa đang diễn ra rất phức tạp, có ảnh hưởng tiêu cực đến sự nghiệp đổi mới ở nước ta, việc sớm khẳng định những nguyên tắc đó đã thể hiện sự vững vàng, sáng suốt, nhạy bén của Ban Chấp hành Trung ương Đảng ta, đứng đầu là đồng chí

Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh. Nghị quyết đã có tác dụng củng cố sự thống nhất về tư tưởng và hành động trong Đảng, xua đi những biểu hiện dao động, chệch hướng, mất niềm tin, đem lại định hướng vững chắc cho sự nghiệp đổi mới. Đảng ta đã ghi nhận công lao của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh, người “đã nêu ra và kiên trì thực hiện đổi mới có nguyên tắc - đổi mới nhưng luôn luôn giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, thực hiện “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra””¹.

Để cụ thể hoá và triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội VI, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã cùng tập thể Bộ Chính trị và Ban Chấp hành Trung ương Đảng, phát huy tinh thần tập thể và dân chủ, từng bước tháo gỡ khó khăn, từ việc lựa chọn vấn đề phân phối, lưu thông làm khâu đột phá, rồi đổi mới cơ chế quản lý kinh tế - trước hết trong lĩnh vực nông nghiệp và công nghiệp quốc doanh,... đến công tác tư tưởng, công tác cán bộ, v.v. nên chỉ sau mấy năm đổi mới, Đảng ta đã dần dần ổn định được tình hình kinh tế - xã hội, ổn định được đời sống của nhân dân, chặn đứng được nạn lạm phát, bước đầu tạo được niềm tin vào sự nghiệp đổi mới, trong đó thắng lợi quan trọng nhất như chính đồng chí

1. Điều văn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại lễ truy điệu đồng chí Nguyễn Văn Linh, ngày 29-4-1998.

Nguyễn Văn Linh đã nhận định: “Chúng ta đã bắt đầu chuyển và có quyết tâm chuyển. Và về đại thể, chúng ta đã nhìn thấy lối ra”¹.

2. Điều chỉnh chính sách đối ngoại, phá thế bị bao vây, cô lập, tạo điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc đổi mới

Nhiệm vụ ổn định tình hình kinh tế - xã hội, ổn định đời sống của nhân dân phụ thuộc một phần quan trọng vào việc mở rộng quan hệ đối ngoại, bao gồm cả hiệu quả của kinh tế đối ngoại. Sau Đại hội VI, tình hình kinh tế - xã hội ở các nước xã hội chủ nghĩa ngày càng trầm trọng, chúng ta chẳng những không còn nhận được viện trợ mà việc trao đổi mua bán ngang giá cũng đã chững lại, thị trường xuất khẩu của ta ngày càng bị thu hẹp, trong khi đó kẻ thù ra sức bao vây, cấm vận; rêu rao “Việt Nam xâm lược Campuchia” để cô lập Việt Nam trên trường quốc tế.

Trước tình hình đó, đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh cùng Bộ Chính trị Trung ương Đảng chủ trương điều chỉnh chính sách đối ngoại nhằm *giảm bớt căng thẳng với các nước trong khu vực và các nước láng giềng*, nhằm tạo dựng một không gian hoà bình thuận lợi cho công cuộc đổi mới, bởi có tạo ra được môi trường quốc tế hoà bình, ổn định, hợp tác cùng có lợi, cách

1. Nguyễn Văn Linh: *Đổi mới để tiến lên*, *Sđd*, t. 1, tr. 131.

mạng nước ta mới có điều kiện phát triển. Ngày 20-5-1988, Bộ Chính trị Trung ương Đảng ra Nghị quyết 13 *điều chỉnh đường lối đối ngoại*, tập trung giữ vững môi trường quốc tế hòa bình và phát triển kinh tế¹. Ba ưu tiên hàng đầu về đối ngoại được Bộ Chính trị và Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh lựa chọn là: rút quân khỏi Campuchia, bình thường hóa quan hệ Việt - Trung, cải thiện đi tới bình thường hóa quan hệ với Mỹ.

Đảng ta chủ trương *Việt Nam sẽ rút quân ra khỏi Campuchia*, vì lực lượng của bạn đã đủ mạnh, có thể tự chủ quyết định lấy công việc của mình. Chủ trương này một mặt tạo điều kiện để tăng cường thực lực cho cách mạng Campuchia, mặt khác giảm bớt gánh nặng chi phí quân sự cho Việt Nam, đồng thời xoá đi một cái cớ mà kẻ thù lợi dụng để bao vây, cấm vận nước ta.

Sau khi Đảng ta thống nhất chủ trương và phương án giải quyết vấn đề rút quân khỏi Campuchia, đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh đã trực tiếp sang Campuchia cùng bàn bạc, thống nhất quan điểm với bạn về phương án thực hiện. Ngày 6-1-1989, tại buổi lễ kỷ niệm lần thứ 10 Quốc khánh nước Cộng hoà nhân dân Campuchia, đồng chí Nguyễn Văn Linh tuyên bố Việt Nam sẽ rút hết quân khỏi Campuchia vào tháng 9-1989 sớm hơn dự định một năm, nếu có giải pháp chính trị cho vấn đề Campuchia.

1. Xem *Ngoại giao Việt Nam 1945 - 2000*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.505-506.

Để thúc đẩy Trung Quốc đi vào đàm phán giải quyết vấn đề Campuchia, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh đã qua Tổng Bí thư Đảng Nhân dân cách mạng Lào Cayxôn Phômvihản gửi thông điệp miệng đến nhà lãnh đạo Trung Quốc Đặng Tiểu Bình. Ngày 18-1-1989, Việt Nam và Trung Quốc gặp nhau ở cấp thứ trưởng ngoại giao về vấn đề Campuchia. Ngày 5-4-1989, Việt Nam tuyên bố sẽ rút hết quân khỏi Campuchia, dù có giải pháp chính trị hay không. Sau đó, ngày 30-7-1989, Hội nghị quốc tế về Campuchia đã bắt đầu họp tại Pari. Con bài “Việt Nam phải rút quân khỏi Campuchia” của đối phương đã hoàn toàn bị ta vô hiệu hoá, nó cũng mở đường cho việc xoá bỏ cấm vận của Mỹ, tiến tới bình thường hoá quan hệ với Việt Nam. Các nước phương Tây và ASEAN đã vượt qua lệnh cấm vận của Mỹ, bắt đầu làm ăn với Việt Nam. Đó là một thắng lợi ngoại giao rất quan trọng của nước ta.

Cũng trong năm 1989, đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh cùng Bộ Chính trị Trung ương Đảng ta đã từ phân tích đặc điểm của cuộc chiến tranh hiện đại, xem xét mối quan hệ Việt - Trung trong diễn biến mới của quan hệ quốc tế, đã đưa ra chủ trương *sẽ rút quân khỏi khu vực biên giới Việt - Trung*. Quyết định này vừa để giảm bớt chi phí quân sự ở biên giới phía Bắc, vừa để mở đường cho việc khôi phục lại quan hệ bình thường Việt - Trung.

Tiếp theo một loạt xúc tiến ngoại giao ở các cấp,

trong hai ngày 3 và 4-9-1990, tại Khách sạn Kim Ngưu ở Thành Đô, thủ phủ tỉnh Tứ Xuyên, Trung Quốc, đã diễn ra cuộc gặp gỡ bí mật giữa lãnh đạo cấp cao của hai nước. Các đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Đỗ Mười, Cố vấn Phạm Văn Đồng và các đồng chí Tổng Bí thư Giang Trạch Dân, Thủ tướng Quốc vụ viện Lý Bằng đã gặp lại nhau sau hơn 10 năm xa cách. Cuộc gặp gỡ diễn ra một cách cởi mở, thân tình. Tổng Bí thư Giang Trạch Dân nói mở đầu cuộc gặp: “Hoan nghênh các đồng chí Việt Nam sang Trung Quốc hội đàm với chúng tôi. Các đồng chí là những người thuộc thế hệ lãnh đạo lão thành của Việt Nam, cũng là những người bạn lão thành quen biết của những người thuộc thế hệ lãnh đạo lão thành của Trung Quốc, điều đáng tiếc là đã mười mấy năm chưa được gặp nhau. Tôi và đồng chí Lý Bằng một hai năm gần đây mới tiếp nhận công tác của các bậc tiền bối lão thành... Chúng tôi hy vọng giữa Trung Quốc và Việt Nam có thể khôi phục mối quan hệ mật thiết giữa hai đảng và hai nước do các vị lãnh đạo thuộc thế hệ lão thành xây dựng nên”.

Cuộc hội đàm cấp cao Việt - Trung tại Thành Đô là sự thể hiện tầm nhìn xa trông rộng, tinh thần trách nhiệm cao trước lịch sử của các nhà lãnh đạo hai đảng, hai nước; xuất phát từ nguyện vọng tha thiết của nhân dân hai nước, vượt qua mọi mặc cảm, nhanh chóng đi đến quyết định giải quyết vấn đề Campuchia và *bình thường hoá quan hệ Việt - Trung*.

Tại buổi chiêu đãi trọng thể và thân mật ở Khách sạn Kim Ngưu tối 3-9-1990, chúc mừng thành công của cuộc hội đàm, Tổng Bí thư Giang Trạch Dân đã đọc hai câu cuối trong bài thơ của Giang Vịnh đời Thanh:

*Độ tận kiếp ba, huynh đệ tại,
Tương phùng nhất tiểu, dẫn ân cừ.*

Tạm dịch:

*Qua tai biến, anh em còn đó
Cười vui gặp gỡ, hết oan cừ.*

Trong lời đáp, đồng chí Nguyễn Văn Linh nói: “Cuộc hội đàm của chúng ta đã thành công tốt đẹp. Hai bên đã thống nhất được quan điểm về vấn đề Campuchia, về khôi phục lại quan hệ giữa hai đảng, hai nước, khép lại quá khứ, mở ra một tương lai tốt đẹp mới giữa hai nước”.

Đồng chí Nguyễn Văn Linh đã chủ động bắt tay và ôm hôn đồng chí Giang Trạch Dân, trong tiếng vỗ tay nhiệt liệt của cử tọa.

Để phá vỡ thế bị bao vây cô lập của ta, trong tình hình quốc tế còn đang diễn biến phức tạp, khó lường, đồng chí Nguyễn Văn Linh chấp nhận những nhượng bộ nhất định để đạt hai mục tiêu: giải quyết vấn đề Campuchia và bình thường hóa quan hệ Việt - Trung. Nó cũng phản ánh bản lĩnh quyết đoán, dám làm, dám chịu trách nhiệm trước Đảng và trước dân, mở ra chương mới trong quan hệ giữa hai nước.

Sau buổi chiều dài, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh đã làm mấy câu thơ hoạ lại ý thơ của Giang Trạch Dân:

*Huynh đệ chi giao đã mấy đời,
Giận hờn chốc lát cũng qua thôi.
Nụ cười lại nở khi gặp mặt,
Tình bạn muôn năm nối lại rồi.*

Tiếp theo Hội nghị Thành Đô, các nhà lãnh đạo cao cấp Trung Quốc đã mời một đoàn đại biểu cấp cao của Đảng và Nhà nước Việt Nam sang thăm chính thức Trung Quốc vào tháng 11-1991.

Ngay sau Đại hội VII của Đảng Cộng sản Việt Nam vừa thành công, các đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười và Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Võ Văn Kiệt đã dẫn đầu đoàn đại biểu Đảng và Nhà nước ta sang thăm hữu nghị chính thức Trung Quốc. Cuộc đón tiếp diễn ra trọng thể tại Quảng trường Đại lễ đường nhân dân Bắc Kinh, theo nghi lễ đón nguyên thủ quốc gia. Cuộc hội đàm diễn ra sau đó đã thể hiện quyết tâm của hai bên: khôi phục và phát triển quan hệ hợp tác Việt - Trung, đưa tình hữu nghị truyền thống giữa hai nước sang một trang sử mới.

Việc bình thường hoá quan hệ Việt - Trung không những đáp ứng lợi ích của hai nước mà còn góp phần vào tăng cường hoà bình, ổn định, hợp tác ở khu vực. Sự kiện đó góp phần làm thay đổi tình hình ở Đông Nam Á; các nước ASEAN, Nhật Bản, Hàn Quốc, nhiều nước thuộc châu Âu và cả Hoa Kỳ đã trước sau lần lượt bình thường hoá quan hệ với Việt Nam. Với thắng lợi này,

chúng ta đã làm thất bại âm mưu bao vây, cô lập, cấm vận Việt Nam của các thế lực thù địch, mở ra những điều kiện thuận lợi cho công cuộc đổi mới ở nước ta.

Cũng trong nhiệm kỳ của mình, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh còn tiến hành một loạt hoạt động ngoại giao khác nhằm “mở rộng quan hệ đối ngoại và nâng cao vị thế của nước Việt Nam trên trường quốc tế”. Về mối quan hệ Việt - Mỹ, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh tuyên bố: “Việt Nam luôn luôn muốn có quan hệ tốt đối với nhân dân Mỹ, Chính phủ Mỹ. Chiến tranh đã kết thúc 15 năm mà chưa có quan hệ bình thường là chậm. Việt Nam sẵn sàng giải quyết mọi trở ngại trên con đường bình thường hoá; trở ngại còn lại là ở phía Mỹ”¹.

Về mối quan hệ Việt Nam - Nhật Bản, đồng chí nói: “Nhật Bản là cường quốc kinh tế, có khả năng phát triển hợp tác không chỉ với Việt Nam mà còn với nhiều nước khác, ít nhất là về kinh tế, khoa học - kỹ thuật. Nếu Nhật Bản đã làm tốt với nhiều nước châu Á thì quan hệ tốt với Việt Nam chẳng những giúp kinh tế Việt Nam tốt lên mà còn tạo cơ sở xây dựng khu vực này thành khu vực hoà bình, hợp tác, hữu nghị. Nhật Bản rất có khả năng làm việc này”².

Đầu năm 1987, đồng chí dẫn đầu đoàn đại biểu Đảng ta đi dự Đại hội lần thứ III Đảng Cộng sản Cuba.

1, 2. Nguyễn Văn Linh: *Trả lời các nhà báo nước ngoài*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991, tr. 134, 136.

Tại đây, đồng chí đã có những cuộc gặp gỡ, trao đổi với lãnh tụ Cuba Phiden Caxtorô và với nhiều nhà lãnh đạo Đảng, Nhà nước của Nicaragua, En Xanvado, Ănggôla,... Cuối năm 1987, đồng chí dẫn đầu đoàn đại biểu Đảng ta đi dự Đại hội lần thứ VI của Đảng Nhân dân cách mạng Lào. Năm 1989, đồng chí dẫn đầu đoàn đại biểu Đảng và Nhà nước ta đi thăm Ấn Độ, Cuba; năm 1990 thăm Cộng hòa dân chủ Đức nhân 40 năm thành lập, nhân đó hội đàm với đảng các nước xã hội chủ nghĩa nhằm góp phần củng cố hệ thống xã hội chủ nghĩa.

Đặc biệt, trong năm 1987, đồng chí đã hai lần đi thăm Liên Xô, một lần với tư cách người đứng đầu Đảng và Nhà nước ta thăm hữu nghị chính thức Liên Xô (5-1987), một lần dẫn đầu đoàn đại biểu Đảng ta đi dự kỷ niệm 70 năm Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười (11-1987), đồng thời dự cuộc gặp gỡ với đại biểu của 178 đảng cộng sản và công nhân, phong trào và các tổ chức quốc tế. Tại cuộc mít tinh trọng thể kỷ niệm 70 năm Cách mạng Tháng Mười vĩ đại, đồng chí Nguyễn Văn Linh được mời thay mặt các đoàn khách quốc tế đọc lời chào mừng, thể hiện lòng biết ơn của Đảng và nhân dân Việt Nam đối với những hy sinh to lớn, những cống hiến vĩ đại của nhân dân Liên Xô cho hòa bình và cách mạng thế giới. Trong một lần gặp gỡ với Goócbachốp sau khi Đại hội đại biểu Xôviết tối cao Liên Xô lần thứ III quyết định sửa đổi Điều 6 và Điều 7 Hiến pháp Liên Xô, thực chất là gạt bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản

Liên Xô, đánh đồng Đảng Cộng sản với các đảng phái khác và các tổ chức quần chúng, xã hội. Đồng chí Nguyễn Văn Linh đã chất vấn Goócbachốp về điều đó và thẳng thắn nói: “Với tư cách một người cộng sản tôi có thể chân thành nói với đồng chí đây là một sai lầm nghiêm trọng sẽ dẫn đến những hậu quả khôn lường không chỉ đối với Liên Xô”¹.

Các cuộc đi thăm và gặp gỡ quốc tế là những dịp thuận lợi để đồng chí trình bày các quan điểm của Đảng ta, về chính sách ngoại giao rộng mở của Nhà nước ta, đặc biệt là để nêu cao lập trường và quan điểm của Việt Nam trong việc giải quyết vấn đề Campuchia, vấn đề bình thường hoá quan hệ với nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa, về đẩy mạnh hợp tác kinh tế đối ngoại với nhiều nước có chế độ chính trị khác nhau.

Những hoạt động đối ngoại với cường độ cao, chủ động và nhạy bén của đồng chí Nguyễn Văn Linh trong nhiệm kỳ Tổng Bí thư đầu tiên thời kỳ đổi mới đã đạt hiệu quả to lớn. Nó đã góp phần từng bước phá vỡ thế bao vây, cô lập của kẻ thù đối với ta, làm giảm áp lực về chính trị - ngoại giao đối với nước ta trong những năm mà hệ thống xã hội chủ nghĩa ngày càng khủng hoảng và đang có nguy cơ tan rã, đồng thời mở ra bước chuyển

1. Nguyễn Mạnh Cầm: *Việc nhỏ ý nghĩa lớn*. In trong *Nguyễn Văn Linh, nhà lãnh đạo kiên định và sáng tạo*, *Sđd*, tr.99.

mối, thực hiện chính sách đối ngoại rộng mở: *Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển*. Phương châm đó thể hiện sự đổi mới tư duy đối ngoại của Đảng ta theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

3. Tăng cường xây dựng Đảng và “những việc cần làm ngay”

Đại hội VI của Đảng đã chỉ rõ: “Những sai lầm và khuyết điểm trong lãnh đạo kinh tế - xã hội bắt nguồn từ những khuyết điểm trong hoạt động *tư tưởng - tổ chức và công tác cán bộ của Đảng*. Đây là nguyên nhân của mọi nguyên nhân”¹.

Nhận trọng trách Tổng Bí thư, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã tập trung cố gắng của toàn Đảng vào thực hiện nhiệm vụ then chốt: *nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng*. Đồng chí nói: “Để xứng đáng là người lãnh đạo chính trị đối với xã hội, xứng đáng với niềm tin yêu, hy vọng của nhân dân, *Đảng ta phải không ngừng nâng cao và hoàn thiện sự lãnh đạo của mình*. Điều này trước hết liên quan đến việc soạn thảo chiến lược và sách lược đáp ứng đúng yêu cầu cách mạng trong từng thời kỳ để định hướng cho xã hội tiến lên”². Muốn thế, Đảng phải đổi mới về nhiều mặt: đổi

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, Sđd*, tr. 27.

2. Nguyễn Văn Linh: *Đổi mới để tiến lên, Sđd*, t. 3, tr. 16-17.

mối tư duy, trước hết là tư duy kinh tế; đổi mới tổ chức; đổi mới đội ngũ cán bộ; đổi mới phong cách lãnh đạo và công tác.

Nói *đổi mới tư duy* trước hết phải nói đến đổi mới *tư duy lý luận*. Đồng chí Nguyễn Văn Linh và Đảng ta đã chỉ ra tình trạng còn lạc hậu về lý luận, cụ thể là chưa có nhận thức đầy đủ về đặc điểm của thời kỳ quá độ và những quy luật đang hoạt động trong thời kỳ quá độ, còn nhận thức giản đơn về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa ở nước ta; chưa thừa nhận quy luật sản xuất hàng hoá đang tồn tại khách quan nên chưa vận dụng được vào việc chế định chủ trương, chính sách kinh tế. Vì vậy, đồng chí Nguyễn Văn Linh luôn luôn nhắc nhở phải thấy vai trò tiên phong của lý luận trong quá trình đổi mới. Đồng chí nói: “Để tiến hành công cuộc đổi mới ở bất cứ lĩnh vực nào của đời sống xã hội, cần phải chuẩn bị trước về cơ sở lý luận. Sự khám phá về lý luận phải là tiền đề và điều kiện cơ bản làm cơ sở cho sự đổi mới trong hoạt động thực tiễn”¹. Dựa trên sự dẫn đường của lý luận, chúng ta thiết kế cơ chế, soạn thảo chính sách, biện pháp, rồi đem thử nghiệm trong các mô hình khác nhau, qua chọn lọc của thực tế, cái gì hợp với quy luật, được cuộc sống chấp nhận, mới đem triển khai trên quy mô đại trà. Đồng chí kết luận: “Chỉ có lý luận nào vận động

1. Nguyễn Văn Linh: *Đổi mới để tiến lên*, *Sđd*, t. 1, tr. 33.

theo chu trình nghiêm ngặt đó mới có tương lai đầy hứa hẹn và làm đúng chức năng xã hội của nó... Từ nay về sau việc đề ra các quyết định lớn của Đảng và Nhà nước phải kiên trì đi theo con đường đó,... Nôn nóng muốn bỏ qua các bước quá độ cần thiết là một sai lầm không kém phần tai hại”¹. Tuy nhiên, đồng chí cũng chỉ rõ không phải cái gì cũng chờ lý luận giải quyết xong xuôi rồi mới làm, mà phải vừa làm vừa bổ sung, phát triển lý luận.

Nhưng muốn có nhận thức lý luận đúng lại phải có *phương pháp tư duy* đúng. Đồng chí Nguyễn Văn Linh lưu ý: “Phương pháp tư duy đúng đắn không thừa nhận sự cường điệu hoá, nhấn mạnh mặt này coi nhẹ mặt kia trong khi sự vật vốn bao hàm sự thống nhất hai mặt đối lập...”². Đồng thời đồng chí cũng nhắc nhở phải đề phòng việc nhân danh đổi mới để phủ nhận những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, “phủ nhận những thành tựu lý luận và quan điểm đúng đắn của Đảng, phủ nhận các quy luật phổ biến của cách mạng xã hội chủ nghĩa, trái lại cần tiếp tục hoàn chỉnh và phát triển thêm những thành tựu đó”³.

Để nâng cao trình độ lý luận, đồng chí yêu cầu các cán bộ, đảng viên phải ra sức “học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, khai thác kho tàng tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh và các đồng chí lãnh đạo của Đảng,... học những

1, 2, 3. Nguyễn Văn Linh: *Đổi mới để tiến lên*, *Sđd*, t. 1, tr. 34-35, 36, 37.

kinh nghiệm rút ra từ thực tiễn cách mạng nước ta và tham khảo những thành tựu phát triển lý luận của các đảng anh em”¹.

Trong *công tác tổ chức*, đồng chí nhấn mạnh một quan điểm mà Chủ tịch Hồ Chí Minh thường nhắc nhở là “mọi sự đổi mới trước hết phụ thuộc vào việc đổi mới cán bộ” vì “sau khi có đường lối đúng, cán bộ là khâu quyết định nhất để biến đường lối thành hiện thực”². Trong việc đánh giá cán bộ, đồng chí nhắc nhở phải tránh bệnh hình thức, như chỉ căn cứ thuần túy vào độ tuổi, bằng cấp, nguồn,... mà phải biết “lấy hiệu quả thực hiện nhiệm vụ chính trị làm thước đo phẩm chất và năng lực”, nhất là trong hoàn cảnh hiện nay, phải lấy việc đổi mới cách nghĩ, cách làm, sao cho thúc đẩy việc giải phóng sức sản xuất, khởi động được tính chủ động và quyền làm chủ của dân,... làm căn cứ để đánh giá cán bộ.

Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa *đức* và *tài*, *phẩm chất* và *năng lực* trong đánh giá cán bộ, đồng chí đã có sự lý giải rất thuyết phục như sau: “Trình độ trí tuệ dù quan trọng đến mấy cũng chỉ là một trong những điều cần có của một cán bộ. Chú ý rằng, phẩm chất cách mạng là yếu tố hết sức cơ bản. Lòng trung thành vô hạn với lý tưởng cộng sản chủ nghĩa,... ý chí cách mạng tiến công,... sự gắn bó và ý thức phục vụ nhân dân lao động, tôn trọng và xây dựng

1, 2. Nguyễn Văn Linh: *Đổi mới để tiến lên*, *Sđd*, t. 1, tr. 43, 38.

quyền làm chủ của nhân dân lao động; tính trung thực, ý thức dám đấu tranh và biết tự phê phán cùng với sinh hoạt cá nhân lành mạnh nêu gương được cho mọi người chung quanh...; tất cả những điều này nếu không có thì một cán bộ nào đó dù trí tuệ có cao đến đâu cũng không có ích gì cho cách mạng”¹.

Đây là một dự cảm, một tiên liệu sáng suốt của đồng chí Tổng Bí thư về tầm quan trọng của công tác giáo dục đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên khi chuyển từ cơ chế tập trung, bao cấp sang cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Từ ý kiến chỉ đạo của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh, nếu chúng ta kịp thời xây dựng thành *chiến lược giáo dục đạo đức cách mạng* cho cán bộ, đảng viên, như Bác Hồ vẫn thường làm vào những lúc cách mạng chuyển giai đoạn, thì chúng ta có thể tránh được những tổn thất về cán bộ như đã xảy ra trong những năm gần đây.

Đồng chí Nguyễn Văn Linh cũng chỉ ra mối quan hệ giữa đổi mới tư duy, đổi mới cán bộ với *đổi mới phong cách lãnh đạo và lề lối làm việc*, đó là một quá trình thống nhất, không thể tách rời. Những sai lầm, khuyết điểm của chúng ta, ngoài nguyên nhân về tư tưởng và tổ chức, có nguyên nhân thuộc về phương pháp và phong cách công tác như quan liêu, cửa quyền, nói không đi đôi với làm, không tuân thủ nguyên tắc tập trung dân

1. Nguyễn Văn Linh: *Đổi mới để tiến lên*, Sđd, t. 1, tr.39.

chủ trong sinh hoạt Đảng, trong lãnh đạo và công tác. Theo đồng chí Nguyễn Văn Linh, phong cách cần có của người cán bộ, đảng viên trong công cuộc đổi mới là “phải gắn lời nói với việc làm, có nhiệt tình cách mạng cao thống nhất với tri thức khoa học vững chắc, dám nhìn thẳng vào sự thật, công khai hoá hoạt động, đi sâu đi sát thực tiễn,... biết giải quyết mọi công việc trên cơ sở phát huy quyền làm chủ và tính chủ động của nhân dân lao động...”¹.

Bản thân đồng chí Nguyễn Văn Linh là một tấm gương sáng về phong cách leninist, phong cách Hồ Chí Minh. Đó là phong cách tập thể và dân chủ; phong cách tỉ mỉ, cụ thể, đi tận nơi, xem tận chỗ, lắng nghe ý kiến của cấp dưới; phong cách gần dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của dân, của các đại biểu Quốc hội mà bản thân đồng chí là một đại biểu. Một lần, sau Đại hội VI, Quốc hội họp để bầu Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng. Danh sách ứng viên chỉ có một. Một đoàn đại biểu đề cử thêm một ứng viên nữa, cũng là một đồng chí rất sáng giá. Vậy nên thế nào? Bầu 1, danh sách ứng viên chỉ nên một hay cứ để cả hai? Đồng chí Nguyễn Văn Linh phát biểu: “Nên tôn trọng quyền lựa chọn dân chủ của Quốc hội, danh sách ứng viên cứ để hai người

1. Bài phát biểu của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh nhân ngày báo chí Việt Nam, báo *Quân đội nhân dân*, số 10436, ngày 14-6-1990.

chọn một, đồng chí nào cũng đều xứng đáng cả, lọt sàng xuống nia, tăng sự tín nhiệm của Quốc hội”. Tất nhiên, đồng chí được dự kiến vẫn trúng cử với số phiếu cao, các đại biểu Quốc hội đều thỏa mãn. Đó là một sự kiện đánh dấu sự đổi mới về dân chủ trong bầu cử, đổi mới tư duy và phương pháp làm việc của Quốc hội nước ta được nhiều nước xã hội chủ nghĩa đánh giá cao.

Trong nhiệm kỳ Tổng Bí thư của mình, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã dành thời gian đi thăm nhiều địa phương và cơ sở. Năm 1987, ngay sau Tết, đồng chí đến vùng mỏ, xuống tận hầm lò với công nhân, sau đó đồng chí đến thăm Quân đoàn 1, Sư đoàn 308 và Trung đoàn Thủ đô; thăm xã Đa Tốn, dự lễ phát động “Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ”; thăm các xí nghiệp giày da, dệt may tại thành phố Hồ Chí Minh, Nhà máy công cụ số 1, Dệt 8-3 Hà Nội, Nhà máy Z125 thuộc Tổng cục Kỹ thuật - Bộ Quốc phòng; thăm công trường xây dựng Thủy điện Trị An, dầu khí Vũng Tàu - Côn Đảo, Nhà máy thủy điện Hoà Bình, Nông trường Tam Đảo, v.v.. Năm 1988, đồng chí đi thăm và làm việc tại các tỉnh Long An, Minh Hải, Hà - Nam - Ninh,... Năm 1989, thăm Quảng Nam - Đà Nẵng, Nghĩa Bình,... thăm Sư đoàn 9 thuộc Quân khu 4,... Năm 1990, thăm Nghệ - Tĩnh, Hải Phòng, Hà Bắc, Bình Định, Đồng Nai, Tây Ninh, Lâm Đồng,... Năm 1991 đi thăm các tỉnh miền núi Sơn La, Lai Châu, Lạng Sơn,... gặp gỡ với cán bộ lão thành cách mạng, thăm các gia đình cách mạng ở Hà Nội và nhiều địa phương, thăm

các gia đình thương binh, liệt sĩ, tù chính trị Côn Đảo, v.v..

Ngày 22-5-1988, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh đến thăm cán bộ và nhân dân xã Vân Xuân, huyện Vĩnh Lạc, tỉnh Vĩnh Phú. Trước khi lên đường, đồng chí nói với người tháp tùng: "Tôi nghe hợp tác xã Vân Xuân, huyện Vĩnh Lạc đang có phong trào sản xuất khá, nhưng không đến tận nơi thì không hiểu thực hư thế nào. Chú thu xếp sáng mai ta đi thăm. Nhớ là chỉ "nhà mình" đi chung một xe 12 chỗ ngồi, về thẳng xã, cứ nói là có mấy đồng chí cán bộ của Trung ương nghe tin địa phương đang có chuyển biến trong làm ăn, nên ghé thăm, muốn trực tiếp hỏi chuyện những bà con làm ăn giỏi và cả những bà con, bộ đội xuất ngũ, thương binh đời sống đang còn gặp khó khăn"¹. Đồng chí còn yêu cầu khi đi, "không bố trí phóng viên của Đài truyền hình và các báo đi cùng, không cần báo cho tỉnh, cho huyện để tránh kéo nhau xe cộ ùn ùn về xã. Nhớ chuẩn bị chút gì ăn trưa, nếu phải làm việc muộn ở địa phương". Gặp gỡ nông dân xã Vân Xuân, đồng chí biết nhiều chuyện của làng, của xã, chuyện sản xuất, chăn nuôi, bao chuyện buồn vui đều được bà con bộc bạch. Sau hai giờ trò

1. Theo tài liệu của đồng chí Trần Tình, Phó Văn phòng Trung ương Đảng, người tháp tùng Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh về thăm xã Vân Xuân, huyện Vĩnh Lạc, tỉnh Vĩnh Phú, ngày 22-5-1988. Xem báo *Nhân dân cuối tuần*, số 21 (486), ngày 24-5-1998.

chuyện, bà con của xã Vân Xuân mới biết người đến thăm chính là Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh. Trưa hôm ấy, Huyện uỷ và Uỷ ban nhân dân huyện Vĩnh Lạc mời cơm, nhưng đồng chí từ chối với lý do đã có xôi nếp mang đi từ nhà. Các anh ở huyện có "sáng kiến" mời anh Linh ăn ngô non luộc, "đặc sản" của địa phương. Tổng Bí thư vui vẻ "đổi xôi lấy ngô ăn". Trên đường về, Tổng Bí thư rất vui, nói: "Các chú thấy không, đây là chuyến đi thực tế thành công của ta"¹.

Cũng nhờ có đi sâu, đi sát địa phương và cơ sở, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã nắm bắt rõ nhiều vấn đề nhức nhối mà nếu cứ ngồi ở văn phòng, cơ quan thì không thể nào biết được. Nhiều người đã biết một vụ việc điển hình là đầu năm 1979, ở tỉnh Minh Hải (cũ) xảy ra vụ án giết người rất thương tâm, gây xôn xao dư luận. Đó là vụ thiếu úy công an Lữ Anh Dồi bị sát hại. Theo hồ sơ điều tra của Ty Công an Minh Hải lúc ấy, thì Lữ Anh Dồi có âm mưu cướp tàu biển để tổ chức vượt biên. Khi bị phát hiện, Lữ Anh Dồi chống cự lại, nên bị công an bắn chết. Song, theo lời tố giác và khiếu nại của chị Nguyễn Thị Mai, vợ anh Dồi, thì chồng chị bị sát hại là do một âm mưu mờ ám vẫn bị bùng bít. May sao, vào

1. Theo tài liệu của đồng chí Trần Tình, Phó Văn phòng Trung ương Đảng, người tháp tùng Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh về thăm xã Vân Xuân, huyện Vĩnh Lạc, tỉnh Vĩnh Phú, ngày 22-5-1988. Xem báo *Nhân dân cuối tuần*, số 21 (486), ngày 24-5-1998.

cuối năm 1988, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh về thăm Minh Hải và được nghe nhân dân địa phương tường thuật lại vụ án này. Đồng chí dành nhiều thời gian tiếp chị Mai. Khi trở về Hà Nội, đồng chí chỉ thị cần lập Ban chuyên án do cấp trung ương trực tiếp chỉ đạo để làm rõ sự thật. Vụ án được làm sáng tỏ. Kẻ chủ mưu giết người và vu khống Lữ Anh Dôi chính là trung tá Trần Ngọc, nguyên Phó Ty Công an Minh Hải. Sau 10 năm ung dung sống ngoài vòng pháp luật, cuối cùng kẻ phạm tội đã phải ra trước vành móng ngựa. Qua sự việc này, nhân dân càng thấy rõ cái "tâm" rất trong sáng của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh¹.

Trong khi đi công tác tại các địa phương, cơ sở, đồng chí Nguyễn Văn Linh thường đến thăm các vị lão thành cách mạng, thăm các đồng chí thương, bệnh binh, các gia đình liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng. Đồng chí đã mang đến cho những người có công với nước một tình cảm trân trọng và sự quan tâm sâu sắc.

Nhiều người còn nhớ trong những ngày đầu xuân Canh Ngọ (1990), trong dịp kỷ niệm 60 năm ngày thành lập Đảng, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh đã có cuộc gặp mặt với gần 380 cán bộ hoạt động cách mạng lâu năm đã về hưu, có mặt tại Hà Nội. Nhiều cụ có trên dưới 50 năm tuổi Đảng, đầu tóc bạc phơ, hồ hởi, tay bắt mặt

1. Theo tài liệu của Trúc Diệp Thanh, trong bài: *Cái tâm của người lãnh đạo*, tạp chí *Thanh niên*, số 9-1995.

mừng với Tổng Bí thư. Đồng chí Trương Thị Mỹ, người công nhân của Công hội đỏ năm xưa, đã từng được Nguyễn Văn Linh diu dắt khi còn hoạt động ở Hải Phòng năm 1936, nắm tay Tổng Bí thư, nói: "Anh có nhận ra tôi không?". Nguyễn Văn Linh vui mừng nói: "Sao lại không nhận ra, chị vẫn nhanh nhẹn... như xưa". Đồng chí Nguyễn Văn Hoan, người bạn tù cùng Nguyễn Văn Linh ở nhà tù Côn Đảo năm 1931, xúc động: "Anh Linh có nhận ra tôi không? Hoan kính trắng đây. Tôi còn nhớ số tù của anh là 3846 và số tù của anh Nguyễn Văn Cừ là 3843. Khi ở Côn Đảo, anh mới 16, 17 tuổi. Ở trong tù mà chịu khó học lắm. Anh còn tham gia văn nghệ nữa". Đồng chí rất xúc động ôm chặt đồng chí Nguyễn Văn Hoan và nói: "Anh thật có trí nhớ tuyệt vời". Tổng Bí thư chúc sức khỏe và gửi lời chào đến các đồng chí lão thành cách mạng và tỏ lòng biết ơn những đồng đội năm xưa vào tù ra tội, song vẫn một lòng một dạ kiên định chiến đấu dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì nền độc lập, tự do của Tổ quốc. Tổng Bí thư đến với các cụ bằng tấm lòng thủy chung, trong sáng và các cụ đến với Tổng Bí thư cũng bằng tấm lòng trong sáng, thủy chung.

Đi xuống các địa phương và cơ sở, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh càng thấy Đảng phải làm tốt hơn nữa công tác dân vận, đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo, mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất phù hợp với hoàn cảnh mới. Đồng chí tin tưởng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng với Đảng và Nhà nước đồng tâm hiệp lực

trong nhiệm vụ thắt chặt khối đoàn kết dân tộc, đoàn kết những người yêu nước trong Mặt trận dân tộc thống nhất để đưa sự nghiệp đổi mới đến thành công.

Chính nhờ phong cách gần dân, hiểu được tâm tư, nguyện vọng của dân, nên đồng chí được dân cho biết về những hiện tượng hư hỏng của một bộ phận cán bộ có chức, có quyền, từ đó đồng chí sớm đề nghị với Bộ Chính trị Trung ương Đảng ra nghị quyết về cuộc vận động làm trong sạch Đảng và bộ máy Nhà nước, làm lành mạnh hoá các quan hệ xã hội, qua đó đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực. Bản thân đồng chí là một chiến sĩ xung kích, đi tiên phong trên mặt trận này, trước hết là bằng những bài báo ngắn về *Những việc cần làm ngay*.

Ngày 25-5-1987, báo *Nhân dân* đăng trên trang nhất bài viết với hàng tít đậm: *Những việc cần làm ngay*, dưới ký tên N.V.L. Bài viết không dài, chưa tới 400 chữ, song đã đi thẳng vào vấn đề nóng bỏng khi đó là việc giá cả tăng vọt. Bài báo chỉ ra những *nguyên nhân* của hiện tượng này và yêu cầu: “Trật tự của giá cả cần phải được tôn trọng. Các bộ, các ngành, các địa phương, các cơ quan có thẩm quyền cần tích cực lãnh đạo tốt việc này.

Các cơ quan tuyên truyền (báo chí, đài phát thanh, đài truyền hình, v.v.) phải phản ánh và lên án, phải chỉ đích danh những cá nhân, những cơ quan, những tổ chức... làm các việc trái với chủ trương của Nghị quyết Trung ương 2...

Gây một luồng dư luận lên án bọn phá hoại và dừng loan truyền tin bậy của chúng. Quần chúng phải có phong

trào lên án ngay cả một số cán bộ, cơ quan làm bậy”¹.

Ngay lập tức bài báo đã thu hút được sự quan tâm của quần chúng. Liên tiếp những ngày sau *Những việc cần làm ngay* trở thành một chuyên mục trên báo *Nhân dân* được bạn đọc ưa thích². Tác giả N.V.L dần dần trở nên quen thuộc đối với bạn đọc.

Vấn đề hàng đầu được *Những việc cần làm ngay* đề cập đến là vấn đề *chống tiêu cực*. Trong những bài viết của mình, tác giả N.V.L phê phán các hành vi quan liêu, vô trách nhiệm, lãng phí, hách dịch, tham nhũng, ức hiếp quần chúng, lợi dụng hộ chiếu ngoại giao để buôn lậu,... của một số cán bộ có chức, có quyền mà xưa nay ít người dám nói tới; phê phán việc ngăn sông cấm chợ, phê phán cơ chế bất hợp lý gây ra những ách tắc trong sản xuất và phân phối, lưu thông...

Đại hội Đảng lần thứ VI đã nêu rõ tinh thần cần phải “*nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật, đánh giá đúng sự thật*” để thấy rõ những sai lầm, yếu kém, vạch rõ nguyên nhân, đề ra biện pháp khắc phục, xoay chuyển tình thế, đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng và tiến lên.

Qua gần một năm tiến hành đổi mới toàn diện theo đường lối của Đại hội Đảng lần thứ VI, thực tiễn đã cho

1. N.V.L: *Những việc cần làm ngay*, báo *Nhân dân*, ngày 25-5-1987.

2. Từ ngày 25-5-1987 đến ngày 28-9-1990 có 27 bài báo nhan đề *Những việc cần làm ngay*, ký tên N.V.L đăng trên báo *Nhân dân*.

thấy việc thực hiện các quyết sách đổi mới bị cản trở bởi rất nhiều hiện tượng tiêu cực trên các lĩnh vực đời sống xã hội. Cơ chế quan liêu bao cấp đã gây ra sự trì trệ. Những cán bộ thoái hoá biến chất, những kẻ đầu cơ, buôn lậu, làm hàng giả... đã triệt để lợi dụng những sơ hở của cơ chế cũ, làm trầm trọng thêm sự trì trệ đó. Việc thực hiện đổi mới phải gắn liền với việc đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực, tháo gỡ những ách tắc phải đi đôi với việc kiên quyết loại trừ những kẻ đã từng lợi dụng cơ chế bảo thủ, quan liêu để kiếm lợi, làm rối loạn kỷ cương phép nước. Đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực không phải là một công việc mới mẻ. Chúng ta đã làm công tác này từ nhiều năm, trên nhiều lĩnh vực, dưới nhiều hình thức... nhưng những hiện tượng tiêu cực không giảm mà còn tăng, đặc biệt là ở một bộ phận cán bộ, đảng viên có chức, có quyền, họ đang ngày càng làm rối loạn đời sống kinh tế - xã hội, làm xói mòn lòng tin của nhân dân. Vì vậy, chống tiêu cực đã trở thành nhiệm vụ quan trọng “dọn đường cho việc thực hiện Nghị quyết Đại hội VI và các nghị quyết khác của Đảng, nhằm đưa nước nhà khỏi cảnh khó khăn, đi đến ổn định tình hình mọi mặt, làm cho dân bớt khổ, ngày càng được hạnh phúc như *Di chúc* Bác Hồ đã dạy”¹; “làm cho xã hội ta đã tốt đẹp, càng tốt đẹp hơn, dân ta mới tin Đảng, Đảng mới càng hiểu dân, tin dân”². Trên

1, 2. N.V.L: *Những việc cần làm ngay*, báo *Nhân dân*, ngày 10-7-1987.

cương vị người lãnh đạo cao nhất của Đảng, đồng chí Nguyễn Văn Linh ngày đêm trăn trở tìm cách xóa bỏ các hiện tượng tiêu cực đang gây nhức nhối trong dư luận xã hội.

Đồng chí Nguyễn Văn Linh đòi hỏi báo chí phải là vũ khí sắc bén trong cuộc đấu tranh chống tiêu cực, các nhà báo phải là những chiến sĩ tiên phong trên mặt trận không tiếng súng nhưng vô cùng gay go ác liệt này. Nhân kỷ niệm lần thứ 62 ngày báo chí cách mạng Việt Nam (21-6-1925 - 21-6-1987), trong *Những việc cần làm ngay*, đăng trên báo *Nhân dân* ngày 24-6-1987, đồng chí đã viết về những vấn đề đang đặt ra với báo chí trong công cuộc đổi mới. Đồng chí khẳng định vai trò quan trọng không thể thiếu của nhà báo và báo chí trong cuộc đấu tranh chống tiêu cực: “Nhà báo phải có tấm lòng cương trực: yêu người làm đúng, làm tốt để ca ngợi; ghét kẻ làm xấu, làm sai, làm ác để lên án.”¹. Đồng chí yêu cầu: “Báo chí tham gia đắc lực vào cuộc đấu tranh chống tiêu cực cũng như cần chú ý nêu những gương sáng, những mô hình hay xuất hiện ở nhiều nơi và trên các lĩnh vực”², bởi trong cuộc sống hiện nay không chỉ có toàn những việc tiêu cực. Hơn nữa, về mặt phương pháp

1. N.V.L: *Những việc cần làm ngay*, báo *Nhân dân*, ngày 24-6-1987.

2. Phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh nhân ngày báo chí Việt Nam, báo *Quân đội nhân dân*, số 10436, ngày 14-6-1990.

công tác, “chống” để “xây” và “xây” để “chống”, “vì chừng hay ghét cũng là hay thương”.

Những bài báo về *Những việc cần làm ngay* của đồng chí Nguyễn Văn Linh nhanh chóng lan toả trong dư luận, được quần chúng đồng tình. Tuy nhiên, cũng có người nói trực tiếp với tác giả là “*nên cẩn thận hơn một chút*”, nếu không, “*tay phải sẽ đánh vào tay trái*”. Đồng chí trả lời: *Có gì sai khi chúng ta dám nói lên sự thật, cho dù đó là sự thật đau lòng, để sửa chữa và khắc phục.*

Sau này, đồng chí kể lại: “Ngay sau Đại hội VI, tôi chủ trương khơi ra một số vụ, việc tiêu cực, viết *Những việc cần làm ngay*. Báo chí hưởng ứng đã có tác dụng tốt, tạo khí thế trong nhân dân để đẩy mạnh phê bình, tự phê bình, chống bọn tham nhũng, ăn cắp, ức hiếp nhân dân. Phải tiếp tục phanh phui các vụ, việc và xử lý thật nghiêm”¹.

Viết *Những việc cần làm ngay*, tác giả N.V.L muốn giúp cho quần chúng biết nghị quyết của Đảng, hiểu nghị quyết của Đảng, để đấu tranh chống những kẻ làm không đúng, gây oan ức cho nhiều người. Đồng chí coi đây là dịp để phát huy quyền dân chủ, quyền công dân của quần chúng, từ đó yêu cầu các cấp uỷ đảng và chính quyền “đem các vụ việc đó ra xử lý về mặt nhà nước, về mặt hành chính cũng như về mặt đảng”.

1. Ghi nhanh của phóng viên báo *Nhân dân* về cuộc gặp của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh với các cán bộ lão thành cách mạng, báo *Nhân dân*, ngày 6-2-1990.

Những bài báo chống tiêu cực của tác giả N.V.L đã mau chóng nhận được sự hưởng ứng của đông đảo quần chúng. Mỗi ngày toà soạn báo *Nhân dân* nhận được hàng trăm lá thư của bạn đọc hưởng ứng *Những việc cần làm ngay*. Nhiều bộ, tỉnh, thành phố đã có chỉ thị hưởng ứng *Những việc cần làm ngay* của tác giả N.V.L. Cuộc đấu tranh chống tiêu cực được tác giả N.V.L khởi xướng đã mau chóng trở thành một phong trào rộng lớn trên báo chí và các phương tiện thông tin cả nước. Nhiều tờ báo ở trung ương và địa phương, các đài phát thanh và truyền hình,... đã tích cực hưởng ứng *Những việc cần làm ngay* trong cuộc đấu tranh chống tiêu cực và biểu dương những cái mới, cái tốt đang nảy nở...

Ngày 10-7-1987, tác giả N.V.L cho đăng bài viết về sự hưởng ứng của dư luận rộng rãi trong cả nước với *Những việc cần làm ngay*:

“- Nhiều bộ trưởng, thứ trưởng các đơn vị cho điều tra ngay các vụ việc nói về ngành mình, xử lý nghiêm túc và cho đăng công khai trên báo, với tinh thần trách nhiệm và tôn trọng công luận cao.

- Nhiều địa phương từ Bắc chí Nam, cả cấp uỷ cũng bàn, khuyến khích quần chúng góp phần với báo, đài, cho đi kiểm tra kịp thời và đã phanh phui ra ánh sáng nhiều vụ tiêu cực quá to, quá đau lòng, đụng đến cả một hệ thống cán bộ, cơ quan, có khi có cả ô dù lớn che chở. Cấp uỷ, uỷ ban và các đoàn thể đã xử lý nghiêm cả về mặt đảng và đem truy tố trước pháp luật.

- Báo, đài đã nhiệt tình góp thêm những tiếng nói lành mạnh nhắc nhở mọi người: cần đưa ngay nhân tố mới lên, lấn dần tiêu cực, nhưng đồng thời phải quyết liệt chống tiêu cực thì nhân tố mới mới thật sự có chỗ đứng, giống như nhổ sạch cỏ dại, diệt sâu rầy thì lúa mới mọc lên vậy”¹.

Đồng thời qua đây, đồng chí cũng muốn trả lời cho ý kiến đã từng góp với tác giả N.V.L rằng những bài viết đó sẽ không được hưởng ứng; đó là những việc nhỏ không đáng làm so với những việc khác; phê bình và tự phê bình công khai chỉ làm rối lòng dân, làm cản trở công việc của cán bộ lãnh đạo... (!). Tác giả N.V.L đã đưa ra những lý do khiến mình phải viết *Những việc cần làm ngay*: “Từ khi chuẩn bị Đại hội VI, Đảng và Nhà nước đã phát động phong trào nói thẳng, nói thật. Ai làm tốt thì khen, ai làm không tốt thì phê bình để sửa chữa, trừng phạt nếu cần. Các báo từ Bắc chí Nam đã đưa ra nhiều vụ việc sai phạm rất lớn do quần chúng phát hiện. Nhưng sau đó phần nhiều là một sự im lặng đáng sợ.

Mong rằng từ nay phải “đổi mới”, chấm dứt tình trạng này”².

Các bài báo về *Những việc cần làm ngay* và phong

1. N.V.L: *Những việc cần làm ngay*, báo *Nhân dân*, ngày 10-7-1987.

2. N.V.L: *Những việc cần làm ngay*, báo *Nhân dân*, ngày 26-5-1987.

trào hưởng ứng của nhân dân về *Những việc cần làm ngay* được các phương tiện thông tin đại chúng phản ánh kịp thời chính là những nhát búa mạnh mẽ đập vào “sự im lặng đáng sợ” của những người có chức, có quyền, của những cơ quan có trách nhiệm về các vụ việc tiêu cực, tạo ra bầu không khí công khai, cởi mở, dân chủ trong xã hội. Đây là nhân tố quan trọng để thực hiện công khai hóa, dân chủ hoá đời sống xã hội, để chống tiêu cực thắng lợi, để đổi mới thành công, làm lành mạnh hoá các quan hệ xã hội.

Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh nêu thực chất của đổi mới tư duy và phong cách là *nói và làm phải đi đôi với nhau*, lý luận phải gắn liền với thực tế. Cuộc đấu tranh chống tiêu cực cũng đòi hỏi những kết quả cụ thể chứ không phải là những lời nói suông. Đây chính là đòi hỏi của công luận với các cấp, các ngành có những vụ việc, có những cán bộ sai phạm mà báo chí đã phanh phui, phải làm rõ và trả lời. Sau này khi được hỏi về bút danh N.V.L, đồng chí giải thích đó là *Nói và làm*. Trong câu trả lời đó đã hàm chứa nội dung đồng chí muốn nhắn gửi: Lời nói phải đi đôi với việc làm, không được nói mà không làm, nói nhiều làm ít, đánh trống bỏ dùi hoặc nói một đằng làm một nẻo.

Mong muốn của đồng chí là làm sao trên mặt trận đấu tranh chống tiêu cực có sự hưởng ứng rộng rãi của các phương tiện thông tin đại chúng cũng như sự tham gia của đông đảo nhân dân, bởi vì “Một N.V.L hay vài

N.V.L không thể biết hết mọi việc, nói hết mọi việc và làm hết mọi việc. Chỉ có sự nhất trí hành động của toàn Đảng, toàn dân mới có thể tạo nên chuyển biến thật sự cho đất nước”¹.

Không chỉ được dư luận nhân dân trong nước quan tâm, *Những việc cần làm ngay* của tác giả N.V.L đã có tiếng vang và nhận được sự quan tâm của bạn bè thế giới. Ngày 21-1-1988, trong Hội nghị bàn tròn các nhà báo châu Á - Thái Bình Dương, phóng viên Suzuki của tờ *Akahata* (Nhật Bản) đã xin phỏng vấn đồng chí Nguyễn Văn Linh: “Chúng tôi rất quan tâm đến “*Những việc cần làm ngay*” của tác giả N.V.L. Đảng Cộng sản chúng tôi đã dịch sang tiếng Nhật và giới thiệu mấy bài cho độc giả Nhật Bản, nhân dân Việt Nam có phản ứng như thế nào về những bài của N.V.L?”.

Đồng chí Nguyễn Văn Linh trả lời: “Tình hình kinh tế khó khăn ảnh hưởng tới tình hình xã hội. Tuy đã là một nước xây dựng chủ nghĩa xã hội nhưng ở Việt Nam những tệ nạn xã hội vẫn còn không phải ít. Chúng tôi không giấu giếm điều đó mà nói thực với các bạn. Có những thanh niên của chúng tôi trước kia cầm súng đánh giặc là những anh hùng, nhưng sau này hư hỏng đi... Trong bộ máy Nhà nước cũng có một số người làm ăn không chính đáng, ăn cắp của công... Cho nên Đảng

1. N.V.L: *Những việc cần làm ngay*, báo *Nhân dân*, ngày 25-6-1987.

chúng tôi chủ trương phải làm trong sạch bộ máy Đảng, Nhà nước và làm lành mạnh tình hình xã hội... Những bài viết của N.V.L có thể tạm gọi là bài báo cũng được, nhưng thực ra đây không phải là bài báo, chỉ là một ít câu nói trên báo gợi ý cho người ta. Và có rất nhiều báo trong nước đã hưởng ứng viết bài hoặc cổ động nhân dân và chính trong nhân dân cũng nêu ra nhiều vụ, việc. Từ đó các cấp đảng và chính quyền của chúng tôi đem các vụ việc đó ra xử lý về mặt nhà nước, về mặt hành chính cũng như về mặt đảng”¹.

Trong những năm đầu của thời kỳ đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo, *Những việc cần làm ngay* đã tạo đà cho báo chí tham gia ngày càng tích cực và mạnh mẽ trên mặt trận chống tiêu cực.

Những việc cần làm ngay đề cập đến nhiều lĩnh vực xã hội ở tầm vĩ mô, ở lĩnh vực nào tác giả N.V.L cũng có những phát hiện mới và nêu cách giải quyết cụ thể. Cuộc đấu tranh chống tiêu cực do đồng chí Nguyễn Văn Linh phát động ở thời điểm Đảng vừa khởi xướng công cuộc đổi mới vì mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội. Cuộc đấu tranh này được thực hiện theo tinh thần “*nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật, đánh giá đúng sự thật*”, nên đã tranh thủ được sự đồng tình và hưởng ứng rộng rãi của công luận, tạo ra hiệu quả xã hội to lớn,

1. Nguyễn Văn Linh: *Trả lời các nhà báo nước ngoài, Sđd*, tr. 31-33.

góp phần đẩy lùi tiêu cực, đem lại phấn khởi và niềm tin cho đông đảo nhân dân vào thắng lợi của công cuộc đổi mới.

4. Chuẩn bị công việc của Đại hội VII

Trong diễn văn khai mạc Đại hội VI của Đảng, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã sớm khẳng định: “Chuyển biến toàn bộ sự nghiệp cách mạng theo hướng đổi mới là một quá trình lâu dài. Chúng ta còn phải tiếp tục kiên trì suy nghĩ, tìm tòi, thử nghiệm, từng bước hình thành cái mới một cách tích cực và vững chắc”¹.

Như vậy, để đổi mới thành công, không thể chỉ dựa vào ý chí chủ quan, với ảo tưởng có thể thực hiện đổi mới qua vài ba bước nhảy khi còn chưa biết bến bờ đi tới sẽ là đâu! Đó cũng là nguyên nhân làm cho cải tổ, cải cách ở một số nước rơi vào sai lầm, thất bại, đổ vỡ. Muốn đổi mới thành công phải vạch ra được *một chiến lược đổi mới toàn diện* với những bước đi thích hợp và mục tiêu cụ thể cho từng giai đoạn.

Mặt khác, đổi mới ở Việt Nam không thể mô phỏng bất cứ mô hình và cách làm nào của các nước xã hội chủ nghĩa anh em. Đổi mới ở Việt Nam là kết quả tất yếu của sự chín muồi từ bên trong của tình hình kinh tế - chính trị - xã hội Việt Nam, gắn liền với những điều kiện địa lý, lịch sử, xã hội và con người Việt Nam, nên

1. Nguyễn Văn Linh: *Đổi mới để tiến lên*, *Sđd*, t. 1, tr. 8.

đòi hỏi phải có những hình thức, bước đi, cách làm riêng, không giống với cải tổ ở Liên Xô và cải cách của Trung Quốc.

Ngay sau Đại hội VI, đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh đã được Ban Chấp hành Trung ương giao nhiệm vụ là Trưởng ban soạn thảo *Cương lĩnh* và *Chiến lược*, tức là đã bắt tay ngay vào chuẩn bị các văn kiện quan trọng cho Đại hội VII. Một mặt, đồng chí từng bước triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội VI, mặt khác đồng chí đã huy động trí tuệ của toàn Đảng để cùng nghiên cứu, thảo luận, dự thảo *Cương lĩnh* mới của Đảng trong thời kỳ quá độ cùng với *Chiến lược* ổn định và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước đến năm 2000.

Trưởng tiểu ban *Cương lĩnh* ban đầu do đồng chí Trường Chinh phụ trách. Sau khi đồng chí Trường Chinh qua đời, đồng chí Nguyễn Văn Linh được cử kiêm luôn hai trưởng tiểu ban. Dưới sự lãnh đạo của đồng chí Nguyễn Văn Linh, tiểu ban *Cương lĩnh* đã qua chín lần dự thảo, tổ chức nhiều cuộc thảo luận góp ý kiến, trên cơ sở đó viết lại lần thứ 10 để trình ra Hội nghị Trung ương lần thứ chín vào ngày 20-8-1990.

Về quan niệm viết *Cương lĩnh*, cũng có ý kiến cho rằng trong tình hình hiện nay, quốc tế cũng như trong nước, chúng ta chưa có đủ cơ sở lý luận và thực tiễn để thảo ra *Cương lĩnh* cho cả thời kỳ quá độ, mà chỉ nên đưa ra “Cương lĩnh hành động”, trong đó trình bày một

số quan điểm và phương hướng về phát triển trong 10 năm tới.

Qua thảo luận, Hội nghị Trung ương lần thứ chín nhất trí với trình bày của đồng chí Nguyễn Văn Linh, cho rằng chúng ta không thể ngồi chờ tất cả mọi vấn đề đã sáng tỏ rồi mới xác định *Cương lĩnh*. Trong tình hình quốc tế và trong nước hiện nay, việc đề ra *Cương lĩnh* của thời kỳ quá độ là rất cần thiết và cấp bách để định hướng cho Đảng và toàn xã hội phấn đấu tiến lên. Xuất phát từ chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, từ thực tiễn xây dựng và đổi mới chủ nghĩa xã hội những năm qua, chúng ta vẫn có thể vạch ra những nguyên tắc và phương hướng lớn cho thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, rồi qua tổng kết thực tiễn mà bổ sung và hoàn chỉnh thêm.

Về cách trình bày *Cương lĩnh*, Hội nghị nhất trí với quan niệm của tiểu ban là *Cương lĩnh* phải kiên định những nguyên tắc cơ bản, được trình bày ngắn gọn, không giải thích dài dòng, nhưng phải rõ ràng, dễ hiểu, tránh gây hiểu lầm; lại phải có tính thuyết phục để có thể tranh thủ đoàn kết được mọi lực lượng trong nước và ngoài nước nhằm đổi mới và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Cương lĩnh có tiêu đề là *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, từ dự thảo ban đầu gồm 6 chương với 20 trang được rút xuống còn 4 đề mục lớn với 12 luận điểm, được trình bày súc

tích, ngắn gọn nhưng bao quát đầy đủ những vấn đề cốt lõi nhất về mục tiêu tổng quát, 6 đặc trưng chủ yếu của chủ nghĩa xã hội và 7 phương hướng cơ bản về các mặt chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá - tư tưởng, an ninh - quốc phòng và xây dựng Đảng.

Đặt trong bối cảnh khủng hoảng của chủ nghĩa xã hội ở trong nước và trên thế giới lúc bấy giờ, việc Đảng ta hoạch định *Cương lĩnh*, trong đó khẳng định những nguyên tắc có tính định hướng cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, đã có tác dụng củng cố sự nhất trí về chính trị - tư tưởng và sự đoàn kết thống nhất trong Đảng, đem lại niềm tin cho nhân dân vào triển vọng của sự nghiệp đổi mới. Ngày nay, *Cương lĩnh* về cơ bản vẫn giữ nguyên giá trị soi sáng cho chúng ta tiến vào thiên niên kỷ mới. Trong đóng góp chung, có cống hiến to lớn của đồng chí Nguyễn Văn Linh trong việc chỉ đạo soạn thảo và thông qua ngay từ trong nhiệm kỳ của Đại hội VI.

Cùng với việc hoạch định *Cương lĩnh*, đồng chí Nguyễn Văn Linh cũng đã có những đóng góp quan trọng vào việc dự thảo và thông qua *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000*, vào dự thảo các văn kiện khác trình Đại hội VII như *Báo cáo chính trị, Báo cáo xây dựng Đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng*,... trong đó *Báo cáo chính trị* có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, vì nó vừa phải tổng kết được thực tiễn 5 năm đổi mới, vừa phải đề ra được những nhiệm vụ chính xác cho 5 năm tới.

Trong chỉ đạo dự thảo *Báo cáo chính trị*, đồng chí Nguyễn Văn Linh thường nhắc nhở tiểu ban dự thảo phải đảm bảo đánh giá đúng tình hình một cách khách quan, khoa học, không thổi phồng và cũng không hạ thấp những thành tựu và thiếu sót. Về phương pháp đánh giá, cần lưu ý tình hình kinh tế - chính trị - xã hội ở thời điểm công bố dự thảo, đồng thời phải gắn với toàn bộ quá trình đổi mới, không vì cái trước mắt mà quên cái cơ bản, chủ yếu nhất. Cần làm rõ những ưu điểm tổng quát trong quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội VI, tuy tình hình kinh tế - xã hội nước ta còn đứng trước những khó khăn mới rất gay gắt, do những nguyên nhân khách quan và chủ quan khác nhau, nhưng phải thấy những năm qua, công cuộc đổi mới đã thu được *những thắng lợi bước đầu rất quan trọng*.

Về những khó khăn và yếu kém đang tồn tại, đồng chí nêu rõ quan điểm của Bộ Chính trị là “đất nước ta vẫn chưa ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội”, công cuộc đổi mới còn những mặt hạn chế, nhưng không tán thành ý kiến cho rằng “nước ta không chỉ có khủng hoảng kinh tế - xã hội mà còn có mầm mống khủng hoảng chính trị”.

Về các *bài học kinh nghiệm* rút ra trong quá trình đổi mới, Tổng Bí thư yêu cầu cần gạt bỏ những kinh nghiệm cơ bản nhất, không đưa ra quá nhiều bài học, gây phân tán mà nên tập trung vào các bài học: giữ vững tư duy độc lập, sáng tạo trong việc đề ra đường lối, chính sách đổi mới; giữ vững định hướng xã hội chủ

nghĩa trong quá trình đổi mới; đổi mới toàn diện, triệt để, đồng bộ với bước đi, hình thức, cách làm phù hợp, nắm vững mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị; phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa trong quá trình đổi mới; làm tốt dự báo tình hình, kịp thời phát hiện và giải quyết đúng đắn những vấn đề phát sinh trong quá trình đổi mới.

Để tiến tới Đại hội VII, một vấn đề quan trọng cần chuẩn bị là vấn đề nhân sự cấp cao. Tháng 6-1988, Trung ương mở Hội nghị lần thứ năm (khóa VI) bàn “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng...” đã đặt ra *vấn đề nhân sự* cho Đại hội VII. Nghị quyết viết: “Đại hội VI của Đảng đã khẳng định: “Đổi mới lãnh đạo các cấp là *mắt xích quan trọng nhất* mà Đảng ta phải nắm chắc để thúc đẩy những cuộc cải cách có ý nghĩa cách mạng”. Trước mắt, từ nay đến năm 1990, cần tập trung những hạt nhân lãnh đạo, những cán bộ chủ chốt ở các cấp, các ngành, nhất là ở trung ương và cơ sở... Từ nay đến năm 1991, xác định được cán bộ dự bị cho các chức vụ chủ chốt ở Trung ương (Tổng Bí thư, Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, các bộ trưởng, trưởng ban,...), từng bước trẻ hóa đội ngũ cán bộ, bảo đảm tính liên tục, tính kế thừa trong cơ quan lãnh đạo mỗi cấp”¹.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương (khóa VI)*, tr. 14, 15, 17.

Về công tác xây dựng Đảng trong những năm tới, đồng chí đề nghị cần giải quyết tốt các vấn đề bức xúc sau đây: *đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng; đổi mới và nâng cao chất lượng công tác tư tưởng; chấn chỉnh tổ chức và bộ máy Đảng; phát huy dân chủ nội bộ, thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng; làm trong sạch và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên; tiếp tục đổi mới cán bộ và công tác cán bộ* - một vấn đề mà theo đồng chí “tuy có một số tiến bộ nhưng vẫn là nguyên nhân của mọi nguyên nhân gây ra những yếu kém”¹.

Sau khi đã cơ bản chuẩn bị xong những vấn đề lớn của Đại hội VII, về phần cá nhân, đồng chí nói: “Được Ban Chấp hành Trung ương khoá VI bầu lên, qua hơn bốn năm ở cương vị Tổng Bí thư của Đảng, tôi đã cùng với tập thể Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Ban Chấp hành Trung ương làm hết sức mình để triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội VI... Dù biết mình có nhiều cố gắng, song tôi vẫn cảm thấy chưa làm được nhiều hơn nữa, có hiệu quả lớn hơn nữa cho dân tộc, cho đất nước. Đó là điều tôi vẫn thường băn khoăn”². Vì vậy, đồng chí xin rút lui, không ứng cử vào Ban Chấp hành Trung ương khoá mới.

1. Phát biểu của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh về dự thảo *Báo cáo chính trị* trình Đại hội VII, tại Tiểu ban dự thảo, tháng 1-1991.

2. Nguyễn Văn Linh: *Đổi mới để tiến lên, Sđd*, t. 4, tr. 193.

Trong đơn gửi Ban Chấp hành Trung ương khá lâu trước khai mạc Đại hội VII, đồng chí có viết: “Tôi làm cách mạng từ năm 15 tuổi, nay đã 76 tuổi rồi. Sức khỏe yếu, huyết áp dao động lớn. Tôi xin rút”¹. Đồng chí hứa rằng, “dù không còn ở trong Trung ương nữa, nhưng với trách nhiệm là người đảng viên, tôi sẽ xin cố gắng cống hiến sự hiểu biết và kinh nghiệm nhỏ bé của mình cho cách mạng, cho Đảng cho đến hơi thở cuối cùng. Đó là điều mà các đồng chí có thể hoàn toàn tin tưởng ở tôi”².

Đó là một cử chỉ cao đẹp, gây xúc động cho toàn Đảng, toàn dân, một tấm gương đạo đức cách mạng trong sáng của một người cộng sản suốt đời tận tụy phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân.

Đánh giá nhiệm kỳ Tổng Bí thư của đồng chí Nguyễn Văn Linh ở thời kỳ đầu đổi mới, trong Điều văn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng do đồng chí Lê Khả Phiêu đọc tại lễ truy điệu đồng chí ngày 29-4-1998, có đoạn viết: “Suốt nhiệm kỳ Đại hội VI, với cương vị là Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã cùng tập thể lãnh đạo nhạy bén, chủ động, sáng tạo, khôn khéo lái con thuyền cách mạng vượt qua những bước hiểm nghèo của thời kỳ xảy ra những biến động to lớn trên thế giới, đẩy mạnh công

1. Kim Hạnh: *Một nhân cách lớn*. In trong *Nguyễn Văn Linh - hành trình cùng lịch sử*, *Sđđ*, tr. 192.

2. Nguyễn Văn Linh: *Đổi mới để tiến lên*, *Sđđ*, t. 4, tr. 194.

cuộc đổi mới và thu được những thành tựu rất quan trọng, thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh, cải thiện đời sống nhân dân, mở rộng quan hệ đối ngoại và nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Đồng chí đã nêu ra và kiên trì thực hiện đổi mới có nguyên tắc - đổi mới nhưng luôn luôn giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, thực hiện “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”. Đồng bào, đồng chí còn nhớ *Những việc cần làm ngay* trên báo *Nhân dân* vào năm đầu thời kỳ đổi mới, tạo ra luồng sinh khí mới trong xã hội: dân chủ, công khai, nói thẳng, nói thật, lời nói đi đôi với việc làm, góp phần đấu tranh chống tiêu cực, làm trong sạch các cơ quan Đảng, Nhà nước”.

Năm năm để khởi động một sự nghiệp đổi mới có giá trị như một cuộc cách mạng, với bao khó khăn trong, ngoài, lại ở cái tuổi đã ngoài 70, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã cùng với Đảng đưa đất nước vượt qua những thử thách hiểm nghèo, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, tìm ra những khâu đột phá, tạo hướng phát triển bền vững trong các năm sau. Điều đó đã chứng tỏ bản lĩnh, tâm huyết, tài năng của một nhà lãnh đạo kiên định, sáng tạo, một Tổng Bí thư xuất sắc ở thời kỳ đầu đổi mới.

Chương VIII

CỐ VẤN BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM (1991 - 1997)

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng (6-1991), cùng với các đồng chí Phạm Văn Đồng, Võ Chí Công, đồng chí Nguyễn Văn Linh được Đại hội cử làm Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Tiếp theo, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII (6-1996), đồng chí Nguyễn Văn Linh lại tiếp tục được tín nhiệm cử làm cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Đến tháng 12-1997, trong Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ tư (khóa VIII), đồng chí đã viết thư xin thôi giữ chức cố vấn vì lý do sức khỏe.

Như vậy, đồng chí Nguyễn Văn Linh làm Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng tổng cộng là hơn sáu năm (6-1991 - 12-1997). Sáu năm là một khoảng thời gian rất ngắn so với sự nghiệp cách mạng do Đảng ta lãnh đạo, và cũng là rất ngắn so với quá trình cách mạng sôi nổi, vẻ vang của đồng chí. Nhưng đây cũng là

một giai đoạn đáng nhớ trong tiểu sử cách mạng của đồng chí, thể hiện trong đó sự thuần thực về bản lĩnh và nhân cách của nhà cách mạng, người đảng viên, người công dân Nguyễn Văn Linh. Những phẩm chất hiếm có ở đồng chí Nguyễn Văn Linh tạo thành mặt căn bản của văn hóa Đảng, văn hóa lãnh đạo, làm cho đồng chí khác xa với nhiều nhà hoạt động chính trị khác trên thế giới, nó giúp nhân dân ta hiểu được nhân cách trọn vẹn, nhất quán, cao quý của đồng chí.

1. Đảng “vấn” thì tôi phải “cố”

Thành lập Hội đồng cố vấn của Ban Chấp hành Trung ương, Đảng ta muốn tận dụng vốn trí tuệ, vốn kinh nghiệm (cả lý luận và thực tiễn) của các đồng chí lãnh đạo lão thành. Tuy không tham gia Ban Chấp hành Trung ương nữa, nhưng trí tuệ và kinh nghiệm lãnh đạo của các đồng chí vẫn là vốn quý của Đảng, có giá trị to lớn đối với những người đang lãnh đạo, quản lý. Trong lịch sử phong trào cộng sản công nhân quốc tế, cũng như ở ta, sự tồn tại của Hội đồng cố vấn bên cạnh Ban Chấp hành Trung ương Đảng vốn không có tính phổ biến. Nếu tổ chức và hoạt động không khéo sẽ rơi vào hoặc chỉ tồn tại hình thức, có danh nghĩa nhưng không có hiệu quả; hoặc là trở thành một cấp lãnh đạo mới, lấn át cả quyền lực của Bộ Chính trị, gây khó khăn trong điều hành, có thể dẫn tới mất đoàn kết nội bộ trong Đảng.

Là một người lãnh đạo dày dạn kinh nghiệm, nhạy cảm với các vấn đề mới, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã dự cảm được hai khả năng, hai xu hướng này trong hoạt động của Hội đồng cố vấn. Vì thế, khi được Đại hội tín nhiệm cử làm Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đồng chí đã nói rõ quan điểm của mình: Nếu Đại hội quyết định thành lập Hội đồng cố vấn, nếu được tín nhiệm, thì tôi xin nhận. Nhưng phải nói rõ Hội đồng cố vấn sinh hoạt ra sao. Nếu lại thành Bộ Chính trị cũ chồng lên Bộ Chính trị mới thì tôi sẽ không tham gia. Trong hơn sáu năm làm cố vấn, qua hai kỳ Đại hội Đảng (VII và VIII), đồng chí Nguyễn Văn Linh đã hoàn thành nhiệm vụ đúng với vai trò cố vấn của mình.

Sau Đại hội VII, đồng chí Nguyễn Văn Linh bàn giao rất nhanh công việc và về sống với gia đình tại thành phố Hồ Chí Minh, trong một căn nhà trên đường Trần Quốc Toản. Lúc này, đồng chí có thời gian, điều kiện để tham gia ý kiến vào những vấn đề mà trước đó đồng chí đã từng trần trở, nghiền ngẫm trong suốt nhiệm kỳ Tổng Bí thư của mình. Đối với một người đã ngoài "thất thập" như đồng chí, sức khỏe đã giảm sút, muốn đóng góp đúng đắn, có giá trị, thường phải tự vượt lên bản thân rất nhiều để suy nghĩ, tìm tòi, phát hiện. Đồng chí tự dặn lòng mình "Đảng "vấn" thì tôi phải "cố", góp công góp sức vào việc xây dựng nghị quyết của Đảng là trách nhiệm của mỗi chúng ta".

Trong sáu năm làm cố vấn, đồng chí đã tham dự nhiều hội nghị Trung ương khóa VII, Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ của Đảng, tham dự Đại hội VIII và các Hội nghị Trung ương 1, 2, 3 khóa VIII. Trước mỗi lần tham gia hội nghị Trung ương, đồng chí thường đọc, suy nghĩ về các nội dung, vấn đề đặt ra trong nghị quyết, đặc biệt, đồng chí hết sức tìm hiểu thực tế, tìm tòi các giải pháp thiết thực, cụ thể để góp phần hoàn thiện nghị quyết. Mỗi lần tham dự trực tiếp, đồng chí đều phát biểu ý kiến súc tích, ngắn gọn và thường hay gọi ra, lật lại vấn đề, để thấy cho hết một cách toàn diện các mặt, các lĩnh vực mà dự thảo nghị quyết Trung ương đề cập đến. Có khi vì lý do sức khỏe, hay đi công tác xa, không dự được, đồng chí vẫn đóng góp ý kiến bằng văn bản.

Ngoài việc góp ý kiến cho các dự thảo nghị quyết của Trung ương, đồng chí còn làm "cố vấn" cho rất nhiều địa phương (nhất là Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh), các ban, ngành trong phạm vi cả nước. Những ý kiến đóng góp của đồng chí thường vẫn đầy chất trí tuệ, chứa đựng các giải pháp thực tế thiết thực, có hiệu quả.

Trong thời kỳ làm cố vấn, đồng chí Nguyễn Văn Linh vẫn tích cực tham gia vào công tác tư tưởng - lý luận, viết nhiều bài cho các báo, tạp chí, trong đó đáng chú ý là sáu bài đăng trên báo *Nhân dân*, tạp chí *Cộng sản*. Dưới góc độ lý luận, đồng chí đã nêu bật những quan điểm chỉ đạo lớn, làm định hướng cho các tìm tòi, sáng

tạo, phát huy vai trò mở đường của lý luận đối với một thực tiễn phong phú, phức tạp, đang trong quá trình biến đổi nhanh chóng như thực tiễn đổi mới ở nước ta.

Ngoài ý kiến đóng góp vào các dự thảo nghị quyết Trung ương và các bài nghiên cứu, đồng chí Nguyễn Văn Linh còn quan tâm đến rất nhiều vấn đề trọng đại, có quan hệ đến vận mệnh của đất nước, chế độ và Đảng ta. Mối quan tâm lớn nhất của đồng chí là phải kiên trì cho bằng được con đường cách mạng mà Bác Hồ và nhân dân đã lựa chọn, bởi đó là sự lựa chọn duy nhất đúng, đó cũng là sự lựa chọn của lịch sử. Với một niềm tin sâu sắc, đồng chí khẳng định: "Tuyên ngôn độc lập do Bác thảo ra và đọc long trọng ở Quảng trường Ba Đình lịch sử trong ngày 2 tháng 9 năm 1945 là lời hiệu triệu, lời sông núi. Di chúc thiêng liêng Bác để lại trong ngày Bác vĩnh biệt chúng ta trong niềm tiếc thương vô hạn của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta, của bạn bè và đồng đảo nhân dân thế giới cũng là lời hiệu triệu, lời sông núi thôi thúc, dẫn dắt chúng ta thực hiện cho kỳ được điều mong muốn cuối cùng của Bác: "Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới"¹.

1. Nguyễn Văn Linh: *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã và đang soi đường thắng lợi của cách mạng Việt Nam*. In trong *Nguyễn Văn Linh - hành trình cùng lịch sử, Sđd*, tr. 448-449.

Thắng lợi của con đường cách mạng gắn độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội cũng như thắng lợi bước đầu của sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước được quy định bởi nhiều nhân tố khách quan và chủ quan, nhưng nhân tố có ý nghĩa quyết định nhất là vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Vì thế, không có gì lạ trong thời kỳ làm cố vấn, đồng chí vẫn đặc biệt quan tâm đến vấn đề xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh để nâng cao hơn nữa năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, đáp ứng yêu cầu của tình hình mới.

Trong công tác xây dựng Đảng, củng cố và hoàn thiện sức mạnh của hệ thống chính trị, đồng chí Nguyễn Văn Linh lưu ý đến bốn vấn đề trọng yếu nhất.

- Giải quyết tốt *mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân*. Khi góp ý cho Nghị quyết Trung ương lần thứ ba (khóa VIII) về *một số nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng*, đồng chí Nguyễn Văn Linh có nhiều quan điểm đúng đắn, thiết thực. Điều đã trở thành quán tính ở đồng chí là ý thức chăm lo tăng cường mối quan hệ gắn bó, keo sơn, chung thủy, nhân nghĩa giữa Đảng với dân, dân với Đảng. Trong vấn đề này đồng chí lưu ý: "Phải phát động quần chúng, làm cho người ta thoải mái, tự do, dám phê bình. Phải đảm bảo cho người ta phê bình thẳng thắn để xây dựng Đảng, không sợ bị thành kiến, trù dập"¹. Đồng chí đã suy nghĩ và hành

1. Dương Đình Thảo: *Mãi mãi sống trẻ trung*. In trong *Nguyễn Văn Linh - hành trình cùng lịch sử, Sđd*, tr.411.

động theo tư tưởng Hồ Chí Minh, theo *Di chúc* thiêng liêng mà Bác Hồ vô vàn kính yêu đã để lại cho toàn Đảng, toàn dân trước lúc đi xa.

- *Thực hiện dân chủ rộng rãi* trong Đảng, *tăng cường đoàn kết nội bộ*, thực hành *ngghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình*. Đồng chí rất lo lắng khi thấy "có những nơi mất đoàn kết nghiêm trọng kéo dài. Ở đây, nguyên nhân không phải do khác nhau, chưa gặp nhau trên các vấn đề đánh giá tình hình, về chấp hành chủ trương, chính sách, về lề lối, cơ chế, mà chủ yếu là do mâu thuẫn về quyền lợi cá nhân, tập đoàn, phe phái, cục bộ, địa phương". Từ thực trạng đó, đồng chí kiến nghị "chỉ có thể củng cố và phát triển sự đoàn kết của Đảng, cách tốt nhất là trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình". Đồng chí cho rằng, ở những nơi có tình trạng mất đoàn kết nghiêm trọng, ở đó không có dân chủ, không có tự phê bình và phê bình thường xuyên, nghiêm chỉnh, không có tình đồng chí. "Điều tôi muốn lưu ý là ở một số cấp uỷ đảng, chính quyền, việc tự phê bình và phê bình không thể hiện được tính Đảng, tính nguyên tắc, tình thương yêu đồng chí mà được thay thế bằng tính nể nang, thiếu thẳng thắn đấu tranh bảo vệ chân lý, bảo vệ việc đúng, người tốt. Lo lắng bị định kiến, bị vô hiệu hóa, thậm chí bị trù dập không phải là những trường hợp riêng lẻ, chỉ ở cấp cơ sở. Ở một số nơi xảy ra tình hình ban thường vụ, thường trực biến thành

một cấp cao hơn cấp uỷ đảng tương đương"¹. Sự cảnh báo của Cố vấn Nguyễn Văn Linh vẫn giữ nguyên ý nghĩa thời sự nóng hổi với tình hình thực tế trong một số tổ chức đảng hiện nay.

- Từ dân chủ trong Đảng, đồng chí Nguyễn Văn Linh *mong muốn có thật nhiều dân chủ trong xã hội* để "nhân dân được hưởng quyền dân chủ, dám nói dám làm" như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn. Đồng chí lưu ý, dân chủ trong Đảng là điều kiện quyết định để thực hiện dân chủ ngoài xã hội một cách thực tế. Trong điều kiện một đảng cầm quyền, nếu trong Đảng không có dân chủ, rất dễ dẫn đến sự độc đoán, chuyên quyền. Kinh nghiệm mà Cố vấn Nguyễn Văn Linh rút ra là để thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa, vấn đề mấu chốt là phân định rõ chức năng giữa các bộ phận hợp thành trong hệ thống chính trị, đảm bảo trên thực tế cơ chế vận hành tổng quát: Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý. Cần sớm có quy định cụ thể về mối quan hệ giữa các tổ chức đảng với cơ quan chính quyền và các đoàn thể, đảm bảo cho mỗi tổ chức hoạt động vừa đúng với chức năng, nhiệm vụ của mình, vừa đúng với Điều lệ Đảng, Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước. Quá trình này đòi hỏi phải đi đôi với tăng cường công tác

1. Nguyễn Văn Linh: *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã và đang soi đường thắng lợi của cách mạng Việt Nam*. In trong *Nguyễn Văn Linh - hành trình cùng lịch sử*, Sđd, tr.444.

kiểm tra, thanh tra và quan tâm tổng kết công tác thực tiễn, nâng cao trình độ lý luận. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa cũng là một trong những cơ sở để đổi mới hoạt động của hệ thống chính trị nước ta.

Cơ chế thực hiện dân chủ trong hệ thống chính trị được thể hiện rõ nét thông qua giải quyết các mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước với Mặt trận Tổ quốc với tư cách là cơ quan hiệp thương chính trị rộng lớn của quần chúng, bao gồm trong đó nhiều tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp của quần chúng. Đồng chí Nguyễn Văn Linh rất chú trọng đến hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. "Tôi mong và tin rằng sau Đại hội, để cho chương trình hành động đi vào cuộc sống, quyết tâm cao của Mặt trận sẽ thể hiện bằng kế hoạch, biện pháp thiết thực, nhất là thường xuyên củng cố và mở rộng uỷ ban các cấp, thu hút vào các phong trào hành động yêu nước nhiều lực lượng mới trong nhân dân, nhiều cá nhân tiêu biểu ngoài Đảng ở trong nước và ở nước ngoài. Đảng và Nhà nước chắc chắn sẽ làm hết trách nhiệm đối với Mặt trận, tạo những điều kiện cần thiết để Mặt trận đảm đương vai trò tập hợp, huy động toàn dân trong và ngoài nước vào sự nghiệp của Tổ quốc trong thời kỳ mới, thời kỳ đẩy tới một bước công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh"¹.

1. Nguyễn Văn Linh: *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã và đang soi đường thắng lợi của cách mạng Việt Nam*. In trong *Nguyễn Văn Linh - hành trình cùng lịch sử, Sđd*, tr.448.

- Theo đồng chí Nguyễn Văn Linh, quan trọng nhất trong công tác xây dựng Đảng là *vấn đề cán bộ và công tác cán bộ*. Cán bộ, xét cho đến cùng, là điều kiện quyết định bản chất trong sạch, chất lượng, năng lực lãnh đạo của Đảng và cũng là yếu tố hàng đầu đảm bảo thắng lợi của con đường cách mạng, sự nghiệp đổi mới đất nước. Năng lực tổ chức thực hiện tùy thuộc vào chất lượng cán bộ trên cả hai mặt: đạo đức và tài năng. Đánh giá thực trạng đội ngũ cán bộ và công tác cán bộ hiện nay, đồng chí cho rằng: Nhìn chung, đội ngũ cán bộ lãnh đạo kinh tế chưa chuyển kịp với yêu cầu sản xuất kinh doanh theo cơ chế mới. Chúng ta chưa biết phát hiện, bồi dưỡng, đào tạo và sử dụng cán bộ. Tình trạng sử dụng không đúng, bố trí không đúng cán bộ đã đưa đến hậu quả là lãng phí chất xám.

Là học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng chí Nguyễn Văn Linh rất đề cao đạo đức cách mạng, phẩm chất đạo đức của cán bộ, đảng viên. Đồng chí thường trích dẫn các quan điểm của Bác Hồ để giáo dục cán bộ, đảng viên. Đồng chí thật sự đau lòng và cảm thấy có lỗi khi có không ít cán bộ, đảng viên tham nhũng, gây phần nộ trong dư luận xã hội. Có người miệng kêu gọi “cần kiệm, liêm chính” mà trong cuộc sống hằng ngày của cá nhân mình hay cơ quan mình lại để xảy ra lãng phí, ăn cắp của công, ức hiếp, trù dập người ngay thẳng. Những kẻ đó đã quên thuở hàn vi, khi hoạt động được nhân dân nuôi ăn, lúc bệnh hoạn

được nhân dân chăm sóc, khi gặp nguy nan được nhân dân che chở. Đồng chí cảnh báo: con sâu làm rầu nồi canh, nhưng để nhiều sâu thì thật nguy hiểm. Kẻ địch xem những cán bộ thoái hóa, mất chất không kịp thời ăn năn hối cải là những kẻ tiếp tay đắc lực cho chúng trong hoạt động chia rẽ nội bộ, chia rẽ Đảng với dân, đi vào thực hiện âm mưu “diễn biến hòa bình”.

Vì thế, phát biểu tại Đại hội Đảng bộ thành phố Hồ Chí Minh lần thứ V (vòng 2) họp từ ngày 22 đến ngày 26-10-1991, Cố vấn Nguyễn Văn Linh nhấn mạnh đến một trong những vấn đề cấp bách cần được quan tâm giải quyết là: Tệ quan liêu, cửa quyền và tham nhũng. Tính bảo thủ, trì trệ, tắc trách chưa được khắc phục cho kịp với sự đòi hỏi của công cuộc đổi mới. Thương mại hóa tràn lan dẫn đến vi phạm pháp luật, lừa đảo, trốn thuế, xâm phạm nghiêm trọng tài sản nhà nước và tài sản công dân. Năng lực chỉ đạo yếu kém biểu hiện ở chỗ nhiều cấp, nhiều ngành bố trí cán bộ, kể cả cán bộ lãnh đạo, quản lý và cán bộ nghiệp vụ thiếu năng lực, trí tuệ, phẩm chất, nhất là chậm phát hiện, xử lý nghiêm những người thoái hóa, biến chất về phẩm chất đạo đức.

Để khắc phục những hiện tượng trên, Cố vấn Nguyễn Văn Linh yêu cầu Đảng bộ thành phố trước hết phải vững vàng về chính trị và khẳng định lòng tin của mình vào lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, phải thường xuyên khẳng định những vấn đề có tính nguyên tắc của công cuộc đổi mới, bảo đảm ổn định về chính trị, tư tưởng.

Cần làm cho mọi người nhận thức rõ tính hai mặt của kinh tế thị trường, nó là một động lực phát triển quan trọng, đồng thời cũng tạo điều kiện phát sinh những hiện tượng tiêu cực, cần có biện pháp phòng ngừa. Vấn đề đặt ra là phải hoàn thiện cơ chế quản lý mới, nhằm phát triển sản xuất kinh doanh, trước hết là ở khâu ngân hàng, thuế, giá cả,... Trong việc đổi mới và nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, phải thực hiện đúng chế độ trách nhiệm của tập thể và cá nhân. Ngoài việc phải nhanh chóng tách quản lý nhà nước ra khỏi quản lý sản xuất kinh doanh, cần đặc biệt quan tâm giải quyết tốt mối quan hệ giữa Đảng với chính quyền các cấp của thành phố. Cần khắc phục cả hai khuynh hướng lệch lạc: bao biện làm thay, lẩn sân sang công việc của chính quyền, hoặc buông lỏng sự lãnh đạo của Đảng, nhất là trên lĩnh vực kinh tế - xã hội.

Hoàn thiện cơ chế quản lý là cơ sở để ngăn ngừa tội phạm, không tạo kẽ hở cho những kẻ thoái hóa biến chất bòn rút tài sản nhà nước. Đối với những kẻ thoái hóa về đạo đức, biến chất, cơ hội về chính trị, gây chia rẽ, bè phái, tham ô hối lộ, ức hiếp quần chúng thì phải xử lý nghiêm khắc, kiên quyết đưa ra khỏi Đảng theo tinh thần "đúng người, đúng tội". Đồng chí thường hay nhắc đến lời của V.I.Lênin như một phương châm xử lý vấn đề: "Mấu chốt của toàn bộ công tác là ở việc lựa chọn người và kiểm tra việc chấp hành"¹.

1. V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcơva, 1978, t. 45, tr.136.

Trong vấn đề cán bộ và công tác cán bộ, Cố vấn Nguyễn Văn Linh lưu ý đến hai khía cạnh có quan hệ chặt chẽ với nhau: Càng nghiêm khắc phê phán và xử lý đúng mức những cá nhân, tập thể cán bộ, đảng viên mất phẩm chất đạo đức, vi phạm chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, càng hết sức tin yêu, quý trọng những cá nhân và tập thể cán bộ, đảng viên, chiến sĩ, nhân dân yêu nước đang tiếp tục chịu đựng gian khổ, chấp nhận hy sinh, giữ vững niềm tin, hết lòng vì dân, vì nước. Đồng chí nhắc nhở: "Nếu trong lịch sử vẻ vang của dân tộc "hào kiệt đời nào cũng có", trong hai cuộc kháng chiến "ra ngõ gặp anh hùng" thì đời nay, trong sự nghiệp đổi mới, trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học kỹ thuật, thể dục thể thao, an ninh, quốc phòng... đã xuất hiện và nở rộ những bông hoa cá nhân và tập thể lập kỳ tích có tiếng vang trong nước và trên thế giới. Chúng ta cũng hết sức quý trọng hàng triệu, hàng chục triệu con người hàng ngày "góp gió thành bão" như cách nói của Bác. Đó là đồng bào các dân tộc trong các giai cấp tầng lớp, các giới, các thế hệ trong nước và ở nước ngoài luôn luôn hướng về Tổ quốc thân thương theo truyền thống lá rụng về cội.

Việc quý trọng những cán bộ, đảng viên trung thực, dám đấu tranh chống tiêu cực đòi hỏi bí thư cấp ủy đảng, thủ trưởng đơn vị cơ quan có chính sách chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của những con

người đó, đừng để họ bị đổ kỵ, bị cô lập, trù dập..."¹.

Gắn liền với công tác cán bộ, Cố vấn Nguyễn Văn Linh có nhiều quan điểm chỉ đạo xây dựng con người, chăm lo đời sống của họ nhằm phát huy tốt nguồn lực con người trong công cuộc đổi mới hiện nay. Con người mà đồng chí nói ở đây, bao gồm mọi giai tầng xã hội yêu nước đang làm ăn, sinh sống trong nước và cả ở nước ngoài. Xây dựng con người, thực hiện "chiến lược trồng người" trước hết phải là nhiệm vụ của ngành giáo dục - đào tạo. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh và xu hướng giáo dục hiện đại, đồng chí chỉ rõ mục đích của giáo dục cần đạt tới là:

Học để biết.

Học để làm việc.

Học để chung sống.

Học để tồn tại.

Từ mục đích giáo dục đó, đồng chí đề nghị phải xây dựng cho được một nội dung giáo dục toàn diện: đạo đức, thể chất, trí lực. Về trí lực, đồng chí yêu cầu cả tri thức khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật, khoa học xã hội và nhân văn. Khi yêu cầu thực hiện một nền giáo dục toàn diện, Cố vấn Nguyễn Văn Linh căn dặn phải đặc biệt chú ý giáo dục truyền thống lịch sử và định

1. Nguyễn Văn Linh: *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã và đang soi đường thắng lợi của cách mạng Việt Nam*. In trong *Nguyễn Văn Linh - hành trình cùng lịch sử, Sđd*, tr. 445-446.

hướng nghề nghiệp cho các cháu ngay từ các cấp học phổ thông. Đồng chí yêu cầu Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo phải có những đổi mới, cải cách căn bản về tổ chức, sắp xếp lại các ngành học, bậc học, cải tiến phương pháp, củng cố và nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên.

Cố vấn Nguyễn Văn Linh theo dõi rất sát những diễn biến trong ngành giáo dục - đào tạo. Đồng chí thật sự vui mừng khi các phương tiện thông tin đại chúng nói về một học sinh nghèo học giỏi, một trường nào đó đạt chuẩn quốc gia... Quan điểm của Cố vấn Nguyễn Văn Linh về giáo dục là quan điểm phát triển có tính bền vững hướng về con người, xây dựng các chuẩn mực nhân cách, các giá trị cuộc sống con người - nguồn lực cơ bản và quyết định nhất của sự phát triển đất nước trong thiên niên kỷ mới.

Cố vấn Nguyễn Văn Linh cũng dành thời giờ nghiên cứu lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, cho những ý kiến chỉ đạo quý báu, thiết thực về việc biên soạn lịch sử Đảng (nhất là về những người đảng viên và người cộng sản ngoài Đảng (như Nguyễn An Ninh,...), về những sự kiện lịch sử chưa được sáng tỏ, còn tồn nghi do thiếu các chứng cứ, cơ sở dữ liệu xác thực, nhằm đảm bảo tính chân xác về mặt sử học) và lịch sử cách mạng Việt Nam. Tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, đồng chí đã dành nhiều ngày để tiếp và làm việc với những cán bộ nghiên cứu, cán bộ bảo tàng, kể lại cho họ nghe những lần đồng chí được vinh dự gặp Bác Hồ và báo cáo với

Bác về cuộc kháng chiến của nhân dân miền Nam, trong cuộc kháng chiến chống Mỹ. Đây thật sự là những tư liệu quý giúp vào việc nghiên cứu tiểu sử lãnh tụ và để hiểu hơn tình cảm thân thương của Bác Hồ đối với đồng bào miền Nam ruột thịt.

Bằng những công việc cụ thể như vậy, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã thực hiện đúng lời hứa trước Đại hội VII “cố gắng cống hiến sự hiểu biết và kinh nghiệm nhỏ bé của mình cho cách mạng, cho Đảng đến hơi thở cuối cùng”.

2. Những chuyến đi tình nghĩa

Một trong những nguyên tắc làm việc của đồng chí Nguyễn Văn Linh là cụ thể, tỉ mỉ, thiết thực. Đồng chí không bao giờ đưa ra một quyết định khi chưa nắm bắt thật chắc các phương diện khác nhau của đời sống hiện thực. Chỉ sau khi đã điều tra, nghiên cứu đầy đủ, đồng chí mới đi đến quyết định và đã quyết định thì quyết tâm thực hiện đến cùng, với một niềm tin chắc chắn sẽ giành thắng lợi. Phong cách Nguyễn Văn Linh là phong cách gắn chặt lý luận với thực tế, điều đó đã trở thành một thứ triết học hành động của đồng chí. Những tìm tòi, khai phá con đường đổi mới cũng bắt đầu từ những chuyến đi thực tế, xuống tận cơ sở để nắm bắt và lý giải thực chất vấn đề. Có lẽ nhờ tác phong thực tế, sâu sát, tỉ mỉ, đi vào quần chúng nên đồng chí luôn luôn nhạy cảm với cái mới, với những vấn đề đang nảy sinh trong cuộc sống.

Khi còn đương chức, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã đi nhiều, nghe nhiều và cũng thu nhận được nhiều điều phản ánh từ nhân dân, qua đó làm phong phú thêm hiểu biết của mình, đúng như lời dạy của Bác Hồ "học ở trường, học ở sách vở, học lẫn nhau và *học nhân dân*". Khi về sống tại thành phố Hồ Chí Minh, trên cương vị Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng, tuy sức khỏe đã giảm sút, nhưng đồng chí vẫn thực hiện nhiều chuyến đi thực tế, thâm nhập vào đời sống của các tầng lớp nhân dân, trở về với đồng bào, đồng chí. Theo kết quả tổng hợp chưa đầy đủ, trong hơn sáu năm làm cố vấn, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã thực hiện 42 chuyến đi xuống cơ sở, trung bình mỗi năm đồng chí có 7 chuyến, gần như mỗi tháng có một chuyến đi xa. Ngoài ra, đồng chí còn có nhiều cuộc tiếp xúc, nói chuyện với các đơn vị cơ sở trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Từ sau năm 1997, sức khỏe giảm sút hẳn, đồng chí ít đi hơn, nhưng vẫn thường xuyên đọc báo, nghe đài và nghe thấy chỗ này, chỗ kia: “Bà con dân nghèo vẫn còn thiếu thốn, đời sống các gia đình thương binh, liệt sĩ, cựu chiến binh, cán bộ đảng viên nghỉ hưu... còn nhiều chật vật, khó khăn; tệ quan liêu tham nhũng chưa khắc phục được mà còn có chiều hướng gia tăng ở cấp này, cấp khác...” thì đồng chí lại buồn.

Bà Ngô Thị Huệ, phu nhân đồng chí kể: “Cũng có những lúc thấy anh rất vui khi nhận được tin thắng lợi dù lớn, dù nhỏ, dù ở lĩnh vực nào, trong cả nước, ở địa

phương này, ở địa phương khác... Có lần đi họp về tôi kể lại: đã có 40 trường hợp người nghèo được mổ mắt, thấy lại ánh sáng, hòa nhập với cuộc sống mọi người; và trong chương trình “đem lại nụ cười cho trẻ thơ”, các thầy thuốc đã tận tình giải quyết thành công hàng ngàn ca dị tật. Anh vui lắm. Trong bữa cơm hôm đó, nhìn anh ăn ngon miệng hơn, ai cũng thấy vui lây và mong anh giữ được sức khỏe để tiếp tục đóng góp theo sức của mình vào công việc chung còn gặp nhiều khó khăn phức tạp¹. Theo dõi đời sống nhân dân, lắng nghe hơi thở sinh động từ cuộc sống trở thành thói quen và nguồn nhựa sống của đồng chí.

Trong các chuyến đi thực tế, đồng chí Nguyễn Văn Linh đều chủ động chọn nơi cần đến theo chủ đích của mình.

Thứ nhất, đi thăm những địa phương, cơ sở sản xuất kinh doanh, thường là những nơi còn gặp nhiều khó khăn và đang có vấn đề nổi cộm cần tháo gỡ. Đồng chí đã đến thăm hầu hết các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, thăm bà con nông dân hai sương một nắng đang cần cù chịu khó tạo thế an toàn vững chắc về lương thực cho nhân dân cả nước, nhưng đang còn phải chịu đựng khó khăn do thiên nhiên hà khắc và do rủi ro của kinh tế thị trường. Đồng chí đến thăm những người công nhân đang ngày đêm thi đua lao động sản xuất, ân cần

1. Ngô Thị Huệ: *Anh còn sống mãi*. In trong Nguyễn Văn Linh - hành trình cùng lịch sử, *Sđđ*, tr.221.

hỏi thăm đời sống của họ, đồng chí thật sự trần trở khi thấy nhiều bà con còn sống lam lũ, thiếu thốn mọi thứ, một số trẻ em đến tuổi đi học vẫn chưa được cấp sách tới trường, vẫn còn những người già yếu, tàn tật không nơi nương tựa. Đồng chí đến thăm các trường học, cơ sở giáo dục - đào tạo, nắm bắt nguyện vọng của thầy và trò, đến thăm các cơ sở nghiên cứu khoa học, động viên họ góp thật nhiều công sức, trí tuệ cho đất nước, cho Đảng. Đồng chí đã đến thăm và nói chuyện với đồng bào theo các tôn giáo khác nhau, khuyên họ yên tâm làm ăn, thực hiện nguyên tắc "tốt đời đẹp đạo", sống khoan dung, đoàn kết, "phúc âm giữa lòng dân tộc". Sự gần gũi, thân thương của đồng chí đã góp phần xóa bỏ được định kiến của một số chức sắc tôn giáo đối với những người cộng sản... Hầu như đồng bào ở rất nhiều địa phương, thuộc các tầng lớp dân cư, đều không quên được sự quan tâm, chăm sóc của đồng chí.

Sau các chuyến đi địa phương và cơ sở, trên cơ sở các tư liệu đã có, đồng chí đã gợi ý với các đồng chí lãnh đạo một số cách làm để tháo gỡ khó khăn cho đồng bào. Đồng chí khẳng định nhiều lần rằng: Dù khó khăn đến đâu cũng phải chú ý chăm lo mọi mặt đời sống nhân dân; Đảng và chính quyền các cấp cần có chính sách, biện pháp giúp các địa phương, cơ sở để từng bước thực hiện mục tiêu: dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Cố vấn Nguyễn Văn Linh đặc biệt chú ý đến các cơ sở mới đi vào hoạt động, đang gặp nhiều khó khăn và đồng chí đã cho nhiều ý kiến chỉ đạo giải quyết đúng

lúc, kịp thời. Trong những năm 1992 - 1996, trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) và doanh nghiệp tư nhân đã diễn ra các cuộc đình công, lãn công của công nhân do các ông chủ cố tình vi phạm luật lao động, xâm phạm quyền tự do thân thể, xúc phạm nhân phẩm của công nhân,... Được tin, Cố vấn Nguyễn Văn Linh đã liên tục yêu cầu công đoàn thành phố báo cáo và rồi cho ý kiến chỉ đạo, hướng dẫn đối với công đoàn để bảo vệ quyền lợi, bảo vệ nhân phẩm của công nhân, cũng chính là bảo vệ chủ quyền của người Việt Nam trên đất nước của mình. Đồng chí nói: "Làm công đoàn nhiệm vụ đầu tiên và trên hết là phải bảo vệ được quyền lợi làm việc an toàn và lợi ích của công nhân lao động, là phải hướng dẫn cho công nhân lao động làm những việc đúng theo pháp luật, những việc hay phù hợp với đạo lý của người Việt Nam. Làm công đoàn là phải dũng cảm, dám hy sinh quyền lợi của cá nhân mình vì lợi quyền công nhân lao động, không được thỏa hiệp nhưng cũng không quá cứng nhắc. Phải mềm dẻo nhưng không trái với các quy định của pháp luật, kiên quyết nhưng không quá khích. Các cháu là người đại diện cho Đảng đến với công nhân lao động, hướng dẫn công nhân lao động, lãnh đạo họ và chăm lo cho họ"¹.

Thứ hai, là về thăm lại nhà tù Côn Đảo và các cơ sở

1. Hoàng Thị Khánh: *Người đồng chí - người lãnh tụ của giai cấp công nhân*. In trong *Nguyễn Văn Linh - hành trình cùng lịch sử*, Sđd, tr.296.

cách mạng, thăm chiến trường xưa, thăm căn cứ Trung ương Cục, thăm bến Nhà Rồng, nơi có chi nhánh Bảo tàng Hồ Chí Minh,... Đồng chí đã trở về chiến khu Đ, căn cứ địa cách mạng kiên cường của chiến trường miền Nam thời kỳ chống Pháp và chống Mỹ. Đến những nơi đồng chí từng hoạt động đã gọi lại cho đồng chí nhiều kỷ niệm và xúc cảm mãnh liệt. Đến đâu đồng chí cũng nói lên lòng biết ơn nhân dân, đồng bào, đồng chí đã nuôi dưỡng, cứu mang, chăm sóc các chiến sĩ cách mạng trong những thời điểm khó khăn, ngặt nghèo. Đồng chí lưu ý những người còn sống: "Trong chiến tranh, bà con chịu nhiều gian khổ và nghèo khó, nhưng vẫn một lòng nuôi bộ đội ta đến ngày cách mạng thành công. Ngày nay truyền thống quý báu đó cần phải được gìn giữ trong Đảng, trong nhân dân cán bộ mình, để xây dựng đất nước"¹.

Đối với bạn bè, đồng chí cũ, đồng chí vẫn thường hỏi thăm, chăm sóc chu đáo, ân cần. Tình cảm của đồng chí đối với đội ngũ phục vụ khi đương chức cũng như khi đã về nghỉ mãi mãi là bài học đối nhân xử thế cho nhiều thế hệ. Có chị phục vụ đã cảm động kể lại: Hết nhiệm kỳ Tổng Bí thư, Bác làm Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng, bác vẫn thường hỏi tôi về đời sống, về việc làm, về lương của công nhân trong xí nghiệp và gia đình

1. Đặng Văn Thượng: *Lần cuối gặp anh*. In trong *Nguyễn Văn Linh - hành trình cùng lịch sử*, Sđd, tr. 393.

tôi: Các cháu học hành ra sao, bác hỏi rất tỉ mỉ về nhà đã sửa chưa, v.v.. Tôi rất cảm động và cũng lựa lời báo cáo để bác được yên lòng.

Thời gian về lại thành phố Hồ Chí Minh, trên cương vị cố vấn, đồng chí Nguyễn Văn Linh có điều kiện sống giữa gia đình, chăm lo cho vợ, con, cháu và nhất là được vợ, con, cháu lo toan, chăm sóc cho đồng chí. Đây có lẽ là thời gian dài nhất mà đồng chí được hưởng niềm vui trong không khí gia đình và cũng thông qua tình cảm gia đình càng làm phát sáng hơn ở đồng chí những tình cảm cao quý của người cộng sản: tình cảm người chồng, người cha, người ông theo đạo nhà, đạo lý của dân tộc. Những lời tâm sự sau đây của con gái đồng chí về những tháng năm đồng chí trở về sống giữa gia đình, đã nói lên nghĩa tình ấm áp, hạnh phúc trọn vẹn của đồng chí trong đời thường: "Rồi cha tôi đã về, nụ cười bình yên rung rung mái đầu tóc bạc, buổi cơm hàng ngày ríu rít tiếng trẻ mời ông. Chúng tôi thật mừng vui, cảm động nhìn cha thư thái ngồi đánh cờ với cháu trai, tập bơi cho cháu gái, nhẹ nhàng nâng một cành lan vừa nở, ung dung đi vài đường dưỡng sinh buổi sáng. Những giờ phút êm ả như vậy thật cần thiết cho tuổi già của ông. Cuộc sống của người dân nói chung, của gia đình nói riêng đều đã khá lên. Nồi vát vả nuôi heo cút ngày nào giờ đây thành chuyện vui bên bữa cơm chiều, khi cả nhà ngồi quây quần nhắc lại những kỷ niệm khó quên của một thời bao cấp. Cha thường hỏi chúng tôi về công việc,

thu nhập hằng tháng, giá cả ngoài chợ, tiền trường lớp cho các cháu ăn học. Ông hài lòng khi thấy chúng tôi đều có thể lo liệu bản thân, cho tương lai con cái. Mẹ và chúng tôi cũng yên lòng khi cha vui khỏe, thậm chí mong ông sẽ được thấy các cháu trai, cháu gái trưởng thành, thấy đất nước chuyển mình qua thế kỷ mới, thấy cuộc sống ngày càng hạnh phúc hơn như ông vẫn ước muốn"¹.

Sáng 27-4-1998, trái tim đồng chí Nguyễn Văn Linh đã ngừng đập sau một đời làm việc không mệt mỏi. Hạnh phúc là đấu tranh. Theo nghĩa ấy, đồng chí là một người có hạnh phúc lớn. Người chiến sĩ già ấy sau gần 70 năm vào sinh ra tử, gian khổ đấu tranh để gieo hạt mở đường, nay đã có hạnh phúc lớn được thấy vụ mùa thắng lợi: Đất nước độc lập, thống nhất và bắt đầu đổi mới, tuy vẫn còn nhiều khó khăn và âu lo nhưng đang sáng dần lên; trong niềm vui chung của dân tộc, có niềm vui chân chính của bản thân và gia đình đồng chí.

Đồng chí Nguyễn Văn Linh nằm kia, khuôn mặt nhân từ và thanh thản, như đồng chí vẫn thanh thản trước mọi gian nan hay trong những giờ phút sóng gió, đau buồn nhất. Từ cuộc đời và nhân cách đồng chí toả sáng hình ảnh về người cộng sản trung hậu, cao quý. Đồng chí mãi mãi được nhân dân tôn vinh và lịch sử ghi nhận.

1. Nguyễn Thị Bình: *Cha và chúng tôi*. In trong *Nguyễn Văn Linh - hành trình cùng lịch sử*, *Sđd*, tr. 233-234.

Chương IX

NGƯỜI HỌC TRÒ XUẤT SẮC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH - TẤM GƯƠNG SÁNG MÃI

Đồng chí Nguyễn Văn Linh đã hoàn thành trách nhiệm vẻ vang trước Đảng, trước dân tộc và ra đi thanh thản trong niềm tiếc thương vô hạn của đồng chí, đồng bào. Đồng chí là một trong những học trò trung thành và xuất sắc đã suốt đời phấn đấu theo gương người thầy vĩ đại là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tuy ít có điều kiện được sống gần gũi và trực tiếp nhận sự chỉ bảo, dạy dỗ của Người, song tư tưởng, đạo đức, phương pháp, phong cách, lối sống,... của Hồ Chí Minh đã được đồng chí học tập, thấm nhuần sâu sắc và thể hiện ra một cách bình dị, tự nhiên, không chút gượng gượng.

1. Đồng chí Nguyễn Văn Linh với Chủ tịch Hồ Chí Minh

Là một đồng chí lãnh đạo cao cấp của Đảng, nhưng chủ yếu hoạt động ở miền Nam, đồng chí Nguyễn Văn Linh không có may mắn được sống và làm việc thường

xuyên bên Bác Hồ. Số lần đồng chí được gặp gỡ và làm việc với Chủ tịch Hồ Chí Minh vừa đủ tính trên đầu ngón tay.

Cuối năm 1953, sau những ngày gian khổ vượt Trường Sơn ra Việt Bắc nhận công tác, lần đầu tiên được nhìn thấy Bác, đồng chí vô cùng phấn khởi. Trong thư gửi về cho vợ ở miền Nam, đồng chí viết: “Có một điều rất đáng ghi nhớ của anh là ở hội nghị toàn quốc, lần đầu tiên trong đời anh được thấy Bác. Bác rất mạnh, rất vui, rất giản dị, rất linh hoạt. Mỗi lời nói của Bác đi sâu vào trong lòng người. Mỗi cử chỉ của Bác là một bài học thấm thía. Đảng ta, dân tộc ta có Bác thật là hạnh phúc to”¹.

Thời gian đồng chí Nguyễn Văn Linh công tác ở ngoài Việt Bắc không lâu. Sau Hiệp định Giơnevơ, đồng chí lại được Trung ương điều động trở lại công tác ở miền Nam. Trước khi lên đường, các đồng chí Nguyễn Văn Linh, Phạm Ngọc Thạch, Cao Đăng Chiếm,... được Bác cho gặp và dặn dò những điều cần thiết về tình hình nhiệm vụ, nhất là về những phương pháp, cách thức đối phó với âm mưu, thủ đoạn tàn bạo của kẻ thù, cách dựa vào dân để duy trì và phát triển lực lượng cách mạng,... Có lẽ, đây là lần gặp gỡ trực tiếp đầu tiên của anh với Bác Hồ, được tiếp cận gần gũi, được Bác truyền cho cả tư tưởng, tình cảm, sức mạnh và niềm tin mãnh

1. Tư liệu do bà Ngô Thị Huệ cung cấp cho tác giả.

liệt của Người vào sự nghiệp cách mạng tất thắng của Đảng và của dân tộc. Anh vô cùng xúc động, không cầm được nước mắt, vì anh cũng cảm nhận được có lẽ còn lâu mới có ngày gặp lại Bác.

Từ đó, trong những năm tháng gian khổ, ác liệt ở rừng, cũng như toàn thể đồng bào miền Nam, cứ mỗi độ Xuân về, anh lại cùng anh chị em trong cơ quan Trung ương Cục vui mừng, náo nức chờ đợi nghe tiếng thơ chúc Tết của Bác đêm giao thừa qua làn sóng của Đài Tiếng nói Việt Nam. Anh coi đây là phần thưởng lớn nhất Bác dành cho những người con ở tuyến đầu Tổ quốc.

Năm 1963, ba năm sau "đồng khởi", đồng chí Nguyễn Văn Linh được Bác Hồ và Bộ Chính trị Trung ương Đảng triệu tập ra Hà Nội báo cáo tình hình. Đồng chí kể lại: "Ra đến nơi, vừa vào nhà nghỉ đã có đồng chí đến báo: "Bác kêu anh đấy". Tôi vội vàng đến chỗ Bác. Vào đến phòng họp, tôi thấy trên chiếc bàn lớn đã trải sẵn tấm bản đồ Việt Nam. Vừa ngồi được một tí đã thấy Bác bước vào với bộ quần áo nâu, chân đi dép lốp. Bác nói:

- A, chú Cúc đây phải không. Chú ở miền Nam ra, trước hết là Bác khen ngợi tinh thần đấu tranh của nhân dân miền Nam. Chú ngồi xuống, chỉ cho Bác xem bây giờ Trung ương Cục đóng ở đâu?

Tôi chỉ vào bản đồ và thưa: - Thưa Bác, đóng ở Tây Ninh ạ.

- Bác nghe nói hồi kháng chiến chống Pháp, vùng này rất khó khăn về gạo, phải tích lũy từng lon. Thế bây giờ thế nào?

Tôi thưa với Bác là mỗi người được gần 30 kg mỗi tháng.

Bác ngạc nhiên hỏi: - Tối gần 30 kg cơ à? Nhưng mà đó là cho các chú hay chiến sĩ?

Tôi thưa đó là cho anh em chiến sĩ trẻ, chứ chúng tôi không ăn hết được. Bác khen: - Thế thì tốt lắm. Nhưng làm sao để được như vậy?

- Dạ, đó là nhờ sự lãnh đạo của Đảng, từ sau "đồng khởi", bà con ở miền Đông Nam Bộ đẩy mạnh đấu tranh chính trị theo đường lối "hai chân, ba mũi", vừa chống địch càn quét, đánh phá, vừa đẩy mạnh sản xuất, nên bây giờ bà con đã có đủ gạo ăn và nuôi kháng chiến...

- Tốt lắm, các chú và nhân dân làm giỏi đấy. Thế nhưng liệu có được lâu không?

- Thưa Bác, khi chưa làm thì chưa có kinh nghiệm. Đã làm rồi thì càng thấy rõ trên thực tế là đường lối của Đảng rất đúng. Cho nên chắc chắn là sẽ giữ được lâu dài.

... Tôi rất xúc động trước sự quan tâm của Bác đối với việc chăm lo đời sống cho đồng bào, chiến sĩ và cán bộ. Sau đó, Bác hỏi đến phong trào và tình hình chung, rồi Bác phân tích, Bác khen làm như thế là giỏi, chỉ vẽ thêm cách làm cho thời gian tới¹.

1. Xem Nguyễn Văn Linh: *Vài hồi ức về Bác*. In trong *Bác Hồ với miền Nam, miền Nam với Bác Hồ*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, t. 1, tr. 27-28.

Cuối năm 1968, sau ba đợt tổng tiến công và nổi dậy ở miền Nam, đồng chí lại có dịp được ra Trung ương báo cáo tình hình. Đồng chí kể lại: “Lần đó tôi đi cùng với đồng chí Trần Độ. Lúc này Bác đang mệt. Đồng chí Vũ Kỳ báo cho biết là Bác mời cơm tôi và đồng chí Trần Độ. Được Bác mời cơm là một vinh hạnh lớn, nhưng nghe Bác mệt, cả tôi và anh Trần Độ đều hơi ngại ngại.

Hôm đó, cả tôi, anh Trần Độ và anh Vũ Kỳ cùng được ăn cơm với Bác. Tôi thấy Bác ăn rất ngon lành. Bác ăn tới hai bát cơm và bảo anh Kỳ xới cho thật đầy. Bác vừa ăn vừa bảo mọi người ăn cho hết thức ăn, không để thừa. Tôi và anh Trần Độ thấy vậy mừng quá. Bác đang mệt mà Bác vẫn ăn được.

Sau đó, anh Vũ Kỳ cho biết, Bác cố gắng ăn như vậy để các anh về nói lại cho đồng bào miền Nam yên tâm! Bác biết rằng nếu đồng bào và chiến sĩ miền Nam hay tin Bác mệt sẽ lo lắng biết bao nhiêu.

Năm 1969, tôi lại được triệu tập ra Trung ương. Lúc này Bác đã mệt nhiều, khi tôi được vào thăm thì Bác đã không còn ngồi dậy để tiếp nữa. Tôi ngồi trên chiếc ghế bên cạnh giường Bác. Bác vẫn tươi cười hỏi thăm tình hình mọi mặt ở miền Nam như khi Bác vẫn đang còn khỏe. Trên bức tường cạnh giường, tôi vẫn thấy như mọi lần có treo sẵn tám bản đồ miền Nam với các mũi tên chỉ tình hình chiến sự trong những ngày gần nhất. Đồng chí Vũ Kỳ cho biết, tuy yếu mệt như vậy, nhưng hằng ngày Bác vẫn yêu cầu cán bộ Bộ Tổng tham mưu

sang báo cáo về tình hình chiến sự ở miền Nam. Tôi xúc động quá!

Cho đến hôm gần thở hơi cuối cùng, Bác đã cho mời các đồng chí Bộ Chính trị đến bên cạnh. Tôi lúc đó không ở trong Bộ Chính trị, nhưng là cán bộ duy nhất ở miền Nam ra, nên Bác cũng cho kêu đến. Bác cố nắm tay từng đồng chí trong Bộ Chính trị và sau đó nắm lấy tay tôi. Khi ấy, Bác đã không còn nói được nữa, nhưng đôi mắt và vẻ mặt của Bác thể hiện một tình cảm thật sâu sắc, không bút nào tả xiết. Riêng đối với tôi, tôi hiểu rằng tình cảm của Bác không phải đối với riêng tôi, mà Bác muốn qua cái nắm tay cuối cùng, gửi gắm tấm lòng của Bác đối với đồng bào, chiến sĩ miền Nam trước khi Bác từ biệt cõi đời để theo các cụ Mác, Lênin. Bác thật đúng là vị cha già dân tộc”¹.

Những lần đồng chí Nguyễn Văn Linh được gặp Bác không nhiều, nhưng lần gặp nào cũng làm cho đồng chí vô cùng xúc động, để lại trong đồng chí những ấn tượng sâu sắc, tiếp thêm cho đồng chí tình cảm cách mạng và nghị lực lớn lao. Đối với đồng chí, đó là những giây phút vinh dự và hạnh phúc nhất của một đời người. Tư tưởng, đạo đức, phong cách của Bác, nhất là tình cảm thấm thiết, sự quan tâm sâu sắc của Người đối với đồng bào và chiến sĩ miền Nam, là nguồn sức mạnh động viên to lớn đối với đồng chí Nguyễn Văn Linh trong suốt cuộc

1. Nguyễn Văn Linh: *Vài hồi ức về Bác*, *Sđd*, tr.29-30.

chiến đấu gian khổ ở miền Nam; là những chuẩn mực về đạo đức, phong cách, lối sống mà đồng chí đã âm thầm, lặng lẽ học tập, làm theo để trở thành một người cộng sản mẫu mực, xứng đáng là người học trò ưu tú của người thầy vĩ đại.

Từ kinh nghiệm bản thân, đồng chí đã hiểu sâu sắc giá trị, tác dụng của tư tưởng, tình cảm cách mạng, đạo đức, phong cách,... Hồ Chí Minh đối với Đảng ta và nhân dân ta, một nhân tố làm nên thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Trong nhiệm kỳ Tổng Bí thư của mình, đồng chí là một trong ít người đi tiên phong trong việc học tập và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đặc biệt là tư tưởng Hồ Chí Minh về sự gắn bó chặt chẽ giữa độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội; về “dĩ bất biến ứng vạn biến”, kiên trì về mục tiêu nhưng linh hoạt về sách lược, biết kịp thời thay đổi khẩu hiệu, chính sách khi tình hình thực tế đã thay đổi; biết mạnh dạn loại bỏ những biện pháp, cách thức cũ khi nó không còn phù hợp với cuộc sống.

Đồng chí Nguyễn Văn Linh thường xuyên trích dẫn tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác xây dựng Đảng, nhất là về đạo đức cách mạng; đồng chí nghiêm khắc lên án và kiên quyết đòi xử lý những người mắc sai lầm nghiêm trọng, bất kể họ là ai và giữ chức vụ nào. Những lời nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh, qua chọn lựa và trích dẫn của đồng chí Nguyễn Văn Linh, kết hợp với phân tích và liên hệ thực tế đang diễn ra, đã trở nên sống

động, sâu sắc lạ thường. Trước hiện tượng một số cán bộ lợi dụng chức quyền hà hiếp, áp bức dân, đồng chí mượn lời Bác Hồ để nhắc nhở: “Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng... Làm cán bộ tức là suốt đời làm đầy tớ trung thành của nhân dân. Mấy chữ a, b, c này không phải ai cũng thuộc đâu, phải học mãi, học suốt đời mới thuộc được”. Đồng chí Nguyễn Văn Linh bổ sung thêm: “Phải học lại từng chữ, gắn với ý thức tôn trọng quyền làm chủ tập thể của quần chúng, lấy dân làm gốc”¹.

Suốt đời mình, đồng chí học ở Bác Hồ đạo đức cách mạng cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; học ở Bác lòng yêu nước thương dân, lúc nào cũng suy nghĩ, chăm lo đến cuộc sống của nhân dân; học ở Người tác phong sâu sát, năng đi xuống cơ sở, lắng nghe ý kiến của “những người không quan trọng”, không để ai nói dối được mình. Học theo nếp sống thanh bạch, giản dị của Bác, đồng chí không ưa những bộ quần áo sang trọng, ăn uống thanh đạm, bữa cơm thường chỉ với chút cá bóng kho, bát canh chua; đi công tác không dùng chuyên cơ, ở Thủ đô hay xuống các địa phương, đồng chí thường dùng chiếc Lada màu vàng không điều hoà nhiệt độ, v.v.. Vì vậy, cũng như Bác Hồ, đồng chí vốn hiền từ nhưng lại có cái “uy” của người lãnh đạo thanh liêm, đúng như người xưa đã nói: “Cấp dưới không sợ ta nghiêm mà sợ ta liêm, dân chúng không phục ta tài

1. Báo *Nhân dân*, ngày 19-11-1986.

năng mà phục ta công tâm. Công tâm thì sáng suốt, thanh liêm ắt có uy”¹.

Đồng chí Nguyễn Văn Linh còn học theo Bác Hồ trong cách viết, cách nói, nói sao cho ngắn gọn, dễ hiểu bằng những ví dụ, so sánh cụ thể, có hình ảnh. Loạt bài viết về *Những việc cần làm ngay* là dẫn chứng tiêu biểu. Ví dụ, đề cập đến vai trò gương mẫu của người lãnh đạo, đồng chí nói: “Muốn tiết kiệm chống lãng phí xa hoa, các cán bộ lãnh đạo phải gương mẫu. Xe lửa có đầu tàu, đầu tàu chuyển động sẽ kéo các toa cùng chạy theo. Đầu tàu cứ kéo còi, xịt khói mà nằm im làm sao các toa nhích được”. Cũng như vậy, về chống quan liêu, tham nhũng, cửa quyền, đồng chí chỉ rõ: “Nhà dột từ nóc, không sửa lại mái nhà thì nước mưa từ nóc đổ xuống, quét mãi cũng không hết được”².

Qua đó, có thể thấy sức hấp dẫn các bài viết của đồng chí Nguyễn Văn Linh không chỉ được tạo nên bởi nội dung tư tưởng sắc bén, dám nhìn thẳng vào sự thật mà còn ở hình thức diễn đạt cụ thể, giàu hình ảnh, rất gần với lối cảm, lối nghĩ của quần chúng. Nếu không có sẵn những tố chất của Hồ Chí Minh thì giới lãnh cũng chỉ học được cái bề ngoài của Hồ Chí Minh

1. Nguyên văn: Lại bất ỷ ngô nghiêm nhi ỷ ngô liêm; dân bất phục ngô năng nhi phục ngô công. Công tắc minh, liêm tắc uy.

2. Tô Bửu Giám: *Nhớ mãi anh, người thầy: Nguyễn Văn Linh*. In trong *Nguyễn Văn Linh, nhà lãnh đạo kiên định và sáng tạo*, *Sđd*, tr. 616.

mà thôi. Đồng chí Nguyễn Văn Linh thật xứng đáng là người học trò trung thành của Bác Hồ, đã theo được tấm gương của người thầy vĩ đại cả về tư tưởng, đạo đức lẫn phong cách.

Nhân dịp kỷ niệm lần thứ 100 ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh - “Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hoá kiệt xuất”, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã phát biểu nhiều bài quan trọng với các nhà khoa học trong nước và quốc tế. Trong lời chào mừng bạn bè quốc tế đến Hà Nội dự Hội thảo khoa học quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng chí đã nói: “Chủ tịch Hồ Chí Minh là vị anh hùng lớn nhất trong lịch sử đấu tranh giành độc lập và tự do của dân tộc Việt Nam, là hiện thân của tinh hoa văn hoá dân tộc và nhân loại... Người đã vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam, đề ra đường lối cách mạng đúng đắn,... tạo ra bước ngoặt lớn nhất trong lịch sử cách mạng Việt Nam, đưa nhân dân tiến vào kỷ nguyên độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội”.

“Chủ tịch Hồ Chí Minh là nhà yêu nước vĩ đại. Chủ nghĩa yêu nước ở Người xuất phát từ lòng yêu thương vô hạn đối với nhân dân bị áp bức. Nó không dừng lại trong phạm vi dân tộc mà mở rộng đối với nhân dân lao động toàn thế giới”.

“Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu tấm gương sáng ngời trước nhân dân Việt Nam về đạo đức mới. Tin tưởng tuyệt đối vào lý tưởng cách mạng, vào tương lai tươi

sáng của dân tộc và nhân loại. Người đã tỏ ra một nghị lực phi thường và sống với phương châm “giàu sang không thể quyến rũ, nghèo khó không thể chuyển lay, uy vũ không thể khuất phục”. Với tinh thần cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, Người sống một cuộc sống riêng thanh cao và giản dị”.

“Sự nghiệp, tư tưởng và đạo đức sáng ngời của Người sống mãi trong lòng kính yêu vô hạn của nhân dân Việt Nam”¹.

Tại lễ kỷ niệm trọng thể lần thứ 100 ngày sinh của Người do Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Quốc hội, Hội đồng Nhà nước, Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam,... tổ chức tại Hội trường Ba Đình, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã đọc một bài diễn văn quan trọng, đánh giá toàn diện công lao, sự nghiệp, tư tưởng, đạo đức,... của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Diễn văn đã khẳng định:

Chủ tịch Hồ Chí Minh là vị anh hùng lỗi lạc nhất trong lịch sử đấu tranh giải phóng của dân tộc Việt Nam: Người đã sáng lập và rèn luyện Đảng Cộng sản Việt Nam, đã xây đắp nên khối đại đoàn kết dân tộc vững chắc, là người cha thân yêu của các lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam, người đã khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà - nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam châu Á...

1. Nguyễn Văn Linh: *Đổi mới để tiến lên*, Sđd, t. 3, tr. 44.

Người là nhà đổi mới cách mạng dũng cảm và sáng tạo. Người xuất hiện trong lịch sử đấu tranh cách mạng của dân tộc Việt Nam như một con người luôn luôn đổi mới, dám nhìn thẳng vào sự thật, vượt lên những lối cũ, đường mòn đã không còn thích hợp với cuộc sống, chính vì thế Người vẫn được coi là nguồn sáng và sức mạnh cho công cuộc đổi mới hiện nay ở Việt Nam.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là một nhà văn hoá lớn, là hiện thân của tinh hoa dân tộc và thời đại, được thể hiện qua sự nghiệp văn hoá đồ sộ và phong phú mà Người đã để lại. Người đồng thời là nhà tư tưởng, nhà lý luận, nhà thơ lớn, nhà văn lớn, nhà báo cách mạng xuất sắc. Tất cả những gì Người viết ra đều phản ánh trung thực, hồn nhiên vẻ đẹp cao quý trong đạo đức, trí tuệ, tâm hồn của một nhân cách vĩ đại.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là một chiến sĩ quốc tế lỗi lạc, đã có cống hiến to lớn vào sự nghiệp giải phóng các dân tộc bị áp bức, vào sự củng cố phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, vào sự đoàn kết các lực lượng vì hoà bình, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người cộng sản mẫu mực, là hình ảnh tuyệt đẹp về mối quan hệ giữa lãnh tụ và quần chúng.

Trong phần kết luận, đồng chí Nguyễn Văn Linh khẳng định: "Những tư tưởng vĩ đại của Hồ Chí Minh về quyền bình đẳng giữa các dân tộc, về quyền sống, quyền tự do cho mỗi con người, về lý tưởng công bằng, dân chủ,

bác ái, hoà bình, hữu nghị cho các dân tộc,... là những giá trị có ý nghĩa thế giới, đóng góp vào kho tàng văn hoá của nhân loại”¹.

Bài phát biểu của đồng chí Nguyễn Văn Linh đánh dấu bước phát triển mới trong việc nghiên cứu về Chủ tịch Hồ Chí Minh, giúp cho nhân dân ta và bạn bè thế giới hiểu biết một cách đầy đủ và sâu sắc đối với công lao và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh trên bình diện “Anh hùng giải phóng dân tộc và nhà văn hoá kiệt xuất”.

Cũng trong dịp này, đồng chí Nguyễn Văn Linh còn viết bài cho Nhà xuất bản Chính trị Liên Xô, nhan đề *Biến những tư tưởng cao cả của Chủ tịch Hồ Chí Minh thành hiện thực sinh động trong cuộc sống hôm nay*².

Cuộc sống ngày càng xác nhận sức sống, ý nghĩa, vai trò, tác dụng to lớn của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam. Trong bối cảnh chủ nghĩa xã hội thế giới lâm vào khủng hoảng và đổ vỡ ở nhiều nước, một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa vẫn tiếp tục đứng vững, đổi mới và phát triển tiến lên. Điều đó chứng tỏ: Thắng lợi của cách mạng nước ta là nhờ có chủ nghĩa Mác - Lênin đồng thời cũng là nhờ có tư tưởng Hồ Chí Minh. Công lao của đồng chí Nguyễn Văn Linh trong nhiệm kỳ Tổng Bí thư của mình là ở chỗ đồng chí đã cùng với Bộ Chính trị Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam sớm

1, 2. Nguyễn Văn Linh: *Đổi mới để tiến lên*, Sđd, t. 3, tr. 88-106, 48-56.

nhận thức được giá trị này, đã kịp thời đưa vào Nghị quyết Đại hội VII của Đảng điều khẳng định: *Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động*. Trong *Báo cáo chính trị* đọc tại Đại hội VII, đồng chí Nguyễn Văn Linh nói rõ: “Cái mới trong các văn kiện Đại hội lần này là cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin, Đảng nêu cao *tư tưởng Hồ Chí Minh*. Điều đó là tự nhiên, bởi tư tưởng Hồ Chí Minh chính là kết quả sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin trong điều kiện cụ thể của nước ta, và trong thực tế tư tưởng Hồ Chí Minh đã trở thành một tài sản tinh thần quý báu của Đảng và của cả dân tộc”¹.

Nghị quyết đánh dấu bước phát triển mới trong tư duy lý luận của Đảng ta, đáp ứng yêu cầu và nguyện vọng của toàn Đảng, toàn dân, nên đã được vui mừng chào đón và hoan nghênh nhiệt liệt.

Đồng chí Nguyễn Văn Linh cũng là một trong những lãnh tụ của Đảng ta sớm đặt vấn đề phải đẩy mạnh nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh. Phát biểu với cán bộ, nhân viên Tạp chí Cộng sản nhân dịp kỷ niệm 35 năm xuất bản tạp chí, đồng chí Nguyễn Văn Linh nói: “Trong số những đề tài trọng điểm, tôi muốn nhấn mạnh đề tài viết về Bác Hồ. Cuộc đời và tư tưởng, đạo đức, phong cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh là kho tàng vô giá của Đảng ta

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991, tr. 127.

và nhân dân ta, các thế hệ hôm nay và thế hệ mai sau... Khai thác, hệ thống hoá, nghiên cứu nội dung và vận dụng di sản tinh thần phong phú của Bác Hồ vào công cuộc đổi mới đất nước ta hiện nay là một nhiệm vụ hàng đầu của những người làm công tác nghiên cứu lý luận”¹.

Không chỉ kêu gọi, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã gương mẫu bắt tay vào nghiên cứu và sớm công bố nhiều bài viết có giá trị, đặt nền móng cho chuyên ngành nghiên cứu về Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ngoài những bài đã được đề cập đến ở trên, đáng chú ý có bài *Mấy suy nghĩ về nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh*. Bài viết của đồng chí đã bước đầu đưa ra bốn vấn đề lớn trong nội dung tư tưởng của Người:

- Lòng yêu nước, thương dân rất mực nồng nàn và sự sáng tạo trong việc tìm tòi con đường đúng đắn để cứu dân, cứu nước.

- Kết hợp tính nguyên tắc, tính vững chắc của chiến lược với tính linh hoạt, uyển chuyển của sách lược.

- Tính tất yếu của vai trò lãnh đạo của Đảng và việc phải không ngừng xây dựng Đảng ngang tầm với nhiệm vụ lãnh đạo.

- Sự chỉ đạo chiến lược và chiến thuật tài tình của Người trong hai cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc².

1. Nguyễn Văn Linh: *Đổi mới để tiến lên*, Sđd, t. 3, tr. 186.

2. Xem báo *Nhân dân*, ngày 7 và 8-5-1993.

Tất cả những điều trình bày trên đã thể hiện đầy đủ tình cảm kính yêu, lòng ngưỡng mộ sâu sắc của đồng chí Nguyễn Văn Linh đối với lãnh tụ vĩ đại của Đảng và dân tộc, trên cả hai mặt nói và làm, sống và viết, lý luận đi đôi với hành động thực tế. Đồng chí Nguyễn Văn Linh thật xứng đáng với danh hiệu “người học trò trung thành và xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh”.

2. Nguyễn Văn Linh, tấm gương sáng mãi

Cuộc đời hoạt động cách mạng lâu dài và phong phú của đồng chí Nguyễn Văn Linh là một tấm gương trong sáng, cao đẹp về nhiều mặt, chắc chắn sẽ mãi được nhắc đến trong lịch sử Đảng ta.

Tấm gương của một người cộng sản đã phấn đấu kiên cường và hoàn thành xuất sắc nhiều trọng trách được Đảng trao cho ở những thời điểm khó khăn của cách mạng.

Vào thời dựng Đảng, ở tuổi 14, đồng chí đã sớm nhận được ảnh hưởng của sách báo tiến bộ và cách mạng qua người thầy giáo yêu nước, trong đó có những bài báo của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc. Đồng chí gia nhập Học sinh đoàn do các hội viên Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên Hải Phòng tổ chức; đã tham gia rải truyền đơn đòi các quyền dân sinh, dân chủ, chống khủng bố trắng, ủng hộ nước Nga Xôviết,... Bị địch bắt, bị tra tấn dã man, mặc dầu còn ở tuổi vị thành niên, đồng chí đã nêu cao khí phách anh hùng của người cách mạng, bình

tĩnh, hiên ngang, không chút run sợ, chấp nhận bản án phát lưu chung thân và bị đày ra Côn Đảo. Khí tiết cứng cỏi của những người cộng sản trẻ tuổi tại phiên toà đặc biệt xét xử chính trị phạm ở Kiến An ngày 26-1-1931 đã có tiếng vang lớn vì trong vụ án đó có nhiều thanh niên học sinh chỉ mới 15, 16 tuổi; vụ án đã được lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đặc biệt chú ý và nhắc đến trong báo cáo gửi về Quốc tế Cộng sản ngày 19-2-1931¹.

Từ Côn Đảo trở về năm 1936, đồng chí đã hoạt động không mệt mỏi trong các xóm thợ, làng quê, xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong công nhân ở Hà Nội, rồi được Trung ương cử về lập lại Thành uỷ Hải Phòng, củng cố bộ tham mưu của Đảng ở một trung tâm công nghiệp và cửa ngõ giao lưu quốc tế quan trọng của miền Bắc. Khi phong trào ở Hải Phòng đã được phục hồi và phát triển khá rộng, đồng chí lại được Trung ương điều động vào Sài Gòn, làm Phó Bí thư Thành uỷ bên cạnh đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai.

Do hoạt động phá hoại của bọn AB chui vào Đảng, Đảng bộ Trung Kỳ bị vỡ từng mảng lớn, các đồng chí lãnh đạo Xứ uỷ lần lượt sa lưới kẻ thù. Cuối năm 1939, đồng chí Nguyễn Văn Linh được Thường vụ Trung ương cử về liên hệ, chấp nối lại phong trào, chuẩn bị lập lại Xứ uỷ mới. Chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ, nhất là sau cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ, kẻ thù càng điên

1. Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 3, tr. 66.

cuồng đánh phá cách mạng, nhiều lãnh tụ Đảng đã sa vào tay giặc. Đầu năm 1941, đồng chí Nguyễn Văn Linh bị bắt tại Vinh, bị xử 5 năm tù và đày ra Côn Đảo lần thứ hai.

Sau Cách mạng Tháng Tám thành công, đồng chí được Đảng đón về, giao nhiệm vụ công tác ở miền Nam, đặc biệt là ở Sài Gòn - Chợ Lớn. Đồng chí đã trải qua nhiều cương vị lãnh đạo chủ chốt trong suốt 30 năm kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ ở miền Nam: Bí thư Thành uỷ, Bí thư Đặc khu uỷ Sài Gòn - Gia Định, quyền Bí thư Xứ uỷ, được Đại hội III của Đảng bầu vào Trung ương, cử làm Bí thư Trung ương Cục và sau đó là Phó Bí thư Thường trực Trung ương Cục miền Nam... Mỗi trách nhiệm đồng chí gánh vác đều gắn với một thời kỳ cam go, gian khổ: xây dựng Đảng và các tổ chức cách mạng trong quần chúng để bước vào kháng chiến, chăm lo phong trào đô thị, phát động quần chúng đấu tranh từ thấp đến cao, dẫn tới cao trào "đồng khởi"; chỉ đạo xây dựng vùng căn cứ địa, tạo thế phát triển du kích chiến tranh trong lòng địch; chỉ đạo kết hợp tiến công quân sự với nổi dậy của quần chúng, nhất là của thanh niên, học sinh, sinh viên, trong Tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân 1968, v.v.. Mỗi bước đi lên và thắng lợi của phong trào cách mạng miền Nam đều không tách rời vai trò của người lãnh đạo chủ chốt luôn luôn ý thức sâu sắc về trách nhiệm của mình trước vận mệnh của nhân dân và tiền đồ của cách mạng.

Ở những thời điểm then chốt của lịch sử đòi hỏi người lãnh đạo phải dũng cảm, quyền biến, quyết đoán, nhưng là sự quyết đoán thông minh, sáng tạo trên cơ sở đã tập hợp được trí tuệ của cán bộ và quần chúng. Đúng như Đảng ta đã đánh giá: “... Trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc,... với trách nhiệm là Bí thư Trung ương Cục, đồng chí đã chủ trì và cùng với các đồng chí khác lãnh đạo phong trào cách mạng miền Nam vào thời điểm gay go nhất và cũng oanh liệt nhất, ghi lại những dấu ấn không bao giờ phai mờ về cuộc đồng khởi và cuộc kháng chiến chống xâm lược... Thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc thuộc về toàn Đảng, toàn dân ta, trong đó có công lao to lớn của đồng chí Nguyễn Văn Linh”¹.

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, trên cương vị là Bí thư Thành uỷ thành phố Hồ Chí Minh trong nhiều năm, đồng chí đã có những trăn trở, tìm tòi về một con đường làm ăn, sao cho công cuộc cải tạo và xây dựng thành phố theo đúng định hướng xã hội chủ nghĩa mà vẫn tôn trọng được quy luật phát triển của một vùng đã quen sống với kinh tế thị trường, đã đạt tới một nền sản xuất hàng hoá từ hàng trăm năm về trước? Làm sao để vừa cải tạo vừa thúc đẩy sản xuất phát

1. Điều văn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại lễ truy điệu đồng chí Nguyễn Văn Linh, ngày 29-4-1998.

triển, vừa phát huy được tinh thần yêu nước, huy động được sức mạnh của các thành phần kinh tế góp phần vào việc ổn định cuộc sống của nhân dân, giữ vững an ninh chính trị - xã hội?

Cuộc đấu tranh giữa bảo thủ, trì trệ với đổi mới cách nghĩ, cách làm diễn ra khá gay gắt, nhiều sáng kiến đã bị phê phán, “không được hoan nghênh”. Trước tình hình đó, đồng chí Bí thư Thành uỷ đã kiên trì đi xuống cơ sở, gặp gỡ cán bộ và nhân dân, phát huy dân chủ, lắng nghe tâm tư, nguyện vọng, thắc mắc của dân, cùng cán bộ cơ sở bàn bạc, tháo gỡ. Thời kỳ 1979 - 1985 là thời kỳ kinh tế cả nước cũng như của thành phố đang lâm vào suy thoái, sản xuất đình đốn, máy móc hư hỏng, nguyên liệu cạn kiệt, công nhân không có việc làm, đời sống nhân dân vô cùng khó khăn,... Nói chuyện với cơ sở, đồng chí đã kêu gọi phải nêu cao tinh thần chủ động: “Hãy biết tự cứu mình trước khi trời cứu!”. Đấu tranh cho cái mới cũng đòi hỏi phải dũng cảm và hy sinh. Đồng chí đã kịp thời động viên, đem lại niềm tin cho anh em cán bộ cơ sở: “Làm việc có lợi cho đất nước, có lợi cho công nhân là tốt... Các đồng chí cứ yên tâm mà làm. Đặc biệt có anh chị em, công nhân ở đây sẽ làm chứng cho các đồng chí về những việc làm tốt và giúp các đồng chí khắc phục những việc làm chưa tốt”¹. Từ tổng kết

1. Lê Thị Lý: *Đấu ấn "tự cứu mình"*. In trong *Nguyễn Văn Linh - hành trình cùng lịch sử*, *Sđd*, tr. 160.

những thí điểm về đổi mới cách làm ăn có hiệu quả, đồng chí đã tạo điều kiện cho các giám đốc doanh nghiệp trực thuộc trung ương đóng trên địa bàn thành phố được trực tiếp báo cáo với các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng, và mời các đồng chí đến tham quan, khảo sát tại chỗ. Hiệu quả thực tế từ phong trào cách mạng của quần chúng đã giúp Trung ương và Bộ Chính trị, đứng đầu là đồng chí Tổng Bí thư Trường Chinh càng thêm quyết tâm xoá bỏ cơ chế cũ, dứt khoát thực hiện cơ chế đổi mới. Đại hội VI của Đảng đã ra Nghị quyết lịch sử về đường lối đổi mới, coi đổi mới là quốc sách, là vấn đề có tầm quan trọng sống còn. Một bước ngoặt mới đã mở ra cho cách mạng Việt Nam. Trong thành công đó, có phần đóng góp tích cực, hiệu quả của đồng chí Nguyễn Văn Linh trên cương vị Bí thư Thành uỷ thành phố Hồ Chí Minh.

Đồng chí Nguyễn Văn Linh được Đại hội VI giao trọng trách Tổng Bí thư, thực thi đường lối đổi mới của Đảng, trong một bối cảnh cực kỳ phức tạp, khó khăn. Cả nước đang đứng trước một cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội nghiêm trọng chưa từng thấy, lạm phát ba con số (có lúc lên tới 774%), đời sống của cán bộ và nhân dân ngày càng khó khăn, niềm tin chính trị của dân có phần giảm sút. Trên thế giới, công cuộc cải tổ, đổi mới ở Liên Xô và Đông Âu, do sai lầm về chiến lược, nên khủng hoảng ngày càng tăng, sóng to gió lớn ào ào nổi lên đe doạ nhận chìm con tàu hùng vĩ của chủ nghĩa xã hội thế

giới. Trong nước, những khuynh hướng tư tưởng lệch lạc, dao động, hữu khuynh bắt đầu xuất hiện. Kẻ thù lợi dụng khó khăn ra sức tuyên truyền, lung lạc, đòi đa nguyên đa đảng. Ban Chấp hành Trung ương Đảng đứng đầu là Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh, một mặt ra sức tìm tòi, cụ thể hoá đường lối đổi mới của Đại hội VI bằng những cơ chế, chính sách, bước đi, cách làm phù hợp, đem lại những hiệu quả thực tế; mặt khác đã kịp thời vạch ra và kiên trì những nguyên tắc cơ bản chỉ đạo sự nghiệp đổi mới nhằm giữ vững định hướng chính trị - xã hội cho toàn Đảng, toàn dân. Dưới sự chủ trì vững vàng của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh, Hội nghị Trung ương lần thứ sáu và lần thứ bảy (khoá VI) của Đảng đã xác định: Đảng ta chủ trương đổi mới toàn diện, đồng bộ và triệt để, nhưng có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp, tập trung làm tốt đổi mới kinh tế, đồng thời từng bước đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị, dứt khoát không chấp nhận đa nguyên, đa đảng, coi trọng phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa nhưng không chấp nhận dân chủ và công khai không giới hạn, không cho phép gây mất ổn định chính trị, dẫn đến rối loạn xã hội. Lập trường kiên định và quan điểm dứt khoát đó đã kịp thời chỉnh đốn những lệch lạc, hữu khuynh, định hướng lại tư tưởng và hành động cho cán bộ, đảng viên, đẩy lùi âm mưu của kẻ thù, góp phần giữ vững ổn định chính trị -

xã hội, tạo tiền đề cho sự nghiệp đổi mới phát triển.

Trong xu hướng đổi mới khó tránh khỏi của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới đang diễn ra, chúng ta không quên những đóng góp tích cực của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh vào việc sớm bình thường hoá và phát triển mối quan hệ hữu nghị, hợp tác, láng giềng thân thiện giữa Trung Quốc và Việt Nam bắt đầu từ năm 1990.

Những hoạt động và cống hiến của đồng chí Nguyễn Văn Linh trên trọng trách Tổng Bí thư khoá VI đã được Đảng ta long trọng ghi công: “Suốt nhiệm kỳ Đại hội VI, với cương vị là Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã cùng tập thể lãnh đạo nhảy bèn, chủ động, sáng tạo, khôn khéo chèo lái con thuyền cách mạng vượt qua những bước hiểm nghèo của thời kỳ xảy ra những biến động to lớn trên thế giới, đẩy mạnh công cuộc đổi mới và thu được những thành tựu rất quan trọng, thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh, cải thiện đời sống nhân dân, mở rộng quan hệ đối ngoại và nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế”¹.

Do những công lao và cống hiến đó, đồng chí Nguyễn Văn Linh được thừa nhận là một nhà lãnh đạo có uy tín

1. Điều văn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại lễ truy điệu đồng chí Nguyễn Văn Linh, ngày 29-4-1998.

lớn của Đảng ta, nhân dân và quân đội ta, người bạn tin cậy của bạn bè quốc tế.

Tấm gương của một nhà cách mạng hội tụ được những phẩm chất quý báu của một nhà lãnh đạo lớn của Đảng ta.

Ai đã từng làm việc hoặc gặp gỡ với đồng chí, dù chỉ một lần, vẫn không sao quên được hình ảnh của một nhà lãnh đạo có *phong độ đĩnh đạc, trầm tĩnh, thận trọng nhưng quyết đoán, cương nghị mà nhã nhặn, nhỏ nhẹ mà sâu sắc, miễn tiện và phúc hậu, một con người rất mực gần gũi và chân tình*. Người ta thấy ở đồng chí một người lãnh đạo giàu tâm huyết, rất thực tế, dám nghĩ dám làm, dám chịu trách nhiệm trước Đảng, trước dân. Do rất tin dân, tin vào trí tuệ của quần chúng nên đồng chí cũng rất tin vào chân lý và kiên trì chân lý mà mình đã nắm bắt được từ thực tiễn. Trong chỉ đạo chiến lược, đồng chí rất nghiêm túc trong chấp hành những nguyên tắc của Đảng, nhưng trước sự phát triển của tình hình, nhất là ở những bước ngoặt khó khăn, là người trực tiếp với phong trào, đồng chí luôn luôn tỏ ra nhạy bén trong phát hiện, sớm đề xuất những điều chỉnh trong chỉ đạo cụ thể sao cho phù hợp với diễn biến của thực tế. Những bước chuyển từ đấu tranh chính trị sang đấu tranh chính trị kết hợp với vũ trang tự vệ và vũ trang tuyên truyền, dẫn tới "đồng khởi"; sự chuyển hướng chỉ đạo sau đợt 1 Tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân 1968; sự tìm tòi đổi mới cơ chế quản lý kinh tế,

từng bước thoát ra khủng hoảng, v.v. đều có đóng góp không nhỏ của đồng chí Nguyễn Văn Linh.

Nét nổi bật trong phong cách lãnh đạo của đồng chí là *tác phong tỉ mỉ, cụ thể, dân chủ*. Ở đồng chí Nguyễn Văn Linh chúng ta thấy rõ: mỗi quyết sách đúng đắn đều là kết quả trăn trở tìm tòi của người lãnh đạo trên cơ sở đã tập hợp được trí tuệ của quần chúng. Đồng chí phân công cán bộ của mình đi các nơi nắm bắt tình hình và phong trào quần chúng, chú ý lắng nghe thuộc cấp báo cáo, hỏi han những điều rất tỉ mỉ để từ đó phát hiện ra những vấn đề vừa mới nảy sinh. Trước mỗi sự vật mới, đồng chí thường đi xuống cơ sở, gặp gỡ cán bộ và quần chúng, khơi gợi anh em mạnh dạn phát biểu, tranh cãi, đề xuất; đồng chí bình tĩnh lắng nghe, nhất là những ý kiến ngược lại với ý kiến của mình, rồi suy nghĩ, cân nhắc và cho ý kiến giải quyết một cách thận trọng, vừa có lý luận, vừa có thực tế. Chính tác phong tỉ mỉ, cụ thể ấy đã khuyến khích cán bộ cấp dưới dám nói lên sự thật, dù là sự thật đau lòng.

Chất lọc tinh hoa từ trí tuệ quần chúng gắn liền với thường xuyên *tổng kết thực tiễn*, đó là phong cách của đồng chí Nguyễn Văn Linh. Đồng chí là con người của tổng kết, làm gì cũng tổng kết và nhắc nhở cấp dưới phải luôn luôn chú ý đi vào đời sống để tổng kết thực tiễn, không ngừng hoàn chỉnh chủ trương, đường lối đã vạch ra. Trong bước đầu tìm tòi, đổi mới, không phải mọi điều có thể sáng rõ ngay một lúc, chỉ có thực tiễn

mới là người phán xét cuối cùng. Đồng chí nói với cán bộ: “Mọi vấn đề đều có thể tranh luận quyết liệt, nhưng đã quyết nghị thì phải theo đa số, rồi thực tiễn sẽ là ông thầy phán xét”. Khi làm Chủ tịch Tổng Công đoàn Việt Nam, đồng chí Nguyễn Văn Linh phân công các đồng chí uỷ viên Ban Thư ký Tổng Công đoàn xuống công tác dài ngày ở đồng bằng sông Cửu Long, ở biên giới Tây Nam, Tây Nguyên và biên giới phía Bắc. Đồng chí nói: Việc đi công tác dài ngày ở cơ sở có thể ảnh hưởng đến công việc ở cơ quan, dù sao điều đó cũng không thể sánh được với kết quả do thực tế đem lại. Đó là một tư tưởng chỉ đạo lớn. Đường lối đổi mới của Đảng ta cũng chủ yếu do sớm biết tổng kết thực tiễn mà hình thành.

Đồng chí Nguyễn Văn Linh là hình ảnh sinh động về *người cán bộ dân vận xuất sắc của Đảng*, theo tư tưởng của Bác Hồ. Gần như suốt đời mình, đồng chí sống gần bó với dân, nên hiểu dân, nắm được tâm tư nguyện vọng của dân. Năm 1959, trước tình hình quần chúng bị kẻ thù o ép, dồn đến chân tường, nổi dậy trở thành một đòi hỏi bức xúc của quần chúng. Nắm được tình hình đó, đồng chí khẳng định: “Nếu mình phát động đấu tranh vũ trang thì nhất định quần chúng sẽ đứng về phía ta thôi”. Nghị quyết của Đảng đưa ra được quần chúng nhiệt liệt hưởng ứng, sau đó phong trào “đồng khởi” đã gần như cùng lúc diễn ra ở hầu hết các tỉnh đồng bằng Nam Bộ.

Về công tác dân vận, đồng chí thường nhắc nhở cán

bộ, đảng viên phải có ý thức giành từng người dân về với Đảng, tránh nhận định chung chung, đẩy người ta xa cách mạng. Có thể nói, đồng chí là người học trò xuất sắc đã vận dụng sáng tạo đường lối đại đoàn kết dân tộc của Bác Hồ trong hoàn cảnh của Nam Bộ, đặc biệt là chính sách đối với trí thức, tôn giáo, người Hoa,...

Giới trí thức cả nước, nhất là anh chị em trí thức thành phố Hồ Chí Minh, luôn luôn coi đồng chí Nguyễn Văn Linh là một người bạn lớn, một người bạn chân thành và rộng lượng. Đồng chí Nguyễn Văn Linh không chỉ quan tâm đến số phận của anh chị em trí thức ở buổi giao thời sau giải phóng mà còn mong muốn tạo điều kiện cho anh em được sống thoải mái, có đóng góp nhiều hơn, tốt hơn cho đất nước. Điều mà giới trí thức Sài Gòn trân trọng và kính mến đồng chí Bí thư Thành uỷ của mình là bởi đồng chí luôn luôn thiết tha mong muốn anh em sống trọn vẹn là người trí thức, những người có suy nghĩ độc lập, ham muốn tìm tòi chân lý, có can đảm bảo vệ chân lý, trong khoa học cũng như trong các lĩnh vực khác.

Giới trí thức Sài Gòn không thể nào quên được lời tâm tình của đồng chí Nguyễn Văn Linh nói với Tiến sĩ nông học Châu Tâm Luân, một trí thức vốn có tinh thần đấu tranh thẳng thắn và sôi nổi. Đồng chí nói: “Trước giải phóng, anh đã đấu tranh rất dũng cảm chống Mỹ Thiệu, đòi hòa bình, độc lập, thống nhất cho dân tộc Việt Nam và chúng đã bỏ tù anh. Lúc ấy chúng tôi trong

rừng coi anh là người "cộng sản ngoài Đảng" (communiste sans parti). Bây giờ ta đã có hoà bình, độc lập, thống nhất, và chế độ này là của anh. Nếu nó có gì sai trái thì chính anh phải đấu tranh chống những sai trái đó, tất nhiên là với một tinh thần khác và những phương thức khác, vì đây là đấu tranh giữa anh em một nhà... Hễ đấu tranh là có hiểm nguy, dù là giữa anh em một nhà và phải dũng cảm mới được. Nếu rủi ro anh có bị bỏ tù thì tôi sẽ xách cơm đi nuôi anh"¹.

Điều đó cho ta hiểu vì sao Đảng bộ Sài Gòn, trong chống Pháp cũng như chống Mỹ, đã lôi cuốn được những trí thức tên tuổi như Nguyễn Hữu Thọ, Lưu Văn Lang, Nguyễn Xuân Bái, Trịnh Đình Thảo, Trần Ngọc Liễng, Lý Chánh Trung, cũng như nhiều trí thức đầu đàn khác của Sài Gòn trước và sau giải phóng, nhanh chóng đến với cách mạng, gắn bó với Đảng. Điều đó cũng cho ta hiểu vì sao giới trí thức Sài Gòn luôn luôn coi anh là một người bạn lớn.

Đồng chí Nguyễn Văn Linh có sự hiểu biết và thông cảm rộng rãi với đồng bào có đạo. Tại Đại hội tổng kết 10 năm của công giáo thành phố Hồ Chí Minh, đồng chí phát biểu: "Tôi rất thông cảm với đồng bào công giáo vì có những khó khăn riêng trên con đường yêu nước, đi với cách mạng của mình... Từ trước tới nay, Đảng vẫn

1. Lý Chánh Trung: *Người bạn lớn của trí thức thành phố*. In trong *Nguyễn Văn Linh - hành trình cùng lịch sử*, Sđd, tr.322.

khẳng định: tuyệt đại bộ phận giáo dân là người lao động... đều bị phong kiến - đế quốc áp bức, bóc lột thậm tệ như mọi tầng lớp lao động khác,... vẫn có tinh thần yêu nước, vẫn chống áp bức bóc lột, vẫn ngày càng hướng theo cách mạng... Tôi cứ nghĩ rằng nếu người công giáo làm theo giáo huấn của Đức Giêsu thì sẽ rất gần gũi với lý tưởng của những người cộng sản"¹. "Với kinh nghiệm của một người suốt 50 năm qua đi làm cách mạng để phục vụ dân tộc, tôi có thể nói với quý vị rằng: điều mà Đảng và Nhà nước ta quan tâm là chủ quyền quốc gia, ổn định chính trị, trật tự an ninh; điều mà Đảng và Nhà nước ta tìm cách ngăn chặn không phải là tôn giáo và phát triển tôn giáo, mà là việc lợi dụng tôn giáo cho những ý đồ chính trị; vì vậy quý vị cứ hoạt động tôn giáo một cách thật sự rõ ràng, thật sự trong sáng"².

Đối với đồng bào Phật giáo, đồng chí Nguyễn Văn Linh cũng có những lời phát biểu chân thành, xúc động, tự đáy lòng. Đồng chí nói: "Đối với chúng ta, có thể mạnh dạn nói rằng, Đảng Cộng sản là đảng của người Việt Nam chúng ta và đạo Phật cũng là đạo của chúng ta!...

Nhớ lại kỷ niệm hoạt động thời trai trẻ của tôi trước

1, 2. Trương Bá Cần: *Sự quan tâm đối với đồng bào công giáo*. In trong *Nguyễn Văn Linh - hành trình cùng lịch sử, Sđd*, tr. 306-307, 311.

kia, trong lúc tìm đường chống Pháp, anh em bạn bè tôi đã có người tìm đến nghiên cứu đạo Phật để mong tìm một giải pháp. Qua đó thấy rằng Phật giáo cũng là một hướng hành động với lý tưởng đúng. Sau đó, dù đi theo chủ nghĩa cộng sản nhưng chúng tôi vẫn giữ một cảm tình nồng hậu với Phật giáo, vì thấy rằng Phật giáo luôn gắn bó với dân tộc qua nhiều thời kỳ lịch sử. Trong chiến đấu chống Pháp, chống Mỹ, nhiều vị lãnh đạo của chúng ta cũng như ngay cả bản thân tôi cũng được các thầy giúp đỡ nhiều trong những lúc khó khăn. Cho nên, người cộng sản xem sự hoà hợp thứ ba trên đây giữa Phật giáo với chủ nghĩa xã hội là một ước mơ hết sức chân thành... Những người Việt Nam theo đạo Phật sẽ cùng chung sức với người Việt Nam khác đoàn kết đi lên để xây dựng một Niết bàn ngay cho cõi thế này”¹.

Những lời phát biểu tâm huyết đó đã làm cho đồng bào có tôn giáo mỗi ngày càng hoà nhập với cuộc sống của toàn dân, làm cho khối đại đoàn kết toàn dân ngày càng vững mạnh.

Đồng chí Nguyễn Văn Linh cũng là người rất am hiểu về đồng bào người Hoa, một cộng đồng dân cư quan trọng của thành phố Hồ Chí Minh “đã dũng cảm đấu tranh và chịu nhiều gian khổ hy sinh, góp phần vào

1. Hoà thượng Thích Trí Quảng: *Dòng tưởng niệm*. In trong *Nguyễn Văn Linh - hành trình cùng lịch sử, Sđd*, tr. 314-316.

chiến thắng vĩ đại của chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, giải phóng Sài Gòn, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội”¹.

Do có hàng nửa thế kỷ lẫn lộn, đồng cam cộng khổ với đồng bào miền Nam, đồng bào thành phố Sài Gòn, nên đồng chí Nguyễn Văn Linh cũng rất am hiểu về cuộc sống, phong tục tập quán, trình độ tay nghề, khả năng sản xuất kinh doanh cùng tâm tư, tình cảm và sự gắn bó lâu đời của đồng bào người Hoa với cuộc sống và sự nghiệp đấu tranh giải phóng của người Việt. Khi sản xuất của thành phố bị ách tắc, đình đốn, đồng chí đã tin cậy giao cho cán bộ Hoa vận lập hai công ty xuất nhập khẩu, móc nối với một số Việt kiều, nhập nguyên vật liệu về, phá vỡ ách tắc, góp phần phục hồi và phát triển sản xuất của thành phố. Nắm vững tư tưởng Lênin về “chính sách kinh tế mới”, đồng chí trấn an dư luận, củng cố niềm tin cho cán bộ được giao việc yên tâm, vượt qua thử thách: “Ta làm đúng rồi, không sai, cứ thế mà làm”. Trong chiến đấu, đồng chí chăm lo bảo vệ an toàn cho cán bộ chủ chốt người Hoa, trong đời thường, đồng chí ân cần thăm hỏi từng người về hoàn cảnh gia đình, đời sống, nghề nghiệp, quan tâm đến cả khẩu vị, phong tục, lối sống ăn ở của đồng bào người Hoa. Lúc cán bộ người Hoa gặp hoàn cảnh khó khăn, đồng chí vẫn đi lại

1. Nguyễn Văn Linh: *Phát biểu tại cuộc họp mặt truyền thống của đồng bào Hoa*, ngày 17-4-1985, tr. 299.

thăm hỏi, động viên tận nhà. Đồng bào và cán bộ người Hoa, cảm mến ân tình sâu nặng đó của đồng chí, đã vượt qua mặc cảm để ngày càng thêm gắn bó với Đảng, với sự nghiệp đổi mới và phát triển của thành phố.

Với phương pháp xử thế ân tình, thủy chung, nhân ái, độ lượng và vô cùng tinh tế đó, đồng chí Nguyễn Văn Linh xứng đáng là người học trò mẫu mực của Bác Hồ trong mối quan hệ giữa Đảng với cán bộ và nhân dân. Trong trí nhớ của chiến sĩ và đồng bào, đồng chí Nguyễn Văn Linh luôn luôn hiện lên với đôi mắt mở to trong sáng, với tác phong hiền hoà, giản dị, nhỏ nhẹ mà sâu sắc, một con người dễ mến, có sức thu hút lạ lùng. Sức hút đó có nguồn gốc từ *tình cảm chân thành và phong phú* của đồng chí Nguyễn Văn Linh. Mỗi khi đồng chí kể về cái quê nghèo Hưng Yên của mình, về bà con lao động Hải Phòng, về các liệt sĩ đã nằm lại nghĩa trang Hàng Dương,... người ta lại thấy ánh mắt ưu tư của đồng chí hiện lên với bao niềm xúc cảm. Tình cảm chân thành đó không chỉ được thể hiện trong mối quan hệ với những người đã vào sinh ra tử với mình, mà còn thể hiện ở tấm lòng khoan dung, độ lượng, ở cái nhìn đầy thông cảm, tích cực của đồng chí đối với những đồng bào, những trí thức,... vì cảnh ngộ, không theo kháng chiến lâu dài được, phải bỏ về thành với bao nỗi niềm. Thông cảm với tâm trạng đó, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã viết nhiều bài cho hai tờ báo xuất bản trong nội thành, giải thích cho đồng bào yên tâm, không phải như

thế là không yêu nước, là phản bội,... mà chỉ là do cảnh ngộ, từ đó đồng chí động viên đồng bào giữ vững tấm lòng trung trinh với nước, bí mật tham gia các hội cứu quốc, không cộng tác với kẻ thù... Những bài báo đó đã được đồng bào truyền tay nhau đọc, giúp họ bớt mặc cảm, tiếp tục tham gia vào công việc của kháng chiến.

Tấm gương của một nhà lãnh đạo luôn luôn nêu cao đạo đức cách mạng, cần kiệm liêm chính, chí công vô tư của Bác Hồ

Thấm nhuần sâu sắc tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, sinh thời đồng chí Nguyễn Văn Linh đã từng viết: “Trình độ *trí tuệ* dù quan trọng đến mấy cũng chỉ là một nhân tố trong những điều cần có của một cán bộ. Chú ý rằng *phẩm chất cách mạng* là yếu tố hết sức cơ bản. Lòng trung thành vô hạn với lý tưởng cộng sản chủ nghĩa của giai cấp công nhân; ý chí cách mạng tiến công, sự chiến đấu không mệt mỏi để xây dựng chủ nghĩa xã hội một cách có hiệu quả; sự gắn bó và ý thức phục vụ nhân dân lao động, tôn trọng và xây dựng quyền làm chủ của nhân dân lao động; tính trung thực, ý thức dám đấu tranh và biết tự phê phán cùng với sinh hoạt cá nhân lành mạnh, nêu gương được cho mọi người xung quanh...; nếu tất cả những điều này không có trong cán bộ nào đó, thì dù *trí tuệ* có cao đến đâu cũng không có ích gì cho cách mạng”¹.

1. Báo *Nhân dân*, ngày 7-5-1987.

Đồng chí Nguyễn Văn Linh đã *phấn đấu để thực hiện, sự nhất quán giữa nói và làm* và đồng chí đã sống như đồng chí đã viết. Hơn 10 năm trong ngục tù Côn Đảo, cùm kẹp, tra tấn, dọa dẫm của kẻ thù không khuất phục được đồng chí. Trong hai cuộc kháng chiến ác liệt ở miền Nam, mưa bom, bão đạn, gian khổ, thiếu thốn không lay chuyển được ý chí của đồng chí đấu tranh cho độc lập, tự do. Đến khi trở thành Tổng Bí thư của Đảng, thành người có quyền lực cao nhất nước, đồng chí vẫn giữ nguyên bản chất trong sạch, liêm khiết, khiêm tốn, giản dị của người cách mạng, hết lòng chăm lo đến cuộc sống của nhân dân.

Cuối những năm 70 thế kỷ XX, nền kinh tế nước ta lâm vào tình cảnh khó khăn, đời sống người lao động và công nhân viên chức thiếu thốn đủ thứ, nhất là những người lao động ở miền Bắc. Trên cương vị Chủ tịch Tổng Công đoàn, đồng chí đã có nhiều trăn trở, suy tư trước tình trạng đó. Đồng chí đã đặt vấn đề công đoàn phải chủ động đứng ra tổ chức việc mua bán, vận chuyển nước mắm, cá khô, tương, đậu phụ,..., những thứ có nhiều ở miền Nam, để bán rẻ cho người lao động miền Bắc. Công đoàn cần chủ động chăm lo cho đoàn viên của mình, không chỉ ngồi chờ sự phân phối của Nhà nước.

Đất nước còn nghèo, nhân dân còn khổ, người lãnh đạo phải đồng cam cộng khổ với dân. Theo đồng chí, người lãnh đạo không nhất thiết lúc nào cũng phải đi xe con sang trọng, không nhất thiết lúc nào cũng phải

đi “chuyên cơ”. Đồng chí hiểu, trong điều kiện Đảng cầm quyền, chủ nghĩa cá nhân, nạn quan liêu và thói kiêu ngạo cộng sản có thể dẫn đến những tai hoạ khôn lường cho Đảng, cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân. Đồng chí có ý thức *phấn đấu giữ gìn cuộc sống cá nhân mẫu mực, trong sạch, liêm khiết* theo gương của Bác Hồ. Bữa cơm của đồng chí cũng thanh đạm, bình thường như bao cán bộ vẫn sống bằng đồng lương của mình. Giữa những ngày hè nóng nực của Hà Nội, người ta thấy đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh vẫn giản dị trong bộ quần áo kaki bạc màu, đi trên chiếc xe Lada cũ màu vàng nhạt, không có máy điều hoà nhiệt độ, không xe cảnh sát dẫn đường,... để đến với các cơ quan, xí nghiệp, đơn vị bộ đội và các tầng lớp nhân dân thủ đô.

Đồng chí đã sớm thấy bệnh quan liêu, tham nhũng có nguy cơ trở thành quốc nạn nên đã kịp thời đề xuất *Những việc cần làm ngay*. Bằng lối viết ngắn gọn, súc tích nhưng đầy tính chiến đấu, những bài báo ký tên N.V.L đã dấy lên một luồng gió mới, khơi dậy phong trào báo chí cả nước tham gia đấu tranh chống tiêu cực. Đồng chí viết: “Đảng và Nhà nước quyết tâm làm trong sạch và nâng cao tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ”, “lãnh đạo các cấp cần nêu gương tốt, giữ mình trong sạch, không quan liêu, không bè phái, để có đủ uy tín và sự nghiêm minh trong công việc”. Đảng và Nhà nước ta không cho phép bất cứ cá nhân hay tập thể nào “có

quyền đứng ngoài vòng pháp luật và kỷ cương của chúng ta”. Điều đáng mừng là các bài báo của N.V.L đã tạo được một đà thúc đẩy mới cho cuộc đấu tranh đầy phức tạp và khó khăn này.

Đồng chí Nguyễn Văn Linh rất *quan tâm đến vấn đề xây dựng Đảng* và đã viết nhiều bài tâm huyết về vấn đề này. Trong xây dựng Đảng, đồng chí quan tâm nhất đến vấn đề cán bộ, đảng viên, vì như Bác Hồ thường nhắc nhở: “Muôn việc thành công hoặc thất bại, đều do cán bộ tốt hoặc kém”¹. Trong vấn đề cán bộ, đồng chí cũng thường chú trọng hàng đầu vấn đề phẩm chất đạo đức. Đồng chí dẫn lại bốn tiêu chuẩn người cán bộ tốt theo Bác Hồ là:

“Rất trung thành và hăng hái trong công việc, trong lúc đấu tranh”.

“Liên lạc mật thiết với dân chúng, hiểu biết dân chúng. Luôn luôn chú ý đến lợi ích của dân chúng”.

“Có thể phụ trách giải quyết các vấn đề, trong những hoàn cảnh khó khăn... Khi thất bại không hoang mang, khi thắng lợi không kiêu ngạo... Kiên quyết, gan góc không sợ khó khăn”.

“Luôn luôn giữ đúng kỷ luật”².

Suy đến cùng, bốn tiêu chuẩn cán bộ của Bác Hồ đều được đặt trên nền tảng đạo đức cách mạng. Đồng chí Nguyễn Văn Linh từng chỉ rõ: “Không có Đảng trùu

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 5, tr. 240, 275.

tượng, vô hình, nằm ngoài con mắt của quần chúng. Quần chúng quan niệm về Đảng thường là qua những đảng viên cụ thể ở nơi làm việc và trong khu dân cư”. Vì vậy, nếu đảng viên không chịu tự rèn luyện, không gương mẫu tiến hành tự phê bình và thường xuyên lấy ý kiến góp ý của quần chúng thì sức mạnh và uy tín của Đảng cũng sẽ mất dần đi.

Đồng chí Nguyễn Văn Linh là người đã sớm chỉ ra căn bệnh hình thức trong đấu tranh phê bình, tự phê bình: “tính Đảng, tính nguyên tắc, tình thương yêu đồng chí đã thay thế bằng tính nể nang, thiếu thẳng thắn đấu tranh bảo vệ chân lý, bảo vệ việc đúng, người tốt... Ở một số nơi xảy ra tình hình ban thường vụ, thường trực biến thành một cấp cao hơn cấp uỷ đảng tương đương”¹. Trong nhiệm kỳ của mình, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh không chỉ đôn đốc việc tự phê bình và phê bình từ dưới lên mà cả từ trên xuống. Đồng chí đã tổ chức được việc kiểm điểm cá nhân từ Tổng Bí thư đến từng Uỷ viên Bộ Chính trị, không chỉ trong công tác lãnh đạo mà cả trong ý thức tổ chức kỷ luật, trong đạo đức, lối sống. Việc làm đó có ý nghĩa rất lớn trong Đảng, được toàn Đảng, toàn dân nhiệt liệt hoan nghênh.

1. Nguyễn Văn Linh: *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã và đang soi đường thắng lợi của cách mạng Việt Nam*. In trong *Nguyễn Văn Linh - hành trình cùng lịch sử*, Sđd, tr. 444.

Sức trẻ, khả năng nhạy bén trong nắm bắt tình hình và đổi mới tư duy của đồng chí Nguyễn Văn Linh được hình thành chủ yếu từ trong cuộc sống lăn lộn, gắn bó với nhân dân, thường xuyên được tiếp sức bởi mạch sống của nhân dân mà nhân dân bao giờ cũng là cội nguồn của mọi tìm tòi, đổi mới. Mặt khác, không thể không thấy phần thiên bẩm ở đồng chí: *một con người khát khao hiểu biết, một tấm gương cầu học, cầu tiến bộ*. Các đồng chí, bạn bè của anh Nguyễn Văn Cúc thường kể lại: không thể nào quên được hình ảnh người thanh niên 15, 16 tuổi lúc nào trong tay cũng thường cầm quyển sách, tờ báo, đôi mắt suy tư mà miệng thì hình như đang lẩm bẩm học thuộc một cái gì... Trong tù, anh tìm học đủ thứ: học ngoại ngữ, học văn, học toán, học triết, học kinh tế,... Lòng ham hiểu biết khiến anh tìm hiểu mọi chuyện, chuyện về Lênin và Cách mạng Tháng Mười, chuyện về Nguyễn Ái Quốc cũng như chuyện đời. Trước khi vào tù, Nguyễn Văn Cúc chưa học hết tiểu học, nhưng chỉ sau đó ít năm, anh đã có thể đọc *Những người khốn khổ*, *Không gia đình*,... từ nguyên bản tiếng Pháp, được tham gia dịch một số chương trong các tác phẩm kinh điển làm tài liệu học tập trong tù. Nhờ cầu học, cầu tiến bộ, từ một học sinh nghèo, ít học, được sự kèm cặp của lớp trí thức đàn anh như Phạm Văn Đồng, Hà Huy Giáp, Bùi Công Trừng,... trong đó một số người đã tốt nghiệp “giáo sư đỏ” từ Mátxcơva về, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã trở

thành một nhà cách mạng có vốn lý luận và học vấn cao. Lớp thanh niên, sinh viên, trí thức trẻ tuổi, có “Tây học”, mới tham gia cách mạng, chưa thoát khỏi cách đánh giá người lãnh đạo của mình qua cái vốn “tiếng Tây”. Và họ đã không khỏi ngạc nhiên và thậm chí cảm phục khi thấy bên cạnh sách báo tiếng Việt, đồng chí Nguyễn Văn Linh còn đọc cả *L’ Humanité*, *La Démocratie nouvelle* và nhiều sách báo mácxít bằng tiếng Pháp, điều thú vị hơn đối với họ là đồng chí còn đọc và thuộc cả thơ của những nhà thơ cộng sản như P. Eluard và L. Aragon.

Sau này, người ta còn nhắc đến “Tủ sách của anh Muỗi Cúc” ở trong rừng, tủ sách hàng nghìn quyển được ky cốp qua những trận chạy B52 và bao cuộc chạy càn. Tủ sách có quá nhiều sách hay mà bao cán bộ mê sách hồi còn ở ngoài Bắc mới chỉ được nghe nói đến chứ chưa được thấy bao giờ, đó là những tác phẩm của Đốttxtôiépxki, G.P. Xáctơơ, A. Camuy, H. Hétxơ, E.M. Rômacơ,... Đồng chí thủ thư cho biết: tủ sách được lập theo sáng kiến của đồng chí Nguyễn Văn Linh, mặc dù rất bận, đồng chí vẫn thường xuyên mượn sách và đọc được khá nhiều trong số đó. Ai cũng biết người mê sách là người dễ gần và ít có định kiến. Người mê sách cũng thường là “biết mình, biết người”, luôn thiết tha học hỏi và tiếp nhận cái mới.

Các bạn trẻ thích được gần gũi, tiếp xúc với đồng chí Nguyễn Văn Linh, như nhiều người nói, là để “nhìn

anh, nghe anh trò chuyện với mọi người. Ở anh, có cái gì đó hấp dẫn người khác. “Cái gì đó” có thể là sự vui tính, lạc quan, lịch thiệp, có thể là sự ân cần, vừa chân tình, vừa tế nhị, có thể là vốn kiến thức khiến người khác mỗi lần tiếp xúc với anh là học hỏi thêm được điều gì đó”¹. Nói cách khác, ở đồng chí Nguyễn Văn Linh, *cách mạng* hay *đổi mới* đều là sản phẩm của sự kết hợp hài hoà giữa *nhiệt tình* cách mạng và *tri thức* khoa học. “Tư duy đổi mới của đồng chí Nguyễn Văn Linh không ngẫu nhiên. Nó rất khoa học”².

Chính tư duy khoa học đó đã tạo nên ở đồng chí sự *tỉnh táo, cương nghị trước mọi “thăng trầm”, “sóng gió” của cuộc đời*. Tháng 3-1982, tại Đại hội V của Đảng, đồng chí trúng cử vào Ban Chấp hành Trung ương mà không cơ cấu vào Bộ Chính trị, tâm trạng đồng chí vẫn nhẹ nhàng, thanh thản, tự tin, không một nét buồn. Cuộc sống và chiến đấu hơn 60 năm vì cách mạng đã rèn luyện cho đồng chí một phong cách bình thản, trầm tĩnh, kiên định với nguyên tắc sống của mình. Đồng chí tiếp tục trau dồi lý luận, đi sâu vào thực tiễn, cùng cán

1. Lý Bích Quang: *Vài kỷ niệm về người thầy cách mạng đầu tiên của tôi*. In trong *Nguyễn Văn Linh - hành trình cùng lịch sử*, *Sđđ*, tr. 356.

2. Trần Bạch Đằng: *Nguyễn Văn Linh - một trong những ngọn cờ đổi mới*. In trong *Nguyễn Văn Linh - hành trình cùng lịch sử*, *Sđđ*, tr. 173.

bộ và nhân dân kiên trì tìm tòi, thử nghiệm, tổng kết... Hành trình đến với cái mới đầy gian truân, khổ ải, phải biết kiên trì. Tại Hội nghị Trung ương lần thứ tám (khoá V) tháng 6-1985, đồng chí lại được bầu vào Bộ Chính trị. Tháng 6-1986, đồng chí được cử vào Ban Bí thư và được phân công thường trực Ban Bí thư. Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng (12-1986) đã bầu đồng chí Nguyễn Văn Linh vào trọng trách Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng để lãnh đạo, thực thi đường lối đổi mới đất nước - đường lối mà đồng chí đã góp phần tích cực vào quá trình thiết kế.

Đất nước đang từng bước đổi mới đi lên, tuy còn nhiều thử thách, khó khăn, nhưng tình hình đã mỗi ngày một sáng sủa hơn. Tại Đại hội VII (6-1991), mặc dầu còn sức khỏe, trí óc còn minh mẫn, được nhiều đoàn đại biểu đề cử, đồng chí Nguyễn Văn Linh vẫn xin phép toàn Đảng, toàn dân thôi giữ chức Tổng Bí thư và không ứng cử vào Trung ương. Trong “mấy lời về cá nhân” phát biểu tại phiên bế mạc Đại hội VII (nội bộ), đồng chí đã chân thành cảm ơn sự cộng tác giúp đỡ nhiệt tình của các đồng chí trong Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Chấp hành Trung ương, các cấp uỷ đảng địa phương và nói: “Hiện nay, cách mạng nước ta đang đứng trước những nhiệm vụ mới hết sức nặng nề, xét thấy tuổi mình đã cao, sức khỏe giảm sút nhiều, khó tiếp tục đảm đương được trọng trách mà

Đảng giao phó, nên tôi đã tự nguyện xin rút không ứng cử...”. Điều đồng chí băn khoăn duy nhất là: “Dù biết mình có nhiều cố gắng, song tôi vẫn cảm thấy chưa làm được nhiều hơn nữa, có hiệu quả hơn nữa cho dân, cho nước”... “Còn tôi, xin hứa với các đồng chí đại biểu rằng dù không còn ở trong Trung ương nữa, nhưng với trách nhiệm là người đảng viên, tôi xin cố gắng cống hiến sự hiểu biết và kinh nghiệm nhỏ bé của mình cho cách mạng, cho Đảng cho đến hơi thở cuối cùng”¹.

Thật là một cử chỉ cao đẹp, một sự mở đầu có tính đột phá để xoá đi một ý nghĩ khá quen thuộc, lầm tưởng rằng sự ra đi của một người đứng đầu Đảng sẽ để lại một khoảng trống không ai thay thế được!

Đồng chí Nguyễn Văn Linh đã đi về cõi vĩnh hằng, song trong lịch sử Đảng ta, đồng chí vẫn giữ một chỗ đứng đặc biệt, bởi đồng chí là một trong những gương mặt lớn, xuất hiện vào những thời điểm then chốt, có những đóng góp hiệu quả vào việc kiến tạo sự chuyển hướng đường lối chiến lược của Đảng, đưa đất nước vào một thời kỳ mới, thời kỳ “đổi mới để tiến lên”. Suốt đời mình, đồng chí lặng lẽ, kiên trì rèn luyện mình trở thành một người học trò nhỏ của Bác Hồ. Biết rằng đồng chí rất mực khiêm tốn, chúng ta vẫn

1. Báo *Nhân dân*, ngày 30-4-1998.

có thể nói không chút dè dặt rằng: đồng chí đã thực sự trở thành một học trò ưu tú của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã xứng đáng với danh hiệu người cộng sản theo tinh thần - tư tưởng - đạo đức Hồ Chí Minh:

“Giàu sang không thể quyến rũ,
Gian khó không thể chuyển lay,
Uy vũ không thể khuất phục”.

Tấm gương của đồng chí Nguyễn Văn Linh sẽ sáng mãi trong tâm trí của các thế hệ người Việt Nam, hôm nay và mai sau.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

I- Văn kiện Đảng và Nhà nước

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, các tập: 20, 24, 34, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, 2003, 2004.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng* (1976).
3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1987.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991.

7. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Các nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 15 khóa II; lần thứ 9 khóa III; lần thứ 21 khóa III; lần thứ 5 khóa VI.*
8. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, các tập: 3, 5, 7, 10, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000.
9. *Văn kiện Đại hội lần thứ VI Công đoàn Việt Nam*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 1978.

II- Tác phẩm của đồng chí Nguyễn Văn Linh

1. Nguyễn Văn Linh: *Thành phố Hồ Chí Minh 10 năm*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985.
2. Nguyễn Văn Linh: *Đổi mới để tiến lên*, các tập: 1, 2, 3, 4, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1988, 1989, 1990, 1991.
3. Nguyễn Văn Linh: *Trả lời các nhà báo nước ngoài*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991.

III- Hồi ký và sách nghiên cứu

1. *Bác Hồ với miền Nam, miền Nam với Bác Hồ*, t.1, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1986.
2. Ban Chấp hành Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam thành phố Hồ Chí Minh: *Lịch sử Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam thành phố Hồ Chí Minh*, t.1 (1930 - 1954), Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1995.
3. Ban Chấp hành Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam thành phố Hồ Chí Minh: *Lịch sử Đảng bộ*

Đảng Cộng sản Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh, t.2 (1954 - 1975), Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 2000.

4. Ban Chấp hành Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam Hải Phòng: *Lịch sử Đảng bộ Hải Phòng*, t.I (1925-1945), Nxb. Hải Phòng, 1991.
5. *Chung một bóng cờ*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993.
6. Vũ Kỳ: *Bác Hồ viết Di chúc*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1989.
7. *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên*, t.1 (1929 - 1954), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.
8. *Lịch sử biên niên Xứ uỷ Nam Bộ và Trung ương Cục miền Nam (1954 - 1975)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.
9. *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ cứu nước 1954-1975*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1997.
10. *Lịch sử Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định kháng chiến (1945-1975)*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1994.
11. *Ngoại giao Việt Nam 1945 - 2000*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001.
12. *Nguyễn Văn Linh - hành trình cùng lịch sử*, Nxb. Trẻ, thành phố Hồ Chí Minh, 1989.
13. *Nguyễn Văn Linh và cách mạng Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001.

14. *Nguyễn Văn Linh, nhà lãnh đạo kiên định và sáng tạo*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003.
15. *Nhân dân ta rất anh hùng*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1976.
16. *Những sự kiện lịch sử Đảng*, t.3, Nxb. Thông tin lý luận, Hà Nội, 1985.
17. Hoàng Văn Thái: *Những năm tháng quyết định*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1985.
18. Mai Chí Thọ: *Theo bước chân lịch sử*, t.2, Nxb. Trẻ, thành phố Hồ Chí Minh, 2001.
19. Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh: *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, t.II (1954-1975), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995.

IV- Báo, tạp chí

1. Báo *Nhân dân*.
2. Báo *Quân đội nhân dân*.
3. Tạp chí *Lịch sử Đảng*.
4. Tạp chí *Thanh niên*.
5. Tuần báo *Văn nghệ*.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
- Lời Nhà xuất bản	5
- Lời nói đầu	7
 <i>Chương I</i>	
TUỔI TRẺ NGUYỄN VĂN CÚC (1915 - 1930)	11
1. Quê hương, gia đình và thời thơ ấu	11
2. Những hoạt động cách mạng đầu tiên	25
 <i>Chương II</i>	
RÈN LUYỆN VÀ TRƯỞNG THÀNH	
TRONG ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG (1931 - 1945)	39
1. Tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin trong trường học nhà tù	39
2. Trở về Hải Phòng, tham gia khôi phục cơ quan Thành uỷ	50
3. Bị bắt và bị đày ra Côn Đảo lần thứ hai	68
 <i>Chương III</i>	
BÍ THƯ THÀNH ỦY SÀI GÒN - CHỢ LỚN	
TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP (1945 - 1954)	75
1. Xây dựng và củng cố phong trào cách mạng ở nội thành	76
2. Góp phần đưa cuộc kháng chiến chống Pháp ở Nam Bộ đến thắng lợi	93
	385

Chương IV

CÙNG XỨ UỠ ĐƯA CÁCH MẠNG MIỀN NAM VƯỢT QUA NHỮNG NĂM THÁNG KHÓ KHĂN

(1954 - 1960) ĐI TỚI ĐỒNG KHỞI	107
1. Bám trụ kiên cường, đưa phong trào vượt qua những năm tháng khó khăn, ác liệt (1954 - 1959)	107
2. Chuyển hướng chỉ đạo đấu tranh, phát động “đồng khởi”, mở ra bước ngoặt cho cách mạng miền Nam (1959 - 1960)	130

Chương V

TRONG BỘ CHỈ HUY CÁCH MẠNG MIỀN NAM, GÓP PHẦN ĐƯA CUỘC KHÁNG CHIẾN

ĐẾN THẮNG LỢI HOÀN TOÀN (1961 - 1975)	162
1. Góp phần đánh bại chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ	162
2. Làm phá sản chiến lược "chiến tranh cục bộ" của kẻ thù	175
3. Chỉ đạo tiến công và nổi dậy ở Sài Gòn - Gia Định Mậu Thân 1968	185
4. Củng cố lực lượng, tạo thời cơ, tiến tới giải phóng hoàn toàn miền Nam	198

Chương VI

MỘT NHÀ LÃNH ĐẠO KIÊN ĐỊNH, SÁNG TẠO TRONG TÌM TÒI ĐỔI MỚI (1975 - 1986)

	226
1. Kiên định vượt qua mọi thử thách, khó khăn, toả sáng phẩm chất của một người cộng sản lỗi lạc	227
2. Tìm tòi đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, tháo gỡ khó khăn, giải phóng cho sản xuất phát triển	249

Chương VII

TỔNG BÍ THƯ ĐẦU TIÊN CỦA THỜI KỲ ĐỔI MỚI

(1986 - 1991)

	264
1. Tổ chức, lãnh đạo thực hiện Nghị quyết Đại hội VI	266
2. Điều chỉnh chính sách đối ngoại, phá thế bị bao vây, cô lập, tạo điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc đổi mới	276
3. Tăng cường xây dựng Đảng và “những việc cần làm ngay”	285
4. Chuẩn bị công việc của Đại hội VII	306

Chương VIII

CỐ VẤN BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM (1991 - 1997)

	315
1. Đảng “vấn” thì tôi phải “cố”	316
2. Những chuyến đi tình nghĩa	330

Chương IX

NGƯỜI HỌC TRÒ XUẤT SẮC CỦA CHỦ TỊCH

HỒ CHÍ MINH - TẤM GƯƠNG SÁNG MÃI

	338
1. Đồng chí Nguyễn Văn Linh với Chủ tịch Hồ Chí Minh	338
2. Nguyễn Văn Linh, tấm gương sáng mãi	353

<i>Tài liệu tham khảo</i>	381
---------------------------	-----

Chịu trách nhiệm xuất bản

TS. LÊ MINH NGHĨA

Chịu trách nhiệm nội dung

TS. LÊ VĂN YÊN

Biên tập nội dung: VÕ VĂN BÉ

PHẠM THỊ THỊNH

Biên tập kỹ, mỹ thuật, vẽ bìa:

PHÙNG MINH TRANG

Chế bản vi tính: PHẠM THU HÀ

Sửa bản in, đọc sách mẫu:

BAN SÁCH VỀ ĐẢNG

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

24 Quang Trung - Hà Nội

ĐT: 9422008 FAX: 84-4-9421881

E-mail: nxbctqg@hn.vnn.vn

Website: www.nxbctqg.org.vn

TÌM ĐỌC

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Viện Hồ Chí Minh

* **HỒ CHÍ MINH - BIÊN NIÊN TIỂU SỬ** (Gồm 10 tập)

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

* **HỒ CHÍ MINH - TIỂU SỬ**

Chương trình viết tiểu sử các đồng chí lãnh đạo
của Đảng và Nhà nước

* **TRẦN PHÚ - TIỂU SỬ**

* **LÊ HỒNG PHONG - TIỂU SỬ**

* **HÀ HUY TẬP - TIỂU SỬ**

* **NGUYỄN VĂN CỪ - TIỂU SỬ**

* **TRƯỜNG CHINH - TIỂU SỬ**

* **LÊ DUẨN - TIỂU SỬ**

* **NGUYỄN VĂN LINH - TIỂU SỬ**

* **TÔN ĐỨC THẮNG - TIỂU SỬ**

* **PHẠM VĂN ĐỒNG - TIỂU SỬ**

* **PHẠM HÙNG - TIỂU SỬ**